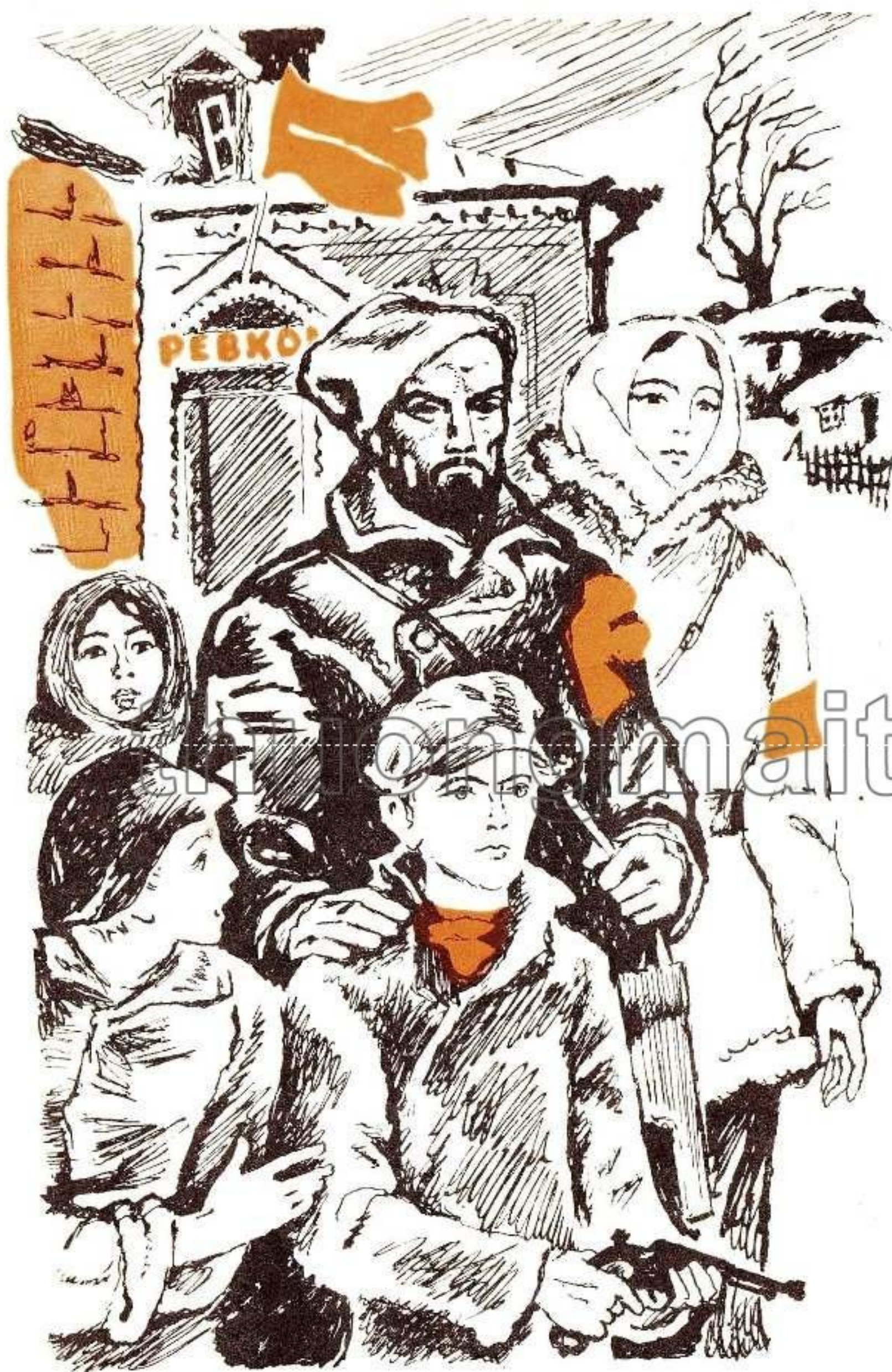




Lê-ô-nít Gia-ri-cốp

Người bạn
kiến nghị



Lê-ô-nít Gia-ri-cốp

Người bạn kiên nghị

maiitruongxua.vn

Nhà xuất bản Cầu vồng —
Ma-xơ-va



Nhà xuất bản Thanh niên —
Hà Nội

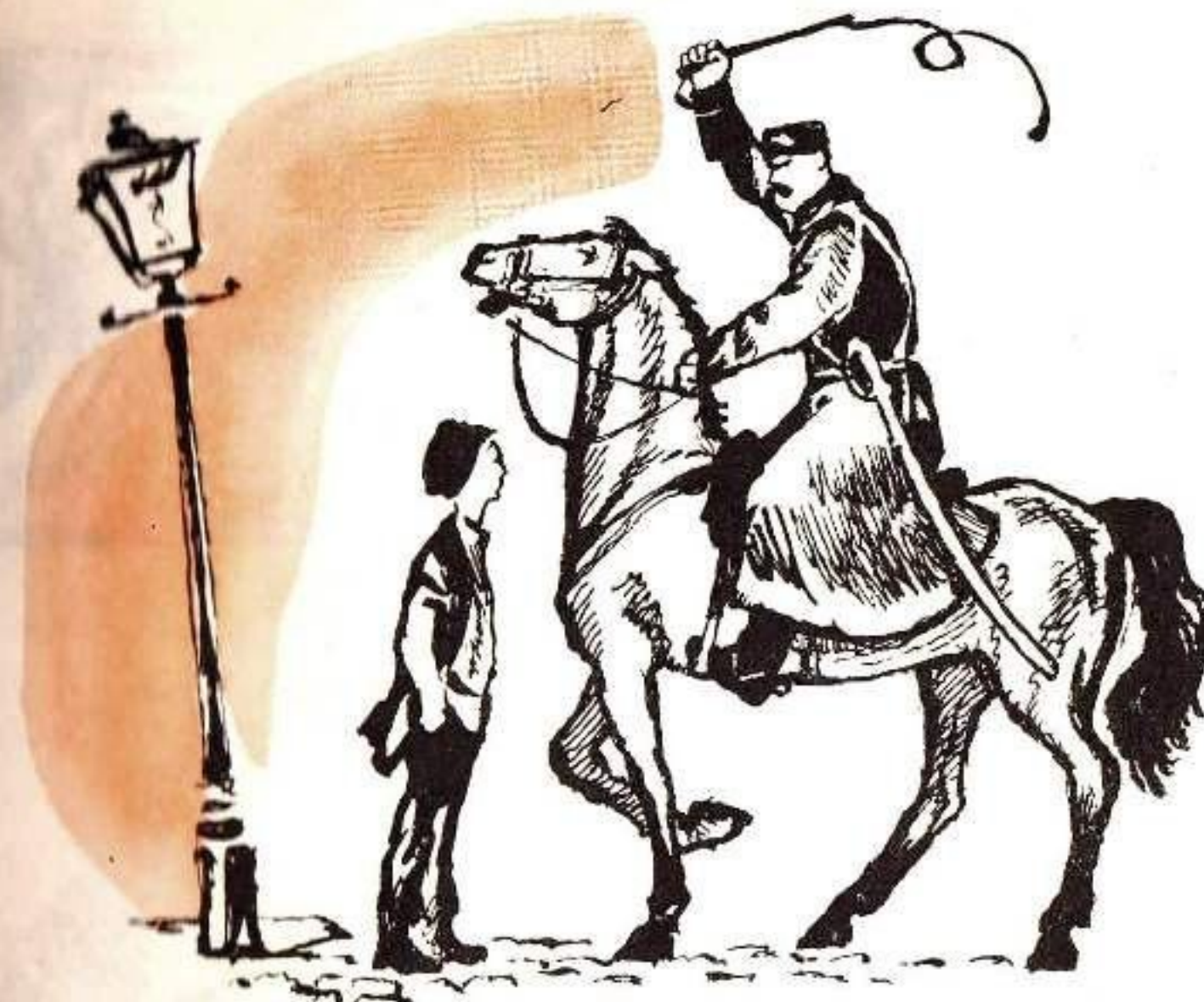


1988

Người dịch: Bích Thư và Bạch Dương
Người biên tập: Vương Trí Nhàn

Họa sĩ: Đu-ra-xốp L.

Л. Жариков
ПОВЕСТЬ О СУРОВОМ ДРУГЕ
На вьетнамском языке



thuongmaitruongxua.vn

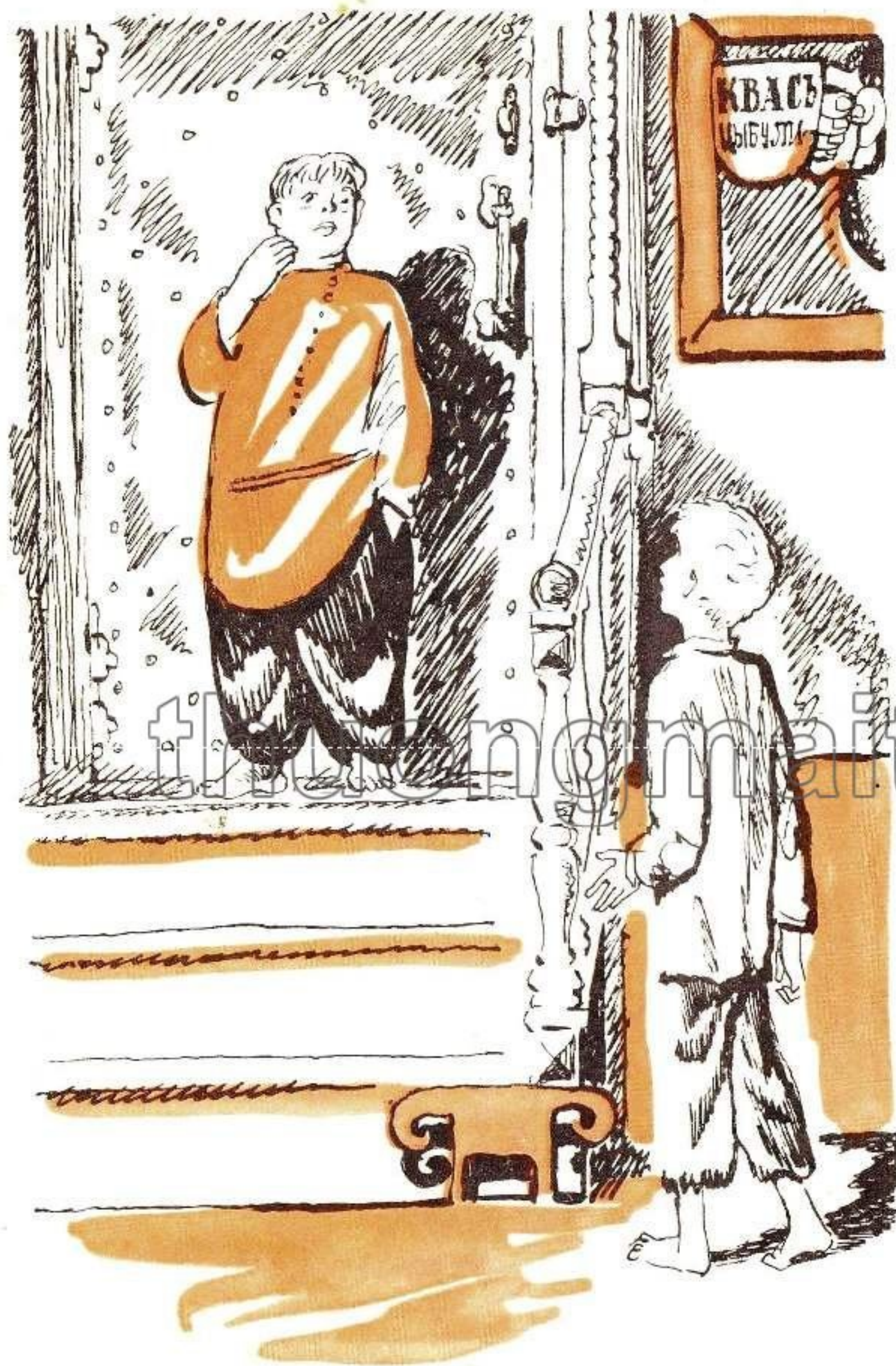
Phần một

TRONG XIỀNG XÍCH

© Bản dịch tiếng Việt, có sửa chữa, Nhà xuất bản Cầu vồng, 1988

In tại Liên Xô

ISBN 5-05-001791-2



Chương một

VUA

Hỡi trời, hãy giết vua đi.
Vua thiêng, vua mạnh,
Đáng nguyên đáng chê,
Hỡi trời, hãy giết vua đi.

1

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đến bờ sông Can-mi-út khi lão người Anh I-út-dơ xây dựng nhà máy luyện kim của mình ở đây. Lão đốc công tóc hung người Bỉ cau có nhìn thân hình cao lớn, sờ nắn các bắp thịt, xem xét hai hàm răng của chủ và sau đó lão mới đánh dấu một chữ thập bằng phấn lên lưng chú và lâu bầu: «Vào hầm mỏ!»

Chàng thanh niên tứ cổ vô thân, làm nghề chần súc vật ở một làng nhỏ hẻo lánh thuộc tỉnh Cuốc-xơ, đã trở thành thợ mỏ như thế đó.

Ở nhà máy, ngay bên cạnh hầm mỏ, các lò nấu gang được xây dựng. Nghĩa địa cũng ngay tại đây: những ngôi mộ mới trên cỏ những cây thập tự được làm một cách vội vàng.

Ở đây ngổn ngang những sắt vụn; mây chú dê chạy lằng xằng qua các ngôi mộ.

Phía sau nghĩa địa lão I-út-dơ đã cho dựng dãy lán bằng những tấm gỗ mỏng, thấp lè tè trong có kê những chiếc giường hai tầng. Dưới nền nhà bằng đất ẩm ướt, ếch nhái nhảy lung tung. Trong những lán, mà người ta thường gọi là những túp lều xiếc, đàn ông, đàn bà, trẻ con và người già nằm lẫn lộn như ở nhà ga xe lửa. Ở đây không lúc nào ngớt tiếng âm i của đủ các loại giọng: tiếng khóc của trẻ sơ sinh, tiếng ho của những người già, tiếng chửi bới lỗ mãng và tiếng thờ nhè nhẹ của chiếc đàn phong cầm.

Những người có gia đình ngăn chỗ ở của mình ra một cách đại khái: người chủ gia đình dùng một miếng gỗ mỏng vạch một đường trên nền nhà, rồi nói với láng giềng: «Phía bên ấy sẽ là nhà của anh, còn bên này là nhà tôi, để tránh những chuyện om sòm».

Nhưng bọn trẻ con lại không ưa những đường ranh giới, chúng chạy sang chơi với nhau và xéo bừa lên vạch ấy. Các bà bắt đầu cãi cọ nhau, nhiều khi đi tới chỗ ẩu đả.

Khói nhà máy, khói các bếp lò tự làm lấy, mùi rác rưởi hôi thối luôn bao trùm lên những túp lều này. Con ở xung quanh đường kính hàng trăm dặm là cánh đồng cỏ xanh tươi tràn đầy hoa lá và tiếng nhạc.

A-nhi-xim I-va-nô-vích bước chân đi, đầu cúi gằm, không nhìn một ai. Lúc xuống lò chợ, chú lặng lẽ, đi làm về chú cau có, quẳng cái cuốc than xuống bên ngưỡng cửa và, vẫn mặc nguyên quần áo, người đen đui, nặng nề, chú ngả lưng xuống tấm phản bằng gỗ ghép, ngủ thiếp đi.

Sau này, khi trên dọc bờ sông Can-mi-út dựng đứng đã xuất hiện những dãy nhà hầm* chạy ngoằn ngoèo, chú A-nhi-xim I-va-nô-vích mới lấy vợ và cũng dựng cho mình một căn nhà thấp lè tè và chật chội. Chú đục ở vách một ô cửa sổ ngang tầm mặt đất, ô cửa nhỏ hẹp đến nỗi nếu như có ai ở ngoài phờ cúi xuống nhìn vào thì căn nhà hầm sẽ tối hắc.

* Nhà có mái nhưng nền thấp hơn mặt đất. (N.D.)

Ít lâu sau gia đình chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đã thêm người — đưa con trai chú ra đời.

Cha cô đeo vào cổ đứa trẻ sơ sinh một cây thánh giá nhỏ bằng đồng có buộc một dải băng màu hồng và ban cho nó cái tên Va-xca.

— Thằng bé sau này sẽ hay cái kính đây, — những người láng giềng nói đùa khi thấy đứa bé cau mày lại.

— Nó sẽ linh lợi chứ, — những người khác nhận xét. — Ài chà, nó mắt môi lại kia.

— Đừng buồn phiền gì nữa, A-nhi-xim — bạn bè động viên chú. — Bây giờ sống trên đời này cậu không còn sợ gì nữa, người nuôi nấng và bảo vệ cậu sẽ lớn lên...

Cuộc chiến tranh đế quốc bắt đầu. Lão I-út-dơ cho yết lệnh giờ làm việc tăng lên tới mười ba tiếng đồng hồ một ngày đêm. Còn tiền lương thì lại giảm đi vì lợi ích của đất nước đang chịu nhiều đau khổ.

Để phản đối lệnh này, công nhân đã tuyên bố bãi công. Lão I-út-dơ gọi cảnh sát tới và chúng đã bắt đi những người cầm đầu. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích bị ghi vào danh sách đại đội những người bị bắt giam rồi bị tống ra mặt trận.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích mới ở ngoài chiến hào được ba ngày, thì đến ngày thứ tư chú bị đại bác tiện mất cả hai chân. Sau khi nằm ở viện quân y lưu động một tháng, chú trở về nhà.

Khi xe lửa đưa chú về tới quê hương, chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đã nằm lại ga hai ngày đêm liền vì không dám về gặp vợ. Chú bò lê dọc sân ga lát gỗ, tìm người quen để hỏi chuyện về gia đình mình, nhưng xung quanh chỉ thấy những chiếc nạng gỗ của những người bị thương khua lộc cộc một cách lạnh lùng, những bộ mặt xa lạ giận dữ loáng qua. Cần phải về nhà thôi.

Người đánh xe ngựa lực lưỡng, quần thắt lưng bằng vải, bế chú lên tay như bế một đứa trẻ con, rồi đặt chú vào chiếc thùng xe cũ kỹ.

Cuối cùng họ đi vào thành phố.

Đằng sau nhà ga đã hiện ra những cánh thân thuộc: những ngôi nhà quét vôi trắng của các xóm thợ, những xí nghiệp

khai thác than nằm rải rác khắp cánh đồng cỏ, những đồng than đen sì hình chóp.

Dọc hai bên hè phố là những cửa hàng nối tiếp nhau, có trang trí những biển đề: «Cửa hàng bán bánh mì khô hình vòng. P. I. Ti-tốp», «Cửa hàng bán giò và những đặc sản mang từ thuộc địa. Xư-bu-li-a và con trai». Nhà lão chủ xưởng Brôt-xki có treo một bức tranh màu sắc lòe loẹt làm vui mắt, trên đó vẽ một cái chân giá, dưới đề hàng chữ:

CHÂN GIÁ!

Nhẹ, bền, đẹp!

Giá tiền và những chỉ dẫn cách lấy số đo
chúng tôi xin gửi ngay theo yêu cầu!

Ghia-sman và Vin-dơ-le

Thủ đô Xan Pê-téc-bua, phố I-ta-li-a, số nhà 10.

CHÂN TAY GIÁ!

Trên đường phố chính những chú lính mang súng lấp lờ lê sáng loáng đi ra về can đảm. Một bài đồng ca xen lẫn tiếng huýt sáo rộn rã vang lên trong hàng quân đầy súng lờ lê tuốt trần:

Vua nước Đức viết, viết,

Viết cho Sa hoàng:

«Ta sẽ chiếm, chiếm hết nước Nga,

Đích thân ta sẽ sống ở nước Nga...»

Các chú lính đội mũ nổi đồng phục mang quân hiệu bằng sắt. Những chiếc áo khoác nhà binh cuộn tròn tựa như những vòng cổ ngựa, được quàng qua đầu từ phải sang trái. Trên đường phố rầm rập tiếng chân bước nặng nề và tiếng bài ca:

Mi nói láo, nói láo, hỡi tên vua Đức

Người chẳng thể nào tới được nơi đây...

Đội đi sau hát tiếp phần điệp khúc đầy tính chiến đấu:

Hoan hô, hoan hô, hoan hô,

Chúng ta đi đánh giặc

Cho nước Nga — mẹ của chúng ta,

Cho Nga hoàng — cha của chúng ta!..

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích buồn bã và thương hại đưa mắt nhìn theo bọn lính mới.

Người đánh xe lái quật vào một ngõ hẻm, và chiếc xe ngựa lắc lư trên những ổ gà.

Đã ra tới ngoại ô: đó là những dãy rào thấp xếp bằng những hòn đá xù xì của đồng cỏ, là những sân mọc đầy cỏ tân lờ, đó là tiếng khóc của bọn trẻ con gầy rạc, là tiếng đàn ba-la-lai-ca réo rắt.

Đằng xa đã hiện ra cây keo trắng quen thuộc. Tim chú A-nhi-xim I-va-nô-vích thất lại: chính tay chú đã trồng cây keo này trước cửa sổ căn nhà hầm.

Và kia rồi: một căn nhà lụp xụp gần như đổ nát, lún sâu xuống đất, nhưng tất cả cánh vật cho tới mảnh gỗ cuối cùng đều thân thuộc biết bao.

Khi chú A-nhi-xim I-va-nô-vích xuất hiện ở ngưỡng cửa, thím Ma-tơ-rê-na nói với chú tỏ vẻ thông cảm và thương xót:

— Chúa sẽ phù hộ cho anh, anh lính ạ, chính chúng tôi cũng chẳng có gì ăn cả...

Nhưng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích không bỏ đi. Lúc đó thím mới hoảng hốt nhìn kỹ người lính và đột nhiên thím hét lên, rồi ngã vật xuống nền nhà đất sét.

Trong tình trạng bất tỉnh nhân sự thím được người ta dùng ngay chiếc xe ngựa nọ đưa đi bệnh viện. Bọn trẻ con chúng tôi từ khắp phố chạy lại xem chú A-nhi-xim I-va-nô-vích.

Chúng tôi thận trọng rón rén lại gần ô cửa sổ nhòm vào bên trong. Không thể nào tin được rằng một người thợ mỏ không lồ mới ngày nào còn làm chúng tôi phải hoảng sợ vì vóc dáng cao lớn của mình, giờ lại trở nên bé nhỏ tựa như một con lật đật và phải dùng hai tay chống để lê đi dưới nền đất.

Chúng tôi nín thở theo dõi xem chú A-nhi-xim I-va-nô-vích sẽ làm gì. Va-xca, người con trai đang ôm của chú và là người bạn, người bảo vệ thân thiết nhất của tôi, nằm ngủ trên chiếc giường gỗ phủ một tấm chăn rách can bằng những mảnh vải nhỏ. Hai cánh tay vàng vọt, khẳng khiu của người ôm cứ khua khoắng trên tấm chăn: có lẽ cậu ta đang mê sảng.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nhìn đứa con trai, và những giọt nước mắt lăn trên râu của chú. Rồi mặt chú nhăn nhó. Chú nắm tay tự đâm vào mặt mình, rít lên the the như đàn bà, húc đầu vào gối.

Chúng tôi ù té chạy khỏi ô cửa sổ.

Sáng hôm sau người ta cũng phải đưa chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đi bệnh viện. Họ nói rằng đáng lẽ uống nước thì chú lại uống phải nửa cốc xuyn phát đồng và bị nhiễm độc.

Sáu ngày liền căn nhà hầm của chú A-nhi-xim I-va-nô-vích bị bỏ hoang và nom thật ảm đạm. Các bà mẹ của chúng tôi đã đến thăm cậu Va-xca đang ốm, còn bọn trẻ con chúng tôi không hiểu sao người ta lại không cho phép vào. Nhưng khi ngoài phố trời đã xẩm tối, tôi lại mò đến lên vào căn nhà hầm, sờ soạng tìm ra cái giường, rồi ghé ngồi lên thành.

Một sự im lặng ghê rợn ảm náu trong các xó xỉnh. Chỉ thấy đèn đèn kêu ở đâu đó đằng sau bức tường và tiếng chiếc đồng hồ quả lắc tích tắc trên tường.

Tôi ngồi trong bóng tối khá lâu, lắng tai nghe những tiếng xào xạc của đêm tối, tiếng thở nhẹ nhẹ của người bạn rồi bỏ đi với cảm giác nặng nề thương xót và cô đơn.

Va-xca lớn hơn tôi, nhưng chúng tôi đã kết bạn với nhau như những người anh em. Tôi yêu mến cậu ta vì cậu ấy can đảm. Cậu ta không sợ gì cả: không sợ sấm, không sợ chó, không sợ cảnh sát. Tại nhà máy gạch cũ, nơi chúng tôi vẫn thường tới chơi, Va-xca đã lần theo những móc sắt gỉ mà trèo lên trên đỉnh cột ống khói cao và từ trên đó vui vẻ vẫy vẫy chiếc mũ lưỡi trai xuống chỗ chúng tôi. Tim tôi thót lại vì sợ hãi khi thấy cậu ta dang tay lấy thăng bằng và bắt đầu đi men trên mép ống khói. Tất cả bọn trẻ con đều thêm muốn sự can đảm của cậu ta.

Chúng tôi còn yêu mến Va-xca vì cậu ta biết rất nhiều truyện cổ tích về vua chúa và con Rắn thần Gô-rư-nút, về những mục phù thủy và các tráng sĩ, về tâm thần biết bay và chiếc gương thần... Và không hiểu cậu ta biết được những truyện cổ tích tuyệt hay đó ở đâu, vì chính cậu ta không biết đọc. Mặc dù vậy bạn có thể lặng yên không nhúc nhích suốt đêm cho tới sáng để nghe những truyện cổ tích rùng rợn và vui nhộn của cậu ta...

Giờ đây tôi đau khổ vì không biết làm gì để có thể giúp đỡ được người bạn đang ốm.

Một hôm tôi mang trong lồng áo trước ngực cho cậu ấy mấy con chim sẻ sống mà tôi đã bắt được dưới mái nhà mình. Những chú chim đập cánh phành phạch dưới lồng áo sơ-mi, cù vào người tôi, còn tôi lăn ra cười. Nhưng cậu ta lại nhìn tôi bằng đôi mắt buồn rầu, rồi khẽ nói:

— Thả ra, cậu hành hạ chúng để làm gì?

Tôi hé mở cửa sổ, và thả đi, từng con một. Những con chim sẻ bù xù được tháo cũi xỏ lồng, cuống lên vì vui sướng và vội bay đi; Va-xca nhìn theo chúng mỉm cười.

Một lần khác tôi đã làm mướn cho lão Mu-rát, chủ hiệu tạp hóa, được một cái kẹo dài tét nơ (tôi đã xua ruồi cho lão Mu-rát khi lão ngủ trưa, dưới bóng cây keo cạnh lá sum suê). Va-xca rất thích món quà của tôi. Chúng tôi bẻ cái kẹo ra làm đôi, sau đó tôi lại còn bẻ thêm ở phần mình cho cậu ấy một miếng nữa...

Đến ngày thứ bảy thì thím Ma-tơ-rê-na ra viện. Thím đi lại rất chậm, phải vịn tay vào tường lần đi.

Tôi đi quanh căn nhà của Va-xca rất lâu, sợ không dám nhìn vào trong đó. Mãi tới lúc gần tối, khi mặt trời đã lặn xuống phía sau đồng than hình chóp của hầm nhà máy và dãy phố quanh co của chúng tôi đã vắng bóng người, tôi mới lên tới gần ô cửa sổ con để ngó.

Thím Ma-tơ-rê-na đứng lặng lẽ bên giường người con, sau đó thím vén một mớ tóc trắng nhạt xòa xuống trán cậu ta lên, rồi bước tới cửa sổ, đứng nhìn cảnh hoàng hôn rực cháy rất lâu. Tôi sững sốt trước đôi mắt vọng về phương xa, nhưng dường như không trông thấy gì của thím.

— Hỡi ánh Hoàng Hôn Ma-rê-mi-a-na, hỡi ánh Bình Minh Ma-rê-i-a, — đột nhiên thím Ma-tơ-rê-na thầm thì, và tôi cảm thấy sợ cái tiếng rì rầm khàn khàn âm âm ấy của thím. — Hỡi ánh Bình Minh, hỡi buổi Rạng Đông, hỡi nàng thiếu phụ xinh đẹp. Ta hẹn với nhau, ta giao ước với nhau: tôi có đưa con trai Va-xca, nàng có đưa con gái Ma-rê-i-a. Nàng hãy lấy bệnh tật — cái con rắn độc ác ấy — từ đứa con trai Va-xca của tôi sang cho đứa con gái Ma-rê-i-a của nàng. Nàng hãy

mang lại cho con trai tôi giấc ngủ bình an, sự yên tĩnh lúc trưa, lúc nửa đêm, trong mọi giờ, trong mọi phút. Mong sao cho những lời cầu nguyện của tôi chắc như đóng đinh, dính như keo hồ. A-men.

Thím nhắc lại lời cầu nguyện cuối cùng ba lần, rồi không biết để làm gì, thím nhỏ sang bên cạnh ba lần, thổi vào người Va-xca và làm dấu thánh cho cậu ta. Rồi thím quay trở về góc nhà, bắt đầu cầu Chúa. Từ trên chiếc ảnh tượng Thánh tối đen, đầy ruồi bâu, đức Nhi-cô-lai có phép thần thông trầm ngâm nhìn xuống thím.

Ngày hôm sau cha tôi dẫn tới chỗ Va-xca một ông bác sĩ. Bác sĩ đặt cái ống nghe cứng đờ lên ngực Va-xca và lắng nghe. Cuối cùng ông nói:

— Cậu bé, cậu cần ăn thịt, nếu không khó lòng qua khỏi.

Thím Ma-tơ-rê-na lặng lẽ khóc.

Vô cùng buồn phiền, tôi bước ra khỏi nhà.

Thịt! Biết đào đâu ra? Thăng I-li-u-kha tóc hung đỏ bạn láng giềng của tôi, kháo với tôi rằng mai là ngày hội lớn: ngày sinh của vua, bởi vậy ở các cửa hàng người ta sẽ phát chẩn bánh báng, và ai cần, người ta sẽ cho cả thịt.

Đêm ấy chốc chốc tôi lại vùng dậy—chỉ lo sẽ ngủ quên, và vừa sáng sớm đã chạy như bay vào thành phố. Các cửa hàng đều đóng kín mít. Thăng I-li-u-kha đã lừa tôi như mọi lần.

Chỉ còn một cách: tới xin xỏ thằng Xen-ca, con nhà hàng giò chả. Bô thằng Xen-ca, lão nhà giàu Xư-bu-li-a, có rất nhiều cửa hàng ở thành phố. Lão ta bán đường, giò, dầu hỏa, kẹo, đồ thêu ren và thậm chí cả nước cơ-vát. Trên suốt cả bức tường của nhà bô con lão có treo một bức tranh mà tôi vẫn thường thích ngắm. Trên đó có vẽ tráng sĩ I-li-a Mu-rô-met mắt lác, mặc áo giáp, đội mũ sắt có chóp nhọn và có bộ râu quai nón xòe ra giống như một cái xéng. Tay tráng sĩ cầm một chiếc cốc bằng gỗ có chữ đề: «Nước cơ-vát của Xư-bu-li-a». Dưới bức tranh có một đoạn thơ vui:

Nước cơ-vát của Xư-bu-li-a rất ngon
Đã làm cho tôi trở thành lực lưỡng
Sức khỏe gồm ghê, sức khỏe tráng cường
Của tôi đây cũng nhờ nước thánh.

Chúng tôi vẫn sợ lại gần nhà lão Xư-bu-li-a: nhà ấy có một tay gác cổng vừa cầm, vừa điếc và những con chó hung dữ chạy lung tung trong sân.

Sau khi gọi to dưới các cửa sổ: «Xen-ca ời, Xen-ca!»—và chỉ thấy những con chó trong sân nhà đáp lại, tôi bước tới gần cửa hiệu. Tôi vừa rụt rè mở cửa thì lập tức quả chuông treo dưới trần nhà kêu lên inh ỏi. Tôi giật mình và nhìn quanh. Trong cửa hiệu không có ai. Trên quầy bán hàng là chiếc đèn dầu hỏa có chụp màu xanh và chiếc bàn tính. Dọc tường có treo những khúc giò to thơm phức, bóng nhẫy mỡ, buộc túm bằng những sợi dây bền. Hương vị của chúng mới ngon lành làm sao! Tường chừng như có thể đứng ở đây suốt ngày mà ngủi.

Đột nhiên bô thằng Xen-ca, lão Xư-bu-li-a, nom giống như một khúc giò to xuất hiện sau quầy hàng. Mắt lão lồi ra như mắt bò đực.

—Mày hỏi ai?

—Xen-ca.

Tao sẽ gọi Xen-ca cho mày! Xéo ngay, đồ lưu manh chỉ chực ăn cắp thôi!—lão chủ hiệu nói và vờ ngay luôn một con dao nhỏ, dài trên quầy. Tôi hích bật cánh cửa hiệu và lao ra ngoài phố.

Thằng Xen-ca móc trong túi ra một nắm kẹo đường phèn môi dày và đôi mắt ngái ngủ lồi ra, giống như của bô nó. Nó bận chiếc áo lụa màu đỏ rực, quần chiếc thắt lưng bằng bạc. Dưới hai ống quần nhung đen lộ ra đôi chân đất cẩu ghét.

—Xen-ca ời, cho tao vay một khúc giò,—tôi rụt rè hỏi.

Thằng Xen-ca móc trong túi ra một nắm kẹo đường phèn ném vào mồm. Mãi mà nó vẫn không sao nói được một lời vì nó mái nhai kẹo kêu răng rắc. Đoạn nó nhổ kẹo ra và nói:

—Tao có thể bán giò cho mày, nhưng tao không lấy tiền đâu.

—Thế mày lấy cái gì?

—Tao muốn cưỡi trên lưng mày.

Máu dồn lên mặt tôi.

—Tao sẽ đem cho mày một hòn than cốc!—tôi nói.

Thằng con nhà hàng giò nhìn tôi bằng đôi mắt chán ngán.

—Tao không thích than cốc.

—Tao cho mày cây súng cao-su của tao vậy!

—Tao không thích súng cao-su. Tao thích cưỡi mày cơ.

Từ đây đến cột điện, ba lần.

Trong giây phút đó tôi mới cảm ghét thằng Xen-ca làm sao, cảm ghét cái đầu to tướng, dài ngoẵng, ỉai bên bẹt gí của nó, cảm ghét chiếc áo cánh đỏ, cửa hiệu và những khúc giò thối hoắc của nó làm sao! Nhưng tôi buộc lòng phải đồng ý: vì tôi đến đây để xin thịt và thịt sẽ cứu sống Va-xca.

Thằng con nhà hàng giò vừa thờ phỉ phò, vừa chậm chạp leo lên lưng tôi và cõng ngồi sao cho tiện. Nó càu nhàu vì tôi quá gây làm nó thấy đau đít khi cưỡi trên người tôi.

—Cưỡi mày chỉ tổ thâm đít thôi,—thằng Xen-ca lăm bầm. Nhưng rồi nó vui vẻ rít lên và thúc hai gót chân vào mạng sườn tôi.

—Nào, nào, cái con nghèo này!

Tôi đã cõng thằng Xen-ca ba lần tới cột điện, rồi lại quay về. Còn nó lấy đầu gối thúc vào phía sau tôi, ngheu ngao hát:

Khi tôi là anh đánh xe ngựa... ư ở bờ điện...

Cuối cùng tôi dừng lại. Thằng Xen-ca tụt xuống, ngừng một lát, đoạn giật lấy cái mũ lưỡi trai của tôi, giấu ra sau lưng.

—Đồ mày biết: cha cô hay là mu-gích*,—nó hỏi.

—Hắn là cha cô.

—Thế thì vớt bỏ nó xuống đất và lấy chân mà giẫm,—thằng Xen-ca nói vậy, rồi ném cái mũ lưỡi trai của tôi xuống con đường đầy cát bụi, lấy chân giẫm lên. Tôi định giăng lấy cái mũ, nhưng thằng Xen-ca đã vớ được trước.

—Cha cô hay mu-gích?

—Mu-gích.—Tôi trả lời một cách gượng gạo.

—Thế thì vớt bịch nó giữa hai chân!

Thằng Xen-ca cúi xuống, ném chiếc mũ của tôi luôn qua hai cẳng chân của nó ra thật xa.

Tôi còn đang chạy đi lấy cái mũ thì thằng con nhà hàng giò đã leo lên bậc tam cấp và thè lưỡi ra nhạo tôi:

* Nông dân Nga. (N.D.)

Ta đã lừa được thằng ngốc,

Cho nó xơi bốn cái cốc...

Tôi bỏ đi, mặt đầm đìa nước mắt. Tôi không thấy bức mình vì chuyện thằng Xen-ca đã cưỡi lên lưng tôi—rồi có ngày tôi cũng sẽ cưỡi lên lưng nó—tôi bức mình vì đã không kiếm được miếng thịt. Bây giờ thì Va-xca sẽ chết mất thôi.

Đến góc phố thì A-li-ô-sa Pu-pôc, một cậu bé nhà rất nghèo ở xóm thợ «Thượng Hải» đã đuổi kịp tôi. Bỏ A-li-ô-sa bị mù, còn mẹ thì đang ốm. Để có tiền nuôi bố mẹ, cứ sáng sáng A-li-ô-sa lại trèo lên đồng than hình chóp của hầm mỏ thuộc nhà máy, tìm kiếm những mảnh gỗ vụn, than vụn, rồi đem những thứ kiếm được bán cho lão chủ hiệu Xư-bu-li-a và cứ mỗi lần lại được lão trả cho khoảng hai phun-to* lòng lợn.

Nhưng thằng Xen-ca thường hay cướp mất mớ lòng mà A-li-ô-sa kiếm được đem đổi lấy chim bồ câu. Nó lại còn hay đánh đập cậu bé nhà nghèo, cõ đánh trúng mũi cậu ta cho máu cam phải ộc ra. A-li-ô-sa lặng lẽ chịu đựng, nếu không thì lão Xư-bu-li-a không thuê nữa.

Khi tôi kể cho A-li-ô-sa nghe chuyện vì sao tôi khóc, cậu ta nhìn tôi với đôi mắt buồn rầu, rồi lấy trong túi vải gai ra tất cả những gì có trong đó: một mẩu lòng lợn và hai củ khoai tây.

—Này, đừng ấy cầm lấy!—cậu ta khẽ nói.

—Thế còn cậu?

—Tớ sẽ có cách khác.—Và để cho tôi khỏi bị lương tâm cắn rứt, cậu ta đã mỉm cười.

Tôi phóng như bay về nhà Va-xca: tôi đem nguồn sống tới cho người ốm!

3

Những ngày mùa đông lạnh giá đã tới. Trên các mái nhà hầm, trên những chiếc ghế dài cạnh những dãy hàng rào,

* Phun-to—một đơn vị trọng lượng của Nga bằng 409,5 g. (N.D.)

trên các cây cối đều có một lớp tuyết dày và xốp bao phủ. Đêm đêm bão tuyết lại rít lên, gió tạt vào khung cửa sổ những đám bụi tuyết. Trong nhà trở nên lạnh lẽo. Để cho ấm người tôi cùng con mèo được chui vào trong hầm lò bếp ấm áp, rồi thu mình ngồi trong đó lắng nghe tiếng gió rít trong ống khói.

Trong những giây phút ấy tôi đã nghĩ tới Va-xca, đoán rằng có lẽ cậu ta cũng đang nghĩ tới tôi. Cứ thế tôi ngủ thiếp đi và không biết mẹ tôi đã bế tôi vào giường mẹ tôi từ lúc nào.

Đền gần sáng bão tuyết lặng dần. Nhờ tuyết trắng ngoài đường mà trong nhà trở nên sáng sủa.

Mẹ tôi bắt đầu nhóm lò. Mẹ tôi đem tro trong lò ra ngoài đường đổ lên tuyết trắng. Quạ từ khắp nơi bay tới chỗ đổ rác.

Bác sĩ thường xuyên tới thăm Va-xca trong suốt mùa đông. Người ốm bình phục rất chậm.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích vẫn còn nằm viện. Thế là Va-xca vẫn chưa được nhìn thấy bố kể từ ngày ông ở ngoài mặt trận về.

Mùa xuân lặng lẽ trôi qua. Mùa hè đã tới. Lá trên cây cối bị muội than bao phủ. Chỉ có đồng cỏ là vẫn xanh rờn như trước. Từ các ruộng dưa bốc lên mùi thơm ngọt ngào của những quả dưa bỏ đã chín.

Có lần vào buổi sáng tôi cùng Va-xca ngồi dưới một gốc cây keo xem cuốn tạp chí «Điện địa» đã nhàu nát, trong đó có tranh vẽ người Cô-dắc sông Đông dùng kiếm nhát tên là Cu-dơ-ma Criu-scôp là người đã từng chém chết bảy chục tên lính Đức và cả tên lính Thổ Nhĩ Kỳ nữa.

Va-xca thận trọng giờ từng trang một. Trong tạp chí có vẽ nhiều tranh vui: những thiên thần cánh trắng bay lên trời, những người Cô-dắc đứng trên lưng ngựa bơi qua sông. Và đây là hình chiếc áo giáp mà gươm kiếm và đạn dược không thể xuyên thủng được...

Đột nhiên Va-xca kêu thốt lên và gấp tờ tạp chí lại.

— Cậu sao thế?

— Vua! — Va-xca thăm thẳm, mắt sáng lên vui sướng. Tôi nhìn vào tạp chí và thấy một bức tranh rộng khắp cả trang giấy.

Vua đeo đầy ngực những huân chương hình ngôi sao,

hình chữ thập và những huy chương, quần quanh mình một đai băng màu xanh da trời và những sợi dây màu vàng chóc, đang triu mến nhìn tôi. Tay phải vua quàng một cậu bé mặc y phục kiểu dân tộc Xê-xen, và đeo một con dao găm. Đứng sau vua là ba cô tiểu thư mặc váy dài trắng. Bên dưới bức tranh có ghi những chữ gì đó. Tôi vát và đánh vần từng chữ một:

«Ngày 5 tháng Mười Một Đức Hoàng đế và Quân chủ chuyên chế toàn Nga Nhi-cô-lai đệ nhị cùng các con chí thánh của Người là Điện hạ hoàng tử đại công tước A-lếch-xây Nhi-cô-lai-ê-vích và các nữ đại công tước Ôn-ga Nhi-cô-lai-ép-na, Ta-chi-a-na Nhi-cô-lai-ép-na và Ma-ri-a Nhi-cô-lai-ép-na đã hạ cờ đi theo con đường sắt Vác-sa-va từ Xcơ-voóc-nê-vít về Hoàng thôn».

— Va-xca, đưa xem nào! — Tôi van vãn.

Va-xca thận trọng xé lấy tấm ảnh.

— Xem nhưng đừng có làm bẩn đây...

Những ngón tay của tôi run lên. Vua! Tôi đã được nghe biết bao nhiêu truyện cổ tích về vua, tôi đã từng nghĩ ngợi biết bao nhiêu về vua! Đối với tôi ông ta là một con người khó hiểu. Vua sống như thế nào và ở đâu? Chắc hẳn ông ta phải mặc quần bằng vàng và đi ủng bằng bạc. Có lẽ ngày nào vua cũng ăn canh củ cải đỏ nấu với thịt và nhâm nháp kẹo. Cái gì chứ kẹo thì vua có cả một hòm đầy! Trong đó có cả kẹo bạc hà, kẹo «cỏ con tôm», kẹo «landrin». Va-xca còn kể là sảnh nhà của vua có một cái ao đầy sữa bò, bờ ao bằng thạch nâu bằng bột trái quả. Khi nào vua muốn uống sữa thì chỉ cần ngụp xuống ao và uống thả cửa. Khi nào vua muốn ăn thạch bằng bột trái quả thì chỉ cần bơi lại gần bờ ao và cắn một miếng. Vua sống thật sung sướng!

Tôi luyện tiếc trả lại bức tranh cho Va-xca. Và để kéo dài những phút vui sướng, tôi hỏi về cậu bé con trong tranh.

— Còn đây, là Hoàng tử và là đại công tước, — Va-xca nói.

— Đại cái đêch gì, — tôi phản đối, — chỉ là một thằng bé con thôi!

Va-xca bức tức lau bức tranh bằng cánh tay áo, gấp tờ lại, rồi giấu kỹ nó sau lần áo ở trước ngực.

— Đó chỉ là cậu tướng ông ấy nhỏ thôi. Cậu biết ông ta

cao đến đâu không? — Va-xca đưa mắt tìm xem cái gì có thể so sánh được với công tước, và dừng lại ở cây keo. — Đây, bằng cái cây kia kia! Còn chính vua thì cao hơn nhiều. Và khỏe còn hơn cả I-li-a Mu-rô-mêrơ! Ông ấy mà gạt tay trái thì hai mươi người bị quật ngã.

— Thế bằng tay phải?

— Tay phải ư — một trăm.

— Không phải một trăm đâu, mà một nghìn kia, — tôi nói. — Vua có thể dùng tay nâng bổng cả trái đất lên và ném ra tới tận cái nhà kho kia kia.

— Đúng đây. — Va-xca tán thành và nói thêm, vẻ khoe khoang. — Bô tớ đã chiến đấu vì Đức Vua và còn vì đạo và vì cả... Tổ quốc nữa đây...

Tôi nhớ tới chú A-nhi-xim I-va-nô-vích và đôi chân cụt của chú ấy.

— Va-xca ơi, thế chiến tranh để làm gì hả? — Tôi hỏi.

— Lại còn để làm gì? — Va-xca nói cáu. — Vua của chúng nó tát vào mặt vua của chúng ta, còn chúng ta chỉ đứng nhìn thôi à?

— Tát vì lẽ gì?

Va-xca trầm ngâm một lát.

— Chẳng vì lẽ gì. Thế mới ưc. Hẳn gọi vua của chúng ta đến. «Xin mời ngài cứ lại, — hẳn nói. — Ngài sẽ là khách của tôi». Vua của chúng ta đã tin và đến, ông ấy bước vào nhà của vua nước Đức và nói: «Xin chào». Còn hẳn ta bước ra đón: «Xin kính chào ngài đã tới!» — rồi tát luôn một cái vào mặt vua của chúng ta. Lẽ tất nhiên, vua của chúng ta liền thủ thế và thoi một quả vào hàm hẳn, còn hẳn thì thui trả lại. Thế là bắt đầu. Các vị tướng đánh nhau, rồi các sĩ quan, và khi mọi chuyện kéo đến lính tráng, thì người ta lôi bô tớ đi. Và cho tới nay chiến tranh vẫn cứ tiếp diễn.

Va-xca im lặng, sau đó tiếp tục:

— Vua của tụi Đức tên là Vin-hem, râu vênh lên như râu con gián ấy. Còn vua của chúng ta mặc áo giáp khi đánh nhau. Thanh gươm của vua bằng vàng và gọi là cái kiếm.

— Va-xca, ngoài mặt trận có sợ không?

— Còn phải nói. Đạn réo, lựu đạn nổ... Thật khủng khiếp!

— Thế bô cậu đã bị mảnh đại bác tiện cụt chân à?

— Không, bị súng đại bác đè, — Va-xca miễn cưỡng trả lời rồi sôi nổi nói thêm. — Bô mình đã cứu được Đức Vua đây. Khi đại bác của Đức đuổi theo vua của chúng ta, bô mình đã bám lấy nó và chặn đứng lại được, nhưng chính bô mình lại bị ngã xuống dưới bánh xe...

Tôi suy nghĩ không hiểu khẩu đại bác Đức đuổi theo vua để làm gì, nhưng tôi đã hình dung ra rất rõ cảnh chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đã bám lấy bánh xe của cỗ súng và đã chặn đứng nó lại như thế nào. Bởi vì trước kia ở phố chúng tôi không có ai khỏe hơn chú được. Bây giờ thỉnh thoảng chú lại tập hợp bọn trẻ con trong xóm thợ mỏ lại, chú đặt một đũa ngỗng lên eo mình, hai đũa đánh đu lên hai cánh tay dang ra của chú, còn độ ba đũa nữa thì tìm cách bám chặt vào chú, thế rồi chú bắt đầu quay tít cả bọn...

Va-xca im lặng, khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên. Một cái gì đó vui dâng lên trong lòng cậu ta.

— Tớ lớn lên cũng làm vua, và sẽ tự làm cho mình một chiếc áo giáp và sẽ đi chiến đấu vì đạo, và vì Tổ quốc... Cậu cho rằng tớ không khỏe à? Đây, hãy nhìn xem...

Cậu ta nhặt một đoạn đường ray ở ven đường và định nhấc bổng nó lên.

Vừa lúc đó một chiếc xe ngựa đi vào sân nhà. Người đánh xe nhấc ra và đặt xuống đất một vật gì đó nặng nặng: tôi chăm chú nhìn và trông thấy một người cụt cả hai chân.

— Cảm ơn người anh em, — người tàn tật nói, rồi chống hai tay xuống đất, bắt đầu lê về phía chúng tôi. Tôi sợ hãi, rợn cả người khi nhận ra chú A-nhi-xim I-va-nô-vích.

Va-xca trừng trừng đôi mắt hoảng sợ nhìn cha rồi đột nhiên ù té chạy trốn.

— Va-xca, con trai của bô ơi! — Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích gọi.

Nhưng Va-xca đã nhảy phốc qua hàng rào nhà bên cạnh và lẩn mất.

...Tôi tìm thấy Va-xca ngoài cánh đồng cỏ. Cậu ta nằm trong một đám cỏ cao giữa đám hoa và nhìn lên bầu trời vô tận.

Tôi ngồi xuống cạnh cậu ta. Cỏ mềm và ấm. Thoang thoang mùi cỏ xạ hương. Một làn gió nhẹ đưa tới mùi khói đăng đăng của nhà máy hòa lẫn với mùi ngòn ngọt của loại cải dầu vàng và của những bông hoa loa kèn màu phớt hồng. Những chùm hoa vũ mao mượt như tơ lấp lánh dưới ánh nắng, những cây «có chân ngựa» cao lênh khênh đứng đưa trước gió những chiếc mũ màu tím nức hương thơm. Cách đây không xa, giữa đám đậu thơm mọc lên một cây ké to, đầy gai xung quanh ong hoa bay vo ve. Bây giờ giá lấy thanh kiếm gỗ của tôi mà chặt luôn ngang cái đầu của cây ké này.

Vì sao lại buồn như thế nhỉ?

Va-xca nằm khóc. Biết tặng cho cậu ấy cái gì để cậu ấy khỏi đau đớn như vậy? Tôi sẵn sàng cho tất cả, tất cả, nhưng tôi lại chẳng có chi hết...

Nằm trên đồng cỏ ngắm nhìn những đám mây bay trên nền trời xanh thẳm thích biết bao! Từ đây đến chỗ những đám mây bay thật là xa: kêu không vọng tới, bay cũng chẳng đến nơi. Ở trên ấy, trong những đám mây, có một vị thần đang sống. Tôi nhìn lên trời và nghĩ: thần chứa nước ở đâu để làm mưa nhỉ? Va-xca nói rằng ở trên ấy tuyết được đựng trong những nhà kho dài màu trắng. Buổi sáng thần trở dậy, lấy xẻng và bắt đầu hất tuyết xuống trần gian. Thế là tuyết bay, bay thành từng bông xôm xốp, rồi đậu xuống các mái nhà, cây cối và những chiếc mũ lông của người ta...

Sống trên đời thật thú vị! Ở đằng kia, phía sau xí nghiệp khai thác mỏ Pa-xtu-khốp-ca xanh mờ xa xa, là chỗ tận cùng của thế giới. Ở đó mặt đất kết thúc và đột nhiên có vực thẳm, còn bên dưới là mây.

Thần cưỡi mây bay trên trời và nhìn xuống mặt đất. Ngài theo dõi xem ai làm việc gì: ai phạm tội, ai cầu nguyện, ai ăn cắp. Sau đó Ngài gọi bậc tiên tri I-li-a tới và ra lệnh: «I-li-a, hãy cho sét đánh chết người kia đi, hắn ta không tin vào thần,

còn người nghèo khó đang ngồi cạnh căn nhà và đang khóc kìa thì ta hạ lệnh ban thưởng».

Giá mà Thần trọng thưởng cho chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nhỉ...

Va-xca thật đáng thương. Cậu ta vẫn cứ nín lặng...

Chúng tôi đã ngủ thiếp đi lúc nào không biết trong tiếng chim hót và tiếng châu chấu kêu. Mãi gần tối, lúc mặt trời đã xuống gần sát mặt đất, chúng tôi mới tỉnh giấc.

— Ta về nhà đi, Va-xca, — tôi gọi.

Mặt Va-xca đã sưng lên vì khóc. Tôi phải đỡ cậu ta rất lâu, và cuối cùng thì cậu ta đồng ý.

Tôi bước vào căn nhà hầm trước tiên. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đang ngủ.

Va-xca thận trọng moi ở ngực ra bức chân dung vua, bôi nước bọt vào mặt sau, rồi dán lên tường.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích tỉnh dậy, lừ lừ đưa mắt nhìn khắp căn nhà hầm, rồi dừng lại ở bức chân dung vua, cau có nhìn.

Va-xca, — chú nói khẽ, — con hãy bóc tờ giấy này ra và đem quăng vào bếp đốt đi.

Thím Ma-tơ-rê-na kinh hãi, còn tôi và Va-xca thì lúng túng nhìn nhau.

— Đốt đi, để cho bố khỏi nhìn thấy nó trong căn nhà này, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nhắc lại rồi mệt mỏi nhắm mắt.

Tôi không hiểu vì sao chú A-nhi-xim I-va-nô-vích lại bắt đốt bức chân dung vua. Suốt đời tôi đã mơ ước được làm vua và có lần suýt bị chết đuối vì đã bơi qua chỗ vực sâu ở sông Can-mi-út chỉ với mục đích để cho bọn trẻ con gọi là vua. Thế mà bỗng nhiên... lại đốt đi ư?

Va-xca lột bức chân dung xuống, nhưng thím Ma-tơ-rê-na đã giật lấy nó, thím gọi chúng tôi ra ngoài hiên và vừa giờ ngón tay đe, vừa thì thầm:

— Chúng mày không được nói rằng tao đã đem giấu đi, và chúng mày đừng có nghe lời ông ấy. Không được làm như thế. Vua cha yêu mến chúng ta, nghĩ tới mỗi người chúng ta, đau xót cho chúng ta.

Thím Ma-tơ-rê-na làm dấu thánh.

Sáng hôm sau, khi tôi tới nhà Va-xca, chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đang ngồi trên giường, ôm đứa con trai và áp má đầy râu cứng của mình vào đầu con.

—Bồ bây giờ không làm việc được nữa. Va-xca, bây giờ con phải nuôi mẹ, con ạ.

—Không lo bồ ạ, —Va-xca nghiêm nghị nói, —con sẽ nuôi cả bồ lẫn mẹ...

Bồ tôi bước vào căn nhà hầm. Đứng cạnh chú A-nhi-xim I-va-nô-vích trông ông có vẻ cao hơn trước. Ông phải cúi gập người xuống khi bước vào nhà, để khỏi bị cọc đầu vào cái xà ngang trên cửa.

—Nào, bây giờ không có chân thì tôi biết làm gì? —chú A-nhi-xim I-va-nô-vích hỏi bồ tôi. —Chỉ còn một con đường là chui vào thùng lọng thôi.

Bồ tôi an ủi chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, khuyên chú hãy nên làm nghề đóng giày, bồ tôi nói tới sự giúp đỡ của một «Ủy ban» nào đó, và hứa sẽ mua cho chú một bộ đồ nghề đóng giày.

Ngày hôm sau, quả thực, bồ tôi đã mang về nhà cả một làn đầy những dao, những khuôn đóng giày, đinh gỗ, và không cời áo khoác ngoài, bồ tôi đi ngay tới nhà chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. Tôi chạy theo bồ tôi.

—Nào, A-nhi-xim, —bồ tôi nói khi bước vào nhà, —hãy vui lên người anh em, tôi đem đến cho anh cả một công xưởng đây.

Bồ tôi đặt làn xuống trước mặt chú A-nhi-xim I-va-nô-vích và lấy trong túi áo ra một tập những đồng rúp cũ nát như mớ giẻ rách.

—Đây, hãy ăn uống và khâu giày đi, còn sự đau khổ thì mặc xác nó. Nếu mà suốt đời chỉ có đau với khổ thôi thì lúc nào mới vui được?

—Cám ơn anh, anh E-go, —chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nói. —Chỉ có đôi chân là không làm sao mà mua được...

—Không sao đâu, A-nhi-xim, —bồ tôi phẩy tay. —Anh biết đấy, tục ngữ có câu «chẳng có chân, nhưng nghĩ gấp ba lần». Anh vẫn cứ là nhân vật quan trọng của bọn chúng ta cho mà xem. Hãy đợi đây...

Bồ tôi bước ra ngoài và lát sau lại quay lại. Đi cùng với bồ tôi còn có chú Mô-xi-a, thợ đóng giày ở phố chúng tôi. Bồ tôi mỉm cười, giấu sau lưng một cái gì đó.

—A-nhi-xim, tôi mang đến cho anh cái này đây... —Bồ tôi đặt xuống một chiếc xe nhỏ, thấp, có bánh xe xinh xinh. —Tôi mang cho anh một con ngựa. Coi xem, ngựa chiến đây.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích bối rối nói:

—Ồ, anh E-go!

—Thôi thôi, ngồi vào đi!

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích lóng ngóng trèo lên cái xe, bồ tôi khê đẩy chú, thế là chú trượt đi.

—Anh khéo nghĩ quá, anh E-go ạ, —chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nói, mặt vui hẳn lên. —Như thế này thì tôi có thể đi chợ và đi tới cửa hàng được.

—Còn đây, —bồ tôi giới thiệu chú Mô-xi-a, —đây là thầy giáo mà tôi dẫn tới cho anh. Anh ấy sẽ dạy cho anh biết nghề, sẽ giải thích cách khâu dép, khâu xăng-đan hoặc khâu ủng như thế nào.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nói, giọng run run:

—Anh là một con người vàng ngọc, anh E-go ạ. Tâm lòng của anh thật nồng hậu, thật nhân đạo.

—Thôi đi, anh đừng có quá khen, kéo tôi hom hem chẳng còn.

Trong căn nhà hầm bao trùm một sự im lặng không được tự nhiên. Chiếc ấm đun nước màu xanh lam bị bẹp một bên đang rên rỉ reo trên bếp lò. Bồ tôi nhìn tôi và Va-xca, rồi vui vẻ gật đầu:

—Sao chúng mày cứ há hốc mồm ra như vậy? Này, cho chúng mày tiền mua quà, chạy đi chơi đi, —rồi bồ tôi cho chúng tôi ba đồng cô-pêch mới còn thơm mùi đồng có hình con chim đại bàng của nhà vua và những đường vạch ở xung quanh.

Chúng tôi khoác vai nhau cùng chạy ra khỏi nhà.

Ngoài sân mặt trời chiếu sáng rực rỡ. Trên nền trời xanh thẳm những con chim bồ câu óng ánh lông trắng nhào lên lộn xuông.

Ở phía bên kia đường phố, bọn trẻ con tụ tập lại thành một đám đông và đang cãi nhau xem đứa nào nhảy xa nhất. Thằng I-li-u-kha bói xem ai sẽ phải nhảy đầu tiên. Nó đập đập bàn tay vào ngực từng đứa một và đếm:

Xunxur brunxur, đàn ba-la-lai-ca,
Xunxur brunxur, nào chơi đi anh,
Xunxur brunxur, tôi chẳng muốn đi,
Xunxur brunxur, tôi muốn ngủ đây.
Xunxur brunxur, anh đi đâu đây?
Xunxur brunxur, tôi đi chợ đây.
Xunxur brunxur, anh mua được chi?
Xunxur brunxur, ăm xa-mô-va.

Thằng Ut-sa người Hy Lạp cụt chân, da mặt rám nắng nhảy xa nhất.

— Như thế không được tính, — thằng I-li-u-kha tức hung đỏ nổi nóng lên. — Ư ừ, đồ khôn lỏi! Chồng nạng thì tao cũng nhảy được như vậy!

Thằng Vít-ca con lão ký lục, thường gọi là Bác sĩ vì cái quần nhung ngắn của mình, dịch cái que đánh dấu ra xa hơn.

— Đứa nào nhảy tới đây thì đứa ấy sẽ được làm vua!

Va-xca rẽ bọn trẻ con ra, lấy đà và nhảy một cái thật xa làm cho cả bọn trẻ con phải thốt lên:

— Ái chà!

— Va-xca là vua rồi!

Nhưng Va-xca thậm chí không thêm mỉm cười. Cậu ta gật đầu ra hiệu với tôi và chúng tôi đi đến cửa hàng của lão Mu-rát để mua quà. Ở cửa hàng bốc lên mùi kẹo, mùi dầu hỏa, mùi bánh mì hình vòng, mùi dưa bở và mùi hắc ín.

Chúng tôi dùng hết số tiền của mình mua cả một túi đầy quả anh đào, ba cái kẹo và một cái bánh ngọt hình con ngựa có bôi phẩm màu sắc sỡ. Chúng tôi bước ra khỏi cửa hàng, trong lòng vô cùng sung sướng.

Ở góc phố, một hộp đàn ông đang đàn một cách ảo não. Bỏ của A-li-ô-sa Pu-pốc, mắt mù, chân đất, mặc cái quần vá chằng vá đụp, đang quay tay vận của hộp đàn và hát bằng một giọng khàn khàn:

Sở phận vẫn đùa giỡn con người
Tính nó thất thường hay đổi thay.
Khi nó tung ta lên chín tầng mây
Lúc nó lại quăng xuống vực thẳm không chút ngưng ngừng...

Chiếc hộp đàn tì trên một cái gậy cao như một anh què chồng nạng. Hai bên sườn hộp đàn được khảm xà cừ, còn phía dưới được trang trí bằng viền tua lụa với những quả cầu bông nhỏ.

Chiếc hộp đàn hòa theo ông già, khi nó véo von như tiếng chim, lúc thổi phè phò như tiếng kèn đồng, khi nó lại bắt đầu khe khẽ nức nở, dường như chính nó đang thương hại con người mà sở phận đã «quăng xuống vực thẳm không chút ngưng ngừng». Những quả cầu bông đỏ lác lác theo gió, chạm vào nhau, và lúc đó ta có cảm giác như bản nhạc rầu rĩ và làm rung động tâm hồn đã phát ra từ đó.

Bỏ của A-li-ô-sa Pu-pốc trước kia là một người thợ đột hơi dưới hầm lò. Bỏ tôi đã kể cho nghe đó là một công việc nguy hiểm như thế nào. Người thợ mỏ mặc một chiếc áo da lông cừu lộn trái, lấy giẻ quần kín mặt và được thả xuống dưới hầm lò. Cần phải đột cháy cho hết những hơi đột đã tích tụ lại ở tầng sâu dưới đất, còn chính bản thân người thợ thì phải lặn xuống rãnh nước và nằm ở đó cho tới lúc nào hơi đột cháy hết sạch. Bỏ của A-li-ô-sa đã gặp chuyện chẳng lành: hơi đột nổ đã đột cháy hai mắt ông. Khi người thợ mỏ này ra viện, các bạn của ông đã gom góp mua cho ông chiếc hộp đàn ông cũ kỹ của một người Ba Tư cùng với một con vẹt...

Chúng tôi lại gần và bắt đầu lắng nghe tiếng đàn ông. Con vẹt lông bươm xồm màu vàng, xanh lá cây đang đậu trên một thanh gỗ mỏng bắc ngang hộp đàn. Một chân nó bị xích bằng sợi xích đồng có một vòng nhỏ. Con vẹt giấu đầu vào trong cánh và ngủ mơ màng, có lẽ nó không nghe thấy tiếng người nói và cũng chẳng nghe thấy tiếng hộp đàn ông kêu.

Đứng cạnh người hát xẩm là một tên cánh sát mặc chiếc áo cổ đứng màu trắng, thanh gươm đen vỏ bị tróc sơn xê xuống sát mặt đất. Sợi dây đeo súng lục màu da cam quấn quanh cổ hắn. Tên cánh sát cầm hai miếng dưa hấu trong hai bàn tay chia ra phía trước, hắn vươn dài cổ ra cho nước dưa khỏi nhỏ giọt vào chiếc áo cổ đứng, lần lượt gặm miếng này rồi lại gặm miếng kia, nhai tộp tộp. Nước dưa chảy dài hai bên ria mép và hạt dưa đen dính cả vào râu hắn.

Cả thành phố đều biết tên cánh sát có biệt hiệu là Da-grê-bai đó. Thậm chí cả những con chó cũng ghét hắn.

—Thầy tu—thằng ngốc,—tên cánh sát trêu nghịch lấy cái vỏ dưa chọc chọc vào mõ con vẹt.

—Thằng ng-ngốc!—đột nhiên con chim quạc lên rất sõi, và xù lông cánh cụt ra dọa.

Tôi và Va-xca há mồm ra vì ngạc nhiên: con chim biết nói tiếng người!

Những người vây quanh cười phá lên, còn con vẹt dường như hiểu là chính nó đã pha trò cho mọi người cười, cứ liên tục kêu như được lên dây còt:

—Thằng ng-ngốc, thằng ng-ngốc!

—Này, cầm ngay!—Tên cánh sát dọa và lấy miếng vỏ dưa hấu đánh ngã con vẹt. Con chim bị treo chân lơ lửng, đầu dốc xuống và bắt lực đập đập đôi cánh cụt màu xanh lá cây vào chiếc hộp đàn, cổ bay lên.

Tên cánh sát gây sự luôn với người ăn xin:

—Mày dạy cho con vật này những gì thế hả?

Ông già lùi tránh tên cánh sát và bị vấp ngã làm đổ cả chiếc hộp đàn. Những đồng xu lăn vãi leng keng trên mặt đất bụi. Tên cánh sát đá một cái vào ông già.

—Xéo ngay! Mau!

Vừa lúc đó chú Khu-xê-in, bồ của Áp-đun-ca Di-gan, đi qua. Chú là thợ chuyên chở ở lò luyện kim và vẫn đẩy những xe cút-kít đầy quặng. Chú Khu-xê-in rõ ràng đang mệt mỏi lê bước và cắp dưới nách một bó củi.

—Vì lẽ gì ông dám xúc phạm đến người ta?—chú Khu-xê-in bênh vực người ăn xin.—Ông tưởng là được người ta

gân cho một cái gươm là ông mặc sức lăng mạ mọi người phải không?

—Thế còn mày, mày muốn gì, thằng Tác-ta nướng bánh đa?—Tên cánh sát găm gù, tay phúi phúi cái quần rộng ông.—Thế mà cũng đòi hiểu «con người».

—Chính mày không phải là con người,—chú Khu-xê-in nói,—mày là một thằng cai ngục, là một con lợn ỉn của Hoàng đế!

Tên cánh sát trở mặt ra nhìn.

—Sao? Sao? Mày định lăng mạ đức Hoàng đế hả?—tên cánh sát thộp lấy ngực chú Khu-xê-in.—Này, đứng lại!

—Tôi vẫn đứng đây. Việc gì tôi phải chạy? Tôi nói lên sự thật.

Tên cánh sát dứt còi vào mồm, phồng má lấy hơi thổi. Từ góc phố chạy ra một tên cánh sát khác, nó vừa chạy vừa giữ thanh kiếm. Tiếp sau nó là tên thứ hai, thứ ba. Chúng quây bắt chú Khu-xê-in. Một đứa tát vào mặt chú, đứa khác xé rách áo chú.

Chú Khu-xê-in là một người vạm vỡ, khỏe mạnh, mỗi quả đấm của chú nặng tới một pút*. Chú nổi khùng lên và quát bọn cánh sát ra xa. Nhưng lại thêm một tên cánh sát nữa chạy tới hỗ trợ và chúng lôi sênh sếch chú Khu-xê-in vào trong sân nhà ai đó.

Mọi người đổ xô lại những khe hở trên hàng rào, nhưng tên Da-grê-bai xua hết ra.

—Giải tán!

Từ trong sân vọng ra tiếng nện thình thịch, tiếng rậm rịch và tiếng bọn lính cánh sát:

—Nện vào phía dưới gan, Ghê-ra-xim, nện vào phía dưới gan!

Thật rợn cả người! Bà con ngoài phố lo lắng kêu la âm ỉ:

—Phải bênh vực thôi, chúng nó đánh chết người mất!

Tên Da-grê-bai đứng cạnh cổng rào hăm dọa:

—Chúng mày cứ nói thêm nữa... ông sẽ đầy tât đi Xi-bi-ri.

Đúng lúc đó, từ trong góc phố một chiếc xe ngựa hòm sơn

* Pút—một đơn vị trọng lượng của Nga bằng 16,38 kg. (N.D.)

đen bóng nhoáng chạy ra. Trong xe là một tiểu thư đội chiếc mũ rộng vành, còn cạnh cô ta là viên cảnh sát trưởng mặc quân phục màu trắng có những chiếc khuy vàng ánh. Người đánh xe kéo dây cương, và hai con ngựa đứng dừng lại.

Tên Da-grê-bai giơ tay chào viên cảnh sát trưởng:

—Thưa ngài, ở đây có một tên thợ đã hô lớn: «Đá đảo vua!»— và đã tông một quả vào mặt con.

—Nó nói láo!— Mọi người trong đám đông thét lên.

—Thưa ngài, có Chúa chứng giám, đúng như vậy,— tên cảnh sát làm dấu thánh.

Viên cảnh sát trưởng uể oải khoát tay ra lệnh:

—Bắt giam!

—Thưa ngài cảnh sát trưởng, người thợ không có lỗi,— mọi người kêu lên.

Nhưng chiếc xe ngựa đã chạy đi.

Bọn cảnh sát kéo chú Khu-xê-in từ trong sân ra. Tôi nhìn chú và kinh hãi lùi lại: người chú đầy máu và đôi chân mềm oặt, kéo lê trên mặt đất.

—Trời ơi, mất vua để đi đâu?— một người cao, gầy đeo kính nói.

—Vua của anh có mắt cũng như mù.— Một ông già trả lời, đoạn bực bội nhổ toẹt một cái.

—Cho đáng kiếp chúng mày, bọn phiến loạn,— tên Da-grê-bai lầu bầu.— Chúng mày chỉ biết đình công, còn làm việc thì trây nhác. Cho chúng mày ra ngoài mặt trận cả lũ, bây giờ mới thấy...

—Ở ngoài đó còn đang thiếu mày đây...

—Câm ngay!

Hai tên cảnh sát nữa phi ngựa tới nơi tụ họp. Chúng quay cuồng trên những con ngựa giữa đám đông, vung roi một cách điên dại.

—Giải tán ngay!

Mọi người cau có bắt đầu tán đi. Tôi cũng chạy giạt vào hàng rào và náu đằng sau thân cây keo già.

Một mình Va-xca đứng giữa phố, tay rút túi quần không hề nhúc nhích. Khuôn mặt Va-xca tái nhợt, biểu lộ một sự quyết tâm khó hiểu.

Thoạt đầu bọn cảnh sát mãi đồn đám đông vào sát hàng rào không trông thấy cậu ta. Nhưng một tên cảnh sát quay ngựa lại và nhìn thấy Va-xca.

—Còn mày, sao đứng ỳ ra đó? Không nghe tao nói à? Cút ngay!

—Tôi không đi,— Va-xca ngoan cường nói. Đôi môi cậu mím chặt kiên quyết.

Tên cảnh sát vung roi lên:

—Cút ngay!

—Tôi không đi, đường phố của chúng tôi ở đây.

Tên cảnh sát thứ hai ghi dây cương và thét:

—Éc-min, quất cho nó vài roi!

—Tôi không đi đâu cả!— Va-xca nghiến răng nói.

Tên cảnh sát lái con ngựa tiền thẳng tới chỗ Va-xca, nhưng con vật hất mồm, quay ngang và chỉ khẽ chạm bộ ngực nở nang vào cậu bé.

—Cút ngay, không tao giết chết!— Tên cảnh sát vung roi quất vào lưng Va-xca, sau đó vụt cái thứ hai sang bên trái và tiếp cái thứ ba. Nhưng Va-xca chỉ rút tay sâu thêm vào túi quần.

—Thôi mặc xác nó, Éc-min, đi thôi!

Bọn cảnh sát phóng ngựa bỏ đi. Va-xca đứng nán lại một chút, sau mới chậm rãi bước dọc theo đường phố. Trong mắt cậu ánh lên những giọt lệ. Tôi lẽo đẽo đi theo sau cậu, sợ tiền lại quá gần. Va-xca dừng lại, gần căn nhà hầm, nhìn về phía bọn cảnh sát đi khuất và tức tôi nói:

—Bẩm ngài— đồ lợn ín bất tài.

6

Chúng tôi trở về nhà lúc trời xẩm tối.

Trong căn nhà hầm chiếc đèn đĩa cháy tù mù. Hai ông bồ của chúng tôi, thợ máy Xi-rôt-ca và chú Mô-xi-a đang hăng hái tranh luận với nhau về một chuyện gì đó.

Tôi và Va-xca nằm trên một cái hòm kê cột kẹt. Trong lòng thấy nặng trĩu. Chỉ muốn khóc vì tức họ cho chú Khu-

xê-in. Bọn cánh sát đánh chú vì tội gì? Chúng giết chết con vệt của bố A-li-ô-sa để làm gì?

—Đúng, anh có chân lý, tôi có chân lý, khắp nơi là chân lý, nhưng không đâu thấy nó cá,—tôi nghe thấy tiếng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích.—Tại sao không có chân lý, người ta dẫn nó đi đâu?

—Mèo đã ăn mất chân lý rồi...

—Chính thế đây... Thử hỏi anh, suốt đời anh làm việc, khâu được một ngàn chiếc ủng, nhưng anh thì vẫn cứ chân đất. Thế là tại làm sao?

—Bởi vì tôi là người Do Thái,—chú Mô-xi-a bình tĩnh trả lời.

—Không phải!—Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đập mạnh tay xuống bàn làm ngọn lửa trên mép đĩa đèn rung rinh.—Thế tại sao lão Brôt-xki lại đeo kim cương đầy các ngón tay, chính lão ta cũng là người Do Thái cơ mà? Còn tôi, tôi là người Nga, nhưng tôi lại sống như một thằng ăn mày. Thế thì nguyên do ở đâu?

—Ở chính quyền, ở nhà vua chứ còn ở đâu,—bố tôi nói. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích lấy chiếc thìa sắt trên bàn và gõ nó sắt tận mặt chú Mô-xi-a.

—Đây là cái thìa. Ai làm ra nó? Những người thợ chúng ta. Ai đã xây dựng nên cái nhà máy cho lão người Anh I-út-dơ? Cũng vẫn là những người thợ chúng ta. Cung điện nhà vua nữa, ai đã dựng lên? Ai đã đúc cho nhà vua vương miện bằng vàng và tô điểm cho nó bằng những hạt kim cương? Cũng vẫn là nhân dân lao động chúng ta!.. Thế thì ai là người chủ thực sự của nước Nga? Vua ư? Không, nhân dân lao động!.. Nhưng tại sao họ vẫn ăn mặc rách rưới?

—Về chuyện này thì trong bài hát cũng đã có câu,—bố tôi nói.

Ai đã may mặc cho tất cả các lãnh chủ,
Nhưng chính mình lại trần trụi và đi chân đất?
Đó chính là chúng ta, người anh em thợ thuyền!

—Lấy ví dụ như E-go đây—chân đi ủng, nhưng cũng coi như chân không,—chú A-nhi-xim I-va-nô-vích tiếp.—Còn lão Xư-bu-li-a thì có cả một xưởng đóng giày. Tại sao

một người thì nghèo, còn một kẻ lại giàu? Bởi vì kẻ giàu đã lấy cắp của người nghèo.

—Đức vua đã cho phép như vậy,—chú thợ máy Xi-rôt-ca chêm vào câu chuyện.

—Vua là tên địa chủ sỗ môt,—bố tôi nói thêm.—Lão ta có tám triệu mẫu đất. Như trên báo đã viết, chỉ riêng số kim cương của Hoàng hậu A-lêch-xan-đra Phê-đô-rốp-na cũng đã đá 1g giá mười triệu đồng rúp rồi. Với số tiền ấy có thể nuôi sống bao nhiêu người đói?

—Chính thế đây,—chú A-nhi-xim I-va-nô-vích hường ửng,—thí dụ như việc chúng ta tiến hành chiến tranh, thế nhưng ai là người cần tới sự đổ máu ấy?

—Bọn nhà giàu,—bố tôi đáp,—bây giờ chính là lúc làm giàu trong chiến tranh.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích họa theo:

—Đúng thế! Tôi đã ở ngoài đó rồi. Binh lính không có giày dép và không có vũ khí. Một người bắn, còn ba người khác chờ đợi giờ tận số của bạn để lấy khẩu súng trường của anh ta. Bọn Đức trút đại bác xuống đầu chúng ta, còn bên ta lại cho chờ tới ba toa tàu đầy ánh Chúa và cây thánh giá. Và người lính Nga anh hùng đã mang thánh giá đó tiến lên chống lại những khẩu đại bác của Đức. Đây, Đức Vua toàn Nga là như thế đó!

—Xung quanh toàn bọn gián điệp,—chú Mô-xi-a góp thêm.—Các tướng lĩnh là gián điệp. Các bộ trưởng là gián điệp. Chính Hoàng hậu là người Đức, các người còn muốn gì nữa!

—Chúng đã đưa nước Nga đến tình trạng như thế đó!—chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nói.—Đất đai giàu có, dân tộc vĩ đại. Dân tộc đó có thể dẫn toàn thế giới đi theo mình, thế mà nó đang chết đói.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích im lặng, dường như là chú rất khó nói, sau chú tiếp giọng cay đắng:

—Vị thử như tôi: trước kia có chân—sống qua ngày được, nhưng bây giờ cụt mất rồi,—chú dang hai tay ra.—Biết làm gì bây giờ được? Đi đâu? Đi gặp vua ư? Thì chính là lão ta đã cướp mất đôi chân của tôi rồi.

Va-xca lắng nghe câu chuyện của bồ cậu từ lâu, đến đây cậu đứng phắt dậy và chạy lại chỗ chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, hai bàn tay nắm chặt.

—Bồ ơi, thế vua ở đâu? Nhà ông ta ở đâu?

Va-xca xúc động, đôi mắt màu xanh lam của cậu sáng lên. Không chờ trả lời, Va-xca nhảy bổ đến chỗ cha tôi.

—Chú E-go ơi, nhà của vua ở đâu?

—Đền vua thì xa, đền Chúa thì cao...,—chú thợ máy Xi-rôt-ca trả lời thay bồ tôi.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích ôm Va-xca vào lòng, vuốt ve mái tóc nhạt màu chưa hớt của cậu con trai.

—Con của bồ, con hãy nghe đây và nhớ nhé. Có lẽ bồ cũng sắp chết, nhưng con hãy nhớ lấy: cái thằng vua chó chết ấy nó đã giết chết cha con đó.

Va-xca lui ra, ngả lưng xuống hòm ngay cạnh tôi và nằm mắt mở to rất lâu. Tôi cũng suy nghĩ về vua. Trong đầu tôi rồi mù lên: thím Ma-tơ-rê-na thì nói rằng vua đau xót cho chúng ta, còn chú Khu-xê-in lại gọi tên cánh sát là «đồ lợn in của Hoàng đế». Cả đời tôi tôi mơ ước được làm vua, nhưng té ra vua là kẻ đã cướp mất hai chân của chú A-nhi-xim I-va-nô-vích...

Bên bàn ngày càng trở nên ồn ào hơn. Qua làn khói xanh dày đặc của một thứ thuốc lá rẻ tiền hiện ra khung cửa sổ đã được bịt kín bằng chiếc chấn cũ kỹ.

—Thà chết còn hơn sống như thế này...,—chú Mô-xi-a nổi nóng.

—Không sao, —bồ tôi phản đối. —Tục ngữ có câu: «Nhân dân là sức mạnh làm nên bão táp».

Tiếng nói chuyện vọng tới tai tôi mỗi lúc một nhỏ dần, những bóng đen chuyển động trên tường, và tôi nhắm mắt lại...

Trước mắt tôi là ngôi nhà thờ lấp lánh hàng triệu ánh đèn. Tiếng nhạc chơi khe khẽ. Vua ngồi trên một chiếc ghế đầu cao mạ vàng, còn bên cạnh ông ta là lão chủ tiệm Mu-rát.

Lão chỉ tay vào tôi và nói:

—Tâu Hoàng đế, cần chặt hai chân thằng bé này đi.

Vua im lặng. Khi đó chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đứng dậy

khỏi chiếc ghế dài và đề nghị:

—Hãy đưa trả chân tôi cho Len-ca!

Tôi nhìn chú A-nhi-xim I-va-nô-vích ngạc nhiên: chú lấy đâu ra chân nhỉ?

Nhưng lão Mu-rát vẫn không chịu yên:

—Tâu Hoàng đế, thằng Len-ca đã lấy cắp kẹo ở cửa hàng con.

Tôi muốn nói rằng tôi chỉ lấy có một lần và sẽ không bao giờ lấy nữa, nhưng vua bỗng nhiên kêu ăng ẳng và găm gù với lão Mu-rát.

Sau đó vua không còn là vua nữa. Trên ngai là con chó Pôn-can của chúng tôi đang sủa điên cuồng.

—Pôn-can! Pôn-can! —tôi gọi.

Nó nhảy xuống đất, hai chân trước đặt lên hai vai tôi và thè lưỡi nóng hổi liếm vào mặt tôi. Sau đó nó lấy chân trước vỗ vào vai tôi, nói:

—Nào, đi thôi, con!

...Tôi tỉnh dậy. Bồ tôi đang đứng bên tôi. Vẫn còn ngái ngủ, tôi tụt từ trên hòm xuống. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích trượt trên chiếc xe nhỏ theo sau chúng tôi.

Tới cửa ra vào, bồ tôi nói với chú:

—Bây giờ tạm thời tôi chưa tiết lộ nhiều cho anh, tôi chỉ nói để anh rõ rằng người này ở vùng chúng ta, từ Lu-gan-xơ tới. Anh hãy chữa lại cửa sổ, cửa ra vào đi, sao cho không còn một khe hở nào nữa. Chúng ta bắt đầu một sự nghiệp vĩ đại đây. Đã nhớ mặt hiệu chưa?

—Nhớ rồi.

—Thôi, tạm biệt... Đưa tay đây, con.

Chúng tôi bước ra ngoài phố. Một làn gió nhẹ thổi từ phía Xê-mê-nốp-ca tới mang theo hương vị của đồng cỏ lúc đêm khuya. Phía bên trái, nhà máy được chiếu sáng bởi một vầng hồng, đang chạy ầm ầm. Ở đâu đó giữa các căn nhà hầm trong xóm thợ một chiếc đàn gió đang rên rỉ buồn bã và một giọng khàn khàn hòa theo:

Linh hồn người thợ mỏ vẫn trong cơ thể
Nhưng chiếc áo sơ-mi rận đã cắn nát bướm.
Chúng ta uống rượu trắng, rượu rôm,
Và ngày mai ta sẽ đi ăn xin...

Từ một phía khác bài hát vọng tới, đau đớn, náo nùng:

Còn chàng phu giữ ngựa trẻ trung
Được khiêng đi với chiếc sọ vỡ tung...

Tôi và bồ tôi ngủ ngoài sân, dưới gốc cây keo. Nhìn lên các vì sao tôi lại bắt đầu suy nghĩ về vua: nhớ vua bắt bồ tôi ra mặt trận rồi lấy mất đôi chân của bồ tôi thì sao? Tôi hoảng sợ luồn tay xuống dưới chăn và sờ chân bồ tôi. Bồ tôi cự mình.

—Bồ ơi, bồ!—tôi lo lắng gọi.

Bồ tôi không trả lời. Tôi sờ vai bồ.

—Gì thế con?—bồ tôi hỏi, không mở mắt ra, rồi quay lưng về phía tôi.

—Bồ à, người ta có bắt bồ ra mặt trận không?

—Không đâu, ngủ đi con,—bồ tôi trả lời, thở mạnh rồi ngủ thiếp đi.

Tôi im lặng nhưng không sao yên tâm được:

—Bồ ơi, rồi vua có lấy mất chân bồ không?

—Không đâu, ngủ đi,—bồ tôi khẽ lầm bầm.

Nhưng tôi không sao ngủ được. Nỗi lo âu không rời tôi. Lặng tai nghe ngóng trong đêm khuya yên tĩnh, tôi suy nghĩ và không sao hiểu nổi: sao người ta lại không tóm cổ nhà vua đem dìm xuống ao, nếu như ông ta đã cướp mất chân của mọi người?

Trong đêm khuya tĩnh mịch, đâu đó xa xa một tiếng còi tàu hỏa rú lên. Chú chim sẻ đang ngủ gà ngủ gật trên cành động dậy lo lắng.

—Bồ ơi, sao người ta không giết vua đi?—tôi lại hỏi.

—Sẽ giết, sẽ giết... thôi, ngủ đi,—bồ tôi vất vả lắm mới nói hết câu, và tôi yên tâm ngủ thiếp đi.

Chương hai

CHÚA

Kẻ bạo chúa đọa đầy, tàn bạo,
Dọa tù đầy, xiềng xích, cùm gông,
Thế xác thương tàn, nhưng tâm hồn ta rộng cánh
Nhục nhã thay kẻ bạo chúa cuồng ngông!

1

Những đám mây mùa thu ẩm ướt, tán mạn lướt đi trên mặt đất. Chúng sà thấp xuống xóm thợ làm vương cả từng dải bản thiu vào cây cối. Cuộc sống trở nên tối tăm và eo hẹp. Mưa gió lạnh lẽo quất xuống suốt ngày đêm.

Mặc dù bồ tôi hết sức giúp chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, gia đình chú vẫn sống rất nghèo khổ. Trong nhà chú nhiều khi đến cả một gấu than cũng không có. Va-xea buộc phải đi làm việc.

Lúc đầu, người ta không nhận cậu. Lão đốc công không muốn nghe đến chuyện lấy vào nhà máy một đứa trẻ con như vậy. Lúc đó mọi người khuyên thím Ma-tơ-rê-na tới Nhà thờ, ở đó cha I-ô-han vẫn bán tuổi—ai mua bao nhiêu cũng được. Mỗi tuổi giá ba rúp. Với giá chín đồng bạc cha I-ô-han đã đưa cho một tờ giấy thánh mà theo đó Va-xea từ mười một tuổi biến ngay thành mười bốn. Bây giờ người ta mới ghi tên cậu vào làm công nhân và thậm chí còn trao cho cậu một miếng sắt tây hình tròn, có lỗ thủng và có rập số: 733.

Buổi tối chúng tôi đến tụ họp ở cạnh căn nhà hầm của Va-xea để thăm hỏi lần cuối vị thủ lĩnh của mình. Cả cậu bé người Hy Lạp Ut-sa—một cậu bé tàn tật, gầy còm với đôi mắt đen và cái mũi khoằm, Áp-đun-ca Di-gan, con chú Khu-xê-in bị ngồi tù một cách oan uổng và thằng I-li-u-kha tóc hung, mà cả bọn chúng tôi đều không ưa, cũng tới. Bồ thằng I-li-u-kha làm ở nhà tắm công cộng. Cả nhà nó nổi tiếng là

tham lam — đến một hòn đá ở sân nhà nó người ta cũng không xin nổi. Thằng I-li-u-kha lúc nào cũng thò lò mũi xanh. Mặt và hai tay nó đầy tàn hương, như thể một người thợ quét sơn nghịch ngợm nào đó đã vẩy vào mặt nó cả cái chổi sơn. Lòng mi thằng I-li-u-kha trắng như lông lợn. Người ta «kính trọng» nó chỉ vì nó biết vẩy hai tai.

Đường phố đã chìm trong bóng tối thật buồn tẻ và hiu quạnh. Trên nền trời đen thẫm, lấp lánh những vì sao.

Ủ kín mình trong những chiếc áo bông cũ, chúng tôi ngồi sát bên nhau trên một chiếc ghế dài, đưa nọ sưởi ấm cho đứa kia. Thằng I-li-u-kha tóc hung đỏ nhìn lên các vì sao và kể cho chúng tôi nghe rằng, bầu trời tức là nhà lầu của Chúa, còn các vì sao là những cửa sổ của nhà lầu đó. Mỗi người khi sinh ra đều được Chúa đục cho một ô cửa sổ ở trên trời. Thiên thần sẽ ngồi lên bệ cửa sổ, tay cầm một ngọn nến, khi nào người này chết thiên thần sẽ tắt nến, đóng ô cửa sổ lại và bay đi.

«Không biết ô cửa sổ của mình trên đó ở chỗ nào nhỉ?» — tôi ngẫm nghĩ, mắt nhìn lên các vì sao, còn chúng thì lấp lánh như những vật sống, khi đột nhiên biến mất trong bóng tối, khi lại sáng hiện ra...

— Thế còn cửa sổ của Chúa ở đâu? — Ut-sa hỏi, cậu liếc nhìn thằng I-li-u-kha, đôi mắt ranh mãnh đen như hai hạt huyền.

Thằng I-li-u-kha cười khẩy ra vẻ khinh bỉ.

— Cậu không biết à? Úi chà, thế mà cũng đòi là theo đạo Chính giáo. Cửa sổ nào to nhất chính là của Chúa.

— Nhưng cửa nào cơ? — Áp-đun-ca Di-gan, cậu bé Tác-ta có cặp môi dày, người loắt choắt và lùn tè hỏi.

— Hừm cửa nào à? Thử đoán xem!

Áp-đun-ca im lặng. Chúng tôi cũng không biết. Nhưng rồi thằng I-li-u-kha giải thích:

— Là mặt trăng chứ còn ở đâu nữa.

Ut-sa hỏi, vẻ châm chọc:

— Thế nghĩa là ban ngày Chúa chẳng nhìn thấy gì à?

— Tại sao thế? — thằng I-li-u-kha hỏi hộp hời.

— Vì ban ngày không bao giờ thấy mặt trăng cả.

Thằng I-li-u-kha cười phá lên một cách gượng gạo: — Đồ dờ người! Ban ngày mặt trăng chiếu để làm gì, nếu không có nó mà vẫn nhìn rõ hết? Đêm lại là chuyện khác — khi trời tối mới cần chiếu sáng chứ.

— Thế bây giờ Chúa có nhìn thấy gì không? — đột nhiên Va-xca hỏi, từ đầu đến giờ cậu vẫn ngồi yên trầm ngâm suy nghĩ.

— Bây giờ ấy à?

— Ừ.

— Sao lại không? — Thằng I-li-u-kha vội vã trả lời. — Chúa bao giờ cũng nhìn thấy tất cả mọi thứ, kể cả ngày lẫn đêm.

— Nhưng không có mặt trăng bây giờ thì Chúa làm thế nào mà nhìn thấy được?

Va-xca làm tất cả phải ngạc nhiên. Mà quả thực Chúa làm thế nào mà nhìn thấy được trong bóng tối, nếu như không có trăng?

— Gớm, đồ ngốc, — thằng I-li-u-kha phát cáu! — thế các thiên thần ở trên trời thì để làm gì? Các vị ấy nhìn và kể lại cho Chúa nghe. Người ta ở bên trái bao giờ cũng có thiên thần, còn ở bên phải là con quỷ có móng. Thiên thần cứu người ta khỏi chết, còn con quỷ thì dẫn người ta đến tội lỗi. Thậm chí lúc chúng mình ngủ các thiên thần cũng đứng cạnh ở bên gối. Hôm nay tớ vừa gặp một chuyện lý thú. Sáng sớm tỉnh dậy, tớ hé mắt nhìn thấy Người ngồi ngay bên cạnh.

— Ai cơ?

— Người ta đã nói là thiên thần mà lại. Người ngồi và ngủ gà ngủ gật. Tớ vừ... vừ...chồm dậy, Người đã vỗ cánh và bay đi mất.

— Bay đi đâu? — tôi hỏi sững sốt trước những lời thằng I-li-u-kha.

— Đi đâu, đi đâu! Đi đến chỗ ấy. Bay vào ông khói ấy.

— Nhưng mà trong ấy có mỡ hóng.

— Thế thì sao? Người xuống ao tắm sạch sẽ, rồi lại bay lên trời.

— Mà nói láo, I-li-u-kha ạ, — Va-xca giận dữ nói.

Thằng I-li-u-kha thanh minh:

— Trong Kinh thánh đã nói như vậy, còn tao ở đây không có liên quan gì cả. Mà chính mày cũng đã nói với thằng Len-ca về thiên đường và quỷ dữ cơ mà, quên rồi à, hả? Quên rồi à?

— Quên hay không quên, đó là việc của tao, — Va-xca cau có đáp lại. — Còn nói láo, đã nhìn thấy thiên thần thật thì chẳng để làm quái gì cả.

— Tao có thể cho mày xem cái lông rơi từ cánh thiên thần ra, nếu mày không tin.

— Mày lại nói láo.

— Tao nói láo thì tao chết ngay lập tức! Lúc thiên thần bay vào ông khói, Người vương vào một cái đỉnh nhỏ và rụng mất một cái lông. Đi xem ngay bây giờ cũng được, nó hãy còn nằm sau những bức ảnh thánh ở nhà tao ấy.

— Chắc là lông con gà trống.

— Lông gà trống là thế nào!

Chúng tôi im lặng. Thấy không có ai phản đối, thằng I-li-u-kha nhìn lên trời lấp lánh ánh sao, kể tiếp:

— Còn kia là đường lên thiên đàng, chúng mày thấy chưa, ở chỗ những ngôi sao chỉ chút thành một dải dài ấy. Sau khi chết những người chính trực sẽ theo con đường này mà lên thiên đàng. Ở đây có thánh Pi-ôt tay cầm chìa khóa bằng vàng đứng canh cổng. Đản độn thì đừng có hùng lên vào được với ông ta.

— Ông ấy đòi xem giấy à? — Áp-đun-ca hồn nhiên hỏi. Va-xca cười khẩy:

— Xem giấy chứng minh!

— Không phải giấy chứng minh đâu, mà là cây thánh giá ở trên cổ kia. — Thằng I-li-u-kha sửa lại. — Nếu là một kẻ có tội thì cây thánh giá sẽ bị gỉ, còn ở người chính trực thì cây thánh giá mới tinh, sáng chói như ánh mặt trời. Nếu thánh Pi-ôt trông thấy kẻ có tội muốn lên vào thiên đàng, thánh sẽ tóm ngay lấy cổ áo hắn ta, thúc đầu gối vào đít hắn, đuổi ra.

— Thế ai sống trên thiên đàng? — Áp-đun-ca gặng hỏi.

— Ông A-đam và bà E-va.

— Còn có ai nữa không?

— Tao đã bảo rồi mà: còn có những người chính trực nữa. Đó là những người đã sống không có tội lỗi gì dưới trần gian

này. Bà tao bây giờ sống trên đó đây.

— Sao mày biết?

— Tao nằm mơ thấy thế.

— Gớm, nằm mơ thấy... — Ut-sa dài giọng nhạo báng. — Nằm mơ thấy bà thì trời sẽ đổ mưa.

— Hoàn toàn chẳng có mưa gió gì cả... Sau đó tao còn nhìn thấy bà tao ở đâu, biết không? Ở trên thiên đàng, hình như bà tao ngồi dưới gốc cây của thiên đàng và ăn những quả táo vàng. Trên thiên đàng thì sung sướng, còn gần địa ngục, ngay cạnh cổng có xích một con chó bảy đầu, khủng khiếp vô cùng, tên là Xan-khu-kha.

Mặc dầu cảm thấy thằng I-li-u-kha nói láo, mọi người vẫn cứ thích nghe những câu chuyện của nó.

Tối hôm đó mãi tới khuya chúng tôi mới giải tán về nhà.

Va-xca phải đi nằm sớm để sáng mai khỏi ngủ quên giờ đi làm. Khi tạm biệt chúng tôi cầm lấy tay nhau. Có lẽ Va-xca cũng cảm thấy nặng nề. Cậu thở dài, động viên tôi:

— Không sao đâu, Len-ca ạ. Tớ sẽ làm được tiền. Bỏ tớ sẽ cho chúng mình một hào, rồi chúng mình sẽ mua đầy một hồ bánh báng và kẹo «cô con tôm», mà nếu cậu muốn, chúng mình sẽ mua cả chim bồ câu nữa.

— Mua chim bồ câu hơn, — tôi cô cầm nước mắt.

— Được rồi, ta sẽ mua chim bồ câu: sẽ mua những con chim lông đỏ, đuôi đen, sẽ mua cả một con «tu sĩ» nữa...

Ngày hôm sau cũng chán ngán. Trong lòng buồn bã, tôi lang thang trên đường phố, không biết đi đâu. Tôi chơi một lát với con Pôn-can bên cạnh cổng rào: tôi ném cái que ra xa rồi bắt nó mang trở lại. Sau đó tôi nhìn qua khe hàng rào xem mẹ thằng I-li-u-kha giặt quần áo trong sân. Cả việc đó cũng thấy chán. Tôi buồn rầu, lặng lẽ đi ra bờ sông, ngồi lên phiến đá cạnh đám cỏ khô và nhìn lên trời, rồi bắt đầu đếm những đám mây. Kia, một đám mây thứ nhất, nom như một chiếc áo bán, bay qua, sau nó là đám mây thứ hai, nom như con ngựa đang phi.

Không hiểu bây giờ Chúa đang ngồi ở đám mây nào? Bà tôi đã từng kể chuyện rằng: Chúa có một quyển sổ vàng, trong đó ghi rõ ai ra đời lúc nào và người ấy được sống trên

trần gian bao lâu. Trong đó có ghi cả về tôi nữa. Giá có thể liếc qua xem mình được sống bao lâu nhỉ! Tôi sẽ lấy một mảnh kính tẩy cuộc đời của mình đi và thêm vào đó độ hai năm. Với thằng Xen-ca con nhà hàng giò tôi sẽ xóa bớt đi độ mười tuổi. Còn bố nó thì tôi sẽ hoàn toàn xóa bỏ hẳn trong quyển sổ của Chúa. Cứ để cho lão ta sau khi chết sẽ xuất hiện ở thế giới bên kia, Chúa sẽ soát trong quyển sổ và hỏi: «Lũ quý đã dẫn mày từ đâu tới đây? Mày không có tên trong quyển sổ vàng. Cút ngay xuống địa ngục!» và cho lão ta mấy cái bạt tai. Còn ở dưới địa ngục lũ quý sẽ tóm ngay cổ lão chủ hàng giò và ném lão vào một cái chảo: hãy tự rán cho kỹ, bạn thân mến, hãy nháy múa trên cái chảo nóng bỏng này... sau đó sẽ ngồi vào thùng hắc ín đang sôi và lấy lưỡi liềm mảnh sắt nung đỏ...

Mãi mê suy nghĩ, tôi không để ý mình đã ở bờ sông bao lâu. Những đám mây và đồng cỏ đã làm tôi chán ngán. Tôi đứng dậy, đi về nhà.

Tới nhà, một niềm sung sướng đột ngột đến với tôi. — Con ơi, — mẹ tôi nói, khi tôi vừa bước qua ngưỡng cửa, — con hãy chạy vào nhà máy, mang cơm trưa cho bố. Mẹ thấy trông người khó chịu, và lại đồ giặt hãy còn nhiều.

Tôi phải vất vả lắm mới tìm nổi mình khỏi nháy lên. Vào nhà máy — như vậy có nghĩa là được đến chỗ Va-xca, được thấy chỗ cậu làm việc và nói chuyện với cậu. Tôi còn nghe đồn rằng ở trong ấy đang rèn những quả đạn đại bác để đưa ra mặt trận. Chính mắt tôi sẽ được trông thấy những thứ đó.

Tôi cầm lấy chiếc cà-mên đựng suất cơm trưa, chậm rãi bước ra khỏi nhà cốt để mẹ tôi trông thấy tôi mang suất cơm trưa một cách cẩn thận. Nhưng vừa ra khỏi cổng, tôi đã rú lên vì sung sướng và chạy vù đi làm sánh cả canh ra ngoài. Mẹ tôi kêu với theo:

— Hãy cẩn thận, cái thằng điên kia.

Nhưng tôi không muốn nghe thấy một cái gì hết cả.

Tôi đã từng vào nhà máy nhiều lần. Nhưng lên vào đó từ phía sân sau, chốc chốc lại phải nhìn quanh xem lão I-út-dơ có tới không là một việc, còn đi một cách tự do, đường hoàng — vì tôi đem suất cơm trưa cho bố tôi mà lại — lại là việc khác!

Lần đầu tiên tôi được thực sự nhìn thấy nhà máy. Khói đen và muội than che kín cả mặt trời. Khắp nơi là tiếng ồn ào, tiếng chan chát, tiếng rít, tiếng kêu lạnh lạnh. Những bánh xe đồ sộ quay tròn, một cái gì đó nổ âm âm ngay trên đầu. Tường chừng như có một người khổng lồ khủng khiếp nào vừa nghiền răng ken két, vừa nhai bất kỳ thứ gì vớ được ở đây: sắt, đá, người, không phải ngẫu nhiên mà thấy có tiếng kêu răng rắc, tiếng nổ ròn, còn lửa thì cứ phụt ra như từ hai lỗ mũi của ông ta qua làn khói đen sì.

Tất cả mọi thứ ở nhà máy đều đã han gỉ: đất, sắt, ống khói, thậm chí cả những con chim sẻ cũng thế. Mùi vôi, mùi dầu hắc ín, mùi khét lẹt bốc lên nồng nặc có thể chết ngạt được. Bên cạnh những lò luyện gang cao ngất, những người thợ vận chuyển gân guốc đang đẩy những xe cút kít hai bánh bằng sắt chát đầy than cốc và quặng. Tôi nhìn những tấm lưng trần đỏ vì bụi quặng của họ và nhớ tới chú Khu-xê-in, bố của Áp-đun-ca. Chú ấy làm ở đây và hiện giờ vô cơ bị ngồi tù.

Sau những lò cao là bắt đầu phân xưởng lò mắ-tanh. Tôi xem mãi những người thợ luyện thép mang trên vai những thỏi gang nặng hàng pút; họ uốn mình tránh lửa, rồi ném những thỏi gang vào cửa lò, lửa từ đó phụt ra điên cuồng, dường như chỉ muốn đuổi kịp những người thợ và đốt cháy họ. Da mặt những người thợ nứt nẻ ra vì nóng, quần áo họ bốc khói. Thợ luyện thép là những người dũng cảm — Cu-dơ-ma Criu-scôp và thậm chí cả vua cũng không bằng! — họ xông thẳng vào ngọn lửa, và nếu như áo của ai đó bị bốc cháy, họ liền dìm mình vào thùng nước, và toàn thân bốc đầy hơi, họ lại vội vã bước tới lò.

Từ mép những ô cửa chất liệu, thép lỏng trào ra ngoài

bò thành từng dòng nhỏ, song những người thợ vẫn bình thản bước qua những dòng thép đỏ đó.

Tới cạnh phân xưởng cán thép, tôi gặp một chiếc xe bốn bánh phủ chiều gai, đi lù lục. Một đôi chân đi dép bện bằng vỏ cây thò ra ngoài mép manh chiều gai. «Có lẽ lại có người bị chết chết rồi», — tôi nghĩ bụng và vội vã tránh ra xa.

Tôi đi qua ao nước nóng của nhà máy, ở đây, như trẻ con vẫn kháo nhau, có thể bơi lội được cả mùa đông.

Món canh trong cà-mèn của tôi đã nguội lạnh từ lâu, mà tôi vẫn cứ lang thang khắp nhà máy. Nhưng một tên cảnh sát cạnh phân xưởng đúc đã nhìn thấy tôi và huýt còi. Tôi liền bám ngay vào phía sau chiếc xe cần trục và đi thẳng tới tận phân xưởng rèn đinh móc, nơi bồ tôi làm việc.

Ở đây cũng vẫn âm ẩm; khói xanh lơ lửng dưới những mái vòm cao của tòa nhà. Những người thợ rèn, vai để trần, dùng kim lôi từ trong đồng lửa ra mẫu sắt đỏ hồng và lấy những chiếc búa nặng nện vào. Chỉ còn nghe thấy:

Đinh-đôn-bum,

Đinh-đôn-bum...

Nóng không sao chịu nổi, những tia lửa bay tóe ra từ dưới bàn búa. Chả thể mà quần áo của bồ tôi cứ bị cháy xém, mẹ tôi phải vá luôn.

Khó khăn lắm tôi mới nhận ra được bồ tôi trong đám những người thợ rèn. Ông đang lấy búa nện vào mẫu sắt màu đỏ thẫm, và dưới những nhát búa khéo léo của ông, ngay trước mắt tôi mẫu sắt đã biến thành một lưỡi rìu.

«Thế còn vương miện cho vua thì ai đã rèn nên?» — tôi nhớ lại lời chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. «Cũng có thể là ở đây, trong phân xưởng rèn này, người ta cũng đã làm ra chiếc vương miện của vua, — tôi nghĩ bụng, — cũng có thể là chính bồ tôi đã rèn nên nó chẳng?»

Tôi nhìn những người thợ rèn và nghĩ: «Lớn lên tôi sẽ không làm nghề gì khác, tôi sẽ làm thợ rèn hoặc thợ nấu thép để rồi tôi cũng sẽ rèn sắt, nấu thép và nhúng mình vào thùng nước. Tôi sẽ lặn xuống tận đáy thùng và sẽ ngồi lâu hơn mọi người ở dưới đó mà thở ra những bong bóng. Mọi người sẽ thắc mắc rằng không hiểu bong bóng trong thùng ở đâu ra.

Còn tôi cứ ngồi dưới đáy và cười...»

Tiếng còi khàn khàn, mệt mỏi rúc lên. Bắt đầu nghỉ ăn trưa. Công nhân bọ đầu ngồi đây: người thì ngồi ghé lên những mẫu sắt gỉ, người thì ngồi bệt xuống sàn, tựa lưng vào cái đe. Một xô tu nước chè ở trong chai, số khác múc trong những chiếc nồi gang ra một món ăn lỏng bỏng nước.

Trong khi bồ tôi ăn cơm, tôi lang thang trong phân xưởng, sờ mó những chiếc đai ốc vừa rèn xong còn đang âm, đung vào cái bễ lò rèn làm nó thở phì phò như một con vật sống.

Sau đó một bác thợ lại gần chỗ bồ tôi, nhìn tôi từ đằng xa và ghé sát vào tai bồ tôi thầm thì một điều gì đó. Tôi lắng tai: «Họ nói về mình đây». Khi bác thợ đi khỏi, bồ tôi gói chỗ thức ăn dở lại, rồi gọi tôi:

— Con đi bồ tắm cho. Ta vào nhà tắm, không con bản lắm.

Tôi biết mà! Bao giờ bồ tôi cũng bịa ra được một cái gì đó. Tôi rất ghét tắm.

— Con có bản đâu, con không muốn tắm.

— Sao lại không bản, nhìn đây này, — bồ tôi lấy ngón tay đen sì quệt ngay vào mũi tôi.

— Đây là bồ vừa bôi vào con chứ. Con không tắm đâu!

— Đi thôi, đi thôi, — bồ tôi đẩy vào lưng tôi. Mọi người cười ồ lên.

— U-xti-nốp, anh đi đâu đây? — một người béo đi qua, nghiêm nghị hỏi.

— Tôi đi tắm cho thằng bé, thừa ngài đốc công, chả có nó chạy nhảy suốt ngày, bản như con lợn con ấy.

— À, à, thôi được, đi mà tắm cho nó.

Tôi với bồ tôi rẽ qua phân xưởng rèn, rồi đi về phía gian nồi hơi của nhà máy. Tới đó chúng tôi lần theo những bậc đá ướt chui xuống một cái hầm tối đen và ẩm thấp. Chúng tôi mò mẫm bước được vài bước thì gặp một người công nhân. Bác ta giơ cao trên đầu một chiếc đèn đốt bằng dầu ma-dút, chăm chú nhìn chúng tôi.

— Có thể tắm được chưa đây? — bồ tôi vui vẻ hỏi.

— Được, có nước rồi đây, — người công nhân trông giống người Trung Quốc trả lời.

Bồ tôi đón chiếc đèn của người ấy, rồi chúng tôi bắt đầu lách theo hành lang lát đá ẩm ướt. Bồ tôi mở cánh cửa đã mở to ra vì ẩm và chúng tôi bước vào một căn phòng thấp, tối mịt. Bên góc phòng là một cái bể xi-măng. Nước chảy từng giọt vào đó từ một ống bằng sắt.

— Chào đồng chí Bộc-đan. — Từ trong bóng tối vang lên giọng nói trầm trầm của một người nào đó và dưới ánh sáng đèn dầu tôi thấy một khuôn mặt lạ có chòm râu đen sì.

«Quý sứ chăng?» — tôi thoáng nghĩ và lẩn ra sau bồ tôi, nhưng bồ tôi không sợ gì và lại vui vẻ đưa hai tay ra bắt chặt lấy tay của người lạ mặt.

— Chúng tôi chờ đợi đồng chí mệt cả người, đồng chí Michai ạ. Chúng tôi rất mừng vì đồng chí đã tới.

— Cất người gác chưa?

— Đã... cởi quần áo ra con, đừng sợ, đây là một bác rất tốt. Đây, xà-phòng cho con đây, cởi áo ra, — bồ tôi vặn một cái núm nào đó trong tường, thế là một dòng nước từ trong ống sắt chảy ồ ồ vào cái bể xi-măng. — Tắm đi con, để bồ nói chuyện với bác.

Không biết cái bác có chòm râu đen này từ đâu tới đây? Làm ra vẻ quen biết, nhưng lại không biết thậm chí cả tên của bồ tôi. «Bộc-đan», có lẽ ông ta sẽ lại còn gọi là I-van nữa đây...

Tôi cởi quần áo ra và miễn cưỡng tụt xuống nước như nhảy xuống một vực thẳm. Lẽ ra tôi không nên vào nhà máy thì tốt hơn, thế này thì lúc nào mà đến được chỗ Va-xca?

Bồ tôi ngồi lên thành bể tắm và bắt đầu nói chuyện với người lạ mặt.

— Trung ương Đảng cử tôi đến chỗ các đồng chí để khôi phục lại Ban Chấp hành đảng bộ bị tan vỡ. Tôi bị theo dõi ngay từ ở Lu-gan-xcơ. Nếu như chúng bắt tôi thì đồng chí, đồng chí Bộc-đan ạ, sẽ phải nắm lấy việc lãnh đạo tổ chức Đảng ở đây. Bây giờ tôi sẽ báo cho đồng chí biết các địa điểm hội họp bí mật...

— Tắm đi, tắm đi con, — bồ tôi lấy lưng che khuất người lạ mặt.

Tôi không hiểu một tí gì trong câu chuyện của họ và bắt

đầu nghịch nước. Nước âm. Tôi quẳng xà-phòng đi rồi ngụp xuống nước, lấy tay bịt kín hai tai và mũi.

Bồ tôi và người lạ mặt, trong bóng tối trông giống như một con quỷ bắt đầu chia tay. Ông râu đen nhìn tôi, vui vẻ nháy mắt:

— Chú nhỏ không biết lặn rồi.

Bồ tôi vuốt mái tóc ướt của tôi, nói:

— Nghịch ngợm lắm đây, đồng chí ạ.

— Thôi được, lần sau gặp nhau, bác sẽ dạy cháu lặn, — ông râu đen nói. — Cháu sẽ lặn thật xa...

— Xa tận đâu cơ bác?

— Lặn từ đây đến Pê-tơ-rô-grát mới ngoi lên! — cả bác ta và bồ tôi cùng cười phá lên.

Bồ tôi tiễn bác đi, rồi quay lại.

— Lên thôi.

— Con chưa tắm xong.

— Lên đi, bồ còn phải đi làm.

Bồ tôi lôi tôi ra khỏi bể tắm. Tôi run lên vì lạnh. Bồ tôi lấy áo lau qua loa cho tôi, chụp cái quần vào người đang còn ướt của tôi. Chúng tôi lại đi ra ngoài bằng con đường lúc này. Xung quanh chẳng còn ai cả: cả bác thợ người Trung Quốc lẫn ông có bộ râu đen.

Chúng tôi trở về phân xưởng. Bồ tôi vội vã ăn nốt suất cơm trưa. Tôi cầm cà-mèn không, vội vàng tới chỗ Va-xca. Lúc ra về tôi lấy một chiếc đai ốc mới rèn, hãy còn âm giầu vào ngực áo.

Tôi tìm thấy Va-xca ở khu lò luyện than cốc. Ở đó không còn gì để thờ cả. Mọi thứ xung quanh đều bị che phủ bởi một làn khói vàng đầy chất độc. Thậm chí cả tôi, tuy ngồi ở xa, mà chốc chốc cũng phải lau nước mắt.

Các lò luyện than cốc xếp thành một dãy dài. Phía trên một toa xe goòng đi trên đường ray, đem đổ vào các cửa lò tròn một thứ than đá đã nghiền vụn. Khi lò đầy đến tận miệng, người ta đẩy lại bằng một cái nắp gang, lấy đất sét trát kín lại và than sẽ được nung lên ở bên trong. Khi than cốc được

luyện xong, một hồi chuông sẽ vang lên, người ta mở tấm chắn lò hộp giống như một cái nắp quan tài ở bên cạnh ra và bức tường bằng than cốc đã bị nung nóng, tựa như một vật sống, từ trong chiếc lò đầy lửa, sẽ từ từ tự bò ra ngoài. Người ta gọi nó là «chiếc bánh nướng bằng than cốc». Va-xca có nhiệm vụ làm nguội cái «bánh nướng» này bằng nước phun từ ống chữa cháy ra.

Thật ghê sợ khi thấy Va-xca kéo chiếc mũ lông đã bị cháy sém tới sát tận mắt, tiền lại gần đồng than cốc đã bị nung nóng, xối vào nó một dòng nước chảy tung tóe.

Trong chiếc áo vét rách bươm với hai ống tay dài lòng thòng của bố, Va-xca trông có vẻ rất bé. Cậu luẩn quẩn trước một bức tường than cốc rực cháy và hơi nóng bao trùm lấy cậu làm cậu có lẽ không còn thấy phải xối nước vào chỗ nào nữa...

Dần dần bức tường bằng than cốc lún xuống, những mẩu than cháy hồng bửa ra và lăn tới gần chân Va-xca. Có cảm giác như ngay bây giờ đây cả bức tường bằng than cốc đó sẽ đổ sập xuống Va-xca và thiêu sống ngay cậu ta.

Lão đốc công ở khu lò luyện than cốc, một người Bỉ bé nhỏ, trán hơi với cái bụng to, chỉ biết có ba từ tiếng Nga: «Tưới ti!», «Mau nên» và «Tổ súc sinh!», luôn mồm quát Va-xca:

—Tưới ti! Mau nên!

Va-xca bước tới sát bức tường bốc hơi nóng, lấy hết sức ra kéo lê theo mình chiếc ống cao-su dài. Nhưng rồi không giữ nổi ở lưng chừng cái đầu bịt đồng nặng của vòi cao-su chữa cháy, Va-xca ngã khụy xuống. Thế mà lão đốc công còn rít lên, rung rung cái bụng phê:

—Tưới mau, tổ súc sinh!

Hai người công nhân đi qua đó đã đứng dừng lại.

—Quân giết người, chúng đã bắt một đứa bé con phải làm một việc đáng nguyên rủa như vậy,—một công nhân nói.

—Để trả tiền công được rẻ hơn mà,—người kia đáp.—Người lớn thì phải trả bốn mươi cô-pêch một ngày, còn chú bé này thì chỉ cần trả mười cô-pêch thôi.

—Thằng bé con nhà ai, cậu có biết không?

—Con trai A-nhi-xim Rút-nhép. Ông bố từ chiến tranh trở về cụt cả hai chân, còn thằng con trai chúng lại định giết nốt...

—Phải cho cái bọn nhà giàu ăn hại ấy một trận!

Tôi thấy Va-xca đứng không nổi nữa và mặc dù đã biết cậu ngoan cường như thế nào—Va-xca thà chết còn hơn tỏ ra mình khó nhọc—tôi vẫn thấy thương cậu.

Va-xca ngừng xối nước và mặt đỏ gay vì nóng, loạng choạng lê bước tới chỗ gấu nước. Cậu uống ừng ực liền mấy ca nước âm pha lẫn cả những giọt mồ hôi.

—Khó nhọc lắm, phải không, Va-xca?—tôi hỏi và lấy cánh tay áo lau mồ hôi trên mặt Va-xca.

—Biết làm sao được,—cậu trả lời, giọng khàn khàn.—Phải kiếm tiền nuôi cha mẹ chứ...

Nhưng dù sao Va-xca cũng vẫn không chịu nổi và đã bỏ nhà máy.

Việc này xảy ra vào hôm thứ hai. Tôi mang vào khu lò luyện than cốc cho cậu suất ăn trưa—một chai nước chè và một mẩu bánh mì. Cậu chưa kịp ăn xong thì chuông đã vang lên—người ta bắt đầu cho than cốc ra lò. Va-xca cầm lấy vòi nước ghé tóm và bắt đầu xối nước.

Tiếng nước xèo xèo và than nổ tách tách ở xung quanh. Màn hơi nước nóng bóng và nghệt thờ che khuất cả Va-xca làm tôi không thấy được cậu đã ngã từ bao giờ và như thế nào. Tôi chỉ nhìn thấy lão đốc công bụng phê khoát tay thét lớn:

—Mau nên! Tổ súc sinh!

Lão ta nhảy xuống chỗ Va-xca đang đứng, tiếp tục kêu la:

—Tưới ti!

Khi màn hơi nước nóng bóng tan hết, tôi thấy Va-xca nằm dài trên những tấm sắt. Nước vẫn phun phì phì từ trong vòi ra. Lão người Bỉ tóm lấy cổ áo Va-xca, dựng cậu ta dậy.

—Tổ súc sinh, tưới ti!

Va-xca đứng loạng choạng. Máu từ mũi cậu chảy xuống

thành dòng. Cậu nhìn lão đốc công bằng đôi mắt lơ đãng, dường như không thấy lão ta. Nhưng khi lão ta tóm lấy cậu mà lắc thì Va-xca vùng ra, vớ lấy vôi nước và chĩa thẳng vào cái mặt đầy râu của lão mà phun tới tấp. Lão đốc công giơ tay lên, muốn gọi người tới cứu, nhưng lão bị sặc và nện mạnh cái đít mềm nhẽo xuống những tấm sắt.

Lấy hai tay che dòng nước đang phun mạnh, lão đốc công kêu lên những tiếng gì đó, nhưng Va-xca vẫn cứ phun mãi vào lão, làm bật tung cả cái mũ lưới trai bằng da của lão, làm ướt đầm đìa chiếc áo gi-lê với cái dây chuyền vàng trên bụng lão. Nghe lão kêu, công nhân từ khắp nơi chạy lại. Va-xca quăng vôi nước đi rồi chạy nhanh, men dọc theo dãy lò luyện than cốc, leo lên đồng sắt vụn và lẫn mất.

Chúng tôi gặp nhau cạnh cổng ra vào. Va-xca vặt một chiếc lá nguru bằng dây bụi, lau máu trên môi. Cậu đưa mắt căm thù nhìn về phía làn khói vàng đang cuộn bay trên những lò luyện than:

— Cho đáng kiếp cái lão bụng phệ ấy. Ta đi thôi, Len-ca, cho chúng nó chết cả lũ với than cốc của chúng...

3

Chúng tôi ngồi xuống nghỉ trong một cái khe không sâu lắm. Tôi cho Va-xca xem những chiếc giấy bọc kẹo mới, rồi lấy trong ngực áo ra một sợi dây, rủ cậu chơi trò lăm ngửa và người đánh xe, nhưng Va-xca thờ ơ với tất cả những cái đó.

— Thôi, — Va-xca nói, — vô ích...

Chúng tôi đứng dậy, đi về nhà.

Va-xca sợ bị bắt trừng trị. Nhưng mọi việc đều ổn cả.

Chúng tôi lại chơi với nhau, chúng tôi dựng một túp lều bằng cỏ dại trong vườn rau, rồi đào một cái mỏ. Chỉ có điều là bạn tôi đã thay đổi khác trước. Ở nhà máy người ta đã làm hỏng mắt cậu ta rồi. Cậu trở nên trầm ngâm tư lự: cậu cứ nằm mãi, hai mắt mở trừng trừng. Dù có gọi, cậu vẫn cứ im lặng.

Một lần chúng tôi đang nô đùa cạnh cổng thì chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đi xe tới chỗ chúng tôi, do dự như có lỗi, chú nói với Va-xca:

— Họ phân cho con vào làm việc ở mỏ đây! Bỏ không muốn hủy hoại tuổi thơ của con, nhưng số phận của chúng ta là như vậy — tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ con ạ.

Nghe được chuyện đó, thím Ma-tơ-rê-na òa khóc:

— Thề là chúng ta ném đũa tre vào miệng hùm đây!..

— Thôi im đi! — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích quát thím. — Cứ như thế này cũng đã náo ruột lắm rồi.

Hôm sau thím Ma-tơ-rê-na dẫn Va-xca tới xí nghiệp khai thác mỏ Pa-xtu-khốp-ca.

Tôi trèo lên nóc căn nhà nhỏ bé của chúng tôi, buồn bã nhìn về phía đồng cỏ xa xa. Đó, họ đã xua đuổi Va-xca của tôi tới tận tận đàng ấy, tới chính nơi tận cùng của thế giới...

Tôi đau khổ rất lâu, và cuối cùng không thể chịu được, tôi nhét một miếng bánh vào trong ngực áo, và để phòng xa, tôi lấy thêm hai củ khoai tây sống rồi lên đường tới xí nghiệp khai thác mỏ. Để đỡ sợ, tôi gọi cả con Pôn-can đi theo, nhưng nó chỉ tiến tới bên bờ sông thôi. «Pôn-can, Pôn-can!» — tôi gọi to, nhưng nó ngồi lại bên sông, giương đôi mắt buồn bã nhìn tôi và cứ ngồi lì, ve vẩy cái đuôi ra về hồi lỗi.

Phải đi tất cả ba dặm. Ngoài thảo nguyên cỏ đã khô, thậm chí cây ngải cứu cũng đã đen sạm, chỉ có đây đó những cây ké cao kêu với những chiếc lá bụi bản như những mảnh giẻ rách và những cụm hoa chớp nón bị bứt ra và xoay tít mỗi khi gió thổi.

Đi một mình cảm thấy rờn rợn. Trái dài trước mắt tôi là cánh đồng cỏ buồn bã với những đồng đất đá cô đơn của các xí nghiệp mỏ trông tựa những nấm mồ. Nhìn về đâu cũng chỉ thấy hoang vu, vắng vẻ, lặng lẽ. Chắc chỉ có một mình Chúa từ trên trời dõi theo tôi đang lép nhép với đôi giày rách nát trên bùn nhão nhoét.

Qua khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a là bắt đầu bước vào xí nghiệp khai thác mỏ Pa-xtu-khốp-ca. Xóm thợ đen kịt vì bụi than.

Ở đây cũng như ở vùng chúng tôi tường rào ngăn thấp lè

tè, xếp bằng một thứ đá cát thô, thậm chí mái nhà hầm cũng lợp bằng những phiến đá mỏng. Các ngõ ngách đều hẹp, độ ba bước chiều ngang từ tường nọ tới tường kia. Những căn nhà hầm cũ xiêu vẹo bốn bề trông giống như một đám thợ mỏ ngà ngà say đang ôm nhau đi lang thang.

Tôi vừa bước vào ngõ đầu tiên thì một con chó vàng bị xích liền nhảy lên nóc căn nhà hầm sủa âm lên, rồi nó lại nhảy xuống đất và tiếp tục sủa ăng ăng, kéo lê dây xích kêu loảng xoảng.

Gần đó là mỏ «I-ta-li-a» vẻ khủng khiếp như muốn dọa nạt mọi người. Trên tấm lưới sắt phía trên cổng ra vào có hàng chữ lớn: «Mỏ than Sun-xơ Áp-sê-rô-đen phon Gráp».

Gió lạnh thấu xương. Tôi đi qua một quán rượu. Trên tấm biển có vẽ một con tôm đỏ rất to, càng quặp lấy một cốc vai đựng bia.

Dưới chân rào, giữa những thùng đựng bia vút ngồn ngang, tôi thấy một đám trẻ con rách rưới của xí nghiệp khai thác mỏ. Hai đứa chơi bài, còn những đứa khác hát giọng khàn khàn, rầu rĩ:

Kìa ngựa phi trên con đường
Chật hẹp, tối tăm, ẩm thấp,
Còn chàng phu giữ ngựa trẻ trung
Được khiêng đi với cái sọ vỡ tung!

Kính cửa sổ trong quán rượu rung lên vì người ta nhảy múa trong đó. Bọn trẻ con không mấy may để ý tới tiếng âm âm, vẫn tiếp tục kéo dài giọng hát náo nùng:

Mười hai lần vang lên trống báo
Chiếc thang máy chuyển lên cao:
Đưa lên núi thì hải anh giữ ngựa,
Còn mẹ già nước mắt chứa chan.

Tôi sững sốt khi trông thấy một cô bé gầy gò độ chừng bảy tuổi, khuôn mặt xanh xao với đôi mắt đen to. Trên cái cổ ngẳng lủng lẳng một cây thánh giá bằng đồng. Cô bé ngồi co ro, ôm chặt đôi chân đất sát người, kéo chiếc váy ngắn che đôi gối tê lạnh. Con bé run run cầm điều thuốc lá rít một cách tham lam. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy con gái hút thuốc như vậy. Thỉnh thoảng nó lại ho sù sụ như một ông già.

Bọn trẻ con khe khẽ hát, ra vẻ như miễn cưỡng:

Con chính là chàng giữ ngựa can trường,
Hồi mẹ yêu, mẹ quý của con,
Con bị giết trong mỏ hầm tăm tối,
Còn mẹ thời ở lại cô đơn...

Đề bọn trẻ con xí nghiệp khai thác mỏ khỏi nhìn thấy, tôi cúi xuống, giả vờ lấy một mảnh gỗ mỏng gạt bùn dính vào người. Nhưng chúng đã nhìn thấy tôi.

Một cậu bé rắn chắc, quần áo đen rách rưới, có lẽ là đứng đầu bọn, khệnh khạng bước lại phía tôi, hất thọc hai tay vào túi quần sâu đến tận khuỷu.

— Mày là ai? — hấn hỏi với vẻ khinh bỉ.

— Chẳng là ai cả.

— Cho mày một cú vào mõm chứ?

— Không nên.

— Vì sao?

Tôi cũng không hiểu vì sao và đã trả lời:

— Đánh nhau là có tội. Chúa sẽ trừng phạt.

Kẻ gây sự đưa mắt nhìn cái ngực trần thon phanh trần của mình, nơi có đeo một chiếc thánh giá nhỏ bằng đồng lủng lẳng trên một sợi chỉ cáu ghét, rồi nhổ nước bọt qua hai hàm răng sún:

— Thợ mỏ không phải họ hàng thân thích của Chúa mà phải sợ Ngài như sợ lửa. Hiểu chưa?

— Tớ sẽ mách Va-xca cho mà xem.

— Va-xca nào?

— Va-xca người Na-kha-lôp-ca ấy, bây giờ cậu ta làm việc ở đây.

— Thế cậu và Va-xca là thế nào với nhau?

— Anh em, có nghĩa là láng giềng. Tóm lại là có họ hàng với nhau, tớ mang suất ăn sáng đến cho cậu ta đây.

— Thế đi.

Tôi bỏ mũ và làm dấu thánh.

— Giá nói thế ngay có phải hơn không. Tớ có biết Va-xca. Đi đi, đừng sợ ai cả. Nếu có kẻ nào chặn đường thì nói rằng Pa-sca Lửa đã cho phép đi rồi.

Tôi tiếp tục đi. Nhưng Pa-sca đã đuổi theo và bảo:

—Đi, tớ sẽ chỉ cho cậu biết Va-xca đang làm việc ở chỗ nào. Cậu ta là một anh chàng tốt. Bọn trẻ ở đây mến cậu ta.

Chúng tôi đi bên nhau. Tôi kinh hãi liếc nhìn Pa-sca: nom cậu thật dễ sợ trong bộ quần áo rách nát với khuôn mặt và hai bàn tay đen thui.

—Sao cậu lại bẩn thỉu như vậy?—tôi hỏi.

—Tớ vừa đi làm về,—Pa-sca lãnh đạm trả lời.—Tớ làm ca đêm.

—Ở đâu?

—Còn ở đâu nữa. Lẽ dĩ nhiên ở mỏ. Tớ là người cầm đèn, còn bồ tớ là thợ mỏ ở lò chọ.

Tôi và Pa-sca đi gần tới «quán rượu» cuối cùng thì bất thình lình cánh cửa quán rượu mở tung đánh âm một cái và hai người thợ mỏ xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Một người cầm chiếc cốc chim thợ mỏ, lồng lên định chạy đi đâu đó. Áo bác ta tơi tả từng mảnh đầy máu. Người bạn, một chàng trai trẻ mặt hơi đỏ, vai khoác chiếc phong cầm, đang cố giữ bác ta lại.

—Buông ra đi, Pê-chi-a. Cậu muốn để chúng bóp chết hăm chúng ta à, cậu muốn chúng ta sẽ chết cháy trong hầm mỏ hả?

Tôi khiếp sợ, định bỏ chạy, nhưng Pa-sca đã túm lấy tay áo tôi.

—Đừng sợ. Đây là anh Pê-chi-a của tớ, người khoác chiếc phong cầm ấy, còn người say rượu là bác láng giềng. Con trai bác ta đã bị đè chết dưới mỏ: mất ba ngày tới chỗ xác chết mà cũng không lôi được xác lên. Người mẹ quá đau đớn đã thất cổ tự tử trong nhà kho. Bây giờ bác ấy còn trọi một mình, đã uống rượu say và muốn đi giết chết lão chủ mỏ phôn Gráp.

Pa-sca vừa nói xong câu ấy thì từ góc phố phi ra hai tên kỵ binh Cô-dắc với những mớ tóc lò xo dưới mũ. Sau chúng là một chiếc xe ngựa lắc lư trên những chiếc lò-xo êm, trên xe bệ vệ một người đàn ông, rõ là lão chủ mỏ. Hai tên lính nữa, vai khoác súng, tay cầm roi, cưỡi ngựa theo sau hộ vệ.

—Buông ra, Pê-chi-a, để tôi ra thanh toán với nó,—bác thợ say rượu gào lên và lao về phía xe.

Một tên Cô-dắc quất roi vào đầu bác và bác ta ngã lăn xuống bùn.

Pa-sca vớ vội một hòn đá, lao tới nơi có ấu dả.

Tôi không còn biết chạy đi đâu và tìm Va-xca ở đâu liền chạy luôn tới mỏ...

Tôi phải tìm mãi mới thấy Va-xca làm việc trên tầng. Ở đó có một cái tang bằng gỗ to tướng quay tròn trên một cột trụ cao và quần quanh đó một sợi dây cáp dài. Một đôi ngựa đi vòng tròn, quay cái tang. Va-xca vắt vẻo ngồi trên con ngựa bụng to đi trước, tay cầm cái roi nhỏ lừa con vật. Khi cuộn dây cáp tự gỡ ra khỏi tang, một chiếc thùng tải bằng sắt tự hạ xuống vực tối của hầm mỏ. Sau đó Va-xca quay ngựa lại và lừa chúng đi ngược chiều. Sợi dây cáp rít lên và lại cuộn quanh vào tang, kéo theo từ dưới hầm lên chiếc thùng tải bằng sắt đầy người hoặc than.

Lúc nghỉ giữa giờ Va-xca kể cho tôi biết hai con ngựa tên là Va-lét-ca và Xơ-rê-pét. Cả hai con đều bị mù vì trước chúng phải làm sâu dưới đất trong bóng tối. Tôi lấy bánh mì cho Va-lét-ca ăn. Con vật hấp háy đôi mắt màu xanh xám, hít hít tôi, thậm chí áp cả cái mõm mượt như nhung vào mặt tôi.

—Ngựa nó hôn cậu đấy!—Va-xca âu yếm nói.

Tiếc là không được đứng bên ngựa lâu hơn nữa, vì lão đốc công đuổi tôi ra.

Tôi đi lang thang trong xí nghiệp, dạo vòng quanh mỏ và thấy sờ sờ. Thằng I-li-u-kha kể là giếng lò trong mỏ dẫn xuống tận địa ngục, tưởng như chỉ cần áp tai xuống đất ở dưới giếng là có thể nghe thấy cả tiếng bọn quý sứ nói chuyện với nhau và tiếng rên rĩ của những kẻ phạm tội phải ngồi vạc dầu...

Tò mò muốn xem, tôi tiên gần lại giếng. Vừa lúc đó một chiếc thùng tải bằng sắt treo lơ lửng trên những sợi dây sắt han gỉ ở dưới giếng trôi lên. Trong thùng có những người đứng tới thất lưng như trong két nước—không rõ mặt mũi một người nào, chỉ thấy rằng họ lập loáng và trông mắt trắng dã. Tôi rợn người và vội vã chuồn thẳng khỏi hầm mỏ.

Từ đằng xa tôi vẫy mũ chào Va-xca rồi quay trở về nhà.

Cánh đồng cỏ bát ngát lại trải ra trước mắt tôi. Giờ tôi thấy vững tâm hơn, thậm chí không thấy sợ khi rẽ về phía khe

Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a. Người ta kể là vào thời kỳ Cách mạng năm 1905 bọn sen đầm đã mang công nhân ra đây bắn. Tôi bỗng muốn rẽ vào đó và sục sạo: biết đâu chẳng tìm thấy một viên đạn còn sót lại sau vụ bắn giết? Hơn nữa tôi còn biết ở trong khe có một cái hồ mà từ trên mỏm đá cao có thể ném sỏi xuống nước được.

Khe nằm sâu trong đồng cỏ hoang vu, xa đường cái. Bây giờ đang mùa thu, đã lâu người ta không tắm ở hồ nữa, nên tôi không ngờ là có thể gặp một ai ở đó. Vì vậy tôi sững sốt và sợ biết bao, khi gần tới nơi tôi chợt nghe thấy tiếng người nói rì rầm! Tôi không xác định ngay được tiếng người nói từ đâu vọng lại.

Sau khi thận trọng nhìn quanh từ trên tảng đá xuống, tôi trông thấy hai người lạ. Họ ngồi dưới bức thành cao và rì rầm nói chuyện gì đó. Từ trên nhìn xuống tôi chỉ thấy được mũ họ, còn mặt mũi ra sao thì không biết được. Người mặc áo lính với chiếc mũ lính màu xám nói với người bên cạnh đầu quần băng và đội mũ cát-két:

— Cơ sở bí mật ở Na-kha-lốp-ca, ở nhà Prê-pơ-đốp-nưi, đồng chí biết anh ấy chứ?

— Tôi có nghe nói, nhưng chưa biết mặt.

— Anh ta là thợ giày, bị cụt cả hai chân.

— À, à thế thì tôi biết rồi. Hình như anh ta tên là A-nhi-xim. Thế ra anh ấy chính là Prê-pơ-đốp-nưi à?

— Chính anh ta đây.

— Tôi sẽ đến đó, — người bị băng đầu nói.

Tôi đứng ngay chỗ đó. Bỏ chạy không kịp nữa. Giọng của một người nghe quen quen. Tôi nhìn kỹ và nhận ra chú công nhân chơi phong cầm mà tôi gặp lúc sáng ở Pa-xtu-khốp-ca. Chắc bọn lính Cô-dắc đã đánh chú ấy nên đầu chú ta bị băng.

— Thế nhé, hãy đến đây, — người mặc áo lính nói tiếp. — Đừng triệu tập nhiều thanh niên. Trước khi mời ai vào hãy tìm hiểu xem họ là người như thế nào đã nhé. Nhớ tránh xa những người chỉ thích uống rượu, những kẻ sống bừa bãi, những thằng có họ với bọn quan to và cánh sát.

— Tôi hiểu rồi, đồng chí Mi-chai ạ.

«Mi-chai»... Tôi đã nghe thấy tên này ở đâu rồi nhỉ.

Tôi nhẹ nhàng, rón rén tụt khỏi dốc. Như vẫn còn sợ những con người bí mật ấy nghe thấy tiếng chân, tôi thụp xuống, bò lồm cồm, rồi đứng phắt dậy lép nhép đôi giày rách nát, chạy biến xuống núi. Tôi chạy đến tận con sông nhỏ mới ngồi tựa sau tảng đá và ngoái lại: không ai đuổi theo cả.

«Họ là ai nhỉ? Sao họ lại ẩn trong khe?» — tôi suy nghĩ. Hình như tôi có biết cả người mặc áo lính thì phải. Tôi nhận ra ông ta có bộ râu đen sì, lởm chồm. Người nói chuyện với tôi ở nhà tắm cũng có bộ râu như thế và cũng nói giọng trầm trầm như vậy. Phải chăng chính là bác ta? Thế thì sao bác ấy lại ở trong khe ngoài đồng cỏ, một khi đã làm việc trong nhà máy?

4

Tôi nóng lòng chờ bằng được Va-xca, và khi cậu ấy vừa đi làm về, tôi liền mách cậu ra một chỗ kín nhất sau kho, kể tuốt hết về cuộc gặp gỡ bí ẩn ở khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-à. Để đáp lại, Va-xca chỉ cười khẩy một cách khó hiểu, nhìn tôi chằm chằm tựa như suy nghĩ: có nên nói ra hay không? Cuối cùng cậu từ từ bỏ mũ xuống, lục lọi trong đó, rồi moi ra một tờ giấy gì đó.

— Xuyt..., khẽ chứ, — Va-xca thăm thĩ và đưa tờ giấy cho tôi.

Tôi mở ra. Đó là một bức tranh, trong có vẽ một quả núi cao xếp toàn bằng người và trông giống một đồng than hình chóp ở trong mỏ. Trên đỉnh cao nhất là vua và hoàng hậu ngồi, bên cạnh có đề dòng chữ: «Trăm cai trị các người». Dưới vua và hoàng hậu là bọn nhà giàu, quần áo sang trọng đắt tiền, đứng trên một cái vòng rộng giống như chiếc đu quay. Ở đây có dòng chữ khác: «Chúng ta cai trị các người». Dưới nữa cũng trên một vòng tròn là các cha cố, tu sĩ và đủ loại bọn lính mục. Bên đó có dòng chữ mà tôi không hiểu: «Chúng ta làm các người u mê». Dưới tầng cha cố trên một vòng rộng hơn là bọn hiền binh, cánh sát, tướng tá. Bên cạnh có đề:

«Chúng ta xử bắn các người». Dưới bọn nhà binh lại có một vòng khác, trong có kê một cái bàn bày đầy các loại rượu và đồ nhắm. Quanh bàn là bọn con gái, lái buôn và chủ nhà máy với biển đề: «Chúng ta ăn hộ các người». Dưới cùng là công nhân và nhiều người nghèo khổ khác, họ gập người dưới sức nặng đè nén của bọn bóc lột. «Chúng tôi nuôi các ông», «Chúng tôi làm thuê cho các ông» — có hai dòng chữ để như vậy. Công nhân mang trên mình cả một đồng người như thế, rõ ràng là đã hoàn toàn kiệt sức, nhiều người đã ngã gục, chỉ có một người vùng ra khỏi vòng đó. Tay anh ta cầm lá cờ đỏ với dòng chữ «Sống tự do hay chết trong đấu tranh!»

— Đây là cái gì thế?

— Tranh áp-phích chống lại vua.

— Cậu sẽ làm gì với bức tranh này?

Để trả lời, Va-xca nhặt chiếc đinh gỉ, lấy lại áp-phích từ tay tôi và chọc thủng hai mắt vua.

— Đây mình sẽ làm như thế, — Va-xca tức giận thốt lên và muốn xé toạc cả bức tranh áp-phích.

— Chúng mình đem dán vào hàng rào nhà thằng Xen-ca hàng giờ đi? — tôi đề nghị.

— Nếu mà nhét được cho chính nhà vua nhỉ, — Va-xca nói.

— Phải đây; và chúng mình sẽ viết thêm sang bên cạnh: «Vua là đồ chó».

Chúng tôi ngồi xuống chiếc ghế dài, rồi bắt đầu thi thảo bàn cách xem làm thế nào gửi được nó cho vua.

Đột nhiên chúng tôi thấy trong bóng tối có một người nào đó rón rén bước tới căn nhà đất. Người đó gõ vào cửa sổ, chờ trả lời và khẽ hỏi:

— Ông thợ giày A-nhi-xim ở đây phải không?

Chúng tôi nín thở. Tiếng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích vọng ra từ căn nhà đất:

— Ở đây, cần gì đây?

— Anh Pa-ven gửi lời chào. Tôi đến lấy ủng, — người lạ mặt nói.

— Ủng đã xong rồi. Mời anh vào, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích trả lời.

Người lạ mặt đi qua, không nhìn thấy chúng tôi. Cánh cửa kêu cọt kẹt và lại trở nên yên tĩnh. Tôi có cảm tưởng như đã nhận ra người ngồi ở khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a.

Tôi chưa kịp nói điều đó với Va-xca. Ngoài phố lại nghe thấy tiếng chân. Lại một người nữa bước tới ngôi nhà đất và câu chuyện về anh Pa-ven nào đó và về đôi ủng lại lặp lại. Khi người đó khuất trong bóng đêm rồi, Va-xca mới thì thảo với tôi.

— Ngồi yên, đó là những người hoạt động bí mật đây.

Tôi ngạc nhiên: những người hoạt động bí mật đến ngôi nhà đất của chú A-nhi-xim I-va-nô-vích làm gì, một khi ở đó ngay cả nền nhà cũng không có — chỉ toàn đất trát thêm đất sét trộn với phân bò?

Chẳng bao lâu bồ tôi cũng đi qua đường tới ngôi nhà đất, theo sau ông là chú thợ máy Xi-rôt-ca, cụt một tay. Sau đó chú công nhân người Trung Quốc cao kêu xuất hiện trong bóng đêm. Tôi đã có lần gặp chú đó. Khi ông khách từ Pa-xtu-khốp-ca, đeo trên vai chiếc đàn phong cầm xuất hiện, tôi mới vỡ lẽ là các công nhân tụ họp lại ở trong ngôi nhà đất là những người chống lại vua. Tôi sốt ruột muốn xem và kéo Va-xca vào nhà.

Chúng tôi vừa bước vào nhà, thì chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đã đuổi luôn chúng tôi ra. Nhưng tôi đã kịp nhận ra người có bộ râu đen lồm chồm. Bác ta đã làm cho tôi thích với đôi mắt tinh ranh, với hàm răng trắng và tươi tắn như của người Di-gan.

— Các cậu ở đây chả có việc gì đâu, — bồ tôi đẩy vào lưng chúng tôi và nói, — Len-ca, con đi ngủ đi, còn Va-xca...

Bồ tôi nói thầm với cậu cái gì ấy, rồi Va-xca bước ra. Sau tôi mới biết là bồ tôi sai Va-xca ra gác cạnh nhà. Nếu cánh sát xuất hiện thì phải hát to: «Vào ngày thứ bảy, ngày mưa gió...»

Như thế còn nói chi đến ngủ với nghề nữa.

— Va-xca, cho mình gác với cậu nhé, được không?

— Nhưng coi chừng, phải im lặng...

Chúng tôi nép kín bên hàng rào và bắt đầu quan sát.

— Va-xca, ông có râu là ai đây?

— Cán bộ bí mật ở Lu-gan-xơ. Cậu có biết ông ấy dừng cảm như thế nào không? Hoạt động chống lại vua đây.

Chống lại vua! Tôi và Va-xca đang bảo vệ một người như thế đó! Thế có nghĩa là tôi cũng hoạt động chống lại vua. Thăng I-li-u-kha tóc hung mà biết, nó có thể chết được vì ghen.

Màn đêm đã bao trùm cả mặt đất, nhưng tôi không thấy sợ. Thậm chí còn muốn cho cánh sát đèn nhanh lên để tôi và Va-xca hát vang: «Vào ngày thứ bảy, ngày mưa gió...» Tôi căng mắt ra nhìn vào bóng đêm, nhưng chẳng trông thấy một ai ở đâu cả.

Thời gian trôi qua đã khá lâu, tôi lạnh cóng cả người, nhưng chả lẽ lại bỏ về nhà, khi còn muốn nghe đến chết được xem trong nhà người ta nói gì.

— Va-xca, Va-xca này, cửa sổ nhà cậu có lỗ thủng đây! — tôi thì thầm.

— Biết rồi.

— Nhưng chỗ kính lại bị gôi che mất...

— Thế thì sao? Mình che đây để khỏi gió lùa.

— Biết rồi... nhưng tớ muốn nói là cái gôi có thể tháo ra được...

Không biết Va-xca có hiểu tôi hay không, hay chính cậu ấy cũng muốn nghe các nhà hoạt động bí mật nói chuyện, — cậu ta dọa tôi — «Im» — rồi chúng tôi lên tới cửa sổ. Va-xca quỳ gôi, thận trọng vạch mép gôi ra và chúng tôi bắt đầu lắng nghe.

Ông có râu đang nói — tôi nhận ra tiếng ông ta:

— Bọn cha cô, tư sản, hiền binh, cả một bấy lũ ăn bám xã hội đè nén chúng ta. Nhà tù đầy chật. Nhân dân gục chết dưới làn đạn của Nga hoàng. Các đồng chí, khắp nước Nga đang rên xiết. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công nhân Dân chủ Xã hội bên-sê-vích Nga kêu gọi chúng ta đấu tranh. Cần đập tan tàn thê giới cũ. Nước mất và sự phản kháng không giúp gì được. Chỉ có những bàn tay chai sạn của chúng ta, tạm thời được trang bị bằng cuộc chim, mới đem lại cho mình tự do...

Chúng tôi nhìn nhau và lùi khỏi cửa sổ.

— Nghe rõ chứ? — Va-xca thì thầm.

Tôi gật đầu.

— Đó, một con rắn độc!

— Ai kia?

— Vua chứ còn ai? Toàn nước Nga rên xiết, còn hẳn thì uồng rượu vôt-ca và bắn vào công nhân.

Nước Nga rên xiết... Thế mà thảo nguyên về đêm lại yên tĩnh đến mức không nghe thấy một tiếng động.

Chúng tôi lại ép sát vào cửa sổ. Bỏ tôi đang nói:

— Chúng ta rên lây vũ khí, các đồng chí ạ. Bốn mươi thanh gươm và một trăm lưỡi mác đã được cất giấu ở nơi tin cậy. Các đồng chí thợ mỏ hãy dừng cảm đứng lên, cả dân tộc vùng lên theo các đồng chí...

5

Chúng tôi rời khỏi cửa sổ để kiểm tra xem có tên canh nào lên tới không, nhưng xung quanh vẫn yên ắng, chỉ có những ngôi sao nhấp nháy trên bầu trời tối đen.

Bỗng nhiên từ xa xa đâu đó trong đêm tối vọng tới tiếng rên rỉ xé lòng kéo dài. Tiếng rên rỉ lắng đi rồi lại lặp lại. Cái gì thế? Tiếng rên rỉ xé lòng và ngắt quãng từng hồi vọng tới chỗ chúng tôi ngày càng rõ. Tôi nắm lấy tay Va-xca trong bóng đêm.

— Nghe thấy không?

— Khoan! — Va-xca bực mình nói, lắng nghe tiếng rên rồi ai oán.

— Cái gì thế?

Va-xca im lặng.

— Nước Nga hả?

— Sao?

— Nước Nga rên xiết hả?

— Nước Nga nào ở đây! Còi mỏ Pa-xtu-khốp-ca kêu cứu đây! Lại xảy ra chuyện gì ở đó rồi, — Va-xca lại im bật, lắng nghe.

Và trong đêm tối lại vang lên, vang lên tiếng gọi đơn độc.

Sau đó như để đáp lại, các mỏ khác cũng kéo còi vang lên ào ạt. Thế là trong đêm tối hàng chục tiếng còi: «Ô, ô, ô... u, u, u...» — rền rĩ, gieo rắc sợ hãi và lo âu.

Va-xca lao vào nhà, nhưng những người hoạt động bí mật đã từ trong chạy ra, vừa chạy vừa mặc áo. Cả chú A-nhi-xim I-va-nô-vích cũng trượt xe ra theo.

— Pa-xtu-khốp-ca cháy rồi, — Va-xca kêu lên. — Kia kia, nhìn kia!

Phía mở sáng rực lên một ánh hồng ghê rợn. Người chơi phong cầm ở Pa-xtu-khốp-ca vẫy tay tuyệt vọng, rồi chạy dọc theo đường phố. Mọi người rượt theo anh.

Tiếng chân rậm rạp khắp nơi. Mọi người xô đẩy nhau chạy cả về một phía. Trong đêm tối vang lên những giọng nói lo lắng.

— Đi chứ? — Va-xca nắm chặt tay làm tôi phát đau. — Đằng ấy còn có cả con Va-lét-ca và Xtơ-rê-pét đang cháy...

Tôi chợt nhớ tới những con ngựa mù và không kịp nghĩ ngợi, lao ngay theo Va-xca.

Đến góc phố, chúng tôi va phải bố tôi. Nhận ra tôi, ông bắt quay về. Chúng tôi buồn rầu đứng lại. Tôi cảm thấy Va-xca rất muốn chạy đến mỏ, nhưng lại không dám bỏ tôi lại một mình.

Chúng tôi đi ra ngoài thành phố. Ở đây nhìn thấy rất rõ đám cháy. Mỏ Pa-xtu-khốp-ca ở trên núi và ánh hồng ngày càng đỏ rực lên, chiếu sáng cả nửa cánh đồng cỏ. Thấy rõ cả đồng đất đá hình chóp đỏ rực khủng khiếp của mỏ «I-ta-li-a».

Còi vẫn rú. Mọi người chạy ngược chạy xuôi, từ mọi nơi lao tới, hốt hoảng hỏi nhau việc gì đã xảy ra. Một người nào đó lên tiếng: «Mỏ cháy». Người khác quả quyết: «Tất nhiên có tiếng nổ mà». Rồi những giọng nói xúc động, thương xót, giận dữ và phẫn nộ chen lẫn nhau:

— Thế là lại chết những người cột trụ kiếm ăn cho gia đình, và rồi trẻ mồ côi lại đi ăn xin khắp nơi.

— Quạt trong lò không chịu chữa, thế là xảy ra cháy!

— Bọn chúng cần đêch gì quạt, với chúng bỏ mặc anh em mình chết còn hơn!

— Quảng cái bọn ăn bám ấy xuống giếng lò!

Rằng tôi va vào nhau lập cập vì sợ. Trong tiếng rì rầm hỗn độn của mọi người tôi nhận ra tiếng mẹ tôi. Bà đang hỏi ai đó về tôi. Lăn đi không kịp nữa rồi. Mọi người đã thấy tôi và dắt tôi lại chỗ mẹ. Bà phát cho tôi một cái.

— Á chà, thằng du thủ du thực đây rồi. Tôi đi sục sạo khắp phố tìm nó, còn nó lại nghĩ ra cách đi chơi đêm thế này đây!

Thím Ma-tơ-rê-na cũng định dắt Va-xca về thì một người từ phía Pa-xtu-khốp-ca chạy lại và kêu to:

— Anh em ơi! Lại cứu mau! Công nhân mỏ Pa-xtu-khốp-ca gặp tai nạn.

Va-xca giằng tay mẹ, lao về phía đồng cỏ tối mịt.

6

Suốt đêm trong thành phố không ngừng báo động. Ngoài cửa sổ nghe rõ tiếng kêu la, tiếng súng và tiếng chân người chạy rậm rạp. Mẹ tôi tắt đèn và đứng bên cửa sổ, căng mắt nhìn vào bóng đêm.

Đèn sáng Va-xca chạy lại nhà tôi và kể lại rằng: hơi đột dưới hầm mỏ «I-ta-li-a» nổ tung làm chết cả một kíp thợ, cả tòa nhà mỏ và chuồng ngựa đều bị cháy trụi.

Va-xca hào hứng thuật lại: công nhân lôi tên chủ mỏ phôn Gráp ra khỏi nhà, kéo nó tới giếng lò, định ném hẳn xuống đó, nhưng lính Cô-đắc đã ập tới và đánh tháo cho hắn.

Suốt ngày trong thành phố không được yên, bố tôi cũng vắng mặt cả ngày. Hai mẹ con chỉ lo chúng đã bỏ tù bố tôi rồi. Gần sáng bố tôi mới về, với vẻ hồi lỗi, bố tôi đặt lên bàn đồng rúp nhàu nát và ba mươi một cô-pêch tiền lẻ. Bọn chủ đã thanh toán tiền lương và từ giờ sẽ không nơi nào nhận bố tôi vào làm việc nữa vì chúng đã cấp cho bố tôi «thẻ căn cước chó sói»*.

* Dưới thời Nga hoàng những người có «thẻ căn cước chó sói» là những người chống đối lại chính phủ và không nơi nào được nhận họ vào làm việc. (N.D.)

Bọn cảnh sát phi ngựa lùng sục khắp các phố. Mẹ tôi nghiêm khắc cấm tôi ra khỏi cổng để phòng nhỡ vô phúc lại bị ngựa xéo. Nhưng đến hôm đưa tang những người thợ, tôi đã trốn được và cùng Va-xca chạy đến Pa-xtu-khốp-ca.

Tất cả mọi ngã đường về mộ đều đông nghịt. Cảnh sát, hiến binh và lính Cô-dắc xua đuổi mọi người, thúc ngựa húc vào phụ nữ và trẻ con, nhưng người ta vẫn cứ đi và đi.

Quang cảnh nơi mộ bị cháy làm tôi sửng sốt. Khói đen vẫn còn nghi ngút trên tòa nhà của mộ. Tàn tro bay tứ tung. Mùi bồ hóng muội than ẩm ướt bốc lên và cả một thứ mùi gì nặng nề, lơ lửng đến lợm giọng. Những ngôi nhà đất yên ắng, các quán rượu vắng tanh. Thậm chí chó cũng ngừng sủa, như hiểu đã xảy ra điều gì.

Những chiếc xe ngựa chở các quan tài ghép bằng gỗ ván rẻ mạt xếp hàng kéo đến nghĩa trang. Đám tang dài đến một dặm. Những con ngựa lê bước rầu rĩ, như thể chúng cũng cảm thấy nặng nề vì phải chở một thứ hàng kinh khủng.

Hai bên đám tang là bọn hiến binh, kiếm tuốt trần, oai vệ ngồi trên ngựa thành một hàng dài. Chúng cản không cho một ai lại gần quan tài.

Một nhóm công nhân lừ lừ tiến trước đoàn xe. Họ khiêng trên vai một chiếc quan tài đóng vôi vữa và hát chuech choạc, nhưng đầy khí thế:

Vì tình yêu nhân dân thấm thiết
Các anh đã ngã xuống trong đấu tranh quyết liệt.
Các anh đã hiến dâng tất cả, tất cả những gì có thể có,
Cho nhân dân, cho cuộc sống tự do!

Cả cảnh đồng cỏ vang lên tiếng khóc của trẻ con và tiếng kêu gào của phụ nữ. Một người đàn bà bò lết dưới đất, tay vươn về phía những chiếc quan tài. Bà ta đã khản cổ, không còn khóc được nữa. Xen lẫn tiếng rên rỉ đó, bài hát vẫn vang lên một cách trang nghiêm:

Đôi khi ngột ngạt trong lao tù u ám
Quân thù tàn bạo thẳng tay kết án
Và các anh «ra đi» kéo theo
Cả xích xiềng loáng xoảng...

Tên cảnh sát trưởng, găng tay trắng toát, quất mạnh ngựa, thúc con vật lồng lên trước và gào lên, đứng ưỡn thẳng trên

bàn đạp hết một chú gà sông:

— Không ha-a-át nữa! Tao ra lệnh: i-i-im ngay!

Công nhân không thèm để ý đến hắn, lại càng hét to:

Còn bọn độc tài chuyên chế
Tiệc tùng chè chén trong cung điện xa hoa
Rượu tưới tràn lên lo lắng sâu xa
Có biết đâu những dòng chữ góm ghê
Đã được bàn tay số phận khắc trên vách đá!

Tôi len lỏi qua đám đông và trông thấy bố tôi đi hàng đầu. Bố tôi ghé vai khiêng một bên quan tài, còn phía bên kia là chú công nhân chơi phong cầm ở Pa-xtu-khốp-ca đang chậm rãi bước.

«Không biết có phải bạn chú ấy nằm trong chiếc quan tài đó không nhỉ?» — tôi tự hỏi.

Bố tôi bước chậm chậm và cùng hát với mọi người:

Nhân dân rồi sẽ đứng lên
Hiên ngang giành lấy tự do.
Vĩnh biệt những người anh em.
Các anh đã trải qua
Con đường vinh quang.

Đến nghĩa trang, bọn cảnh sát không cho ai vào, ngoài những người khiêng quan tài. Tuy nhiên tôi và Va-xca vẫn chui qua được hàng rào ọp ẹp, mặc dù tôi bị tên lính Cô-dắc cưỡi ngựa quất cho một roi khá đau.

Trên mặt đất trong nghĩa trang không một khóm cây nhỏ. Chỉ có ngải cứu, ngưu bàng và những cây thập ác thừa thớt đó đây. Huyệt chung — một hồ dài và sâu hoắm — được đào giữa nghĩa trang. Người ta dùng thùng rỗng những chiếc quan tài xuống đó và xếp thành một hàng.

Một cô bé nhà ai mặc áo vải hoa dài nín lặng tay các chú công nhân và hét đến khản cổ:

— Các chú cho ông cháu xuống đâu thể, ở đó có con nhái kia!

Một bà vợ thợ mỏ quỳ phía bên kia. Bà ta ôm chặt chiếc quan tài gỗ than thở rên rỉ:

— Anh chết đi, để lại lũ trẻ mồ côi cho ai?

Bên cạnh bà ta lau nhau lút nhút một lũ trẻ con. Đứa lớn nhất — một chú bé cau có khoảng mười ba tuổi — một tay

lau nước mắt, một tay đỡ mẹ. Tôi liếc nhìn và nhận ra cậu bé cầm đầu bọn trẻ ở Pa-xtu-khốp-ca. Đúng, chính là cậu ta, Pa-sca Lửa dữ tợn và tóc tai bù xù.

Trong bộ áo lễ màu đỏ sẫm viền bạc, cha I-ô-han với khuôn mặt tin đồ hiền dịu đáng mến, đứng bên hồ, dung đưa chiếc bát hương tỏa làn khói xanh thơm ngát và trầm trầm tụng:

— Kính Chúa Giê-xu, cầu cho các linh hồn bấy tôi của Chúa được an nghỉ cùng với các thánh ở nơi không có bệnh tật, không có buồn rầu, không có thờ than, mà chỉ có cuộc sống vô tận. Thân cát bụi người sẽ trở về cát bụi. Mọi chúng con sẽ ra đi, tiếng nức nở trên mộ sẽ thành khúc ca. Cảm tạ Chúa trời.

Bài hát cầu hồn vang lên buồn bã xen lẫn tiếng nức nở của đàn bà. Rõ ràng là chính cha I-ô-han cũng thương tiếc những người thợ mỏ đã chết. Ông đưa tiễn họ lên thiên đường.

Chú thợ máy Xi-rôt-ca trong chiếc áo sạch với một bên tay buông thông giắt vào thắt lưng, đứng bên mộ lắng nghe tiếng cầu kinh lầm rầm buồn bã của cha cô, mặc cho những giọt lệ lã lã rơi.

Cách xa chúng tôi, lão hàng giò Xư-bu-li-a về mặt thành kính, đứng lẫn trong đám đông những tiểu thư mặc điện đủ kiểu. Từ xa đưa mắt về phía mộ, hắn làm dấu và nói gì đó với tên đứng cạnh — lão chủ quán rượu Ti-tốp. Tôi lắng nghe.

— Đời người như ngọn nến trước gió. Thôi một cái là tắt. Chả có gì là vĩnh cửu cả.

— Cả nhà vua lẫn bọn dân đen tất cả đều chui xuống đất cả... — lão chủ quán rượu trợn mắt đáp lại.

Lão Xư-bu-li-a thở dài phụ họa:

— Ông nói đúng chân lý, ông Tít Vla-xô-vích ạ. Tất cả đều đời ơn Chúa. Nay sống, mai chết... — và lão chủ quán vội vã làm dấu thánh cho mình.

Chú Xi-rôt-ca nhìn lão Xư-bu-li-a và khẽ nói như rít lên:

— Mà cũng cầu nguyện cơ à, đồ lái buôn? Sợ chết hả? Còn những người tốt thì lại nằm xuống...

— Chúa sinh ra, Chúa lại đòi về thôi, — lão Xư-bu-li-a giận dữ trả lời và quay ngoắt đi.

— Chúa... Thế Chúa của mày ở đâu? Chỉ tao xem nào.

— Thằng phản Chúa, — lão chủ quán rượu Ti-tốp giận dữ rít lên. — Sao lại có thể nói như thế được? Chúa ở ngay trong lòng mày, trong tâm hồn mày ấy.

Mặt chú Xi-rôt-ca tối sầm lại.

— Trong tao à? — chú hỏi, tay nắm chặt lấy cổ áo, dường như chú thấy nghẹt thở. — Đâu, Chúa ở chỗ nào trong tao, chỉ tao xem? — Chú giật mạnh cổ áo làm khuy đứt tung, phơi trần bộ ngực gầy guộc. — Đây hả? Chỗ này hả, tao hỏi mày đây? — Chú Xi-rôt-ca vừa thở vừa hỏi. — Thế thì sao Chúa không thấy được tao đói nghèo, còn mày béo chầy mỡ ra?

— T-sì-sì, — lão chủ quán lại rít lên, liếc nhìn chú Xi-rôt-ca. — Khéo Đức Cha nghe thấy, mày không xấu hổ à?

— Đức Cha của mày là thằng cảnh sát mặc áo thày tu. Người đáng xấu hổ phải là chúng mày, bọn nhà giàu ăn bám. Công nhân làm nuôi chúng mày mà chúng mày lại giết họ.

— Mày không được phép nói với tao như vậy, — bỗng tên chủ quán găm lên. — Tao là nhà buôn hạng nhất, tao là nghị viên chính thức của thành phố. Ê, cảnh sát đâu?

— Cứ gọi đi, gọi đi, đồ đê tiện, rồi chúng mày sẽ sặc máu của chúng tao.

Bọn cảnh sát lập tức tóm lấy chú Xi-rôt-ca lôi đi.

Tôi thấy Va-xca cố giữ bình tĩnh và để ý theo dõi xem cậu sẽ làm gì. Va-xca tiến lại gần lão chủ quán rượu và đập thẳng vào mặt hắn vừa đủ nghe thấy:

— Thằng giàu hợm ăn đuôi lợn!

Lão chủ quán giật nảy người như bị một cái tát:

— Đồ lưu manh, đồ khô rách áo ôm. — Thằng lái buôn gào lên. — Lừa tất cả chúng mày xuống hồ.

Tôi thấy nhẹ cả người, Kệ cho bọn hắn chửi rửa, miễn là chúng ta thắng!

Tôi và Va-xca rời khỏi nghĩa trang sau cùng, khi ở đó chỉ còn lại bọn cảnh sát và những bà mẹ cùng bọn trẻ con khóc lóc bên mộ.

Chúng tôi đi yên lặng bên nhau, không muốn nói chuyện gì cả.

Chiều đã xuống. Khi chúng tôi tới gần thị trấn thì một chiếc xe ngựa phóng từ phía mỏ Pa-xtu-khốp-ca lại, đuổi kịp chúng tôi. Cha I-ô-han say bí tỉ, lắc lư nửa ngồi nửa nằm trên chiếc ghế da mềm trong xe. Mái tóc tơ mềm như của đàn bà rồi bù, một chân đi ủng buông thõng trên bánh xe. Thỉnh thoảng ông ta lại hoa tay lên, rồi do bị chât độc vốt-ca kích thích không còn tỉnh táo, ông ta cất giọng khàn khàn:

Mọi người đều bảo em đã trở nên nhẹ dạ,
Mọi người lại bảo em yêu lắm chàng trai...
Ôi, em yêu rất nhiều, rồi em lại quên tất cả.

Lão Xư-bu-li-a níu lấy chiếc áo cha cổ dài lượt thướt màu tím và lè nhè:

— Cha ơi, con yêu cha, chúng mình hôn nhau đi.

Thế là cả hai quắp chặt lấy nhau, gí sát những cặp môi chày nhào vào nhau.

Nỗi uất hận cay đắng vì bị xúc phạm bóp nghẹt tim tôi. Thế nghĩa là cha I-ô-han mà tôi hằng kính trọng cũng cùng một giuộc với lão Xư-bu-li-a. Thế nghĩa là ông ta chả thương tiếc gì những chú công nhân đã chết, mà chỉ là giả vờ khi ông ta cầu nguyện cho họ ở nghĩa trang... Thế mà tôi lại nghĩ, khi nào ông ta kết thúc nghi lễ cầu nguyện, các thiên thần sẽ đón ông ta lên thiên đường và ông ta sẽ kể cho Chúa nghe những người thợ đã chết như thế nào và ông ta đã chôn cất họ ra sao... Té ra là cha cô đã đánh lừa tôi và Va-xca, ông ta đã đánh lừa cả các chú công nhân, đánh lừa ngay cả Chúa nữa...

— Nồi cho say vào như đồ con lợn ấy, đồ bõm ngựa, — tôi nói. — Chúa sẽ trừng phạt hẳn ta, phải không Va-xca?

— Sẽ trừng phạt... bằng những chiếc bánh bột trắng có nhân và cả nửa chai vốt-ca nữa... — Va-xca giận dữ lau bầu.

— Sao lại bằng bánh có nhân?

— Vì... — Va-xca cau mày rồi im bặt như không hài lòng, vì tôi không tự đoán ra được. Cậu ta nhìn quanh, mặc dù cách đây đến một dặm không một bóng người rồi với vẻ hết sức kiên quyết thì thào: — Vì... nếu cậu muốn biết... tớ sẽ nói

cho mà nghe: hoàn toàn không có Chúa.

Tôi đứng sững lại.

— Sợ cái gì? Tớ nói: không có Chúa.

— Sao lại không có, cậu nói gì vậy, Va-xca? Cậu làm dấu đi!

— Tớ cần gì phải làm dấu. Những người hoạt động bí mật không bao giờ nói dối cả.

— Thế Chúa đi đằng nào?

— Chả đi đâu cả. Chẳng bao giờ có Chúa cả.

— Thế nào? Hôm qua rõ ràng chính mắt tớ trông thấy Chúa ở nhà thờ cơ mà.

— Cậu nhìn thấy tranh vẽ đây.

— Không, ảnh Đức Chúa hẳn hoi.

— Đó cũng chỉ là tranh vẽ thôi. Bọn tư sản đã bôi bác ra để...

Va-xca không nói nốt, giận dữ rút ở trong ngực ra tờ tranh áp-phích và chỉ vào chỗ có cái đu quay, trên đó vẽ những khuôn mặt mộ đạo.

— Xem người ta viết gì đây này, đọc đi.

— «Chúng ta lừa đảo các người».

— Thế đây, cậu phải hiểu...

Nhưng tôi chả hiểu gì cả. Không thể không tin Va-xca được, mà tin thì thật khủng khiếp.

— Va-xca, thế có Đức Mẹ không? — tôi lắp bắp hỏi.

— Chẳng có Đức Mẹ nào cả.

— Thế thiên đường?

— Gì?

— Thiên đường có không?

— Thiên đường, thiên đường — cậu cứ nằm xuống giường mà chết, — Va-xca cau có đáp lại.

Chúng tôi im lặng.

— Thế ai làm ra cây cối, hầm mỏ và... các loại dưa chuột? Câu hỏi của tôi lại làm Va-xca nổi khùng.

— Cậu có nghe thấy chú Xi-rôt-ca nói gì về Chúa ở nghĩa trang không? — cậu ta ngán ngẩm hỏi.

— Thế sao?

— Không, cậu nói đi, có nghe thấy không?

— Nghe thấy.

—Thế là đủ rồi. Không có Đức Chúa nào cả.

Tôi sững sờ trở về nhà. Mẹ tôi đi vắng. Thánh Nhi-cô-lai từ góc nhà phía trước nhìn tôi với cặp mắt tức giận. Bộ mặt nghiêm khắc tối sẫm của Người thật đáng sợ.

«Làm sao lại không có Chúa nhỉ?—tôi suy nghĩ.—Thế còn những bài kinh nguyện, còn Nhà thờ, còn Chúa Giê-xu và, kia nữa là thánh Nhi-cô-lai? Nếu chỉ là tranh thì sao vị thánh đang nhìn tôi dữ tợn thế kia? Chắc Người đã biết được câu chuyện giữa tôi và Va-xca».

Tôi moi cuốn lịch thánh nhàu nát ở sau bức tượng ra. Đây là bà thánh khổ hạnh Vác-va-ra có cặp mắt buồn buồn như của A-li-ô-sa Pu-pôc. Hồi trước, khi bà tôi còn sống, bà có dạy rằng «muôn tránh khỏi cái chết bất ngờ hoặc muôn khỏi đau đầu thì cầu nguyện bà thánh đó». Còn đây lại là một vị thánh nào đó hói đầu, mặc áo dài, tay cầm cuốn sách, hình như là ông thánh Tờ-rô-phim, vị thánh mà người ta cầu nguyện vào ngày mồng một tháng Hai «để trừ sạch các loại chuột». Và đây là Chúa Giê-xu chịu tội đóng đinh trên cây thánh giá. Sao ông ta gầy như bộ xương ấy nhỉ? Vì ông ta nhịn ăn nhịn uống, luôn đau xót cho tội lỗi của mọi người đây. Vậy thì sao lại không có Chúa?

Thế nhưng điều đó lại chính do Va-xca cho tôi biết, mà tôi không tin ai bằng Va-xca. Tôi lại nhớ lại cha I-ô-han say rượu và cô bé mồ côi khóc trước mộ người ông làm thợ mỏ. Chúa làm gì mà lại để cô bé khóc như vậy, sao Chúa không bênh vực cô ta? Tôi nhớ cả đến Xen-ca Xư-bu-li-a. Không lẽ Chúa không nhìn thấy thằng con hàng giò ấy đã cưỡi lên cổ tôi, mà sao Chúa không trừng phạt nó?

«Đâu, Chúa ở đâu, chỉ tao xem?»—tai tôi văng vẳng tiếng chú Xi-rôt-ca. Và tôi bỗng cũng muốn dừng cảm nói như vậy: «Chúa đâu nào? Va-xca bảo làm gì có Chúa!»

Chúa có hay không? Biết hỏi ai bây giờ nhỉ? Hỏi mẹ—mẹ mắng cho, còn hỏi bố ư—chả có gì mà hỏi—bố tôi có đi nhà thờ bao giờ đâu.

Một ý nghĩ chợt thoáng qua: «Sao, nếu như tự mình hỏi Chúa xem thế nào?»

Mắt không rời khỏi ảnh thánh, tôi tiến lại gần đó. Vị

thánh có mọi phép nhiệm mầu Nhi-cô-lai giận dữ nhìn tôi. Tôi khẽ hỏi, cho ông ta khỏi nghe rõ từng lời của tôi:

—Này Chúa, ông không có trên đời này, phải không?

Hỏi xong tôi rút cổ, lim dim mắt chờ tiếng sét phạt. Chung quanh vẫn yên ắng. Tôi sờ lưng xem đã cứng ra chưa? Lưng vẫn động dậy được.

—Không có Chúa,—tôi lặp lại to hơn.

Chúa lơ lơ nhìn tôi với đôi hồ mắt tối sẫm.

—Không có Chúa! Chẳng có Chúa!—tôi la lên, lòng thanh thản, vui vui.—Làm gì có Chúa, toàn tranh thôi.—Tôi tiếp tục hét lên, rồi đá bật cánh cửa, nhảy phắt ra sân.

Mặt trời chiều sáng rực rỡ, tôi như thấy bầu trời bao la hơn trước.

—Không có Chúa!—tôi gào vang lên khắp phố và thấy thằng I-li-u-kha tóc hung đang chằm trệ trên hàng rào. Nó tròn xoe mắt nhìn tôi, mồm há hốc ra.

—Sao, làm sao mà tròn mắt ra thế? Chúa của mày không có và thiên thần cũng không!

I-li-u-kha định làm đầu thánh, nhưng không làm được vì quá sợ. Nó nhảy phắt từ trên hàng rào xuống và ba chân bốn cẳng chạy như bị xua đuổi.

—Tóm lấy thằng I-li-u-kha—thánh tiên tri,—tôi kêu với theo rồi chạy qua đường đến nhà Va-xca. Đang đà chạy, tôi suýt húc phải bụng thằng Da-grê-bai. Tên cảnh sát thộp ngay lấy cổ áo tôi:

—A này, đứng lại. Ai bảo mày không có Chúa. Đi về gặp bố mày. Ai là bố mày?

—Bác, cháu xin bác, cháu không dám thế nữa...

—Nói láo... Gớm, thì ra chúng mày không còn tôn ti trật tự gì nữa—không có Chúa!

—Đây, Chúa đây, nhìn thấy chưa?

Tôi yên lặng nhìn nắm tay to tướng bắn thiu đầy mùi dưa chuột muối của hắn. Tên cảnh sát gí sát nắm đấm vào tận mắt tôi, che khuất cả bầu trời.

Rồi tên cảnh sát tát tai tôi một cái và tôi ba chân bốn cẳng chạy đến chỗ Va-xca.

Chương ba

HOA ANH TÚC ĐỎ

Gió bốc hần thù điên cuồng tàn phá
Thê lực hắc ám bóp nghẹt chúng ta.
Ta bước vào trận đấu tranh quyết liệt
Sở phận không ai biết còn chờ đợi ta.

1

Mùa đông đã qua. Bão tuyết ngừng thổi. Trên thảo nguyên, sau xóm thợ, những bãi tuyết mùa đông phủ đầy muội than xám ngắt làm người ta phát chán đã tan hết.

Mùa xuân đã tới. Những khóm hoa mạn đại nở rộ dọc sườn hăm đá độc thoai thoai hết như một tấm ren bằng tuyết trắng toát. Xa hơn một chút, nơi những vườn rau còn chưa ngả xanh đổ xuống phía sông, là những cây mơ, cây mận và anh đào đã tàn hoa. Mặt đất dưới gốc cây rải đầy những cánh hoa thơm ngát. Chim sơn tước véo von, chim mai hoa liu lo và những chú sẻ hoa bay liệng trong vòm lá rậm rạp của những bụi tử đinh hương. Từ phía sông vọng lại tiếng ếch nhái ồm ộp. Bản hợp ca nhiều giọng của chúng vang lên suốt từ sáng đến tối. Thật khó mà kìm mình được — thảo nguyên vậy gọi hấp dẫn biết bao nhiêu.

Cùng với mùa xuân tin vui cũng đến với nhà tôi: bố tôi về.

Suốt mùa đông bố tôi lang thang khắp vùng mỏ tìm việc nhưng vô hiệu. Từ khi bố tôi bị chúng cấp cho «thẻ căn cước chó sói» không nơi nào nhận bố tôi vào làm. Mà thẻ đó là thẻ gì nhỉ? Bố tôi đi tới đâu, người ta cũng trả lời:

— Xéo! Mày biết hát bài «Mác-xây-e», cứ đi mà hát nữa đi!

Thế là bố tôi quay về, tay không, gầy guộc, râu ria xồm xoàm. Áo bố tôi rách rưới, đôi giày cũ rách, ngả một màu hung đỏ quạch, mòn vẹt gót và mất cả cá. Giá như bố tôi không mỉm cười khi bước vào nhà thì hai mẹ con không nhận ra.

Bố tôi không mua quà về. Trong túi rỗng không của bố tôi chỉ thấy một mẫu bút chì và tôi sờ thấy dưới lần lót áo một tập giấy gì đó mẫu đỏ với dòng chữ: «Đảng Công nhân Dân chủ Xã hội Nga». Tôi liền rút ra một tờ. Trên tờ giấy có một bài thơ ngắn:

Sa hoàng người Nga
Mang quân phục Phổ.
Bộ trưởng của mi
Bắt lương tôi tớ.
Một lũ nghị sĩ —
Ăn cắp, rượu chè.
Sĩ quan cần vụ
Trung diện gớm ghê
Còn bản thân vua —
Khác gì gia súc
Dài ba ác-sin *

Tôi không kịp đọc tiếp: bố tôi vào. Tôi chỉ kịp nhét lại tờ giấy xuống dưới lần lót, nhưng vẫn còn lúng túng với chiếc áo.

— Bắt được thằng ăn trộm nhé — bố tôi bước vào, vui vẻ đùa. Bố tôi thật là hiền và rõ là buồn nhớ mẹ con tôi. — Con tìm gì trong túi áo bố thế?

— Bố hứa mua quà về, mà chả có, — tôi phụng phịu vờ giận dỗi.

— Quà phải lao động mới có. Con giải được câu đố, sẽ có quà.

— Câu đố gì ạ?

— Nào, con nghe đây và giải đi. Câu đố thứ nhất như thế này: «Chém kiếm vào nhà, nữ bá tước bước ra và ngồi xuống đệm bông»...

Bố tôi giầu nụ cười hóm hỉnh, khoan thai móc túi thuốc, cuồn một điều, đoạn lấy ra hòn đá lửa, moi và cái đánh lửa, nện vài cái vào hòn đá lửa và bắt đầu thổi lửa.

— Đoán ra chưa? — bố tôi vừa châm thuốc, vừa hỏi.

— Chưa ạ.

— Xoàng quá... Thôi được, giải câu thứ hai vậy: «Xà

* Ác-sin — một đơn vị chiều dài của Nga bằng 0,71 m. (N.D.)

ngang vắt qua suốt nước Nga, dựng đứng dậy — sẽ dẫn đến tận trời». Đoán đi.

— Con chịu.

— Con nghĩ đi chứ.

— Con đã nghĩ rồi.

— Ê-hê, thế mà đòi giải đồ...

Bồ tôi moi trong túi áo gi-lê ra một miếng đường nhỏ bọc trong mảnh vải con, rồi đưa cho tôi.

— Gặm đi... Còn câu đố của bồ rất dễ. Câu thứ nhất là đá lửa, que đánh lửa và tia lửa. Câu thứ hai là con đường. Nhưng con đường xuyên khắp nước Nga không do nổi và cũng chẳng đem xuê. Dù có đi bao nhiêu chặng nữa cũng không thể đi hết các con đường. Mỗi người chúng ta tự chọn cho mình một con đường và sẽ đi theo con đường đó suốt cuộc đời mình. Rồi con cũng sẽ có con đường của con...

Giọng bồ tôi đượm buồn như thương xót tôi. Bồ, bồ ơi, tôi cũng rất thương bồ tôi. Tôi nép sát bên vai gầy guộc của bồ tôi và thấy vui thích, thanh thản. Tôi rất thích những lúc bồ tôi ở nhà, nhưng những dịp ấy thường rất hiếm.

Thế mà ngay hôm ấy tôi lại được ở bên bồ tôi. Chúng tôi nằm trên bãi cỏ sau nhà kho và bồ tôi kể về những thành phố xa xôi, về những người thợ mỏ sống ở đó.

Hạnh phúc của tôi bỗng bất ngờ bị cắt đứt. Buổi tối bọn cánh sát ập tới. Chúng tôi vừa ngồi vào ăn tối thì có tiếng gõ cửa. Bồ tôi rút vội những tờ áp-phích đỏ trong áo ra và giấu vào thùng đựng nước rửa tay. Chỉ sau đó bồ tôi mới ra mở cửa và bọn cánh sát, gươm giáo loáng xoảng, ủa vào nhà.

Tên cánh sát trưởng, người đẩy những khuy vàng chói, bước vào trước mọi người.

— Giơ tay lên! — hấn ra lệnh.

Bồ tôi giơ tay lên và chúng bắt đầu lục soát bồ tôi.

Mẹ tôi ngồi sững trên ghế đầu như bị hóa đá.

Ba tên cánh sát bắt đầu rạch gôi, làm tung tóe lông vịt ra sàn. Bọn chúng giẫm cá ửng lên giường lục lợi sau tranh Chúa. Một thằng xía cá kiếm vào hòm quần áo. Chúng qua lại chỗ thùng nước rửa tay có tới mười lần, nhưng không

thằng nào nghĩ tới việc mở nắp ra. Trong lúc chúng khám xét, mọi người tụ họp trong sân và nhìn qua cửa sổ. Bọn cánh sát xua họ đi.

Tên cánh sát trưởng thấy mệt, muốn quy đến nơi, liền ngồi xuống chiếc ghế đầu, nhưng ghế bị gãy.

— Đi làm chính trị thì biết, mà ghế tốt lại không có, — hấn căn nhắc, níu tay một thằng cánh sát đứng dậy.

Hấn không ngồi nữa và cứ đứng thế tra hỏi bồ tôi:

— Thằng cầm đầu bọn mày, biệt hiệu là Mi-chai từ Pê-téc-bua tới, hiện ở đâu?

— Tôi không biết ai tên thế cả, — bồ tôi trả lời và định vuốt ve con mèo, nhưng tên cánh sát trưởng đã bay nó đi.

— U-xti-nốp, mày đừng có đại dốt, thế nào chúng tao cũng tóm được nó, còn mày thì rục xương trong tù. Tao biết hết cả bọn cầm đầu chúng mày: cả thằng Prê-pơ-đốp-nui, cả thằng Mi-chai và thằng Bốc-đan nữa. Chả mấy chốc chúng tao sẽ tóm hết, lúc đó mới trắng mắt ra.

Tôi hoảng sợ. Bốc-đan chính là tên gọi của bồ tôi. Sao tên cánh sát không tóm luôn bồ tôi và kêu lên: «Giữ lấy nó, chính nó, thằng hoạt động bí mật Bốc-đan!» Thế có nghĩa là tên cánh sát trưởng không biết bí danh ấy của bồ tôi, không biết! — tôi thấy sợ quá.

Ria mép tên cánh sát màu hung hung gần như đỏ. Chúng vênh sang hai bên như hai củ cà-rốt trông đen kinh. Bồ tôi cau có trả lời:

— Ngài cánh sát trưởng, chính quyền trong tay các ngài, các ngài muốn làm gì thì làm. Chúng tôi, những người thợ, là những người bị áp bức. Cánh của chúng tôi đã bị trói chặt.

Thằng cánh sát gõ gõ tay lên mép bàn:

— Cẩn thận kéo có ngày cánh của mày sẽ bị gông lại. —

Hấn chậm rãi đi quanh phòng, rồi quay lại chỗ bồ tôi, thân mật đặt tay lên vai bồ tôi.

— U-xti-nốp, anh là một thợ rèn dày kinh nghiệm. Ở nhà máy, người ta thường bảo những người thợ rèn như anh đi khắp nước Nga cũng không tìm thấy. Anh hãy bỏ hoạt động chính trị đi. Anh còn có gia đình, rồi con trai anh sẽ lớn lên, ái chà, một chàng trai trẻ đẹp biết bao. Anh đã làm

hại đời nó. Hãy từ bỏ công việc đó đi và hãy sống theo lời Chúa. Tôi sẽ vì anh mà nói với ngài I-út-dơ một lời, rồi người ta sẽ tăng lương cho anh, sẽ cho anh phòng ở.

Bồ tôi nặng nhọc đứng dậy.

— Ngài đến đây để làm gì, ngài cảnh sát trưởng? Để khám xét phải không? Vậy thì cứ làm đi.

Tên cảnh sát nổi giận, bước nhanh ra cửa. Đèn cửa hắt quay lại, hăm dọa để tay lên kiếm và nói:

— Tao báo trước: ngày mai không đưa nào được ra khỏi nhà. Chúng mày không tính được một điều gì đâu. Truyền lại cho đồng bọn mày biết thế.

Bồ tôi gài chặt cửa sau khi những tên cảnh sát bỏ đi, rồi mới moi những tờ giấy bí mật trong thùng nước rửa tay ra.

Mẹ tôi sợ bọn cảnh sát đến nổi không dám dọn dẹp nữa. Chúng tôi ngủ giữa đám đồ đạc vứt ngổn ngang. Bồ mẹ tôi thì thâm với nhau. Tôi nghe thấy mẹ bảo:

— Anh nghĩ xem, các anh dám chống lại ai thế. Rồi vua sẽ giết chết hết các anh.

Bồ tôi phản đối:

— Không phải đâu. Nhân dân là những đám mây sẽ cuốn tất cả vào dòng bão.

«Bồ chết mất, vua sẽ giết bồ, — tôi nghĩ. — Chúng sẽ bắt bồ ra trận và ở đó thế nào thì đã rõ ràng — bồ sẽ bị cụt cả hai chân... Giả như người ta giao vua cho mình trị tội nhỉ: đầu tiên mình sẽ quất cho hắn một roi cháy da đầu, rồi đâm lưỡi lê vào bụng hắn, lấy kim kẹp tai hắn».

Suốt đêm tôi mơ thấy toàn điều dữ nên khi ánh mặt trời vừa ló vào cửa sổ, tôi vội choàng dậy. Cửa đã bị cài then phía ngoài. Cả bồ mẹ đều không có nhà. Tôi hoảng sợ. Thế nghĩa là tên cảnh sát trưởng đã nhốt tôi và bắt bồ mẹ đi rồi.

Tôi lấy đà hích vai vào cửa, làm bật then ngoài ra.

Ngoài đường, bọn lính Cô-dắc vung vẩy roi ngựa qua lại dọc phố, chắc để theo dõi xem có ai ra khỏi nhà không.

Tôi nép bên cổng đợi chúng đi qua mới lao như tên bắn qua đường, đến nhà chú A-nhi-xim I-va-nô-vích.

Cửa nhà chú mở toang, có lẽ cũng bị chúng đập khóa. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích mặc chiếc áo sạch sẽ, chuẩn bị đi đâu

đó. Chú đang vui. Thím Ma-tơ-rê-na và Va-xca đã làm cho tôi yên tâm: thì ra mẹ tôi đi chợ, còn bồ tôi biến đi đâu ngay chính thím và Va-xca cũng không biết.

— Chú A-nhi-xim, chú có cái gì thế này? — Tôi hỏi khi thấy một chiếc băng đỏ ghim trên ngực chú.

— Cái này hả? — Chú đưa bàn tay gân guốc thô kệch lên vuốt thẳng cái băng. — Cái này là tượng trưng cho tự do đây, Len-ca ạ.

— Để làm gì hả chú?

— Hôm nay là ngày ấy mà.

«Ngày ấy» là ngày gì nhỉ, — tôi thầm nghĩ. — Lễ Phục sinh đã qua, còn ngày lễ Trô-ít-xa * thì còn xa».

Tôi nhận thấy đồ nghề của chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đã xếp đồng lại: cả hai bồ con chú đều không làm việc. Trong nhà bốc lên mùi phân bò tươi. Đúng là thím Ma-tơ-rê-na trát sàn rồi, không biết hôm nay là ngày lễ gì thế nhỉ?

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích cho phép Va-xca đi chơi cả ngày. Chúng tôi thú mỗi đứa một mẩu bánh vào túi rồi chạy ra khỏi nhà.

Không khí chung quanh thật dễ chịu biết bao! Một làn gió nhẹ, ấm áp phả vào mặt mũi từ đỉnh hương thơm dịu. Chú sáo sậu căng điều, lông tơ mượt, hót líu lo trên cây keo cao. Dưới ánh mặt trời bộ lông đen của nó khi ánh lên màu tím, lúc mang màu xanh lá cây, lúc lại chuyển sang màu xanh da trời.

Mùa xuân tô điểm cho ngô hém và những sân nhà âm khời của chúng tôi. Không còn ngôi nhà nào có thể nhận ra được nữa: căn nhà này được quét vôi trắng hòa lẫn với vòm cây táo nở rộ hoa, ngôi nhà kia cỏ mọc xanh trên mái trông như một tảng đá phủ đầy-rêu. Còn nhà thẳng I-li-u-kha — hết cái nhà gỗ đứng trên đôi chân gà từ sau khóm cây keo vàng ló ra cái cửa sổ con, dường như đang ghé theo ai đó.

Đội tuần tiểu Cô-dắc đã không còn trên đường phố nữa, nhưng thẳng Da-grê-bai vẫn lảng vảng bên cửa hiệu lão Mu-rát. Ở một góc phố khác còn có ba tên cảnh sát nữa và kia,

* 50 ngày sau lễ Phục sinh. (N.D.)

kia nữa. Người ta đồn bọn chúng đến đây làm gì mà lắm thế nhỉ? Không lẽ để canh giữ mọi người trong các nhà hầm?

—Va-xca, sao hôm nay lại không được ra khỏi nhà?—
tôi thì thăm.

Va-xca cau đôi mày bột trắng lại và bực tức trả lời:

—Vua ra lệnh.

—Cậu thì lúc nào cũng chỉ vua và vua... Vua cần cái đó làm gì?

—Tớ làm sao biết được! Hắn muốn gì thì hắn làm. Ví như hắn có thể tặng cậu một thùng vàng có thể băm cậu ra làm chả chẳng hạn. Hắn chỉ cần nói: «Rán chả thằng Len-ca cho tao». Thế là vĩnh biệt cuộc sống. Thế là hết—và rồi thôi không còn nữa.

«Tai họa rồi, —tôi nghĩ thăm.—Trước kia bồ tôi đã bảo là người ta sẽ giết chết vua, thế mà hắn vẫn sống...»

Tôi quyết định thổ lộ điều đó với bạn:

—Va-xca, tớ chỉ nói riêng với cậu một điều bí mật, không nói thêm với ai nữa...

—Bí mật gì?

—Bồ tớ nói là người ta sẽ giết vua...

Va-xca sợ hãi quay sang:

—Khẽ chứ, cảnh sát có thể nghe... Tớ cũng có biết một điều.

—Điều gì cơ hả, Va-xca?

—Truyện cổ tích. Truyện về vua Đan-đôn. Cậu muốn, tớ kể cho nghe nhé?

—Có chứ.

—Ra cánh đồng cỏ đi, không ở đây nhớ ai đó nghe thấy...

—Đi thôi!

2

Va-xca quàng cổ tôi cùng đi. Đến góc phố, bọn trẻ con—thằng Ấp-đun-ca Di-gan và thằng Hy Lạp Ut-sa—đuổi kịp chúng tôi. Sau đó, chúng tôi nhìn thấy cả thằng I-li-u-kha

tóc hung đỏ. Nó vừa chạy, vừa xêch quần, vừa huýt còi bắt chước tên cảnh sát.

—Cho tao thôi với,—tôi gạt lúc nó chạy tới gần.

—Để mày phun đầy nước bọt vào à... Chúng mày đi đâu đây?

—Đến nhà ông hai tai một đầu.

—Không phải, nói thật đi, đi đâu đây?

—Đi chơi.

—Cho tao đi với.

—Đi.

Chúng tôi nối đuôi nhau chạy tới nơi cái hầm đá cắt ngang bên con sông thành bức tường thẳng đứng.

—Tiên lên, theo tớ!—Va-xca hô to ra lệnh, rồi vừa chạy vừa lấy gậy chém vào những bụi gai cao. Những bông hoa tím bị phạt đứt bay tung ra, ong bay tán loạn, còn những chú bướm thì giạt sang hai bên.

—Xung pho-ong!—Chúng tôi gào lên, chạy theo Va-xca.

Ut-sa thở hổn hển, nằm sấp áp tai xuống đất nghe ngóng.

Các cậu ơi,—Ut-sa reo lên,—tớ nghe thấy cả tiếng cuộc than của các bác thợ cơ.

Chúng tôi biết thừa thằng Ut-sa nói đùa. Làm sao có thể nghe thấy họ đang làm gì ở sâu tận dưới lòng đất được? Mặc vậy, nhưng chúng tôi vẫn cứ nằm xuống và cùng gióng tai nghe ngóng.

Va-xca dậm dậm xuống đất và kêu lên:

—Bác thợ ơi, chúng cháu nghe thấy bác rồi, bác chui lên đi thôi.

—Cho chúng cháu than với!—Ut-sa chúi mặt vào đám cỏ, làm loa tay gào lên cho các bác thợ nghe rõ hơn.

Chúng tôi bò phía trên-vực sâu của hầm đá, chui xuống núp dưới bóng râm của những bụi cây mạn gai. Những cánh hoa rú sát xuống mái đầu chúng tôi. Những con ong bò vẽ thân có sọc, những chú ong mật bận rộn, những con sâu, con bọ vo ve, lao xao, thấp thoáng vụt qua, quay tròn trong khoảng trời xanh mát. Từ phía sông vọng lại tiếng phụ nữ nói chuyện, tiếng chày đập quần áo ướt, tiếng ngỗng kêu quang quác.

Va-xca vòng tay ôm chân ngồi bó gối, nghĩ ngợi điều gì đó, mắt nhìn về phía cánh đồng cỏ xa xa, còn chúng tôi ngồi quây tròn, chụm đầu vào nhau chờ đợi.

Va-xca ngắt một bông hoa bồ-công-anh và nằm ngửa ra.

— Thế nào, Va-xca?

— Gì?

— Kể chuyện cổ tích đi chứ.

Thế là Va-xca cười phá lên.

— Vua Ô-vi-ôt mang tuốt cả truyện cổ tích đi rồi.

— Đúng đây, Va-xca kể chuyện đi!—bọn trẻ đề nghị.

Va-xca vứt bông hoa đi, rồi nói:

— Thôi được, nhưng nhớ là câu chuyện rừng rợn đây. Các cậu không sợ chứ?

— Không.

— I-li-u-kha, cậu không sợ chứ?

— Tớ còn biết ời chuyện kinh hơn ấy chứ...

— Được rồi, các cậu nghe đây và nhớ là: câu chuyện có đầu có đuôi, cầm cắt ngang giữa chừng. Hiểu chưa?

— Hiểu rồi.

— Thế nhé. Trong một vương quốc nọ, tớ không nhớ rõ vương quốc nào, ở tận xa, xa lắm, tí sau những dãy núi sau biển cả, có hai anh em: một giàu, một nghèo. Ở nhà người giàu yên tiệc linh đình, đàn sáo vang vang, còn ở nhà người nghèo không có lấy một mẩu bánh, chỉ thấy chuột chạy tứ tung. Ở vương quốc đó còn có vua tên là Đan-đôn. Đó là một thằng đại ngốc, nhưng nó vẫn cứ là vua.

Thằng I-li-u-kha sợ hãi nhìn Va-xca, nhưng cậu ta vẫn tiếp tục.

— Một hôm vua Đan-đôn gặp hai anh em và hỏi họ: «Đứa nào trong bọn mày hiền lành hơn». Thằng anh giàu có vội nhảy lên trước, trả lời: «Tâu Đức Vua-cha để của vương quốc—không có người nào trên thế gian này hiền lành hơn con». — «Thế còn mày?»—tên vua quay lại, hỏi người nghèo. — «Tôi không biết»,—người này trả lời. «Không biết à? Thế thì trăm có thể tự biết được đứa nào trong bọn bay hiền lành hơn».

Rồi tên vua nắm tay thằng nhà giàu và hỏi: «Mày có nhìn

thấy ba cây sồi ngoài đồng không?» — «Có». — «Mày sẽ dùng những cây đó làm gì?» Thằng nhà giàu vội nói: «Con sẽ cho cưa những cây đó xuống, xẻ thành gỗ và sẽ làm thành những tòa nhà đồ sộ, sang trọng cho Đức Vua-cha của chúng con».

— «Giỏi lắm. Thế còn mày, mày sẽ làm gì với những cây sồi ấy?» — tên vua lại hỏi người nghèo. Người này nghĩ một lát, rồi trả lời: «Tôi sẽ chặt cây thứ ba xuống, đặt nó lên trên hai cây kia rồi sẽ treo cổ ngài lên, Đức Vua tôn kính ạ».

Thằng I-li-u-kha tóc hung co dúm lại như ngồi phải than bóng.

— Mày làm sao thế?

— Làm gì có những truyện cổ tích như vậy...

— Không thích thì đừng nghe, còn không được nói láo, — Va-xca nói rồi kể tiếp. — Tên vua Đan-đôn nghe Anh Nghèo nói vậy thì rủ: «Ta cùng ra biển đi...» Thế là họ ra biển và đứng ngắm nhìn cá bơi lội dưới nước. Tên vua lên ra sau lưng Anh Nghèo và thế là hấp! Hấn đẩy luôn Anh Nghèo xuống biển và bảo: «Cho mày chết đi, mày chết hơn là tao...»

Áp-đun-ca Di-gan thậm chí nhóm dậy, còn Ut-sa giận dữ gõ gõ chiếc nạng bị nứt toác xuống bãi cỏ.

— Kỳ quặc, sao anh ta lại đến gần biển thế chứ?

— ...Anh Nghèo ngã xuống biển và bỗng từ đâu bơi lại một con cá voi quái đản khủng khiếp. Nó bơi lại gần và rồi—hấp!—nuốt chửng luôn Anh Nghèo vào bụng.

Thằng I-li-u-kha lại cười khẩy ngơ vờ:

— Thế ra là nuốt chửng đây. Thế anh ta đi ủng cơ mà.

Va-xca liếc mắt nhìn thằng tóc hung đỏ, rồi bất thành linh đập luôn:

— I-li-u-kha, một trăm với một trăm là bao nhiêu?

— Hai trăm.

— Thế thì ngồi yên, đồ ngốc, cầm nhúc nhích.

Thằng I-li-u-kha tức mình, hít mạnh vào:

— Cứ tưởng là gớm lắm...

Một con thần lặn trườn nhanh trong đám cỏ. Va-xca chộp lấy, rồi búng nó sang bên và tiếp tục:

— Và thế là Anh Nghèo chui tọt vào bụng cá voi. Làm thế nào bây giờ? Cá nuốt vào bụng đủ loại tàu thủy cả xe có thắng

bò nữa—trong bụng cá chật như ở hội chợ ấy. Anh Nghèo ngồi đây ngẫm nghĩ: «Kiếm cái gì ăn bây giờ nhỉ?»

Bọn trẻ cười rộ lên.

— Anh Nghèo, nghèo mà khôn ghê,— Ut-sa kêu lên.

— Có lẽ anh ta cả ngày chưa ăn gì,— Áp-đun-ca góp thêm.

— Im ngay, đừng cắt ngang chuyện!— Tôi quát bọn trẻ.

Va-xca lại kể tiếp:

— ...Một lúc sau Anh Nghèo đứng lên và đi quanh những cái xe bò. Anh ta lục lọi trong một xe và tìm thấy trong đồng rơm một cái tẩu, thuốc lá và đá đánh lửa. Anh ta cầm lấy tẩu, đánh lửa ngồi hút thuốc. Hút hết một tẩu, anh nhồi tiếp tẩu khác, hút hết lại nhồi tẩu thứ ba—cũng lại hút hết. Như vậy là chú cá voi bị say khói và giạt vào bờ, ngủ thiếp đi...

Bọn trẻ lại định cười phá lên, nhưng Va-xca cau mày lại làm chúng im bật:

— ...Thế, Anh Nghèo biết làm gì bây giờ? Không lẽ ngồi trong bụng cá mãi! Anh ta bò qua lỗ tai cá ra ngoài, nhìn quanh và thấy trên bờ có một ông cụ đang ngồi gọt đẽo một cái gì đó. «Cậu Chúa phù hộ cho ông, ông ạ». «Cảm ơn chú, chàng thanh niên tốt bụng». «Ông làm gì đây?» «Làm «cây đàn tự ca». — «Ông cháu mình đổi cho nhau nào: cháu đưa ông cái tẩu tự hút, còn ông cho cháu cây đàn «tự ca» nhé». — «Nào». Thế là họ đổi cho nhau.

Va-xca ngừng kể, môi vẫn mỉm cười. Cậu liếc nhìn chúng tôi rồi hỏi:

— Chuyện hay không?

— Hay.

— Kể tiếp chứ?

— Kể đi, kể đi.

— Mà có lẽ, không cần nữa nhỉ?

— Cần chứ, cần chứ!

— Thế kể tiếp cho các cậu cái gì được? Thôi được! Anh Nghèo đi trên đường. Cây đàn «tự ca» tự chơi nhạc, tự nhảy múa và tự hát. Nó kể là tên vua Đan-đôn đã dìm Anh Nghèo xuống biển như thế nào. Anh Nghèo đi khắp các thành phố và hầm mỏ, còn cây đàn hát kể về tên vua và sự độc ác của hắn. Nhân dân xúm lại nghe đàn và bảo: «Phải dìm

chính tên vua Đan-đôn ấy xuống nước mới được. Nó dè nén áp bức những người nghèo để làm gì chứ?»

Thằng I-li-u-kha lo lắng liếc nhìn về phía bụi cây xem có ai ở gần đó không.

— ...Tiếng đồn về Anh Nghèo lan xa và đến tai vua.— Va-xca kể tiếp.— Tên vua Đan-đôn khiếp sợ bảo quân hầu: «Giấu ta đi mau lên, nếu thằng nghèo tới, hãy nói là ta không có nhà, ta đi chợ rồi».

— Thế quân hầu của vua là bọn nào?— Áp-đun-ca bỗng lên tiếng.

Va-xca không trả lời ngay.

— Bọn nào à? Đủ loại. Bọn ấy là, chẳng hạn như... lũ lính kỵ binh, bọn nam hầu bá tước...

— Và cả tên đao phủ nữa!— Ut-sa kêu lên.— Cái lão già với cái rìu, đi chặt đầu mọi người theo lệnh vua ấy mà.

— Chặt chân chứ,— tôi chữa lại.

— Không phải là chân, mà là chặt đầu kia,— Ut-sa phản đối.

— Các cậu còn cắt ngang tớ nữa không?— Va-xca giận dữ hỏi.

— Không, không!

— Và thế nghĩa là bọn lính hầu nghĩ cách giấu tên vua để Anh Nghèo không tìm thấy được. Giấu đi đâu được bây giờ? Lên trời không được rồi—hắn không thể đứng vững trên mây được; xuống nước lại càng không được—hắn sẽ chìm ngấm. Chúng nghĩ, nghĩ mãi cuối cùng nghĩ ra: giấu tên vua vào quả trứng, cho trứng vào con vịt, vịt vào hòm sắt, khóa hòm sắt bằng cái khóa nặng hàng pút, rồi cho xuống mỏ sâu dưới đất.

Thằng I-li-u-kha đứng dậy, định bỏ đi.

— Sao thế Va-xca? Sao lại có thể nói như vậy về... vua được?

— Đồ ngốc, đây chỉ là truyện cổ tích.

— Rồi mà cổ tích, nếu như cánh sát nghe thấy!..

Ut-sa lấy nạng sọc mũ thằng I-li-u-kha hất vào bụi cây. Thằng I-li-u-kha giận dữ, thở phì phì rồi, uể oải lê đi nhặt mũ.

Va-xca lại tiếp tục:

— Thế là Anh Nghèo đi, không biết đã đi lâu hay chóng, gần hay xa, chỉ biết cuối cùng anh đã đến cung đình của nhà vua. Anh nhìn thấy những tòa nhà cao ngất, còn hàng rào xung quanh toàn bằng những thân gỗ sồi và một đầu tì lên trời. Bọn lính hầu nhìn thấy Anh Nghèo thì sợ chết khiếp và thân mật hỏi: «Anh chàng thân mến, anh tìm Đức Vua phải không? Đức Vua Ngài đi chợ rồi, không có nhà đâu».

Bỗng Va-xca nghẹn lời và biến sắc. Tôi quay lại, sững người: tôi thấy đầu lão Da-grê-bai lộ ra ở bụi cây cách tôi có hai bước. Bộ ria mép rậm rì của hắn dựng dậy như đang đánh hơi chúng tôi.

Khóm mạn gai bị rẽ đôi ra và tên Da-grê-bai cùng một gã thanh niên khá ồ vớ cặp mắt lơ đãng dò bước ra khoảng trống. Hắn đội chiếc mũ lưỡi trai bóng loáng, một ông quần cho trong ủng, một ông bỏ ngoài lòng thòng, bay phần phật. Tôi đoán ngay ra đó là tên chỉ điểm.

— Chúng mày làm gì ở đây thế? — Tên Da-grê-bai trợn mắt lên, thì thầm hỏi, về hăm dọa.

Va-xca bối rối nhồm dậy. Chúng tôi cũng đứng dậy theo.

— Chúng mày đang làm gì đây, tao hỏi?

— Chúng tôi chả làm gì cả. Chúng tôi đang chơi, — Va-xca cau có trả lời.

— Thế có nhìn thấy những người thợ không? — Tên cảnh sát hỏi và nghi ngờ nhìn chúng tôi.

— Thợ nào?

— Không biết thợ nào à? Bọn thợ ở xưởng ấy. Có thể, bọn chúng đã tụ tập ở đây, bọn chúng nói đến vua phải không?

— Không, chúng tôi không thấy.

Tên cảnh sát yên trí bỏ chiếc mũ trắng với đường viền thêu màu vàng và chiếc phù hiệu bằng sắt tây bị tróc sơn ra, lấy khăn lau mồ hôi trên trán. Tên chỉ điểm uể oải nằm xuống bãi cỏ, rút kẹo trong túi ra, bóc giấy rồi bỏ vào mồm. Hắn có cặp mắt tẻ ngắt, dường như cả cảnh đồng cỏ này, những con chim sơn ca đang hót, tên Da-grê-bai và những người thợ mà hắn phải lùng sục ở các bụi cây đã làm hắn chán ngấy đến chết được. Hắn nằm mút kẹo và đứng đưng nhìn ra thảo nguyên.

Tên cảnh sát xỉ mũi vào chiếc khăn tay to màu trắng, rồi ngồi xồm. Đôi mắt xanh như mắt mèo của hắn cười cười.

— Thế nghĩa là các cháu đang chơi phải không? — Hắn ôn hòa hỏi và, hắn là muôn mua vui cho chúng tôi, hắn lấy đũa kiểm chọc vào bụng thẳng I-li-u-kha, miệng kêu «hự hự» rồi lăn ra cười không thành tiếng. — A đồ đểu, cái con khỉ tóc hung này! — hắn nói, rồi lại giơ tay cù vào sườn thẳng I-li-u-kha, nhưng cu cậu sợ hãi nép sau Va-xca.

Sau đó tên cảnh sát nghiêm mặt lại, thì thầm:

— Thế này các chú nhóc nhé. Chúng mày ở đây theo dõi, được chứ? Nếu thấy bọn thợ tụ tập — chạy ngay lại chỗ tao! — hắn móc trong túi quần ra đồng năm cô-pêch có con đại bàng hai đầu của vua, giơ ra cho chúng tôi xem. — Đứa nào trông thấy đầu tiên, tao sẽ cho cái này, hiểu chưa?

— Hiểu rồi, thưa ngài Da-grê... nghĩa là thưa ngài cảnh sát.

— Khá lắm. Cứ ngồi giả vờ chơi đi, nhưng phải để ý theo dõi đây.

Thẳng chỉ điểm và tên cảnh sát cúi xuống, bò vào bụi cây. Giữa đám cành lá thấp thoáng cái lưng dài đen sì của thẳng chỉ điểm và cái gáy u gập nếp đỏ lừ của tên cảnh sát. Va-xca chụp vội mũ lên đầu.

— Các cậu ngồi đây, tớ về ngay.

— Thế cậu đi đâu?

— Đến phố ông hai râu một cảm.

Bọn trẻ xôn xao:

— Kể nốt chuyện đi, Va-xca.

— Không có thì giờ.

— Có thể đi với cậu được không?

— Cứ ngồi lại đây.

Ngồi lại đây — nói thật là dễ, thế còn truyện cổ tích thì sao? Kết cục thế nào: Anh Nghèo có tìm thấy vua không? Đi cát ngang câu chuyện của người ta, cái thẳng ria xồm ấy! Tôi quyết định bỏ rơi bọn trẻ lại. Với riêng tôi, Va-xca sẽ kể nốt truyện thôi. Thế là tôi làm như đuổi bắt con bướm, rồi lướt lách qua các bụi cây gai. Tôi cũng chẳng phải chạy đâu xa, Va-xca quay trở lại lo lắng. Hóa ra bộ cậu sai đi ngất

những bông anh túc đại làm gì đó, rồi mang thật nhanh đến nhà máy.

— Hoa để làm gì thế?

— Không biết. Có lẽ cho ngày lễ nào đó hay cho đám cưới.

— Có lẽ nào ở nhà máy vẫn thường tổ chức những đám cưới?

— Hình như vẫn có đấy.

Phía bên này sông, xen giữa đám cỏ, mọc đầy hoa anh túc đại đỏ. Chỉ trong nháy mắt chúng tôi đã hái được một ôm đầy.

Về nhà chú A-nhi-xim I-va-nô-vích gói hoa vào một mảnh vải ướt lớn, cho tất cả vào một cái túi, rồi sai Va-xca mang đến cho bồ của A-li-ô-sa Pu-pôc ở xóm «Thượng Hải». Tôi sừng sốt: đến cho bồ nào nhỉ, nếu như bồ của A-li-ô-sa đã chết cách đây một năm?

3

Tôi rất không thích mỗi khi người lớn giao cho Va-xca một việc gì đó. Cậu ta trở nên nghiêm nghị — không cười, không nô đùa. Tôi hiểu và không còn mong đợi gì ở truyện cổ tích nữa. Va-xca sẽ lại nói: «Không có lúc nào nữa, còn phải làm việc chứ!»

Va-xca cầm lấy túi, rồi nháy tôi:

— Đi.

Tôi giả vờ ngáp và uể oải nói:

— Thôi cậu, tớ đi làm gì?

— Đi, tớ đã chả đi với cậu đến hiệu bánh kẹo là gì.

— Kể nốt truyện đi, tớ sẽ đi!

Va-xca bật cười.

— Chính tớ cũng không biết hết câu chuyện, cậu bạn kỳ quặc ạ!

— Sao lại không biết?

— Rất đơn giản. Làm gì có truyện cổ tích nào như vậy. Tớ bịa ra đấy.

«Láu cá, — tôi cho như vậy. — Làm sao có thể bịa ra

truyện cổ tích được?» Chúng tôi im lặng đi bên nhau một lúc. Con Pôn-can thè lè cái lưỡi hồng hồng chạy phía trước.

Mặt trời đã lên cao và tỏa nắng như thiêu đốt. Đi đất trên đường nóng bỏng rát cả chân. Bụi xôm xốp như bột mì đầy đường.

Một đội hiền binh phi ngựa vượt qua chúng tôi về phía nhà máy. Bụi bốc mù mịt làm chúng tôi phải lấy tay bịt mắt mũi một lúc lâu.

— Va-xca này, thật thú vị được biết câu chuyện sẽ xảy ra tiếp như thế nào nhỉ? Có lẽ, phải có một người nào đó biết chứ, — tôi vừa nói vừa nhổ nước bọt để bụi khỏi dính đầy miệng.

Va-xca im lặng đi bên tôi, kéo cao cổ áo sơ-mi vải hoa che bụi.

— Tớ sẽ cho người đó bất cứ cái gì người ta muốn, cho tất cả những hòn bi ve của tớ và thêm cả...

— Lúc này làm gì có thời gian, — Va-xca nói. — Phải làm việc thôi. Cậu thật như trẻ con ấy, lúc nào cũng chỉ truyện cổ tích.

Truyện cổ tích. Làm thế nào biết được về Anh Nghèo nhỉ? Anh ta có trả thù được tên vua Đan-đôn hay không? Phải tôi, tôi sẽ về phe Anh Nghèo có cây đàn.

Mãi suy nghĩ nên tôi không để ý thấy đã qua những hàng quán rế tiền và thế là trước mắt chúng tôi sừng sững hình chóp âm khói của hầm mỏ.

Xóm «Thượng Hải» nằm dưới chân hình chóp đó, trông giống như trại người Di-gan dưới chân núi.

Ở đây tất cả đều ám đen vì muội than của nhà máy. Không một gốc cây, không một ngọn cỏ, chỉ toàn bụi và đá. Những túp lều trát đất sét, trộn lẫn phân bò được che bằng những tấm sắt tây han gỉ và những mảnh gỗ mục. Khắp nơi nhan nhản những nhà xí xen lẫn với những mái bếp mùa hè; đây đó lẫn lóc những con chó và mèo chết.

Ở xóm «Thượng Hải» phần lớn là công nhân mỏ người Trung Quốc, trong đó có túp lều của A-li-ô-sa Pu-pôc.

Hình như cậu ta biết chúng tôi sẽ đến, nên đã đứng chờ sẵn ở bậc cửa.

— Vào đi, chúng tôi chờ các cậu đã lâu, — cậu cao giọng nói và khuôn mặt trắng xanh rạng rỡ nụ cười. Tôi rất thích đôi mắt của A-li-ô-sa Pu-pôc — đôi mắt to và buồn buồn như mắt thánh ấy.

Chúng tôi bước vào căn nhà hầm tranh tối tranh sáng. Trên chiếc giường ngổn ngang toàn giẻ rách có một người đang ngồi gọt đẽo một vật gì đó.

— Bồ ơi, các cậu ấy mang hoa anh túc tới, — A-li-ô-sa nói.

— Tốt lắm, — người đó đứng dậy, vui vẻ đáp lại và tôi ngạc nhiên nhận ra chú công nhân người Trung Quốc đã đứng gác cho hai bồ con tôi, khi tôi tắm ở hầm lò. «Thế nghĩa là chú người Trung Quốc này là bồ thứ hai của A-li-ô-sa Pu-pôc», — tôi nghĩ vậy.

— Chào đồng chí, — chú chìa tay cho Va-xca và thấy chú lắc mạnh và siết chặt hồi lâu bàn tay Va-xca, tôi hiểu: chú là một người đôn hậu.

— Chú đẽo cái gì đây? — tôi hỏi.

Bồ của A-li-ô-sa nhìn cái gậy đã đẽo xong và hỏi lại tôi:

— Đã khi nào cháu nhìn thấy lá cờ đỏ chưa?

— Rồi ạ.

— Thế tại sao nó đỏ, cháu có biết không?

— Không ạ.

— Vì lá cờ đã nhuộm máu công nhân, cháu ạ! Giờ thì cháu hiểu rồi chứ?

— Rồi ạ.

— Khá lắm, đúng là một người vô sản, — chú quay lại nói với A-li-ô-sa. — Chuẩn bị đi con, sắp còi rồi.

A-li-ô-sa cầm lấy túi, rồi chúng tôi đi ra.

— Bồ cậu tên là gì đây? — tôi hỏi.

— Van Li, các chú công nhân thường gọi bồ tớ là Va-nhi-a. Bồ tớ tốt lắm, thương mình.

— Cậu mang hoa cho ai đây?

— Đó không phải là việc của tớ. Người ta sai mang đi và thế là tớ mang đi, — A-li-ô-sa cau có trả lời, hình như không hài lòng về câu hỏi của tôi.

— Hôm nay là ngày Mồng Một tháng Năm mà! — cậu nói tiếp.

— Mồng Một tháng Năm nào cơ? — tôi hỏi lại.

— Ngày lễ của công nhân, chả lẽ các cậu lại không biết à? Ờ, thật kỳ lạ... Hôm nay ở nhà máy sẽ có bãi công. Bọn cảnh sát tập trung rất đông. Cả bọn lính ở Bắc-mút cũng đến. Các cậu có nghe nói về lá cờ không?

— Không.

— Đêm vừa rồi có ai đó đã treo lá cờ đỏ trên ống khói lò đúc gang. Tớ nhìn thấy tận mắt, rất cao, ngay trên đỉnh ống khói ấy. Rất đẹp nhé! Mặt trời lên chiều rọi vào lá cờ và nó đỏ rực lên như ngọn lửa. Thế là loạn lên. Bọn cảnh sát chạy nháo nhào, nhưng lại sợ leo cao. Thằng cảnh sát trưởng quát công nhân: «Tao sẽ bỏ tù! Đứa nào đã treo lên?», còn các chú công nhân thì cười giễu: «Không biết». — «Ta ra lệnh hạ xuống!» — «Không». — «Tao sẽ cho một trăm rúp!» — «Cám ơn ngài, chúng tôi thích sống hơn». Bấy giờ tên cảnh sát mới thúc bọn lính của hắn tới chỗ ống khói, còn bọn này vừa nhìn lên đã ngất xỉu... Cuối cùng cũng có một thằng mặt đầy mụn, tụt ủng ra, lăm dẫu rồi leo lên. Chúng hạ mặt cờ xuống, tiếc quá...

A-li-ô-sa im bật, và qua cái cười bí hiểm của cậu, tôi cảm thấy rằng cậu ta, còn muốn nói thêm gì nữa, nhưng không dám nói.

— Cậu có biết đêm ai đã treo cờ trên ống khói không? —

A-li-ô-sa hỏi.

— Ai?

— Không ai cả.

— Bồ cậu, bác Va-nhi-a phải không, — Va-xca nói. — Có gì mà chả đoán ra.

Mắt A-li-ô-sa vui mừng và lo âu, sáng lên.

— Nhưng các cậu phải im đây nhé, — cậu nghiêm khắc dặn thêm. — Các cậu có biết cái gì có thể xảy ra vì chuyện này không?

— Chúng tớ biết, không phải chuyện thường đâu.

Chúng tôi tới gần tường nhà máy, đỡ A-li-ô-sa lên, đưa cho cậu cái túi, rồi cậu biến mất.

Va-xca đứng yên bối rối, mãi nghĩ về điều gì đó.

— Có lẽ chúng mình đã mắc sai lầm, — Va-xca nói.

— Sai lầm gì?

— Cần phải bảo vệ A-li-ô-sa. Nếu bọn cảnh sát giữ cậu ta lại, và tước mất hoa chúng mình sẽ ném đá. Hiểu không?

Va-xca lấy ngón chân bấu vào tường để trèo lên cao, rồi chìa tay cho tôi. Con Pôn-can nhảy chơi chơi, sủa lên từng hồi: nó trách chúng tôi đã bỏ rơi nó.

Trong nhà máy, chúng tôi vừa chạy đuổi theo A-li-ô-sa vừa nhặt những đinh bù-loong đã han gỉ. Bóng dáng mảnh khảnh của cậu với cái túi đeo ở khuỷu tay, thấp thoáng phía xa, giữa các phân xưởng.

Tôi đi lom khom. Bỗng trên mặt đất, tôi nhìn thấy một tờ giấy đỏ, hoàn toàn còn mới, hình như vừa được rải.

— Đây, của tớ!

— Đây, của cả hai!

Chúng tôi húc phải nhau, nhưng tờ giấy đã sột soạt trong tay Va-xca.

— Trong này có viết cái gì ấy, — cậu vừa nói vừa liếc nhìn vào tờ giấy còn thơm mùi mực in. Tôi bỗng nhớ ra, đúng là tôi đã thấy những tờ giấy như thế này trong lần áo lót của bố tôi. Phải chăng bố tôi đi qua đây và đã đánh rơi?

— Tớ biết rồi, — Va-xca thì thầm. — Đây là tờ áp-phích chống lại vua. Đây, đọc đi!

Chúng tôi ngồi xuống bên cái đầu máy kéo xe goòng han gỉ đặt giữa đường ray cỏ mọc cao. Liếc nhìn xung quanh xong, tôi mới đánh vần từng chữ.

«Đảng Công nhân Dân chủ Xã hội Nga. Các đồng chí! Chúng tôi chúc mừng các đồng chí nhân ngày lễ Một tháng Năm!» — tôi lầm nhảm, tránh đọc to những chữ kinh khủng ấy.

Va-xca huých tôi:

— Sao thế cậu? Đọc đi!

— «Hãy nhìn xem, các đồng chí công nhân! — Tôi đọc to và quay lại. — Hãy nhìn xem, hôm nay nhà vua và đồng bọn — lũ cảnh sát, hiến binh — của hần khiếp sợ biết chừng nào.

Hãy nhìn xem hần chuẩn bị sẵn sàng biết bao nhiêu lưỡi lê để chống lại chúng ta».

— Đưa đây! — Va-xca thì thảo và nhét tờ áp-phích xuống dưới ngực áo. — Chúng mình sẽ đọc sau. Cần phải theo dõi bảo vệ A-li-ô-sa đã.

Chúng tôi không đuổi kịp được A-li-ô-sa. Chắc cậu đã đến phân xưởng than cốc, chỗ mẹ cậu làm việc.

Chúng tôi thấy rất nhiều bọn cảnh sát, khắp nhà máy trắng toát quần áo bọn chúng.

Còi bỗng rú lên. Một luồng hơi trắng từ dưới hầm lò bốc cao lên. Còi rúc lên thật không đúng lúc: không phải lúc ăn trưa, cũng chẳng phải «ngày lễ Chúa thứ bảy». Đây là còi báo hiệu bãi công!

Công nhân từ các phân xưởng đổ ra. Tiếng còi cảnh sát the the khó chịu như muỗi kêu lẫn trong tiếng còi găm rú của nhà máy. Từ tứ phía đáp lại hàng chục tiếng còi khác. Bọn hiến binh cản đường công nhân.

Thằng cảnh sát trưởng (chính tên đã khám nhà chúng tôi) leo lên đồng sắt vụn, giơ tay yêu cầu im lặng.

Thưa các ngài công nhân! — hần gào lên. — Xin chúc mừng các ngài nhân ngày lễ. Nhưng chính các ngài đã hiểu: cuộc chiến tranh ác liệt đã diễn ra, chúng ta đang cần đạn dược. Bây giờ không phải lúc bãi công. Yêu cầu mọi người giải tán về các phân xưởng.

Nhưng đám người vẫn đông thêm, Người ta từ xưởng đúc, từ lò mác-tanh, từ phân xưởng dát kéo đến. Những người thợ nguội, quần áo lấm lem dầu mỡ, từ phân xưởng cơ khí bước tới, những người thợ lò nâu sạm màu quặng hùng dũng đi vội đến. Những nữ công nhân phân xưởng gạch, quần áo đầy bụi vôi, lẻ tẻ đi tới.

Nhóm thợ trẻ hợp thành một ban đồng ca vui nhộn. Họ đứng ngay trước mặt tên cảnh sát trưởng đang diễn thuyết mà hát bằng giọng buồn buồn.

Ngày xưa ngày xưa có một bà già
Có con dê xám bé tí hon...

Những người khác hòa theo:

Thề đó, thề đó
Có con dê xám bé tí hon!

Mặc cho tên cảnh sát trưởng cô ra sức gào át ban đồng ca, bài hát vẫn vang lên:

Bà già rất yêu
Chú dê xám bé tí hon...

Cuối cùng tên cảnh sát không nén được nữa. Hấn vớ lấy gươm:

— Tao không cho phép bỏ nhà máy! Về các phân xưởng. Không tao sẽ dày tất cả đi Xi-bi-ri!

— Không đủ công đâu, — công nhân đáp lại. — Chúng tôi ngần này cơ mà, cả một biển người.

— Mời ngài tránh ra, thưa ngài, không chúng tôi sẽ làm bắn áo ngài đây.

Cuối cùng xuất hiện những người thợ lò than cốc mặt vàng bệch, quần áo rách bươm cháy xám. Tôi và Va-xca suýt kêu lên vì vui sướng: mỗi người trong bọn họ đều có một bông hoa hoặc cài ở khuyết áo, hoặc đính trên mũ hay cầm ngay ở tay. Những bông anh túc đỏ sáng rực lên như những tia lửa nhảy nhót. Và tất nhiên đó là những bông hoa của chúng tôi!

Công nhân reo hò chào đón thợ lò than cốc. Tôi nhận ra bồ tôi trong đám đông. Bồ tôi tung một tập giấy lên và những tờ giấy từ từ rơi lá tả trên đầu hàng nghìn người, rung rinh vẫy gọi như những cánh chim câu.

Tên cảnh sát trưởng khản đặc cổ. Hấn gào lên, nhưng không còn nghe rõ cái gì nữa. Bỗng cửa nhà máy bật mở tung và bọn hiến binh cưỡi ngựa, gươm tuốt trần, đi nước kiệu vào sân.

— Chuẩn thôi! — Va-xca hét tôi.

Công nhân chạy tán ra mọi phía và bắt đầu trèo qua rào.

Tôi và Va-xca lao về phía lỗ thủng chỗ tường nhà máy, chỗ có dòng nước đen sì hôi thối chảy qua. Lỗ nhỏ quá, phải bò lết qua và người tôi thấm đầy nước bẩn như dầu ma-dút.

Con Pôn-can hóa ra vẫn chực sẵn chúng tôi ở cổng nhà máy, nên vừa nhìn thấy chúng tôi, nó đã cụp tai, lao theo như tên bắn.

Hoảng sợ, người ướt hết, chúng tôi chạy rất lâu trên cánh đồng cỏ và chỉ hoàn hồn khi đã nấu mình ở bên đốc dựng đứng của khe hẻm. Chúng tôi nhận ngay ra khe hẻm «Di-gan». Ở đây có đường hầm sâu dưới đất, nơi trước kia người ta vẫn đào than, rồi sau đó, theo mọi người kể, là chỗ ẩn náu của bọn đào ngũ.

Chúng tôi đứng trên gò mô cao. Cánh đồng cỏ bị thiêu nóng trải rộng ra trước mặt. Một làn không khí oi bức bốc lên và rung rinh trên những ngọn đồi xanh trập trùng. Làn gió thổi thành từng đợt lướt qua ngọn vũ mao ánh bạc. Hoa trên thảo nguyên nhiều vô kể, không đếm và bao quát xuế! Những vòng hoa cỏ phúc thọ đung đưa những châm vàng trên sườn khe nước. Xa xa thấp thoáng những bụi ngũ vị tử xanh rờn. Những đám mây trắng ùn lại trên bầu trời cao, bao trùm mọi cảnh vật.

Cả cánh đồng cỏ rộng mênh mông tràn ngập niềm vui, và rất tự nhiên chúng tôi phần nào quên đi những nỗi hoảng sợ vừa qua.

Chúng tôi tụt xuống khe, luồn lách qua những cây sồi con xù xì, những cây lê dại và sơn trà. Cỏ dưới đáy khe cao tới tận thắt lưng. Con Pôn-can lẩn trong đám cỏ. Chúng tôi nhận ra nó qua đàn chim vừa kêu vừa vụt bay lên.

Chúng tôi bỗng gặp một lạch nước trong suốt có thể nhìn rõ cả những hòn đá sỏi dưới đáy!

— Chúng mình quên mất tờ áp-phích, — Va-xca nhếch mép nói, rồi rút tờ giấy đỏ trong ngực áo ra. — Gươm đã, ở đây người ta thấy mất. Đi, tớ biết phải đi đâu rồi.

Chúng tôi lách qua các bụi cây và tới trước một đường hầm bỏ hoang. Những bụi hoa tường vi mọc đầy ở lối vào hầm.

«Không biết có phải tên vua Đan-dôn đã trốn ở đây không?» — tôi nhớ lại câu chuyện của Va-xca.

Va-xca lẩn vào trong hang. Tôi buộc lòng cũng phải bò vào dù thấy thật kinh khủng.

Chúng tôi ngồi bệt xuống ven chân tường. Nước trong nhà máy đầy váng dầu đã làm bẩn tờ truyền đơn và làm mờ cả

những dòng chữ. Thật khó lần đọc được những gì viết trong đó.

— Đọc đi! — Va-xca giục.

— «...Hãy nhìn quanh ta! Ngày nào cũng có những vụ nổ hầm, ngày nào cũng có tai nạn. Thằng chủ mỏ I-út-dơ làm giàu bằng xương máu của chúng ta!...»

Con Pôn-can găm gù phía không xa.

Va-xca ra hiệu báo trước điều gì đó, nắm lấy tay tôi rồi một mình lén tới lối ra, ngó nhìn xung quanh. Cậu rón rén quay lại và ngồi xuống, đôi mắt căng thẳng chờ đợi sáng lên trong bóng tối lơ mờ.

— Mấy bác công nhân nào đó đang đi ngoài đồng cỏ, — ngừng một lát Va-xca tiếp, — tớ biết họ đi đâu rồi.

— Đi đâu, nói đi cậu!

Va-xca không trả lời, lấy tờ giấy ở tay tôi, giấu xuống dưới tảng đá.

— Đi tìm súng lục đi.

— Súng lục nào?

— Rõ là súng ấy rồi còn gì! Nếu bọn đào ngũ trốn trong đường hầm thì nghĩa là chúng đã giấu súng lục trong tường.

Chui sâu vào đường hầm còn sợ hơn là rơi vào tay bọn cảnh sát với tờ áp-phích bị ngăn cấm. Và nhờ nều đúng có tên vua Đan-đôn ngồi lù lù dưới lòng đất hay tệ hơn nữa là chính con quý Su-bin * với những chiếc móng chân lông lá lẩn trốn trong bóng tối thì sao? Muốn chống lại Su-bin, thật ra, có một cách chắc chắn là làm dẫu và đọc bài kinh «Chúa Phục Sinh...», nhưng tôi đã quên hết cả kinh nguyện vì quá sợ.

Va-xca bẻ lấy hai cái gậy, đưa cho tôi một chiếc.

— Chúng ta chui vào đi, Len-ca, đừng sợ.

Chúng tôi để con Pôn-can ở lại gác bên lối vào. Nó ngoan ngoãn nằm xuống bãi cỏ. Chúng tôi đi sâu vào trong, ngày càng cách xa chỗ sáng. Thoang thoang mùi mốc. Dưới chân bùn bấn lép nhép. Hai bên trông rõ những cột chống bị mục nát ở dưới và trơn tuột, làm chúng tôi phải bò lồm cồm mới qua được. Sau đó tối đến mức không nhìn rõ cả Va-xca nữa.

* Theo truyền thuyết đó là một con quỷ sống dưới hầm mỏ. (Nxb.)

Tôi nín thở và đi theo sau cậu.

Thỉnh thoảng Va-xca lại dừng lại, ngồi xếp xuống lấy tay sờ lần dưới các tảng đá xem có súng lục hay không.

Chúng tôi lê bước trong bóng tối như bưng lấy mắt, cúi lom khom cho khỏi đụng đầu vào xà ngang. Càng vào sâu càng tối hơn. Tôi chờ đợi xem con quý Su-bin sẽ bật cười khảnh khách trong bóng tối, rồi quờ lấy chân.

Va-xca lấy đá trong túi ra, đánh lửa lên. Cậu thổi vào bó giẻ cháy âm ỉ và ánh sáng mờ mờ chiếu rọi vòm cuốn ướt át, thấp lè tè. Chúng tôi vấp phải một cái cuốc chim nằm ngang trên đường ray ngập nước.

— Các chú công nhân đã cuốc than ở đây đây, — Va-xca vừa nói vừa sờ sờ chiếc cuốc đã han gỉ.

Chúng tôi lại đi tiếp, rẽ ngoặt sang một ngách, rồi phải bò lết đi vì chiếc khung đỡ sụt xuống đất. Bó giẻ đã tắt ngấm từ lâu. Tôi nhìn quanh: đằng sau tôi đen như mực, phía trước cũng thế. Cơn sợ hãi sờn gai óc chạy dọc sống lưng tôi. Xung quanh yên ắng đến mức nghe rõ cả tiếng o-o trong tai. Nghe rõ cả tiếng tí tách của những giọt nước.

— Ở đây mà chơi bịt mắt bắt dê thì tuyệt nhỉ, phải không nào? — Va-xca hỏi.

— Ờ, ờ.

— Cậu sao thế?

— Không sao cả.

— Sợ à?

— Khô... khô...ng.

— Tớ lại nghĩ cậu sợ đây. Sắp tới lối ra rồi. Cậu có thấy tiếng gió thổi không?

Tôi cảm thấy trên mặt mình một luồng hơi mát nhẹ. Trong lòng thanh thản hẳn lên. Và đây kia, ở phía trước đã thấy mờ mờ ánh sáng yếu ớt, xa xa của lối ra. Tôi vượt lên Va-xca và lao vút về phía vệt sáng đó.

— Cúi đầu xuống kéo dặng! — Va-xca gọi với theo, nhưng tôi đã chạy biến lên trước nhanh hơn.

Lỗi ra khỏi đường hầm bị sụt lở, cây mọc thành bụi nên tôi không nhận ngay ra được mình vừa bước ra khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a. Đám nước Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a ánh lên giữa các cành cây râm mát.

Vừa ở đường hầm ngột ngạt đầy mùi hôi thối mục nát ra gặp làn gió thơm tho tươi mát hơi nước thật dễ chịu lạ thường.

Nhưng mà này!... có tiếng người. Tôi thò đầu ra vừa nhìn quanh đã thấy giữa những bụi cây cơ man là người. Một lá cờ đỏ lớn bay phấp phật trước những đợt gió trong lành của thảo nguyên.

Tôi thấy lạnh toát cả gáy. Máu ở thái dương giật thình thịch. Va-xca bò ở phía sau. Có lẽ cậu nhận thấy có điều gì không ổn với tôi, nên thì thào:

— Gì ngoài ấy thế?

Tôi không trả lời. Va-xca thận trọng rẽ các cành cây ra và mừng rỡ thì thầm:

— Tôi biết ngay mà.

Chúng tôi nín thở và bắt đầu theo dõi.

Một người nào đó thấp bé, béo phì đội chiếc mũ quả dưa cõ lên tiếng phát biểu. Đứng trên gốc cây, hắn ta lắc lắc nắm tay béo múp và kêu lên:

— Chúng tôi vẫn không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng: không nên dùng vũ khí! Không nên! Hãy nhớ lại năm 1905. Năm đó đã cho chúng ta, những người làm cách mạng Nga, những gì? Hàng trăm người chết! Hàng nghìn người bị đi đày! Sao các anh, các anh lại muốn dẫm đạp thêm máu nữa sao?

— Năm 1905 dạy chúng ta phải chiến đấu! — Người có bộ râu đen lởm chởm, chính người từ Lu-gan-xcơ đến chỗ chúng tôi và tên là Mi-chai ấy, đã kêu lớn. Tôi nhận ngay ra bác ta.

— Đây không phải là đấu tranh, mà là nổi loạn! — Tên béo đội mũ quả dưa the the đáp lại bác Mi-chai. — Cuộc nổi loạn đã bắt người thợ phải trả một giá quá đắt. Thôi, xin cảm ơn, chúng tôi không muốn năm 1905 lại lặp lại.

— Thề thì cứ nói thẳng ra: chúng tôi không muốn cách mạng! — bác Mi-chai kêu lên trong tiếng ồn ào hưởng ứng. — Còn chúng tôi thấy rõ lỗi thoát ở cách mạng và sẽ làm cách mạng, mặc dù cách mạng không làm các ngài, bọn ăn bám chạy theo tư sản, thích thú!

Tên béo rit lên the the:

— Người thợ không cần những cuộc ẩu đả. Thêm năm cô-pêch vào đồng rúp đối với anh ta còn quý hơn tất cả những cái chính trị của các anh.

— Không đúng!

— Thôi nghe hán đủ rồi, đã đảo những lời cầu nguyện men-sê-vích!

Lá cờ đỏ buộc chặt vào chiếc gậy mới dẻo bắt đầu bay phấp phới, sau quạt phấp phật trước gió.

Tôi nhìn thấy chú công nhân trẻ đứng cầm cờ.

— Mày thế nào, mày muốn mua tự do bằng năm cô-pêch thôi à? — Bỗng vang lên một tiếng nói thân thuộc đến nỗi tôi cảm thấy nghẹt thở. Dù trong hàng ngàn tiếng nói tôi vẫn phân biệt được cái giọng khàn khàn ấy. Những bụi cây làm tôi không nhìn thấy bố tôi nhưng tôi biết chắc đây chính là bố tôi.

Còn tên béo vẫn đang kêu la:

— Công nhân Nga chưa sẵn sàng làm cách mạng! Nhiệm vụ của chúng ta là tổ chức những ủy ban công nhân và những trường học vào chủ nhật. Cái cần không phải là kêu gọi khởi nghĩa, mà là gửi kiến nghị cho viện Đu-ma yêu cầu lợi quyền cho công nhân!

— Đủ rồi. Năm 1905 chúng ta đã yêu cầu rồi và Nga hoàng đã trả lời bằng viên đạn!

Tôi trông thấy rõ ràng chú thợ máy Xi-rôt-ca nói câu trên, thậm chí chú còn lắc lắc ông tay áo rộng nữa.

— Đây, Nga hoàng đã trả lời yêu cầu của tôi đây! Các đồng chí! — Chú quay về phía mọi người. — Bọn men-sê-vích kêu gọi chúng ta thoái lui! Chúng bảo vệ tên cai ngục Nga hoàng! Đã đảo bọn men-sê-vích, bọn phản bội sự nghiệp của công nhân!

—Đả-ả đảo!— Mọi người từ bốn phía khe hẻm ủng hộ chú Xi-rôt-ca.

—Đừng để cho tên men-sê-vích đội lốt công nhân.

Và thế là bắt đầu! Chú thợ mỏ Pê-chi-a, từ mỏ Pa-xtu-khốp-ca đến, ngồi sát đường hầm, cách tôi khoảng ba bước, nhảy lên hét lớn:

—Quảng nó xuống ao đi!

Cổ tên béo đỏ gay, đầu hấn giống hệt chiếc búa to và hấn kêu rít lên:

—Các người không thể bịt được miệng chúng tôi! (Nào có ai bịt miệng hấn đâu, người ta chỉ định đẩy nó xuống thôi.) Chúng tôi không ít hơn bọn men-sê-vích các người đâu, chúng tôi cũng đấu tranh cho tự do...

Mọi người được dịp cười tên béo đỏ một cách thỏa thích. Người ta gọi nó thật là đúng: thực tế hấn khá nhỏ bé *—trông như một thằng lùn chỉ khác có cái bụng to.

Công nhân đồn thằng béo xuống.

Bác Mi-chai đứng lên thay thế. Lời bác vọng tới tôi từng đoạn một:

—Bọn men-sê-vích các người tồi hơn cả quân thù. Các người làm ra vẻ là bạn của công nhân và bằng những lời lẽ đẹp để muốn lôi kéo họ xa rời cách mạng. Không được đâu! Không có cuộc cách mạng nào thắng bằng lời nói suông được. Cần phải đáp lại những viên đạn của Nga hoàng bằng đạn!..

Tôi suy nghĩ xem tôi và Va-xca phải làm gì: quay trở lại theo đường hầm thì thật kinh khủng, ở lại cũng nguy hiểm.

Tôi thấy hình như con Pôn-can đang hoảng hốt sửa ở đâu đó xa xa. Nhưng đó, tất nhiên, chỉ là cảm giác, con chó của chúng tôi ở cách đây khá xa. Nhưng bỗng nghe thấy tiếng chân lộp oạp oạp, tôi quay lại: trong bóng tối sâu thẳm của đường hầm thấp thoáng có ánh lửa.

—Ai thế, Va-xca?

—Nấp đi.

Không có chỗ nào mà nấp cả. Tôi sợ dẫm cá người. Tôi

* Chơi chữ: men-sê-vích có 2 nghĩa vừa là phái men-sê-vích vừa là vóc người nhỏ bé. (N.D.)

nép sát vào tường, nấp giữa những cột chống hầm ngầm. Những giọng nói rì rầm vọng lại. Nhờ ánh lửa tới gần những bóng người in lên nền tường ẩm ướt chập chờn di động.

Tôi nín thở. Ai đang lên tới chỗ chúng tôi thế nhỉ?

Một tên đi qua chỗ tôi, nghe ngóng rồi quay lại thì thào:

—Thưa ngài, chúng nó ở đây.

Tôi nhận ra thằng chỉ điểm rớt dải lòng thông. Sau đó thằng cảnh sát trưởng rón rén lom khom đi tới, thận trọng liếc nhìn ra ngoài hang, rồi thì thầm với các tên cảnh sát đứng sau:

—Chuẩn bị... Phải bắt sống bọn cầm đầu!

Vì hoảng sợ nên tôi quên biến cả Va-xca, thậm chí không nhìn thấy cậu ta trốn vào đâu nữa. Bỗng tôi nghe thấy sát bên một tiếng không ra rên, cũng chẳng phải bò rông, rồi thấy Va-xca hét lên:

—Ôi!

Thằng cảnh sát trưởng và bọn lính ngồi thụp ngay xuống.

—Đưa nào ở đây thế?— tên cảnh sát trưởng rít lên, rồi vội vã đưa tay sờ soạng quanh mình.

—Ôi, giẫm gãy chân rồi!— Va-xca lay hét sức hét lên.

—Câm ngay, đồ súc sinh!

Trong ánh lửa tôi nhìn thấy Va-xca ngồi dưới đất, đang vận vẹo người.

—Ôi, cứu tôi với, đau quá!— cậu gào lên.

Tên cảnh sát trưởng bịt mồm Va-xca lại, nhưng cậu vùng ra, kêu tướng lên.

Dưới khe hẻm nghe thấy tiếng cành cây gãy và tiếng chú thợ mỏ Pê-chi-a:

—Các đồng chí! Báo động!

—Còn đứng đây làm gì nữa lũ ngu xuẩn!— tên cảnh sát trưởng hét bọn lính, rồi rút súng lục ra khỏi bao, lao ra khỏi đường hầm đầu tiên.

Từ phía khe vọng lại tiếng súng, tiếng kêu la và tiếng đánh nhau ồn ào, loạn xạ.

Va-xca túm lấy tôi, lao vào trong đường hầm, tay giơ về phía trước để tránh đụng phải xà ngang. Cậu không còn kêu và than thở về cái chân đau nữa, nghĩa là giả vờ đau...

Thật là một ngày khủng khiếp, không còn hiểu nổi cái gì nữa...

6

Tin bọn cảnh sát bắn giết công nhân ở khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a làm nhiều người chết và bị thương, lan xa khắp cánh đồng cỏ vùng mỏ. Người ta kể là tên cảnh sát trưởng đã xé tan lá cờ đỏ và những tờ truyền đơn vấy máu rải khắp khe. Tin này do những người chạy thoát nói lại.

Tôi không biết bố tôi ra sao: bố tôi còn sống hay đã chết mất rồi. Tôi đứng khóc bên hàng rào nhà máy, còn Va-xca kéo tôi đi tìm bố. Nhưng tìm bố tôi ở đâu bây giờ, khi mà khắp nơi đã xảy ra một điều gì đó, không thể tưởng tượng được!

Một đám đông tới hàng nghìn công nhân xông vào bên nhà máy. Công nhân đào than từ các mỏ lân cận vũ trang bằng búa, cuốc chim và rìu kéo tới hỗ trợ cho công nhân của nhà máy.

Công nhân chuẩn bị chiến đấu: họ đẩy những tảng đá nặng, những cột cao, những toa goòng và những tấm sắt xếp chồng lên nhau thành một ụ chiến đấu. Trên cùng cắm lá cờ đỏ — một chiếc sơ-mi đẫm máu của ai đó buộc chặt vào chiếc gậy.

Bác Mi-chai chỉ huy công nhân. Chính bác đã cầm lá cờ đỏ trên chiến lũy. Lẫn trong đám đông công nhân có cả chú Van Li bố A-li-ô-sa và chú thợ mỏ Pê-chi-a. Rồi chúng tôi cũng nhìn thấy cả chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. Chú xúc động điều khiển chiếc xe của mình chạy bên chiến lũy, chỉ cho công nhân cách dựng.

Tôi và Va-xca cúi thấp xuống để chú khỏi nhìn thấy.

Bỗng từ một phố gần đây một thằng phi ngựa như bay tới, quay ngựa một vòng, tay giơ cao thanh kiếm. Một đội kỵ binh, súng ống đầy đủ, đi nước kiệu tới. Đích thân tướng Sato-khin, tên thị trưởng, cùng thằng cảnh sát trưởng đi xe ghé mềm ở phía trước. Thằng cảnh sát trưởng đứng trên thành xe hét toáng lên:

— Giải-ải tán!

Tiếp sau đó là một loạt súng nổ.

Bác Mi-chai đứng lên chiến lũy. Giọng bác vang lên nghe thật lớn:

— Các đồng chí! Chúng ta quyết bảo vệ quyền sống! Đả đảo tên Nhi-cô-lai Khát máu!

Công nhân nhát đá lên, trong đám đông thấy xuất hiện những cái búa... Tên sĩ quan chỉ huy còn trẻ, đi găng trắng, dẫn đầu bọn Cô-dắc, giật mạnh con ngựa ô chồm lên hai chân sau, rồi quay lại bọn kỵ binh, lớn tiếng, kéo dài giọng ra lệnh:

— Tuốt kiếm ra! Theo ta, tiến lên, tiến lên!

Những lưỡi kiếm tuốt ra khỏi bao vụt sáng như ánh chớp. Bọn lính Cô-dắc cúi rạp trên mình ngựa, xông vào đám công nhân.

Những tảng đá, mảnh quặng và mẩu sắt bay vụt ra đón đầu chúng.

Những con ngựa của bọn Cô-dắc lồng lên: con vẹo sang bên sườn, con uốn cổ dài xuống thành vòng tròn. Một con chồm lên hai chân sau, thở phì phì, đùn bọt hồng ra mép và dậm dậm chân đường như muốn tránh xa trận bão đá. Bọn lính Cô-dắc ủa vào đám đông và quay tít kiếm trên đầu, thúc ngựa xéo đạp lên mọi người. Một bọn khác hung tợn như thú dữ thẳng tay quất roi có đầu chì vào vai, tay và lưng các chú công nhân. Tôi nhìn thấy chú thợ mỏ Pê-chi-a bấu chặt vào dưới sống mũi con ngựa xám. Tên Cô-dắc lấy hết sức quất roi vào đầu chú, nhưng chú vẫn không buông mũi ngựa cho tới khi con vật ngã khụy xuống: thằng lính ngã lộn qua đầu ngựa xuống đất.

Trận đòn roi diễn ra xung quanh trông phát khiếp.

Bọn hiến binh ập đến hỗ trợ bọn Cô-dắc. Chú thợ máy Xi-rôt-ca kêu lên:

— Các đồng chí, anh em! Hãy đánh chết bọn tay sai Nga hoàng đi! «Vùng lê-ên hỡi các nô lệ-ê ở thế gian. Vùng lê-ên hỡi ai cực khổ bán hà-àn!...»

Thằng chỉ điểm dãi rớt bắn thiu vớ hòn gạch lao thẳng tới chú Xi-rôt-ca, nhưng chú thợ mỏ Pê-chi-a đã từ phía sau lấy búa đập vào đầu nó, và hấn theo đà lao xuống hào nước, chỗ tôi và Va-xca nấp. Chiếc kẹo từ túi thằng chỉ điểm lặn xuống hồ, còn chính hấn thì nằm nguyên, đầu vỡ toác.

Khoảng hai mươi tên hiền binh luồn lách qua đám đông đến chỗ ụ chiến đấu đang xây dở, nơi lá cờ đâm máu đang phần phật bay. Một số thằng khác xông đến chỗ bác Mi-chai đã được công nhân vây quanh thành một bức tường kín chắc. Bọn hiền binh giật lá cờ xuống và bắt đầu xé vụn. Chú Van-li lấy gậy đánh chúng, nhưng gậy lại bị gãy. Từ đám người thấy tách ra một chú công nhân, chú chạy sang một bên, cởi cúc áo cổ, rút trong ngực ra một mảnh vải đỏ, rồi buộc vào chiếc gậy gãy. Tên Cô-dắc từ trên mình ngựa vọt roi vào mặt chú và chú ngã xuống cùng với lá cờ.

Nhưng lúc đó có một tiểu thư cầm ô, trong nháy mắt đã cởi bỏ bao ô và thay vào cái ô trong tay cô giờ đây phần phật trước gió lá cờ đỏ. Thằng cảnh sát có ria mép túm lấy đuôi sam của cô tiểu thư, giúi đầu cô ta xuống đất, nhưng các chú công nhân đã giật lấy cái ô cờ và lá cờ cán ô được chuyển từ tay này qua tay khác, phần phật trôi đi trên đầu mọi người.

Giữa tiếng âm ầm của trận đánh, bác Mi-chai lớn tiếng kêu gọi mọi người không đầu hàng, nhưng bọn hiền binh đã ùa tới chỗ bác. Bác hát bọn chúng ra, nhưng chúng ùa đến đông như kiến.

Tôi nhìn thấy cách chỗ chúng tôi không xa một người đàn bà tóc rối bù chạy tới chỗ thằng sĩ quan chỉ huy đang chồm chệch trên mình ngựa, bà giật phanh ngực áo ra, hét lên:

— Này đây, đồ hèn hạ, hãy bắn vào ngực tao đang nuôi con đây này!

Bọn hiền binh, Cô-dắc và cảnh sát dồn công nhân đến cổng nhà máy. Dưới sức ép của mọi người, cánh cổng kêu răng rắc.

Đám đông ùa vào nhà máy, theo sau là bọn Cô-dắc. Những tiếng đánh nhau bắt đầu xa dần...

Thế rồi chúng tôi vẫn tìm được bồ tôi. Các chú công nhân đã mang bồ tôi bị thương vào buồng nuôi hơi.

Người bồ tôi đầy máu. Bồ tôi ngồi trên chiếc hòm, tựa người vào tường. Chú thợ mỏ Pê-chi-a và hai chú nữa lấy những mảnh vải băng đầu cho bồ tôi.

Tôi khóc to, nhưng bồ tôi không nghe thấy. Bồ tôi nhắm mắt, nhắc đi nhắc lại như mê sảng.

— Rồi chúng mày cũng sẽ đến ngày tận số... Không lẽ máu này lại chảy ra một cách vô ích!..

7

Cuộc nổi dậy trong thành phố mấy ngày liền vẫn chưa dịu đi chút nào.

Ngày Mồng Một tháng Năm cuộc chiến đấu diễn ra trên khắp các đường phố. Những đại đội kỵ binh Cô-dắc điều từ Bắc-mút tới khu trung tâm trong thành phố đã dồn công nhân đến tận hàng rào nhà thờ và bắt đầu đánh đập. Những người bị vây không còn chỗ nào để trốn chạy ngoài cách chui vào nhà thờ. Nhưng cha cô lại dồn đuổi họ ra. Công nhân tự vệ bằng những đồ dùng trong Nhà thờ: họ lấy chân để các cây nến, bẻ thân gỗ các bức tranh thánh làm gậy, và lấy những tập kinh thánh bằng đồng đánh trả bọn Cô-dắc. Một chú công nhân quăng cả bình hương trầm vào tên cảnh sát. Người ta kể là cha I-ê-han đã đứng ở bậc tam cấp nhà thờ hét lớn: «Hãy biết sợ Chúa! Người ta phá Nhà thờ!» Còn ai nghe cô đạo nữa, khi mà bọn Cô-dắc đang dùng gươm đâm chém mọi người.

Đến ngày thứ ba tên thông đốc từ E-ca-tê-ri-nô-xláp về và ra lệnh phạt roi tất cả những người bị bắt. Lính vây chặt quảng trường «Chữa cháy» thành một hàng rào dày đặc — không thể đi qua được. Người ta kể là tên thông đốc đã nhạo báng công nhân và trước mỗi trận đòn đã chúc mừng công nhân «nhân ngày Mồng Một tháng Năm».

Chú Van-li và chú Xi-rôt-ca bị bỏ tù, rất nhiều người bị đưa vào các đại đội tội phạm. Bồ tôi được các chú công nhân giấu đi đâu đó, còn bác Mi-chai mặc dù được các chú công nhân hết sức bảo vệ, vẫn bị bọn cảnh sát bắt được. Tên thông đốc hình như đã nói: «Chúng tao tìm kiếm mày đã lâu, tên dân chủ xã hội! Bây giờ thì đừng có hòng thoát khỏi tòa án của chúng tao!»

Chỉ mãi đến ngày thứ năm mới có thể đi lại trong thành phố một cách yên ổn. Người ta kể với tôi và Va-xca rằng cả quảng trường «Chữa cháy» bị vây máu. Nhưng chúng tôi

không tìm thấy dấu vết gì. Con những người lính chữa cháy đã chỉ cho chúng tôi chỗ đặt chiếc ghế dài dùng để nọc công nhân ra đánh—ngay bên đài kỷ niệm của Nga hoàng. Còn chiếc ghế tên thông độc đã ngồi nghỉ đặt ngay đối diện. Chúng tôi còn thấy cả vết chân ghế lún xuống đất. Chắc là tên thông độc phải to béo lắm.

Bon vệ binh cưỡi ngựa đi điều khắp phố. Con đường gần tòa án thành phố chật ních người. Chúng tôi lắng nghe các câu chuyện và hiểu là chúng đang xử bác Mi-chai, nhân vật chính của phong trào cách mạng trong thành phố. Chúng tôi định lách lại gần, nhưng bọn Cô-dắc chồm chệ trên ngựa vây quanh tòa án chia giáo ra hăm dọa, thỉnh thoảng lại hét lên:

—Lùi lại!

Tôi và Va-xca leo lên cây. Từ đây nhìn rõ cả cửa sổ tòa án và cửa ra vào có lính gác.

Công nhân tụ tập dưới gốc cây. Một người trong bọn họ, có lẽ đã được dự phiên tòa xử, sôi nổi kể:

—Tên thẩm phán tuyên bố: «Cho bị cáo nói lời cuối cùng». Anh ấy bèn đứng lên và thề là anh nói thẳng vào mặt chúng: «Không, thưa các ngài, ở đâu còn có hàng ngàn nông dân bị chết đói, còn có công nhân bị bắn chết vì bãi công, ở đó khởi nghĩa còn tiếp tục cho tới khi nào quét sạch khỏi mặt đất sự ô nhục của loài người—đó là chế độ Nga hoàng!»

Người đó nghe có vẻ giống như bác Mi-chai vì chính tôi đã thấy bác đánh nhau với bọn hiến binh dửng dưng cảm như thế nào và có lẽ, không phải chỉ có một tên đã bị ăn bạt tai...

Tôi tụt xuống thấp hơn để nghe chuyện chú công nhân cho rõ hơn, thì bỗng mọi người nhón nháo:

—Chúng đang dẫn ra, đang dẫn ra!

Tôi thấy từ trong tòa án bước ra hai tên lính cầm gươm tuốt trần, theo sau chúng—tôi suýt khóc vì thương xót—là bác Mi-chai bị gông, sau bác còn hai tên lính mang gươm nữa.

Ra khỏi tòa án, bác Mi-chai mỉm cười, giơ cái xích lên làm nó kêu loảng xoảng:

—Các đồng chí, đây, luật pháp của chúng đây!

Thằng lính đi sau đá bác:

—Đi, không nói chuyện!

—Tạm biệt các đồng chí! Hẹn gặp nhau ngoài chiến lũy!

—Tha lỗi cho chúng tôi, đồng chí Mi-chai!—vang lên khắp mọi phía.

Tôi và Va-xca nhảy từ trên cây xuống, nhưng bị mọi người ép lại. Không còn nghĩ ra được cách nào lại gần bác Mi-chai. Bọn kỵ binh Cô-dắc lấy roi ngựa vụt mọi người tới tấp.

Chúng tôi đi theo tới tận nhà tù. Ở đó bọn sen đầm và cảnh sát lại càng nhiều hơn. Nhà tù chật ních người bị bắt và từ sau bức tường ở đó vọng ra tiếng ồn ào lo lắng.

Một chiếc khăn đỏ thò ra qua chân song sắt cửa sổ và có ai đó kêu lớn:

—Hỡi anh em! Hãy tiếp tục chiến đấu!

Tên lính canh nhặt hòn gạch ném vào cửa sổ, miệng chửi rủa tục tĩu.

Chúng tôi bỏ đi vì sợ lại xảy ra bắn nhau.

Trong lòng thấy nặng nề—chúng đánh đập người của chúng ta. Còn bọn tiểu thư nhà giàu ăn diện chải chuốt lại cùng các sĩ quan ngồi thoải mái trên ghế đệm nhung của những cỗ xe song mã kéo qua các cửa hiệu giàu có ở đường phố chính.

Tôi kéo Va-xca về nhà.

Mặt trời đã lặn. Phương tây tràn ngập ánh hồng.

Tới chợ chúng tôi thấy một đám đông phụ nữ và trẻ em đang đứng nghe một người nào đó. Chúng tôi lại gần. Một ông già cầm đàn băng-đu-ra, khoanh tròn chân, ngồi bệt dưới đất. Tóc ông cụ bạc trắng, lông mày rậm rì. Ông cụ gảy đàn nhưng không hát mà nói, lúc khẽ chỉ vừa đủ nghe, lúc lại cất cao giọng giận dữ:

Hây, hây...

Nếu tôi chết hãy chôn tôi nhé,

Trước thảo nguyên rộng lớn bao la

Vùng U-cơ-ră-i-na yêu dấu thiết tha.

Cụ già siết chặt dây đàn rồi im bật. Và bỗng cụ lại gảy tiếp. Dây đàn bật vang lên và ông cụ bắt đầu nói, giọng hăm dọa:

Hãy chôn đi và hãy vùng lên,

Đập tan xiềng xích, đấu tranh.

Chí ta vậy máu quân thù hôi tanh...

Hây, hây!..

Một sự phỏng đoán kỳ lạ bỗng lóe sáng trong đầu tôi: «Thôi đúng rồi, đây chính là Anh Nghèo với cây đàn mà Va-xca đã kể đây! Thế nghĩa là anh ta vẫn còn đang đi quanh trái đất để tìm vua». Câu chuyện cổ cũng giống như đời sống và tôi không thể hiểu đâu là sự thật, đâu là điều tưởng tượng.

Tôi định nói điều đó với Va-xca thì từ góc phố tên Da-grê-bai khệnh khạng bước ra.

Cụ già đứng dậy, bỏ đi. Chúng tôi im lặng theo tiễn ông cụ tới tận ngoại ô, rồi đứng đó nhìn mãi theo Anh Nghèo đang đi trên đường ra cánh đồng cỏ.

— Ông cụ đi tìm vua... phải không, Va-xca?

Va-xca không trả lời.

Chương bốn

PHÚT CHÓT CỦA NỀN QUÂN CHỦ

Ta từ bỏ chế độ cũ,
Rũ sạch nó khỏi chân.
Tượng vàng ta đâu cần,
Điện Nga hoàng thêm cảm giận!

1

Vào tháng Hai năm 1917 ở nhà máy nổ ra một cuộc bãi công chưa từng có. Cả nhà máy im phăng phắc; ngay cả tiếng còi, mà cả thành phố vẫn sinh hoạt theo, cũng im bật. Từ sáng chúng tôi đã chạy ra xem một cảnh tượng chưa từng thấy — cả nhà máy ngừng việc. Em gái Áp-đun-ca, bé Tôn-ca cũng bám lấy chúng tôi. Nó ven vạy chạy theo sau, vừa chạy vừa tí tí:

— Áp-đun-ca, chờ em với!

Không gì có thể kìm chúng tôi lại được, ngay cả tin thằng I-út-dơ — chủ nhà máy — đích thân đứng gác nhà máy với khẩu súng nạp muối. Muối sợ hơn đạn nhiều. Đạn là cái quái gì? Sẽ giết chết mình và thế là xong. Còn nếu bị bắn muối vào miệng thì chỉ còn mỗi cách cấp cứu là tìm lấy chậu nước, ngồi vào đó, rồi cứ ngồi và chịu đựng cho tới khi muối tan hết.

Đã thấy phảng phất không khí mùa xuân. Nước từ trên mái nhà nhỏ giọt xuống thánh thót. Trên những con đường ẩm ướt đã thấy xuất hiện những chú quạ lông xanh xẫm. Chúng bước khoan thai, vẻ trang trọng, dọc theo những vũng tuyết đang tan, gáy gáy những chiếc mỏ trắng dài.

Qua cái lỗ mà chỉ có chúng tôi biết ở hàng rào, chúng tôi nới đuôi nhau lần lượt lọt vào nhà máy.

Cái đầu tiên đập vào mắt chúng tôi là tuyết sạch trắng tinh ở khắp mọi nơi: trên mái nhà các phân xưởng, trên những nôi hơi đã han gỉ, trên các thỏi thép đúc của lò mác-tanh vứt dọc

hai bên lồi vào đều trắng toát. Điều đó thật kỳ lạ: chúng tôi đã quen thấy tuyết trong nhà máy đen sì như bồ hóng.

Ngạc nhiên hơn nữa là sự im lặng. Những lò đúc gang lặng lẽ vươn cao âm ỉ. Trên đó cũng đầy tuyết phủ, mặc dù trước đây luôn hùng hực lửa. Trong nhà máy trở nên sáng sủa hơn: bầu trời được quét sạch khói và bồ hóng. Những chiếc cần trục mũi tù đầy tuyết phủ sừng sững trên những đường ray hạn gí.

Trong phân xưởng lò mắc-tanh vắng lặng, lạnh lẽo. Chúng tôi chui qua cửa lò xếp nguyên liệu chui vào bên trong và nhảy múa trên mặt gang đã đông lại cứng ngắc.

Sau đó chúng tôi chạy sang phân xưởng nổi hơi. Phân xưởng dường như rộng ra vì yên ắng và vắng bóng người. Ngẩng đầu nhìn lên những chiếc cần trục treo bất động dưới mái nhà — mũ sẽ rơi khỏi đầu ngay.

Va-xca bắc loa tay lên mồm, hét vang khắp phân xưởng:
— Cù-cúc-cu-cu!

Tiếng vang truyền qua các vòm cuốn của tòa nhà vọng lại thành nhiều âm điệu trong các nổi hơi vật lụng tung ở khắp nơi.

Thằng Ut-sa người Hy Lạp, quay khuôn mặt giả táng sợ hãi lại thì thào:

— Các cậu ơi, đó là thằng I-út-dơ nhại lại chúng mình đây, — rồi nó hét lên. — Ê, I-út-dơ chui ra đi!

Tiếng vang vọng lại: «Ê, ui-i!»

Thằng I-li-u-kha sợ hãi lùi lại.

— Gọi lão I-út-dơ làm gì? Đợi đây, rồi lão ấy đến tóm cổ hết bọn bay!

Chúng tôi không thèm nghe thằng I-li-u-kha. Lòng chúng tôi tràn ngập niềm vui và ý thức tự do. Liền theo đó Va-xca lại hét lên:

— Các cậu ơi, đó là lão I-út-dơ chui vào nổi hơi đe dọa chúng mình đây! Tớ tuyên bố ném bom!

Chúng tôi hò reo ủng hộ sáng kiến đó. Một trận bão đá đồ xuống cái nổi rỗng tuếch và cả phân xưởng âm ỉ đến mức ngay cả người thợ nổi hơi điếc đặc cũng sẽ không chịu nổi.

— Thôi các cậu ơi! — Va-xca giơ tay ra lệnh.

Chúng tôi đứng yên không nhúc nhích, tay vẫn nắm chặt những hòn đá. Va-xca nhìn chúng tôi thăm dò:

— Hãy khai ra. Cậu nào dũng cảm?

— Tớ!

Va-xca liếc nhìn tôi, và tôi thấy sờ sợ: bỗng dưng cậu ấy lại bắt tôi leo lên ống khói nhà máy, nơi mà ngay cả quạ cũng không bay tới được, thì sao?

— Được. Còn ai dũng cảm nữa?

— Thế sao? — Tôn-ca hỏi, láu lỉnh nghiêng nghe đôi mắt đen láy xinh đẹp.

— Ai không sợ đền nhà lão I-út-dơ?

Chuyện tào bạo đó chỉ có Va-xca mới làm nổi. Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy lão I-út-dơ, lão thường xuyên sống ở Pê-téc-bua và rất ít khi về đây. Bọn trẻ kể là ba con ngựa giống màu xám của lão được lão cho uống rượu để phi nhanh như quý dữ! Ngay cả những bộ móng của chúng cũng bằng bạc cơ!

Tóm lại đền nhà lão I-út-dơ thật đáng sợ. Chúng tôi im lặng, không biết trả lời Va-xca ra sao. Thằng Áp-đun-ca gãi gãi chòm tóc cứng quèo mọc dựng đứng trên đỉnh đầu.

Thế sao? — Ut-sa hướng ứng đầu tiên. — Nào chúng ta cùng đến nhà lão I-út-dơ, báo cho lão biết là chúng mình cũng bải công.

— Và cùng xem thiên nga, — thằng I-li-u-kha nhắc thêm.

— Thiên nga nào?

— Các cậu không biết à? Trong vườn nhà lão có hồ nước và thiên nga bơi ở dưới ấy.

— Để làm gì?

— Cho đẹp.

— Thế mà nhìn thấy à, thằng tóc hung? — Ut-sa hỏi.

— Không phải tao, mà người khác nhìn thấy... Bác tao có lại chơi và bảo là em bác nghe thấy vậy...

— Nói khoác: em bác ta thấy, lão chủ ăn ở đây...

— Chả có gì là lạ cả, — Va-xca nói. — Lão I-út-dơ giàu sụ... Trong kho nhà lão có cả những hòm đầy vàng kia.

— Và nhà lão trắng thật là trắng nhé, — cái Tôn-ca tiếp, — các anh có biết tại sao không? Nhà làm bằng đường mà...

— Đừng có nói khoác, — Va-xca ngắt lời cô bé. — Tớ sẽ

kể cái khác về nhà lão I-út-dơ, chuyện mà các cậu không thể tin được.

— Sao cơ, Va-xca?

— Ở nhà lão I-út-dơ nước chảy thẳng từ hồ vào nhà theo đường ống!

— Thế nào kia? — Tôn-ca hỏi.

— Thế này nhé: ở tường có vòi nước, nếu vặn nó thì nước sẽ tự chảy ra, dù muốn chảy suốt ngày cũng được.

— Ôi, buồn cười nhỉ!

— Lão ta cần làm gì ngăn ấy nước nhỉ, chả lẽ lão uống hết cả à? — thằng I-li-u-kha nghi ngờ hỏi lại.

— Nước phòng cháy mà, — Áp-đun-ca tỏ vẻ thông thạo, giải thích.

— Nào thôi, đến nhà lão I-út-dơ đi! — Va-xca ra lệnh.

— Này, lão I-út-dơ sẽ bắn chết chúng mày đây, — thằng I-li-u-kha lùi lại. — Tốt hơn hết tao về nhà chén ngô cái đã.

— Cút ngay và đừng có quay lại, — Va-xca bảo nó.

Và thế là bộ năm chúng tôi gồm Va-xca, tôi, thằng Áp-đun-ca với cái Tôn-ca và thằng Ut-sa, dẫn thân vào con đường nguy hiểm.

Thằng I-li-u-kha lâu bầu nói với theo:

— Chúng mày cứ đi đi, đi đi... Chó nhà lão I-út-dơ sẽ cắn rách quần chúng mày ra! Rồi lão I-út-dơ sẽ chụp ảnh chúng mày, bây giờ sẽ biết!

Chúng tôi đi xuyên qua phân xưởng cơ khí, rồi chui qua hàng rào ra cánh đồng cỏ. Ngoài đó, biệt thự của lão I-út-dơ có bức tường đá xám bao quanh đứng tách biệt hẳn ra. Cạnh cổng là cái chòi gỗ cánh sát sơn sọc trắng đen.

Chúng tôi lội trên bãi tuyết mùa xuân đã bắt đầu ẩm ướt, không sâu lắm và lặng lẽ tiến lại gần nhà I-út-dơ. Những mảnh chai sắc nhọn tua tủa dựng đứng trên thành tường để ngăn chặn không cho ai có thể leo qua được.

Tường thật là cao. Chúng tôi nhặt vài hòn gạch xếp chồng lên nhau. Va-xca leo lên vai tôi và chỉ trong nháy mắt đã ở trên tường. Chúng tôi đứng dưới, thì thào hỏi:

— Thế nào, có gì ở đây, Va-xca? Có gì?

Va-xca giờ nắm đầm bản thủ ra và chúng tôi im bật.

Nhưng tính tò mò vẫn át tất cả và thằng Ut-sa cũng đã chống nạng, leo được lên. Nó định kéo theo cả cái Tôn-ca lên, nhưng con bé lại bị tụt xuống, rách cả váy và khóc ti ti.

Tôi và Áp-đun-ca tranh cãi xem đứa nào phải đứng dưới đỡ. Va-xca lại dọa chúng tôi. Chúng tôi im bật và lúc đó Áp-đun-ca mới chịu nhường. Tôi trèo lên lưng nó, nó nâng tôi lên và tôi vắt vả lắm mới leo được lên tường. Để khỏi bị những mảnh chai cửa đứt tôi thu tay vào trong ống tay áo bông. Ut-sa đưa nạng kéo thẳng Áp-đun-ca lên.

Còn một mình con Tôn-ca đứng dưới rên rĩ.

Tim tôi đập thình thình vì sợ hãi và tò mò. Tôi đã nhìn thấy ngôi nhà trắng. Cạnh cửa ra vào có dựng một cái xéng dính những cục tuyết. Những con đường nhỏ xung quanh đã được dọn sạch.

Tôi nhìn kỹ cái sân qua những cành lá lưa thưa của những cây và bụi cây trồng ven tường. Trong sân vắng lặng, không thấy một con thiên nga nào ở đâu cả.

Bỗng nghe thấy có tiếng người. Tôi khiếp sợ dấn mình xuống bờ tường. Cửa ra vào bật mở, một con chó cao lớn màu xám với cái mõm vuông rộng và cái cổ để bằng đồng rất diện chạy từ trên thềm xuống. Sau con chó xuất hiện một nhóm người. Họ chậm rãi đi theo con đường dẫn ra cổng sắt.

Bỏ chạy thì đã muộn. Chúng tôi chết lặng đi.

Nhờ những chiếc khuy óng ánh trên áo khoác tôi đã nhận ra tên cánh sát trưởng. Cả cha I-ô-han trong bộ áo thầy tu màu đen với cây thánh giá bạc đeo trước ngực cũng ở đây.

Tôi thấy cả người đội mũ quả dưa. Đó chính là tên men-sê-vích thấp lè tè đã nói chuyện trong buổi họp mặt bí mật kỷ niệm ngày Mồng Một tháng Năm mùa xuân năm ngoái. Bây giờ hắn mặc cái áo lông có cổ lông thú lớn hết cái vòng cổ ngựa — suốt từ cổ xuống đến bụng.

Đi giữa đám đó là một người mặc áo măng-tô kẻ ca-rô, đội mũ cát-két da vàng. Căn cứ vào điều xi gà kỳ lạ màu nâu mà hắn nhai trong mõm và thở khói ra như một ông hơi nước, tôi đoán đó chính là lão I-út-dơ. Bộ râu xén tỉa hình tròn một cách cẩn thận bao quanh khuôn mặt no bự của hắn.

Bọn họ tiến gần lại công mà không nhìn thấy chúng tôi. Con chó hít hít đám tuyết ẩm ướt ở rệ đường. Cũng may những cành cây đã che chở chúng tôi một cách chắc chắn.

Lão I-út-dơ vừa nhai điều xì gà ngoại quốc, vừa nói cái gì đó. Thỉnh thoảng lão dừng lại, thề là tất cả cũng dừng lại nghe lão nói.

Lấy ngón tay lấp lánh nhẫn vàng trở vào ngực tên men-sê-vích lùn tịt, lão I-út-dơ nói:

— Các nhà công nghiệp — tinh hoa của đất nước — cần phải giành lấy chính quyền của nước Nga. Nga hoàng Nhi-cô-lai không còn khả năng tiếp tục cuộc chiến nữa. Thời của Nga hoàng đã chấm dứt. Toàn đất nước Nga ngập tràn những cuộc nổi loạn.

— Cái mà ngài gọi là nổi loạn ấy là cách mạng đây, — tên béo phì đáp lại lão I-út-dơ. — Cuộc cách mạng cứu tinh và thanh lọc đây!

Lão I-út-dơ bức tức phẩy tay:

— Những lời nói suông... Cách mạng là một sự hỗn loạn và chính những người Nga các ngài, sẽ chết trong sự hỗn loạn đó.

Con chó cọ cọ cái mõm vào túi áo bành-tô kẻ ca-rô. Lão I-út-dơ vuốt ve con chó, rồi quay lại tên cảnh sát trưởng:

— Người ta cố khuyên Nga hoàng chấm dứt chiến tranh với bọn Đức bằng con đường hòa bình. Nếu các ngài mắc cái sai lầm đó và Nga hoàng ký kết hòa bình thì tất cả hầm mỏ, nhà máy của các ngài sẽ về tay các nhà công nghiệp Đức hết.

— Chúng tôi không cho phép điều đó, ngài Giôn I-va-nô-vích ạ, — tên cảnh sát trưởng nói.

— Người ta không xin phép các ngài đâu, — lão I-út-dơ cứng rắn đáp lại. — Người ta sẽ giành lấy chính quyền bằng sức mạnh. Phải chăng có thể cho nhân dân quyền tự do? Nếu một ông chủ để cho súc vật của mình được tự do thì trong nhà đó lợn sẽ nhảy lên làm chủ. Ô, ô bên nước Anh chúng tôi những người thợ tự hiểu nhiệm vụ của họ là làm việc, chứ không phải làm chính trị...

— Chúng tôi lại được giáo dục khác, — tên men-sê-vích nổi nóng, kiễng chân lên trước mặt lão I-út-dơ có lẽ hắn muốn

tỏ ra cao hơn. — Lý tưởng của chúng tôi là tự do, bình đẳng và bác ái!

Lão I-út-dơ thậm chí quay hẳn lưng lại tên men-sê-vích — lão không ưa kiểu nói đó. Lão quay sang nói chuyện với người mũi hếch, có bộ râu xồm xoàm giống như của một tên lái buôn, chắc hẳn phải là chủ của một nhà máy hay hầm mỏ nào đó.

— Hôm qua tôi vừa nhận được điện từ Pê-téc-bua, ở đó có hai mươi vạn công nhân bãi công... Ô, nước Nga thật là một nước man rợ!

— Chính thế, thưa ngài I-út-dơ, — tên có râu hùa theo. — Nước Nga chúng tôi quả là một nước man rợ, vâng đúng, mọi rợ. Đôi khi tôi nghĩ thật là xấu hổ vì mình là người Nga...

Không thêm nghe hắn nói hết, lão I-út-dơ quay sang tên cảnh sát trưởng:

— Các anh có đủ sức thắng được bọn bãi công không?

— Đủ chứ ngài Giôn I-va-nô-vích! Người ta đã cho gọi cả quân Cô-dắc của đại úy phôn Gráp tới nữa.

Cần chấm dứt ngay cuộc bãi công này càng nhanh càng tốt.

— Xin tuân lệnh, thưa ngài Giôn I-va-nô-vích. Ngài có thể tin tưởng ở chúng tôi.

Rồi lão I-út-dơ lại quay sang tên men-sê-vích lùn tẹt, nắm lấy chiếc khuy áo lông của hắn:

— Còn các anh, những nhà xã hội hay như các anh vẫn tự xưng... các nhà dân chủ, nhiệm vụ của các anh là cứu lấy nước Nga, tách xa nhân dân khỏi cách mạng.

Lão I-út-dơ lấy đầu gậy vẽ lên tuyết một cây thập ác, rồi chọc mạnh vào nó:

— Chiến tranh, thưa các ngài, chỉ có chiến tranh! Chiến tranh rất có ích, nó phục hồi xã hội và thúc đẩy sản xuất phát triển. Hãy kêu gọi chiến tranh!

Tôi không hiểu một tí gì về những điều lão I-út-dơ nói. Và cũng không phải điều đó làm tôi bận tâm. Chiếc gậy của lão chủ xưởng thật là lạ. Bốn phía gậy nổi lên những hình quả thông nhẵn thín, còn ở chỗ tay cầm lại lấp lánh một cái đầu rắn bằng bạc.

Tôi vươn lên trước để ngắm chiếc gậy cho kỹ hơn, thì vừa lúc ấy thằng Ấp-đun-ca và thằng Ut-sa tranh cãi nhau điều gì đó và câu chí nhau. Cái nạng của thằng Ut-sa rơi từ trên tường xuống, và như trêu người, lại rơi trúng ngay đồng gạch.

Con chó nháy xỏ đến chỗ tường.

Tôi nhảy xuống, bọn nó xô nhau nhảy theo âm i, rồi chúng tôi chạy thực mạng.

Đến một cái khe không sâu lắm, cách nhà lão I-út-dơ không xa, tôi rơi xuống ngập trong tuyết đến thất lưng, nằm thở hổn hển. Tôi cảm thấy tuyết có vẻ ấm áp. Trong bầu không khí tĩnh mịch chỉ nghe thấy tiếng chim sơn ca.

Chẳng bao lâu thằng Ấp-đun-ca cũng ngã lộn nhào vào kéo lê theo chiếc nạng gậy rồi đến cái Tôn-ca và cuối cùng Va-xca tươi cười lăn vào.

Chúng tôi ngồi lại trong khe khá lâu, sợ thò đầu ra sẽ bị lão I-út-dơ bắt.

Chúng tôi đi xuyên qua nhà máy về nhà và dọc đường nhặt đầy mù than: từ khi bãi công bắt đầu, không có gì để đốt lò cả.

Mẹ tôi khen tôi đã nhặt than về. Buổi tối Va-xca lại nhà tôi và hai đứa ngồi sưởi ấm bên bếp lò đến khuya, cùng nhớ lại cuộc hành quân đến nhà lão chủ xưởng.

2

Cuộc bãi công lan sang các mỏ bên. Tàu hỏa ngừng chạy. Không một mỏ nào làm việc. Trong thành phố từ sáng đến tối nổ ra những cuộc mít tinh lớn. Bọn nhà giàu cau có nhìn công nhân, gọi họ là lưu manh, là bọn nổi loạn.

Một hôm thấy nói có cuộc đấu giữa công nhân và lính Trăm Đen—bọn hộ vệ Nga hoàng—ở cạnh viện Đu-ma của thành phố, tôi và Va-xca lao tới đó và đuổi kịp đoàn bãi công dọc đường. Công nhân khoác áo bành-tô vá víu với những đôi ủng mòn vẹt vừa đi thành hàng lối nghiêm trang oai vệ vừa hát. Đi đầu là chú thợ máy Xi-rôt-ca, cánh tay còn lại giương cao lá cờ đỏ.

Đó là một con người khác thường. Cánh tay chú bị chặt

đứt ngoài chiên lũy vào năm 1905. Tên hiền binh chém vào tay chú và tiện đứt luôn cả cánh tay với lá cờ. Thế mà bây giờ chú Xi-rôt-ca lại mang lá cờ đỏ đang phất phật tung bay. Tôi nhìn chú thán phục và thầm nghĩ, nếu như người ta chặt đứt tay tôi, tôi cũng sẽ hành động như chú.

Đoàn người mang theo một bức tranh lớn có vẽ hai người lính cách nhau bởi những chiến hào. Một bên là lính Nga, bên kia là lính Đức. Người lính Nga đưa tay cho người lính Đức, ở dưới có dòng chữ: «Vô sản tất cả các nước, liên hiệp lại!»

—Va-xca, tớ không hiểu trong bức tranh ai là vô sản tất cả các nước, lính Nga hay Đức?

—Thế cậu không biết à?

—Biết nhưng quên.

Va-xca cười khẩy:

—Cả hai. Tất cả những người nghèo đều là vô sản. Cậu cũng là vô sản, cả tớ, cả bố cậu đều là vô sản. Ut-sa cũng thế.

Tôi thật là kỳ quặc: đã biết bao lần tôi nghe thấy danh từ đó, mà lại không biết chính mình cũng là vô sản. Tôi chạy lên đầu đoàn biểu tình, chỗ thằng Ut-sa đang chống nạng khắp khỉnh bên chú Xi-rôt-ca.

—Ut-sa, cậu hỏi đi: tớ là ai?

—Để làm gì?

—Cậu cứ hỏi đi.

—Thôi được, cậu là ai?

—Tớ là vô-ô sả-ẩn!

Công nhân vừa đi trong đoàn biểu tình vừa hát:

Ta dũng cảm, kiêu hãnh
Giương cao cờ đấu tranh
Cho sự nghiệp công nhân.
Ôi, ngọn cờ vĩ đại
Của toàn thể nhân loại
Cho thế giới đẹp tươi
Cho tự do sáng ngời!

Bọn trẻ con chúng tôi cũng xếp hàng nối vào đoàn bãi công và cao giọng hát hòa theo đoàn điệp khúc quen thuộc:

Bước đều bước,
Tiên lên trước
* Nào công nhân

Hãy xông vào trận tuyến
Đắm máu
Chính nghĩa và thiêng liêng!

Bọn cảnh sát đứng yên hai bên hè phố. Chúng đều mang gươm và có súng, nhưng không hiểu sao lại không động đến công nhân.

Khi đoàn biểu tình chúng tôi tới gần quảng trường «Chùa cháy» thì từ phố bên, bọn Trăm Đen—gồm những lão lái buôn, cha cô vác thánh giá và ánh thánh, bọn chủ hiệu cầm cờ Nga hoàng—tiến ra đón đầu. Lão hàng giò Xư-bu-li-a đi trước, tay cầm chân dung Nga hoàng.

Các đường phố và cả quảng trường chật ních người. Tôi chưa bao giờ thấy lắm người đến thế và tự nhiên nắm lấy tay Va-xca vì sợ lạc trong đám đông.

Cả quảng trường ồn ào ầm ĩ. Phần phát tung bay trước gió đủ loại cờ: cờ đỏ của những người bôn-sê-vích, cờ đen của bọn vô chính phủ và cờ ba màu của Nga hoàng. Diễn giả phát biểu ở mọi góc của quảng trường. Nhiều người leo gá lên vai các đồng chí của mình, giờ giờ nắm đầm lộn xộn hét lên, mỗi người theo ý của mình. Cảnh tượng hỗn loạn, nhộn nhạo. Góc này hát «Đã lâu chúng tôi bị xích xiềng», góc kia lại «Lạy Chúa, xin Người che chở cho Đức Vua».

Chúng tôi lách lại gần diễn đàn chính, chỗ có tượng Nga hoàng bằng gang.

Tượng này do các lái buôn dựng lên bằng tiền của mình. Tôi nhớ, chuyện xảy ra vào mùa xuân, khi các cha làm lễ cầu chúa trên quảng trường và vẩy nước thánh vào đám đông. Tôi liếc nhìn khuôn mặt bằng gang đen sì và thoát đầu không tài nào nhận ra là ai. Một bên ria mép dài hơn, bên kia ngắn hơn, con mắt bên phải nheo nheo nhìn tôi dường như cái đầu bằng gang đang ngắm bắn. Sau đó tôi nhìn dòng chữ «Đức Hoàng đế toàn Nga...»

Trong khi đó mít tinh trở nên ồn ào, lộn xộn. Một người lính mặc áo khoác mở phanh ra, lộ cộc đôi nạng leo lên tượng vua.

—Các bạn, tôi xin chuyển tới các bạn lời chào từ chiến hào của những người lính Nga—con em của các bạn!—

Người thương binh giờ cao cái nạng cho mọi người xem.—
Các bạn nhìn đây, tôi đã đánh nhau chán rồi, và tôi xin nói: **Đả đảo** bọn tư sản! Công nhân lãnh đạo nhà nước muôn năm! **Những** người bôn-sê-vích nói đúng: cần phải quay mũi súng **chống** lại chính phủ Nga hoàng!

—Đúng-úng! Đả đảo Nga hoàng khát máu!

Ai đó tung mũ lên trời, hò reo: «hoan hô!».

Tôi cũng tung mũ lên, nhưng vừa lúc đó đám đông dồn sang một bên và chiếc mũ bị cuốn mất. Tôi ngồi thụp xuống sờ soạng dưới đất, nhưng không thấy. Lúc đứng dậy đã thấy tên men-sê-vích lùn tịt, tên là An-ghen, trên diễn đàn. Cái thằng béo | đáng ghét này lại ở đây rồi. Hắn giờ giờ nắm đầm trắng như cái bánh mì lên và la hét:

—Đả đảo chế độ chuyên chế đè nén chúng ta! Nước Cộng hòa dân chủ muôn năm! Người công dân tự do muôn năm!

Hắn trợn mắt, giờ cao tay, kéo dài giọng:

—Người cô-ông dâ-ân! Nghe thấy không, danh từ đó vang lên nghe thật kiêu hãnh! Đúng, từ đó sẽ làm kẻ thù của chúng ta, bọn ủng hộ chế độ cũ, run sợ!

Hắn chỉ tay về phía đám đông:

—Hỡi người lao động, Chúa sẽ cứu giúp, bạn sẽ không phải làm nô lệ nữa! Bạn sẽ là người công dân! Chỉ cần đừng thù ghét nhau, chớ tiến hành nội chiến, chớ nổi loạn. Chúng ta bây giờ không còn giai cấp nữa. Chẳng hạn tôi là chủ nhà máy, bạn là công nhân, tất cả chúng ta đều là dân tộc Nga thông nhất. Chúng ta có chung một kẻ thù là bọn Đức! Chúng ta cùng chung một mục đích là chiến thắng! Muốn thế cần có nhiều súng đạn hơn nữa. Chúng ta hãy đánh tan tên Vin-hem vô đạo và cứu lấy Tổ quốc!..

—Mày đi mà đánh nhau!

—Xuống, đồ vô sĩ!

Nhưng tên men-sê-vích không nghe ai cả và nói tiếp:

—Đúng, Chúa sẽ cứu giúp chúng ta! Chúng ta hãy quên đi những cuộc cãi lộn, những mối hiềm khích! Hãy đồng tâm nhất trí...

—Đả đảo! Lôi chân nó xuống!

Lão chủ hiệu giò Xư-bu-li-a leo lên diễn đàn.

— Xin hãy yên lặng! Chúng tôi muốn một trật tự do Chúa và Đức Vua định đoạt ra.

Có người nào đó tóm lấy quần lão Xư-bu-li-a và lôi tuột lão vào đám đông. Bọn chủ hiệu, chủ các quán rượu và những người đánh xe ngựa bênh vực hắn. Cuộc ẩu đả hỗn độn bắt đầu. Trong lúc lộn xộn tôi lạc mất Va-xca. Người ta giẫm vào chân tôi khá đau và tôi nhanh nhẹn lẩn vào nấp dưới cổng chính một ngôi nhà ai đó.

3

Ở đây âm hơn. Đầu tôi hoàn toàn bị lạnh cóng vì mất mũ. Tôi nhìn quanh. Tại cổng chính rất rộng có một chiếc thang gác với tay vịn bọc nhung đỏ chạy thẳng lên trên.

Từ trên đó vọng xuống một tiếng trẻ con dễ thương:

— Ghê-nhi-a, chờ em với, em sợ ở lại một mình...

Một thằng bé diện quân phục, đầu không đội mũ và một con bé mặc áo lông trắng chạy từ thang gác xuống. Một chú chó con lông trắng nhảy nhót sau chúng làm những chiếc nhạc đồng kêu leng keng. Con chó lập tức nhảy xổ lại tôi, sủa âm ỉ. Chắc nó không thích cái áo bông bần thiu với đôi tay dài lòng thòng của tôi.

— Mác-gô, không sủa nữa! — Con bé quát con chó, nhưng con vật đã ngoạm vào quần tôi nhay nhay. — Mác-gô, mày có nghe thấy không? Tao nói gì hả?

Thằng bé mặc quân phục tiến lại gần tôi. Trông nó giống hệt một viên sĩ quan thực thụ.

— Sao mày lại ở đây? — Nó nghiêm khắc hỏi.

Tôi sợ không nói được một lời.

— Tao hỏi mày, thằng rách rưới kia, sao mày lại ở đây?

— Tôi muốn ăn, — tôi làu bàu.

— Để nó yên, Ghê-nhi-a, — con bé em thằng ca-đê* bênh tôi.

* Đảng viên Dân chủ Lập hiến, ở đây chỉ bọn con cái của những người theo đảng đó. (N.D.)

— À, mày lại không cút hả? — Nó hung hãn nhắc lại. — Có lẽ mày muốn biết thế nào là đo ván phóng?

— Đừng, Ghê-nhi-a, anh nhìn xem nó xanh xao biết chừng nào. Dù sao anh cũng là người hào hiệp và sẽ không đánh kẻ yếu hơn chứ.

— Lui ra, đừng cản trở tao!

Thằng ca-đê khuynh tay trước ngực, nhảy nháy tại chỗ trước mặt tôi.

— Hãy đỡ đi, đồ hèn!

— Mặc nó, Ghê-nhi-a, nó chỉ là một thằng ăn xin thôi kia mà!

— Xê ra! Mày hãy làm trọng tài cho tao thì tốt hơn. Khi nào tao cho nó đo ván, mày hãy đếm đến mười.

Thằng ca-đê vẫn nháy nhót, giờ nắm đầm ra rồi đột nhiên thụi vào trán tôi. Em gái nó đứng xen vào giữa chúng tôi.

— Thôi!..

Thằng ca-đê cau mặt:

— Lúc nào mày cũng cứ can thiệp vào chuyện của tao. Thế thì hãy để cho nó cút khỏi đây đi!

— Khoan đã. Em sẽ cho nó bánh mì. Ờ, thằng ăn mày kia, đi theo tao! — Rồi con bé chạy lên thang gác.

Chính tôi cũng không hiểu vì sao mà tôi đã lê đôi giày há mồm rách tả trên những bậc thang lát đá hoa theo con bé.

Đến tầng hai tôi dừng lại trước cánh cửa cao sơn trắng mà ở chỗ tay cầm lại là hai chiếc vòng bằng đồng ngoắc vào hai hàm răng sù tử. Cánh cửa nửa khép nửa mở. Tôi bước vào và đứng sững lại.

Những cái tôi nhìn thấy ở đây dường như trong giấc mơ. Trong gian phòng rộng-lớn, sáng sủa, cửa sổ kéo từ dưới sàn lên đến trần. Trên tường treo những bức tranh lồng trong những khung mạ vàng chắc nịch. Dưới tranh là một hàng ghế bọc lụa xanh, chân uốn cong. Trong những chiếc thùng gỗ nhỏ eo trồng những cây gì đó mọc từ sàn lên đến trần nhà. Từ trong góc phòng tượng một người đàn bà cao bằng đá trắng với hai cánh tay cụt nhìn tôi. Tất cả những cái đó phản chiếu xuống sàn nhà sáng ánh lên như trên mặt gương. Trong phòng

thơm ngát mùi nước hoa và từ đâu đó vọng tới một điệu nhạc nhẹ nhẹ.

Tôi đứng nhìn cảnh đẹp đó, dường như đang mơ, không đủ sức nhúc nhích nữa. «Phải chăng lại có người sống như thế ư?»—tôi thầm nghĩ và chợt nhớ đến căn nhà hầm chật hẹp, nền đất sét ẩm ướt của chúng tôi, ở đó dưới gầm giường chỉ có chuột và cóc nhái nhảy lung tung sau thùng nước ở ngoài hiên.

Cô bé lanh lẹ đi từ phòng khác sang, làm tôi bừng tỉnh. Tôi lúng túng đổi chân nọ sang chân kia.

—Mày vào đây làm gì, tao đã ra lệnh đợi ngoài cửa kia mà! Đây, xem, lại còn làm bẩn nữa! Cầm lấy bánh và rút ra.

Con bé ca-đê đưa cho tôi miếng bánh mì trắng mềm. Miếng bánh bốc mùi thơm phức. Không biết nhét vào đâu tôi cho miếng bánh vào ngực áo rồi đi xuống.

Xuống hết thang đã thấy thằng ca-đê và em nó đứng ở cửa, đang nhìn ra chỗ quảng trường đầy người. Tôi đi qua chỗ chúng nó, rồi dừng lại trước cổng chính.

Mít tinh ở quảng trường vẫn tiếp tục, nhưng ầu đã đầy không còn nữa. Và không chỗ nào còn cò vua nữa, chỉ có những vương vãi đỏ phất phật tung bay trên đầu đám công nhân.

Tôi liếc nhìn bọn con nhà giàu. Không chê vào đâu được: thằng ca-đê đẹp trai, lông mi dài, lông mày hình mũi tên, còn khuôn mặt thì dịu dàng sáng sủa như của con gái. «Dù sao Va-xca của mình vẫn đẹp hơn,—tôi nghĩ.—Chỉ tiếc một điều cậu ta ăn mặc rách rưới... Còn bọn tư sản con này lại lên mặt... Cái con nhóc ấy lại dám gọi mình là thằng ăn xin!..»

Em gái thằng ca-đê bỗng nhăn mặt lại, khi nhìn đám công nhân:

—Ph...phì, sao họ bẩn thế! Sao họ bẩn thế hờ Ghê-nhi-a?

—Danh từ «thợ thuyền» là từ chữ «nô lệ» mà ra,—thằng anh giải thích,—mà bọn nô lệ đều bẩn cả.

—Anh Ghê-nhi-a này, tại sao họ làm loạn? Họ cần cái gì?

—Chúng muốn lật đổ Đức Hoàng để khởi ngôi vua.

Cô bé tròn xoe mắt.

—Chúng ta sẽ ra sao nếu không có vua?.. Sao người ta không bỏ tù chúng vì tội đó nhỉ?

—Bọn chúng quá đông. Chúng ta không đủ nhà tù.

Một bà gầy gầy, đeo kính, cau có hiện ra ở cửa. Bà ta lau bầu cái gì đó rất nhanh không phải bằng tiếng Nga và thằng ca-đê trả lời:

—Cô Pi-u, chúng cháu vào ngay đây.

—Cậu làm như mình đã lớn rồi ấy,—bà ta nói bằng tiếng Nga.—Nhưng cậu đã nghĩ lắm, cậu hãy còn bé và người lớn vẫn còn phải chịu trách nhiệm về cậu. Chỉ thiếu nước là cậu...—mụ ta giương đôi mắt cú vọ lạnh lùng nhìn tôi.—Chỉ thiếu nước là cậu lôi về đây cái bọn... bọn chó kia. Ôi, thật kinh khủng!

Tôi không thèm nghe mụ ta nữa. Va-xca từ đâu đó nhô ra và mừng rỡ lao đến:

—Cậu ở đâu thế?

—Còn cậu?

—Công nhân đập phá tan hoang đồn cảnh sát rồi. Ừ chà, khoái thật!

Tôi lôi miếng bánh trong ngực áo ra.

—Ai cho cậu đây?

Tôi đưa mắt chỉ hai anh em thằng ca-đê. Va-xca sa sầm mặt. Cậu khinh bỉ nhìn bọn con nhà giàu con rồi giận dữ khế bảo tôi:

—Vứt đi!

—Tại sao?.. Đây là bánh mì mà!

—Quảng đi, đã bảo mà, đây là bánh mì của bọn tư sản!

Tôi không thể không nghe Va-xca được, nhưng lại không nỡ vứt miếng bánh đi. May sao nhìn thấy A-li-ô-sa Pu-pốc trong đám đông, tôi đưa luôn miếng bánh cho nó:

—Này cho cậu để trả nợ món thịt nhé,—tôi bảo nó.—Cậu nhớ chứ?

Khi tôi và Va-xca lại lách vào tới đài kỷ niệm thì mẹ A-li-ô-sa Pu-pốc đang đứng trên diễn đàn. Bà làm ở lò than cốc và

thường bị tức ngực khó thở. Bà mặc chiếc váy đã cũ, vá chằng vá đụp, áo bông ngoài thùng lỗ chỗ. Mẹ A-li-ô-sa đứng trên cao, mọi người đều nhìn thấy rõ, bà gập lưng xuống, lấy tay che miệng, vẻ biết lỗi. Mọi người nhìn khuôn mặt gầy gò của bà, im lặng căng thẳng. Cuối cùng bà khó nhọc nói:

— Đó là hơi than cốc... nó đã ăn mòn cả phổi... Các bạn công nhân! Bàn tay chúng ta làm nên tất cả. Thế mà sao con cái chúng ta không có gì ăn? Hãy vùng lên, còn chờ đợi gì nữa? Nga hoàng không bao giờ đem lại tự do cho chúng ta cả! Lòng tham vô độ của bọn nhà giàu bóp chết chúng ta. Phá tan những cửa hàng của bọn chúng đi!

— Đúng!

— Hãy nhất loạt nổi dậy!

Bà còn muốn nói thêm điều gì nữa, nhưng lại ho sặc sụa. Mọi người gượng nhẹ thận trọng đặt bà xuống đất. Cha tôi leo lên đài kỷ niệm.

— Các đồng chí hãy xông đến nhà tù! Hãy giải phóng cho anh em chúng ta!

Tôi và Va-xca theo mọi người chạy đến nhà tù, ở đó người ta đang lấy đá đập phá cổng sắt.

Bọn lính canh bắn chỉ thiên. Rõ ràng trong nhà tù cũng đang nổi dậy. Cổng kêu răng rắc.

— Mở ra, không chúng tao sẽ phá!

Tôi bỗng nhìn thấy trên tường nhà tù một người mặc áo tù màu xám với chiếc mũ lưỡi trai trông giống như cái bánh trắng. Chân bác ta bị xích. Người đó dang tay ra như đôi cánh và đột nhiên nhảy từ trên cao xuống đám đông.

«Tan xác rồi!»—tôi nghĩ thầm, khi nghe tiếng xích đập loảng xoảng xuống đất.

Va-xca luồn vào đám đông. Tôi rượt theo cậu ta.

Người tù râu tóc bù xù và gầy như bộ xương ngồi bệt cạnh tường. Mắt bác ta đảo đi đảo lại trông rất kỳ quái dường như sợ người ta lại quăng mình vào tù.

Hai chú công nhân lấy đá ghè gông cùm ở chân bác ra. Chiếc khóa văng sang một bên.

Một chú công nhân lấy mũ mình đội cho người tù, chú kia cởi áo đưa cho bác ta.

Đúng lúc đó cái Tôn-ca lách lại, ôm chầm lấy cổ người tù, òa khóc. «Không lẽ người tù này lại là bố nó, chú Khu-xê-in sao? Sao tôi lại không nhận ra chú nhỉ?»

Mọi người nâng chú Khu-xê-in dậy và công kênh chú trên tay đi trong tiếng hô «Tự do!» vang dậy.

Cái Tôn-ca chạy theo, khóc gào lên, tay níu chân bố.

Cửa nhà tù bị phá vỡ và những người bị bắt giam ủa ra, chạy tán ra khắp sân. Một đội hiến binh từ trong ngõ lao tới: công nhân ném đá đón đầu chúng. Cuộc ẩu đả nổ ra đến nỗi không ai tới được.

Đồn cảnh sát cạnh nhà tù cháy rừng rực. Một vài thanh niên lấy gạch ném con đại bàng hai đầu của Nga hoàng trên tường cho rơi xuống.

Cũng lúc đó bọn trẻ con ngoài phố tóm được một tên cảnh sát làm tù binh. Chúng đồn đuổi tên cảnh sát vào góc tường giữa nhà và mảnh vườn con. Tên này không còn chỗ nào chạy được, còn bọn trẻ con vây quanh hấn ta huýt sáo và rống lên âm ỉ.

«Bị tóm rồi, đồ râu cá trê!»—tôi vui mừng nhận ra tên Da-grê-bai. Ở phố chúng tôi mọi người rất căm ghét thằng này. Nó hoành hành suốt vùng ven thành phố, đi lại vênh vang, đáng quan trọng, dọa nạt mọi người với những huy chương trên áo. Thấy có ánh lửa bên cửa sổ là nó rẽ vào ngay và hỏi: «Sao không ngủ?»—«Hãy còn sớm».—«Có thể, chúng mày thức đọc truyện đơn sao?»—và thế là bắt đầu khám xét, lục lọi trong tủ, mở bàn ăn ra, hít hít. Thấy dưa chuột muối—là hấn bỏ ngay vào túi. «Không sao, bà chủ thân mến ạ, tôi thật rất mê những thức ăn muối». Thằng Da-grê-bai không bao giờ gọi ai bằng tên, mà chỉ gọi theo dân tộc người ta. Nếu thấy người Do Thái hấn sẽ gọi: «Ê, Kha-im—đồ ăn xin, lại đây» hoặc: «Này Khô-khôn, đồ du côn, mang gì đây?» Có khi hấn lại ra lệnh cho người mới gặp: «Này Tác-ta nướng bánh đa, có thuốc lá không?»

Với bọn trẻ chúng tôi thì hấn béo tai và hành tội theo kiểu riêng—hấn tóm lấy tai, rồi vừa xách lên cao vừa hỏi: «Thầy Ma-xơ-va chưa?»

Va-xca thấy bọn trẻ bao vây tên cảnh sát, cũng lao về phía hắn ta.

Tên Da-grê-bai lấy bao kiếm xua đuổi. Hắn cười cười thăm hai đường như muốn cho biết là trò chơi bao vây này không có ý nghĩa gì cả. Nhưng trong đôi mắt híp như mắt lợn ỉ của hắn thấy ánh lên nỗi lo âu và bọn trẻ hiểu là tên cảnh sát khiếp sợ chúng.

—Đánh chết tên bạo chúa đi!—Va-xca hét lớn.

—Tháo bỏ kiếm ra!

Bọn trẻ con huýt xuyt bắt chước tiếng mèo kêu oe oe. Thằng Da-grê-bai bịt kín tai, ôn tồn nói:

—Thôi, các chú, nghịch ngợm thế đủ rồi.

Nhưng bọn trẻ lại giật vạt áo choàng của hắn. Va-xca đập vào bụng hắn, một đứa khác phía bên nhỏ vào áo nó. Thằng cảnh sát sửa lại cái mũ bị lệch.

—Đủ rồi, các chú nhóc. Lính Cô-dắc sẽ mang roi tới bây giờ. Tao thương hại chúng mày, khéo lại chết cả nút đây.

—Tháo kiếm ra, không nói nhiều!

Thằng Da-grê-bai nắm đốc kiếm, dọa nạt bọn trẻ.

—Tao bấm nhỏ chúng mày thành mảnh bây giờ!

Thằng Áp-đun-ca hồn hèn chạy tới. Nó đang nóng lòng thanh toán với tên cảnh sát để trả thù cho bố. Va-xca nhường chiếc gậy của mình cho Áp-đun-ca. Chú bé Tác-ta vung tay lên và chiếc mũ với cái phù hiệu bay vèo xuống đất. Thằng Da-grê-bai chìa kiếm ra trước như một mũi giáo, rồi cúi xuống nhặt mũ, nhưng Va-xca đã kịp giờ cả hai tay tóm lấy vỏ kiếm, giật về phía mình. Bọn trẻ xô vào giúp cậu.

Tên cảnh sát dựa lưng vào hàng rào, không chịu buông rời thanh kiếm. Nhưng vừa lúc đó, dây lưng lại đứt làm bọn trẻ ngã lăn ra đất cùng thanh kiếm. Hoảng sợ trước sự việc, bọn trẻ đứng phắt cả dậy, bỏ chạy tán loạn. Tên cảnh sát đầu trần đứng râu tóc bù xù. Bên sườn hắn, chỗ đeo kiếm, lưng lửng mẩu dây lưng.

Bọn trẻ đã quàng thanh kiếm qua hàng rào. Đứng lại độ một phút, tên Da-grê-bai mới râu rĩ lê đi tìm thanh kiếm.

Nhân dân tụ tập thành những đám đông trên phố chính. Đặc biệt bọn vô công rồi nghề tụ họp rất đông bên hàng rào. Một người đàn ông đội mũ, đeo kính đọc to, còn những người khác lắng nghe. Tôi thò đầu qua những khuỷu tay và thấy một tâm áp-phích to, cao hơn tôi:

BẢN TUYÊN NGÔN TÔI CAO

Nhờ ơn Chúa

Trăm, Nhi-cô-lai đệ nhị,
Hoàng đế toàn nước Nga,
Đức Vua nước Ba Lan,
Bá tước vĩ đại của Phần Lan,
vân vân, vân vân và vân vân...
Trăm công bố cho cả thần dân của Trăm...

Tôi quay lại sau xem Va-xca có ở đây không. Cậu ấy ở ngay bên cạnh. Cả thằng Ut-sa cũng đứng dậy, người tựa vào chiếc nạng, há hốc mồm nghe.

Ông đeo kính tiếp tục đọc:
«Trong những ngày này... trước cuộc sống của nước Nga, Trăm tự thấy phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho sự thống nhất bền vững của nhân dân ta... và thỏa thuận với viện Đu-ma, Trăm tự nguyện xin từ bỏ ngai vàng của nhà nước Nga và khước từ khỏi quyền tôi cao...»

Tôi nhìn cái mồm há hốc ra của thằng Ut-sa và không thể hiểu được cái gì đã xảy ra. Giọng đọc vẫn vang lên rành mạch trong bầu không khí yên lặng:

—«Không muốn rời xa đứa con thân yêu, Trăm xin truyền lại di sản của Trăm cho người em của Trăm là bá tước Mi-khai-in A-lêch-xan-đơ-vích vĩ đại và cầu Chúa ban phước lành cho người lên ngôi vua đất nước Nga...

Chính tay Đức Hoàng đế vĩ đại đã ký: «Nhi-cô-lai». Bộ trưởng Hoàng cung đã ký Đại tướng hầu cận—bá tước Phe-đê-rích... Ngày 2 tháng Ba năm 1917, 15 giờ, thành phố Pơ-xcốp».

—May quá! Người ta đã tông cổ tên vua Nhi-cô-lai đi rồi,—một người thợ già thờ phào, khoan khoái nói.

—Bớt được một bà già, con bò thấy nhẹ hơn.

Tôi chẳng còn hiểu gì cả: hoặc là người ta giết vua, hoặc là có ai đó lật đổ hắn ta.

Thằng Ut-sa quay lại nhìn tôi, trợn mắt lên, rồi như bắt chước vua nói ngọng:

—«Chúng ta, Nhi-cô-lai đệ nhị!..»

—Thưa các ngài!—Lão nhà giàu đội mũ trịnh trọng thốt lên.—Nur thể là Cộng hòa rồi?—Rồi lão đi dọc phố, vẫy vẫy tay, mừng rỡ nói với mọi người: Nước Nga là Cộng hòa! Tự do!

Lão ta gặp tên cảnh sát trưởng và tiến lại gần định ôm hôn hắn, nhưng tên này đang bức tức và vội đi đâu đó, nên cũng chẳng thèm.

Một chiếc xe ngựa bốn bánh lao qua đường phố như một cơn gió lốc, trên xe có một mũ mặc áo lông đứng, một tay níu lấy ghế cho khỏi ngã, miệng kêu lên the thé:

—Tự do! Tự do!

Một thằng bé chạy tới, vội vã loan tin:

—Chạy lại quảng trường đi! Ở đây người ta đang lật đổ vua đây!

Chúng tôi chen lẫn nhau xô lại phía đó và cảnh tượng trông thấy ở quảng trường lúc đó không thể tả lại được. Tôi nhìn và không tin vào mắt mình nữa: người ta đã chụp lệch về một bên chiếc mũ rách của tôi lên đầu tượng vua bằng gang. Tôi nhận ra chiếc mũ nhờ nửa mảnh lưỡi trai còn lủng lẳng và che mắt bên mắt trái của tên vua.

Mọi người chung quanh cười rộ lên. Các bà già làm dấu. Sau đó một anh thanh niên mang thang đến và leo lên vai vua, buộc dây thừng vào cổ hắn. Đầu dây kia được quăng xuống, ở đó mọi người nắm lấy, hò reo: «Một, hai—kéo này!»—định lôi tên vua nhào xuống, nhưng hắn thậm chí không nhúc nhích.

May thay lúc ấy một nông dân già đánh chiếc xe có đôi bò đực đi qua. Anh em công nhân cho dừng chiếc xe lại, tháo đôi bò ra và dẫn chúng về phía quảng trường. Tiếng cười lan ra hết đám này sang đám khác. Sợi dây buộc một đầu vào cổ vua, đầu kia vào đôi bò đực. Tất cả đồng loạt kêu, hét. Đôi

bò giật mạnh, và Nga hoàng lung lay. «Cổ lên, cổ lên, anh em,—mấy người công nhân gào rộ to, khích lệ đôi bò.—Lần nữa nào!» Đôi bò lại căng dây giật mạnh khiến bức tượng nghiêng hẳn sang một bên. Mọi người giãn ra và bức tượng đổ ầm xuống đất, làm bụi bốc lên mù mịt.

Va-xca là người đầu tiên lao lại chỗ tên vua. Trong nháy mắt cậu đã leo lên ngực đực Hoàng đế, sau cậu là bọn trẻ con, rồi tất cả nhảy múa trên đầu tượng gang.

Lúc đó chợt nhớ ra chiếc mũ, tôi định đi tìm. Tôi len vào đám đông và suýt đụng phải bờ tôi. Bờ tôi không nhìn thấy tôi và leo lên bề tượng bằng đá, chỗ tên vua vừa đứng, giơ cao tay, khoa khoa một tờ giấy:

—Các đồng chí! Có điện gấp từ Pê-tơ-rô-grát đây!—rồi bờ tôi bắt đầu đọc to:—«Tuyên ngôn của Đảng Công nhân Dân chủ Xã hội Nga. Gửi toàn thể công dân Nga.

Vô sản tất cả các nước, liên hiệp lại!

Hỡi các công dân!

Thành trì của chế độ quân chủ Nga đã sụp đổ. Cuộc sống sung túc xây dựng trên xương máu nhân dân của bè lũ Nga hoàng đã tan vỡ. Thủ đô đã về tay nhân dân khởi nghĩa. Các đội quân cách mạng đã đứng về phía những người khởi nghĩa...

Chính phủ cách mạng lâm thời phải có trách nhiệm thảo ra những đạo luật tạm thời bảo đảm mọi quyền lợi và quyền tự do của nhân dân, phải tịch thu đất đai của nhà tù, của bọn địa chủ, của nội các và của hoàng gia trao lại cho nhân dân, phải cho áp dụng chế độ ngày làm tám tiếng với công nhân và triệu tập Hội nghị lập hiến...

Tiến lên! Không đường lùi lại! Hãy thắng tay đấu tranh! Dưới ngọn cờ đỏ của cách mạng!»

Mọi người hoan hỉ nói-cười ầm ĩ. Bờ tôi lấy hết sức hét lên để át tiếng mọi người:

—Đồng chí Lê-nin, lãnh tụ của vô sản thế giới muôn năm!

—Muôn năm!—Tiếng hoan hô phân khởi vang dội khắp quảng trường, và những chiếc mũ lại được tung cao, những lá cờ đỏ mở rộng tung bay...

Chương năm

THẮNG TỰ

Các đồng chí,
Dừng cảm lên, ta đều bước!
Chỉ ta thêm mạnh, vững như tường thành.
Ta sẽ giành lấy cho mình
Con đường đấu tranh dẫn tới tự do phía trước.

1

Và thế là tự do đã đến! Tôi với Va-xca đã không uống công đấu tranh: vua đã phải thoái vị, như hẳn ta cần thoái vị.

Thật dễ chịu, thoái mái khi được tự do: nghĩ gì nói thế, muốn làm gì thì làm, dù có kêu, dù có nháy múa, dù có đi bằng đầu gối cả hai chân lên trời đi chẳng nữa, cánh sát cũng không tóm cổ áo, không ở đâu còn cánh sát nữa, những anh chàng «thân mến» ấy đã tháo chạy tán loạn cả.

Bọn trẻ con phố chúng tôi nghĩ ra một trò chơi mới: trò đánh đồ Nga hoàng. Một đứa nào đó leo lên mái nhà kho để cúi hoặc lên hàng rào, còn những đứa khác buộc dây lòi xuống. Rất vui nhé! Có điều không đứa nào chịu làm vua, nhất là sau khi cái Tôn-ca suýt bị chết nghẹt. Nó xung phong làm vua và khoe rằng không ai lòi được nó xuống. Rồi Tôn-ca leo lên chiếc xe cút kít và bấu chặt vào đó đến nỗi mắt trợn ngược vì ngạt thở — và cứ thử lòi được nó, đứa bướng bỉnh như vậy, xuống xem! Bọn trẻ con vứt bỏ dây kệ xác nó, cái con Tôn-ca ấy, nhờ mà nó bị chết nghẹt thì lại phải vạ.

Tự do! Ngay cả bọn nhà giàu cũng đeo băng đỏ và ngạo mạn đi đi lại lại.

Tự do! Va-xca nói là bây giờ không ai có quyền ra lệnh và hét lác. Chỉ được biểu quyết thôi. Nếu cần quyết định điều gì, đầu tiên người ta sẽ hỏi: «Ai tán thành, giơ tay lên!». Ai không đồng ý có thể giơ tay phản đối. Đó là tự do.

Người ta nói là, đầu như ở Pê-tơ-rô-grát một Chính phủ lâm thời nào đó đã lên thay thế nhà vua. Còn ở thành phố chúng tôi là Xô-viết đại biểu công nông. Bỏ tôi được bầu là đại biểu chủ chốt: giờ bỏ tôi được mọi người gọi là «đồng chí chủ tịch».

Lão chủ hiệu Xư-bu-li-a — bỏ thằng Xen-ca là ủy viên Chính phủ lâm thời của thành phố. Thằng Xen-ca khoác lác là hình như bỏ nó to hơn bỏ tôi và có thể muốn bắt ai thì bắt. Thằng Xen-ca thật kỳ quặc! Bỏ tôi được tất cả công nhân ủng hộ, còn ai theo bỏ nó chứ? Chả thế mà Va-xca đã cười nhạo là ủng hộ lão Xư-bu-li-a thì chỉ có thằng thọt Gút-scôp nào đó, thằng lác Mi-li-u-côp và cả thằng Rôt-di-an-cô — râu như cái xẻng thôi. Mà chúng tôi đã thừa biết bọn cầm đầu loại đó rồi!

Thật là dễ chịu, chỉ có điều là vẫn không có gì để ăn. Bớt mì ngoài chợ lên giá đến mức mua nửa cân mà phải trả những một số tiền dài gần một thước! Đã xuất hiện loại tiền mới — «kê-ren-ki». Loại tiền đó không đếm mà đo bằng thước. Nhưng chúng tôi cả loại tiền này cũng chẳng có. Tình hình trở nên khó khăn, nhưng không thể chết được. Nhiều người ở phố chúng tôi đã đi các làng đồi đồ đạc lấy bánh ăn. Tôi và mẹ tôi cũng chuẩn bị đi. Buổi tối chúng tôi đồ hết quần áo trong hòm ra. Chúng tôi chọn lấy cái áo của bố, cái áo cưỡi của mẹ, hai cuộn chỉ (một còn nguyên, một mới dùng). Phải lấy thêm cả cái bàn là gang, hai cái đĩa, kéo và cái khăn vuông. Các thứ đó được xếp vào túi, buộc dải băng và sáng sớm chúng tôi lên đường.

Bỏ tôi nghiêm nghị ra lệnh cho tôi phải giữ gìn trông nom mẹ dọc đường. Tự tôi cũng đã hiểu điều đó — lạy Chúa, tôi không còn nhỏ nữa.

Va-xca đưa tiễn chúng tôi đến tận khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a. Suốt dọc đường cậu mang túi hộ chúng tôi. Mẹ tụt lại tít sau, và chúng tôi ngồi lại đợi bên đường.

Va-xca bí mật nói cho tôi biết là sắp tới chủ thợ máy Xi-rôt-ca, chủ thợ mỏ Pê-chi-a ở Pa-xtu-khốp-ca và chủ Mô-xi-a sẽ chở ba toa than lên làm quà cho công nhân Pê-tơ-rô-grát, rồi sẽ mang súng về.

Tôi không muốn chia tay với Va-xca và lại rủ cậu cùng đi. Cậu từ chối, lúc đó tôi mới dùng mưu:

— Chúng mình hãy biểu quyết! Ai tán thành cậu đi với tớ? — tôi hỏi và giơ cao tay.

— Còn ai phản đối? — Va-xca cười và cũng giơ tay lên.

— Như thế không đúng. Tớ biểu quyết «đồng ý».

— Cậu thật kỳ quặc, có lẽ nào tớ lại không muốn đi? —

Va-xca đáp lại. — Nhưng tớ không thể bỏ bố mẹ tớ ở nhà được. Cậu đừng có đi lâu, mau mau mà về nhé.

— Tớ sẽ về ngay. Hai mẹ con mình chỉ cần kiếm được ít bánh là quay về ngay. Tớ sẽ mang cả cho cậu nữa.

Va-xca không đáp. Cậu im lặng một chút rồi nói:

— Sau cậu sẽ kể đi như thế nào cho tớ nhé.

— Được rồi.

— Cần thận kéo lạc đây nhé!

— Đừng lo.

— Trong khi cậu đi, ở nhà tớ sẽ thanh toán với lão hàng giò — hẳn quá đổi là lên mặt. Chúng lại đang kiếm chuyện chống lại bố cậu đây.

— Ai kia?

— Đó, đủ loại men-sê-vích và cả cái lão hàng giò Xu-bu-li-a ấy. Chúng không muốn phục tùng công nhân. Không sao, sắp tới chú Xi-rôt-ca sẽ chở súng ở Pê-tơ-rô-grát về, lúc đó chúng ta sẽ cho lão Xu-bu-li-a ấy biết tay. Phải không?

— Ờ, ờ.

— Tớ còn nói cho cậu một điều này nữa, biết là gì không? Sắp tới Lê-nin sẽ đến.

Lê-nin! Đã biết bao lần tôi được nghe bố tôi và các chú công nhân nói về Lê-nin, người ta nói rằng ông là một người rất hiền, rằng tất cả công nhân đều yêu mến ông, nhưng Lê-nin là ai thì tôi lại không biết. Hỏi Va-xca thì thật xấu hổ: cậu sẽ nghĩ tôi hoàn toàn chả biết cái gì cả. Mà còn biết hỏi ai được ngoài Va-xca ra?

— Va-xca này, Va-xca, thế Lê-nin là ai?

— Lê-nin à?... Lê-nin là vị chỉ huy của tất cả công nhân, là người cách mạng chủ chốt nhất. Không ai quan trọng hơn ông ấy được. Chính vua cũng sợ ông ta.

— Thế Lê-nin từ đâu tới?

— Từ Xi-bi-ri. Bọn chúng xích ông lại và cho lính áp giải ông đến đó.

— Ai đây?

— Tất nhiên là Nga hoàng.

— Vua còn sợ ông ta cơ mà!

Va-xca mỉm cười tỏ vẻ coi khinh:

— Cậu nghĩ là chính vua xích ông ta lại sao? Hẳn còn sợ lại gần nữa kia. Hẳn sai bọn cảnh sát, còn chính hẳn lại nép vào một xó và từ đó quát ra: «Xích chặt nữa vào! Khéo nó vòng ra mất!»

Chúng tôi cùng vui vẻ phá lên cười tên vua: hẳn cùng một loại nhát gan như thằng Xen-ca.

Mẹ tôi đã đi tới, Va-xca giúp bà đeo chiếc túi lên vai.

— Thím Gru-nhi-a, chúc thím lên đường may mắn. Mau mau về, thím nhé.

Tôi đứng nhìn theo Va-xca quay trở về thành phố mãi, rồi không nhìn được tôi bỏ mũ ra, hét lớn:

Va-xca-a-a!

Cậu dừng lại và cũng giơ mũ vẫy lại từ đằng xa. Làm thế nào được, phải chia tay thôi...

Tôi đuổi kịp mẹ tôi đi phía trước, đỡ lấy chiếc túi, rồi chúng tôi đi tiếp. Một niềm vui, mà ngay chính tôi cũng không biết vì cái gì, tràn ngập lòng tôi.

Tôi xốc lại chiếc túi trên vai và lao lên trước gần như chạy: tôi muốn cho mẹ tôi thấy mình khỏe biết chừng nào.

2

Cánh đồng cỏ về tháng Tư đã khô và bắt đầu xanh tươi lại. Dọc dãy núi đá thấp rêu phủ đã thấy nở vàng những bông hoa «đi ghê con chồng», những bông hoa tuyết xanh rờn chen lẫn hoa vi-ô-lét tím nở rực rỡ.

Càng đi xa chúng tôi càng thấy thảo nguyên mênh mông, bát ngát. Bây giờ ở đằng sau cũng như đằng trước, bốn phía trải rộng những cánh đồng hoang vắng, xa lạ.

Đàn chim sêu bay thành hình lưới kiềng tít trên nền trời xanh. Thật thú vị khi nghe thấy tiếng thủ thỉ «cru-cru» từ xa của chúng. Tôi nhìn xung quanh — muốn nhanh chóng trông thấy bóng dáng xóm làng.

Tôi chưa từng ở nông thôn bao giờ. Thằng I-li-u-kha tóc hung vẫn kể là ở đó bánh mì mọc thẳng ngay sau nhà. Thích quá! Và cũng chẳng cần tiền nữa: cứ ra mà nhặt bánh mì trắng và bánh vòng...

Trên đường hiện ra một chiếc xe trắng hai con bò đực. Trên xe có một ông già râu bạc, đội mũ rơm, mặc chiếc áo vải gai, giản dị, có thắt dải băng xanh ở ngực. Đó chính là ông già đã đưa bò để kéo đồ tượng vua.

— Chào ông ạ, — mẹ tôi cúi đầu chào.

Ông già dừng bò lại, nhắc chiếc mũ rơm trên đầu lên.

— Chào con.

— Có làng nào ở gần đây không hả ông?

— Có đây, cứ đi thẳng, — ông chậm rãi quay lại, vừa nói vừa cầm gậy chỉ về phía cánh đồng cỏ. — Nếu đi thẳng sẽ có làng Nhà thờ trắng, còn nếu đi theo lối này, sau ngôi mộ là ập An-đây-ép-xki, xa nữa là làng của chúng tôi. Sa-lô-khin-xkô-i-ê...

— Chúng con sẽ đi tới đó... Cảm ơn ông ạ, — mẹ tôi cảm ơn ông già.

— Chúc con mọi sự may mắn, — ông già trả lời, không ngoái lại.

Trong lúc mẹ tôi nói chuyện với ông già, tôi ngồi nghỉ một chút. Sau đó mẹ tôi không cho tôi mang túi nữa, chắc là mẹ thấy tôi đã mệt. Tường chừng như trong túi chả có gì nặng ngoài cái bàn là, mà sao vai đau ê ẩm, không nhắc nổi tay lên. Tôi giúp mẹ vác túi lên, rồi chúng tôi lại đi tiếp.

Chúng tôi đi đã được khoảng ba tiếng, nghỉ rồi lại đi mà làng mạc vẫn chưa thấy đâu.

Cuối cùng sau dãy đồi đã thấy thấp thoáng những cánh của cái máy gì đó. Mẹ tôi giải thích đó là những cánh cối xay gió để xay bột mì.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã nhìn thấy chiếc cối xay gió, trông ngoài giống như một chuồng chim sáo đá lớn. Cánh

của nó cao hơn nhà. Nếu búa lấy nó, cánh cối xay gió sẽ nâng ta lên cao, có thể nhìn thấy cả thành phố của chúng tôi.

Chúng tôi đi xuống khe núi, chỗ có làng xóm. Ở đây mọi thứ không giống như ở chỗ chúng tôi: không có ông khói nhà máy, cũng chả có những túp nhà đất sét ám khói. Các ngôi nhà quét vôi trắng, lợp rơm trông như những ông già đội mũ. Không khí trong sạch, thoang thoảng mùi chổi anh đào. Chim sáo đá hót líu lo chung quanh. Ở rìa làng một con bò cái trắng nằm ngang đường hấp háy cặp mi bằng bạc còn ngái ngủ, đang nhai nhai cái gì đó. Những chú quạ đen quàng quạc lượn trên nó. Một con đậu hẳn xuống lưng bò, nháy nhót từ đầu đến đuôi con bò, liếc mắt nhìn hai mẹ con tôi, rồi bỗng nhiên lấy mỏ rĩa đám lông mao trên lưng con bò. Con vật vẫn nằm yên, nhai nhai. Thật kỳ lạ! Tôi tròn mắt nhìn quanh, tìm xem bánh mì mọc ở đâu. Cánh đồng một màu đen sì — không có lấy một thứ bánh mì nào ở đâu cả.

Chúng tôi lê bước dọc theo những ngôi nhà trắng. Suốt dọc đường vung vãi khắp nơi những mảnh vỏ trứng vẽ sặc sỡ, vì lễ Phục sinh vừa qua cách đây không lâu.

Ở những nhà ven làng chúng tôi không đòi được gì cả. Mọi người chỉ cho chúng tôi một tòa nhà lớn có vẽ những đường viền xanh và mái lợp sắt. Ở đó có ông chủ cối xay Xư-bu-li-a. Có lẽ họ hàng gì đó với lão hàng giò Xư-bu-li-a ở thành phố thì phải.

Chúng tôi vào đến trong sân thì một người cao lớn diện chiếc áo dài trắng kiểu U-cơ-ra-i-na đội mũ lông cừu xám bước ra. Ông ta có hàng ria mép mỏng kéo dài xuống tận cằm trông giống những người Cô-dắc vùng Da-pô-rô-gie trong các tranh vẽ.

Có lẽ chúng tôi đã bứt ông ta ra khỏi bữa ăn sáng. Ông ta bỏ tôm vào mồm một miếng mỡ muối và ăn bánh mì trắng ngay trước mặt chúng tôi.

Mẹ tôi bày ra trước mặt ông ta tất cả tài sản của chúng tôi rồi bắt đầu tán dương:

— Đây là khăn vuông cho vợ ngài hoặc cho con gái ngài, còn đây, chiếc áo vét này để ngài mặc đi làm. Xin mời ngài, chiếc bàn là cho công việc nội trợ trong nhà hay những chiếc

đĩa xinh xắn này, tất cả đều còn nguyên lành cả — ngài xem đi, Ông chủ nhà đứng yên, tay phải chống nạnh, tay kia mân mê hàng ria mép dài, đen sì. Cuối cùng ông ta hỏi:

— Mụ không có dây thép gai à?

— Không có ạ, — mẹ tôi đáp, — dây thép gai để làm gì?

— Để ngăn chặn bọn ăn xin như các mụ ấy. Cái bọn thợ mỏ đáng nguyên rủa nhà mụ cứ quanh quẩn ở đây, không để cho người ta yên. Nay thôi, hãy cắt những cửa nợ ấy đi và xéo khỏi đây ngay!

Mẹ tôi sừng sốt và giận dữ nhìn lão chủ nhà.

— Không nghe tao nói gì hả?

— Xin lỗi, chúng tôi đi ngay đây, — mẹ tôi nói vẻ nhận lỗi.

Tay tôi tự nhiên nắm chặt lại. Tôi lấy thân mình che cho mẹ.

— Ông làm gì mà hùng hổ thế?.. Nếu không cần thì cứ nói thẳng ra...

— Đi thôi con, kệ họ.

Mẹ tôi vội vã thu dọn đồ đạc.

— Để ria mép rồi mà lên mặt...

— Đi đi, cút, — lão chủ căn nhắc. — Cuốn gói đến tận chỗ Lê-rin của chúng mày ấy, bọn ăn mày rách rưới.

Ra khỏi làng chúng tôi ngồi nghỉ lại bên đường. Mẹ tôi rút trong túi ra miếng bánh mì lớn nhón chuẩn bị phòng xa từ ở nhà. Tôi rất muốn ăn, nhưng lại ứa nước mắt vì thương mẹ bị bức mình, muốn tỏ ra với mẹ dù chỉ là một chút xót xa. Và tôi bảo với mẹ là không muốn ăn. Nhưng mẹ tôi chỉ bẻ cho mình một mẩu con, còn đưa tất cả cho tôi. Bà ăn chậm rãi, khum khum bàn tay hứng những mảnh vụn. Cặp mắt to, hiền dịu của bà buồn bã nhìn vào một điểm xa xa.

— Mẹ, mẹ đừng khóc, — tôi nói.

— Không, con trai mẹ, mẹ không khóc, — mẹ tôi buồn rầu trả lời. Nhưng tôi biết: mẹ tôi biết khóc không ra nước mắt.

Mẹ thân yêu, mẹ yêu quý của tôi... Đối với tôi khuôn mặt xanh xao, phờ phạc của mẹ, cái cổ gầy guộc và đôi khuyên tai rỗng quý giá hơn tất cả. Chưa bao giờ mẹ làm ai bức mình, mẹ chưa hề nặng lời với ai, thế mà cái lão có ria mép ấy lại vô cớ mắng mẹ...

Và tôi ngẫm nghĩ: sao lại như thế được? Mọi người

đều như nhau mọi người đều có mắt có mũi có tay có chân, mà sao sống hoàn toàn khác nhau, sao mẹ con tôi thì đói, còn lão kia lại được ăn mỡ muối? Va-xca nói là có người nghèo và kẻ giàu. Nhưng sao cái lão này thì giàu, còn chúng tôi lại nghèo đói? Tại sao? Nếu như lão ta không chỉ có hai tay, mà có những bốn tay kia, thì lại là chuyện khác, thế nhưng tất cả mọi thứ lão đều như chúng tôi. Chẳng hạn lão ta khác chú A-nhi-xim I-va-nô-vích ở chỗ nào? Khác chăng ở chỗ lão ta có hai chân đi ủng da, còn chú A-nhi-xim I-va-nô-vích thì lại cụt cả hai. Không còn hiểu được gì trên đời này nữa...

Nghỉ xong chúng tôi lại lên đường, đi tiếp. Thời tiết đã thay đổi. Những đám mây trắng dồn dày lại, để hở ở một vài nơi những khoang cửa sổ trời xanh ngắt. Một đám mây mù che kín mặt trời. Nhưng những tia nắng vẫn chiếu thấu qua đám mây và rơi xuống đất thành từng chùm nghiêng nghiêng.

Bỗng sấm bất ngờ rền vang khắp bầu trời. Chúng tôi chưa kịp chạy tới khe núi gần đó thì mưa sập xuống. Mẹ lấy tạp dề che cho tôi, còn bà thì chúi đầu xuống dưới túi xách.

Mưa làm chúng tôi ướt như chuột lột. Áo quần dính bết vào người. Chúng tôi bị bồm dôi chân không trên con đường đất lầy lội. Cánh đồng cỏ lấp lánh những giọt nước mưa và thơm ngát mùi ngái cứu. Hơi ẩm từ mặt đất bốc lên. Xa xa tận phía chân trời, cầu vồng hiện ra thành nửa vòng tròn lớn, trải dài nửa khoảng trời từ đầu này sang tận đầu kia, óng ánh muôn màu dưới ánh mặt trời.

Khi còn rất nhỏ, tôi vẫn nghĩ là trên trời có Chúa, và cầu vồng là cánh cổng thiên đường, qua đó người ta cho phép những người vô tội vào. Tôi thật kỳ quặc... Mà cũng có thể chẳng kỳ quặc gì chẳng? Có thể tôi và Va-xca đều nhầm cả chẳng? Sao, nếu như Chúa trời treo cầu vồng là để cho mẹ con tôi bước vào thiên đường, nơi bánh mì ăn thỏa thích và thậm chí mọc cả những cây táo có quả bằng vàng nữa?.. Nhưng, không, đi đến cửa thiên đường lâu lắm. Thăng I-li-u-kha nói là phải mất một trăm ngày, có lẽ nào đi nổi một trăm ngày, với chiếc bàn là gang, nếu mới chỉ có một ngày mà vai đã trượt ra rồi?

Chúng tôi đói lá đói đến thất cả bụng lại. Giá như... Lên về sớm sớm một chút. Ông sẽ gọi tất cả những người đói bụng lại mà bảo: ai muốn ăn bao nhiêu, cứ lại mà lấy bánh tùy thích!..

3

Trời về chiều. Hoàng hôn rực hồng sau những dãy đồi xa xa. Mặt trời đã lặn xuống gần sát mặt đất. Những đám mây trắng như tuyết dồn tụ lại trên trời hết như những dãy núi. Khi mặt trời đã khuất hẳn và cả cánh đồng cỏ chìm trong bóng đêm thì đỉnh núi khổng lồ bằng mây đó vẫn ánh hồng lên, rồi nhạt dần như sắt trên bề rền. Sau đó núi cũng mờ đi. Trên bầu trời bừng sáng ngôi sao đầu tiên.

Tôi cảm thấy lo lắng.

— Mẹ, đi nhanh lên mẹ.

— Đừng sợ, con trai mẹ, có mẹ đi với con đây, — mẹ tôi mệt nhọc nói.

— Thế mẹ con ta sẽ nghỉ đêm ở đâu được?

Mẹ không trả lời. Có lẽ chính mẹ cũng không biết sẽ ngủ ở đâu. Cánh đồng cỏ một màu tối đen. Không đâu có một ánh lửa, không một tiếng người, chỉ có ếch nhái kêu ồm ộp đâu đó.

Áo vẫn còn ẩm làm tôi thấy lạnh. Mẹ quàng tay ôm lấy tôi, lấy thân mình sưởi ấm cho tôi. Tôi níu áo mẹ vừa đi vừa sợ hãi nhìn vào đêm tối. Chợt xa xa thấp thoáng có ánh lửa. Quanh đó chập chờn những hình bóng gì đó.

— Đây, có người đây rồi, thế mà con cứ sợ, — mẹ tôi bảo.

Lần sờ đường trong đêm tối để khởi bước hụt, chúng tôi rẽ về hướng có ánh lửa. Càng tới gần chúng tôi càng phải thận trọng dò dẫm trong cỏ. Bên đồng lửa người ta đang đọc cái gì đó: một giọng đàn ông trầm trầm vang lên đều đều.

Khi chúng tôi bước tới, giọng đọc im bật. Mọi người bên đồng lửa quay cả lại phía chúng tôi.

— Xin chào những con người tốt bụng, — mẹ tôi nói, — cho phép mẹ con tôi được sưởi ấm bên đồng lửa của các bác.

— Chị ngồi xuống đi, đủ ấm cho tất cả đây, — người đội mũ cát-két công nhân lăm lem dầu mỡ, chính là người cầm báo — ngồi quay lưng lại phía chúng tôi, mời. Tôi liếc nhìn và thấy dòng chữ đen to: «SỰ THẬT». Bên đồng lửa có năm người: chú công nhân cầm báo và giắt điều thuốc lá bên tai, một phụ nữ với đứa con còn bú, một chú lính mặc chiếc áo khoác rách và hai người nữa, trông có vẻ là nông dân.

Mẹ tôi hạ cái túi xuống đất, thở phào nhẹ nhõm:

— Tôi mệt đến chết mất, các bác ạ, hết cả hơi.

Chú công nhân lấy điều thuốc lá trên tai xuống, gi vào đồng lửa.

— Mệt đến chết à? — chú hỏi và châm lửa vào đầu điều thuốc. — Giá chị tìm lấy một chiếc xe tam mã mà đi.

Mẹ tôi mỉm cười:

— Đào đâu ra cái xe tam mã ấy, chúng tôi có phải là bà hoàng đâu.

— Thế thì đã sao nào, nếu chị không phải là bà hoàng? — chú công nhân đáp lại. — Chính phủ lâm thời đã công bố tự do rồi. Thế mà chị lại trói chặt tự do của mình vào trong túi, mang qua các làng để cầu xin, lấy một mẩu bánh vì Chúa. Ế hê, dân ngu tối, tự do của mình mà không hiểu được!

Mọi người quanh đồng lửa cười phá lên, nhưng tôi lại không hiểu vì sao. Chú công nhân đã nói đúng về tự do. Tôi đã tận mắt nhìn thấy dòng biểu ngữ: «Tự do, bác ái và bình đẳng!»

Tôi liếc nhìn mẹ và lắng nghe xem chú công nhân còn nói gì nữa.

— Còn tôi định đi xin để được làm bá tước hoặc nam tước, — chú công nhân nói tiếp. — Mai tôi sẽ làm đơn, rồi các bạn xem, tôi sẽ là tổng đốc hoặc sẽ trở thành chúa đất cho mà xem.

Mọi người bên đồng lửa lại cười ồ lên và không hiểu sao chính chú công nhân ấy cũng cười, rồi chú lại nói:

— Thế là thế nào? Nếu là tự do và bình đẳng thì nghĩa là tất cả đều như nhau chứ.

— Ai tự do cứ tự do, còn ai đau khổ vẫn cứ khổ đau, — mẹ tôi nói.

—Ai hà, vỡ nhẽ ra rồi đây!—Chú công nhân chột thốt lên.—Thế đó, bà chị thân mến ạ. Ừ, tự do, nhưng không phải để cho tôi và chị đâu. Vẫn còn những kẻ kỳ khôi nghĩ là: cứ đánh đổ Nga hoàng, nghĩa là, cuộc đời sẽ ngọt ngào hơn mật. Thế mà, mật lại hóa đắng kia. Bọn men-sê-vích thuyết phục chúng ta: lật đổ Nga hoàng—và thế là làm cách mạng xong. Sẽ được làm ngày tám tiếng, sẽ được ăn toàn bánh mì ngon. Thế nhưng chúng ta đã được những gì? Thất nghiệp, lương hạ, không có gì để chén. Đó, báo «Sự thật» của chúng ta đã viết: quét sạch Nga hoàng mới chỉ là một nửa công việc. Không phải vua là kẻ thù chính. Vua là một thứ đồ chơi trong tay bọn giàu có thôi. Bây giờ kẻ thù lâu dài, hung tợn và tàn ác của công nhân và nông dân chúng ta là giai cấp tư sản. Đó mới chính là kẻ nắm chính quyền và bóp nghẹt người nghèo!—Chú công nhân cuộn tròn tờ báo «Sự thật» nhàu nát lại, đút vào túi.—Không sao,—chú nói tiếp,—rồi Lê-nin sẽ về nước Nga và Người sẽ nói là cần làm gì.

Không phải tôi hiểu mọi điều chú công nhân nói, nhưng cái chính thì tôi hiểu, và điều đó làm tôi sửng sốt. Làm sao vua lại không phải là kẻ thù? Thế ra tôi và Va-xca lại nhầm lẫn sao? Chúng tôi đã giận không đúng kẻ đáng giận! Không phải vua là kẻ thù, vua chỉ là một thứ đồ chơi! Thế ai đã lấy mất chân chú A-nhi-xim I-va-nô-vích? Ai đã ra lệnh xích bác Mi-chai lại? Ai đã cùm Lê-nin lại và đẩy ông đi Xi-bi-ri?..

—Đó, chú em ạ, sự việc là như thế đó,—chú công nhân bỗng quay lại tôi.—Sao thế chú mình, cứ đi và đi, trao đổi và đối chác, mà túi vẫn rỗng tuếch thế?

Một người nào đó bên đồng lửa thở dài.

—Có lẽ chú bé muốn chén chứ?—bác công nhân hỏi.—Tôi sẽ thết ngay chú mình một miếng bánh ga-tô vô sản,—rồi chú lấy miếng gỗ mỏng khêu trong đồng lửa ra một củ khoai tây lùi nóng hổi.—Cầm lấy cháu, nhưng phải thổi mạnh vào, không sẽ bị bỏng đấy.

Mẹ tôi âu yếm kéo tôi lại gần:

—Con tôi mệt lử, muốn ngủ rồi đây. Thôi nằm xuống con.—Mẹ đặt đầu tôi vào lòng mình.—Cháu nó cứ thương tôi mãi. Bản thân lê chân không nổi mà cứ «đưa con mang

cho», «đưa con mang cho».

—Cháu bao nhiêu tuổi rồi?

—Mới lên mười thôi, bác ạ...

Củ khoai chú công nhân cho tôi rất ngon. Thoạt đầu tôi chuyên nó trong tay, vừa chuyên vừa thổi, sau lấy vạt áo cầm lót, tôi ăn ngay cả vỏ còn đầy tro, vừa ăn vừa xuýt xoa. Củ khoai thơm thơm mùi khói.

—Thế nào, bánh ga-tô ra sao?

—Chẳng thơm gì ạ,—tôi trả lời.

Mọi người cười rộ. Mẹ tôi thốt lên:

—Ái chà, cái đồ quý sứ này, mà không biết xấu hổ à? Bác đã đãi nó, đáng lẽ cảm ơn thì nó lại còn đòi thêm nữa!

—Không sao, cho cháu nó ăn. Nếu đã biết thương mẹ thì nghĩa là xứng đáng rồi: làm thêm cái bánh tròn nữa, chú em Mít-ca.

—Cháu không phải là Mít-ca.

—Thế là gì?

Mẹ vuốt tóc tôi rồi đáp:

—Chúng tôi đặt tên cháu là Len-ca.

À, à, Len-ca. Hãy lớn mau lên, cháu Len-ca, chúng ta sẽ cùng đi chiến đấu chống bọn tư sản, sẽ cùng đến giúp Lê-nin. Cháu có nghe đồn Lê-nin đã trở về nước Nga không?

Mọi người im lặng. Người phụ nữ ôm con hỏi:

—Thế các bác hãy nói xem, có người đồn Lê-nin từ công nhân mà ra, có đúng không? Người ta còn nói là ông ta đã làm người đuổi ngựa ở mỏ «I-ta-li-a» nữa. Tôi không biết có đúng hay không, nhưng chỉ nghe thấy nói là ở mỏ có những người vẫn còn nhớ ông ta.

—Ở chiến hào chỗ chúng tôi người ta lại nói khác,—người lính vừa trải rộng chiếc áo khóa rồi nằm vào đó, vừa nói chêm vào.—Lê-nin chả phải là công nhân gì cả, mà là lính. Đồng hương của tôi cùng một trung đoàn với ông ta mà.

—Đó chỉ là những lời đồn đại thôi,—chú công nhân nói.—Nhân dân mà yêu cái gì là sẽ dựng ngay truyền thuyết về cái đó. Lê-nin không phải là công nhân, mà cũng chẳng phải là lính... Lê-nin là cha của tất cả những người lao động trên trái đất, cho dù có bao nhiêu người đi chăng nữa. Về

Lê-nin tôi sẽ kể sự thật mười mười. Nếu các bạn không tin, tôi có thể đưa tài liệu chứng minh. — Chú công nhân khẽ duỗi cái chân đi giày ra, rồi vén quần lên. — Đây, dẫn chứng đây, nhìn xem.

— Anh đã từng bị cùm rồi cơ à? — người lính hỏi.

— Thề cậu đã nghĩ sao? — chú công nhân cười đáp lại.

Tôi nín thở. Cảm giác mới và buồn ngủ tan biến. Thậm chí tôi còn nhồm khời lòng mẹ và sợ hãi thương xót nhìn những vòng tím bầm — dấu vết của xiềng xích in hằn trên chân chú công nhân.

Tôi hồi hộp lắng tai nghe chú công nhân kể:

— ...Thề đây, ai đã từng ở nhà tù của Nga hoàng người đó sẽ biết về Lê-nin, vì Lê-nin đã trải qua hai mươi năm trong các nhà tù, đã bị đi đày và bị trục xuất. Không phải là một năm, nhớ nhé, cũng chẳng phải ba, mà những hai mươi năm kia đây. Đây thề đây. Họ của Người không phải là Lê-nin, mà là U-li-a-nốp. Lê-nin là tên gọi trong Đảng, biết giải thích thế nào được nhỉ, à, để giữ bí mật, sao cho bọn chó săn của Nga hoàng khó tìm thấy. Lê-nin sinh ra ở vùng Vôn-ga, trong một gia đình trí thức. Người anh là A-lếch-xan-đơ U-li-a-nốp, một người cách mạng nổi tiếng, mưu sát Nga hoàng, nhưng thất bại. A-lếch-xan-đơ bị treo cổ theo lệnh vua...

Chú công nhân quay về phía thảo nguyên tối tăm, nghe ngóng cái gì đó. Cỏ sột soạt ở gần đây: có ai đang đi tới. Chúng tôi chờ đợi, chẳng có ai xuất hiện. Bỗng từ trong bóng tối hiện ra một chú bé mặc quần dài vải gai, áo cũng bằng thứ vải đỏ bỏ ngoài quần, tóc không cắt, người gầy guộc. Một người mù lê bước sau em bé, tay đặt lên vai em. Chúng tôi im lặng. Người mù bước lại gần đồng lửa và tôi sững sờ. Đó chính là Anh Nghèo trong truyện cổ tích của Va-xca, chính người tôi đã gặp lần cuối cùng ở chợ. Ông cụ già yếu đi và đã bị mù. Cũng như lúc tôi gặp khi ấy, ông cụ đeo trên vai cây đàn băng-đu-ra buộc bằng một sợi dây nhỏ.

Người ăn xin đứng cạnh đồng lửa, tay sờ soạng dây đàn, rồi ngược mắt lên bầu trời tối đen, ông cụ bật dây đàn, miệng hát khẽ:

Hây, hây.

Lê-nin đèn gặp Nga hoàng,

Lê-nin đèn bọn giàu sang trị vì

Hỏi «Bay nắm giữ đất đai,

Miếng ăn cướp đoạt chẳng ai bay từ,

Tự do bay chà đạp đến bao giờ?

Phen này ta quyết đánh cho bay tan tành!»

Mọi người bên đồng lửa lắng nghe người ăn xin, thậm chí không một ai nhúc nhích. Chỉ có chú bé dẫn đường là thán nhiên dường như không có gì liên quan tới cậu ta cả, chú bé ngồi xuống bên đồng lửa, thu đôi chân vào lòng, móc trong túi ra một vốc bánh vụn, ngồi xích lại gần đồng lửa, bõc từng dấm trong lòng bàn tay ăn.

Người ăn xin mù búng búng dây đàn băng-đu-ra cũ kỹ, hát:

...Nga hoàng triệu tập quần thần:

«Hỡi những vị tướng cầm quân trung thành

Vi ta, xin hãy nhanh nhanh

Lên yên đánh phá tan tành bản dân

Diệt một — thánh giá thương ban

Diệt Lê-nin — có mẽ đây sẵn sàng!»

Cả bọn chúa đất giàu sang

Lên yên, phi ngựa lên đường xá chi...

Bên đồng lửa, yên lặng đến mức nghe rõ cả tiếng lửa reo và tiếng than nỏ tí tách.

...Lê-nin kêu gọi mọi người

Hô hào thợ mỏ đồng thời đứng lên,

Tự mình ngồi thẳng yên cương

Tay giương cao ngọn cờ hồng, miệng hô:

«Hây, hây...

Tiền lên đánh bọn cường hào

Đánh cho máu chúng trộn nhào cát đen!..»

Tay bật dây đàn, ông cụ hát kể rằng các trung đoàn tư sản và công nhân đã kéo ra cánh đồng và đã đọ sức với nhau như thế nào. Họ đánh nhau một ngày, rồi hai ngày — vẫn chưa phân thắng bại. Nga hoàng cho gọi thêm nhiều tên nhà giàu nữa tới, mang theo cả đại bác, còn công nhân chỉ toàn cuộc chim. Lê-nin lúc đó mới kêu gọi những người bị đày ở Xi-bi-ri,

nhưng tay họ đều bị xích chặt. Lê-nin lại kêu gọi những người nghèo đang ngồi tù, thì họ trả lời: «Song sắt cứng lắm, cha ạ, không thể bẻ gãy được». Công nhân đánh nhau với tư sản thêm ba ngày nữa. Rất nhiều tên địch đã gục ngã và bị ngựa giầy xéo, Lê-nin đã cắt được đầu Nga hoàng, nhưng bọn tư sản vẫn phi ngựa và phi ngựa từ mọi nơi tới, bao vây Lê-nin và quân của Người.

Ông cụ mù ngừng hát, rồi đánh mạnh vào dây đàn làm nó rung vang và bật ra những nốt hùng dũng, và lại cất tiếng hát:

Hãy nghe đây, hỡi dân nghèo —
Những người thợ mỏ đọa đầy khổ đau.
Đứng lên theo bước Lê-nin
Mưu cầu hạnh phúc cho dù gian nan
Lấy vũ khí, lên ngựa mau —
Hăng hái theo Lê-nin chiến đấu
Mưu cầu hạnh phúc cho dù gian nan

Ông cụ thôi hát, lướt tay trên dây đàn và hấp háy đôi mắt mù lòa, cất tiếng khàn khàn:

— Cầu Chúa phù hộ cho dân làng, cho đội quân công nhân và cho tất cả mọi người, cho những tín đồ Thiên chúa giáo chính thống khỏe mạnh sống lâu... — rồi người mù im lặng, chờ đợi của bố thí.

Mẹ tôi và người phụ nữ ôm con nức nở, người lính trầm ngâm cau có nhìn vào ngọn lửa. Mẹ tôi lấy trong ngực áo ra ba đồng rúp của Nga hoàng bọc trong chiếc khăn tay đưa cho chú bé. Người phụ nữ vừa xỉ mũi và lau mắt, vừa mở bao ra lấy cho chú bé hai bấp ngô.

— Cảm ơn bố già, — chú công nhân xúc động nhìn ông già mù. — Bố đã cho nghe một bài hát thật hay. Ngồi xuống đây sưởi cho ấm đi bố.

— Thôi, đường chúng tôi còn dài.

— Bố già đi đâu đêm tôi về?

— Đối với tôi lúc nào cũng là đêm tối, — người ăn xin đáp và hai ông cháu lặng lẽ đi. Chú bé đi trước, người mù theo sau. Không ai nói một lời cho tới khi họ đi khuất.

— Đây, nhân dân cũng đã hiểu ra cần phải tập hợp lại để chiến đấu: họ đã đặt ra những bài hát, — cuối cùng chú công

nhân lên tiếng. — Khô-ông, — chú nói tiếp, về như đang dọa nạt ai đó. — Cách mạng chưa chấm dứt, thưa các ngài! Cách mạng mới chỉ bắt đầu!

Đồng lửa đã tàn. Người lính đi đâu đó, rồi mang về một ôm rơm và cành khô. Ngọn lửa lại bùng cháy làm mọi người phải nhích xa ra. Những tia lửa bốc lên trên ngọn lửa, rồi rơi xuống chỗ chúng tôi. Bóng đêm chung quanh trở nên dày đặc hơn.

Mặc dù thật khoan khoái được nằm trong lòng mẹ và tuy người rất mệt, nhưng tôi không thể quên được ông già mù. Ông cụ còn đi đâu vào lúc đêm hôm nữa? Người lính bắt đầu kể chuyện chiến tranh, kể là quân Nga đã không muốn đánh nhau như thế nào, đã ném bỏ vũ khí và ôm lấy những người lính Đức ra sao. Tôi nghe chuyện mà trước mắt vẫn thấy hiện ra ông già mù, và những điều ông cụ đã hát. Nếu như Va-xca nghe thấy, cậu ấy sẽ bảo tôi: «Mặc quần áo mau lên. Ta chạy đến giúp Lê-nin đi».

Bình minh đã ửng hồng, khi mẹ đánh thức tôi dậy. Bên đồng lửa đã không còn ai. Tôi và mẹ rũ sạch tro bám vào quần áo, rồi bỏ đi, để lại đồng than cháy âm ỉ.

Chúng tôi dừng lại ở ngã ba đường, suy nghĩ: đi đâu bây giờ được?

— Đi đi con, chắc bố đang ngồi đói ở nhà đây!

Mặt trời chưa lên cao chiều rơi vào sau lưng. Chân tôi lạnh cóng vì phải đi trên con đường đầy bụi, còn băng giá chưa được ánh mặt trời sưởi ấm.

Tôi vội vã bước theo mẹ và ngẫm nghĩ về bố. Ông là chủ tịch đây, thế mà chả được lợi lộc gì. Chỉ sướng ở chỗ là có thể cho bắt ai thì bắt, còn ăn thì chả kiếm được miếng nào. Giá như tôi là chủ tịch thì việc đầu tiên là tôi sẽ cho lấy hết giò chả của lão Xư-bu-li-a... Mau mau về nhà thôi, ở đó chắc chú Xi-rôt-ca đã từ Pê-tơ-rô-grát mang súng về. Va-xca đang đợi.

Đến trưa chúng tôi tới một làng lớn có Nhà thờ và một tòa nhà hai tầng bằng đá trắng có hàng bạch dương đang nảy lộc bao quanh. Đó là làng của chúa đất Sa-tô-khin.

Nông dân đang cày ruộng bằng bò đực ở ven làng. Qua bay là là thành từng đàn đen sì sau lưỡi cày.

Mẹ tôi hỏi thăm các bác nông dân xem có thể đổi được gì ở làng này không.

— Chưa chắc, — một bác cau có trả lời. — Chính chúng tôi làm thuê cho chúa đất đây. Bác thử lại chỗ ông ta xem, còn nông dân thì chả có bánh đâu mà đổi.

Đến chiếc cầu con qua suối, thì có một chiếc xe dị dạng với bánh xe bằng cao-su bơm căng có nan hoa đuôi kíp chúng tôi. Cái xe tự chạy không có ngựa kéo. Tôi nhớ ra loại xe như thế này gọi là ô-tô. Trên chiếc ghế cao một người mặc áo khoác da ngồi quay một bánh xe gắn vào một cái gậy. Cạnh bên có một quả lê bằng cao-su mà ông ta bóp bóp làm nó kêu toe toe.

Hoảng hốt, tôi bước tránh sang bên đường và chiếc xe ô-tô lướt qua, làm bùn bắn tóe lên người chúng tôi. Sang bên kia cầu ô-tô phá khói dày đặc, hai lần xì hơi kêu bụp bụp như tiếng súng nổ, rồi chạy bon bon tới nhà lão chúa đất. Tôi còn kịp thấy ở ghế sau một người đội chiếc mũ cao, tròn, màu đen, đi găng trắng và cầm ba-toong.

Chúng tôi đi chậm chậm qua một dãy toàn những nhà tường trắng đã tróc vôi, mái phủ rơm.

Và cả trong làng này chúng tôi cũng không đổi được gì và đã định bỏ đi thì bỗng từ phía nhà chúa đất vọng tới tiếng đàn nhạc. Nông dân tụ tập thành từng đám đông trên đường làng và qua câu chuyện của họ chúng tôi được biết có một ông bộ trưởng nào đó người làng từ Pê-tơ-rô-grát về nhà chúa đất Sa-tô-khin chơi.

Mẹ tôi suy nghĩ và quyết định lại nhà chúa đất, có thể họ ăn thừa miếng gì, họ sẽ cho chẳng.

Chúng tôi rụt rè đi đến gần ngôi nhà có hàng cột.

Trên chiếc sân rộng một cô bé mặc áo mỏng màu hồng đang chơi bóng với hai thằng bé béo tròn. Nhìn quả bóng cao-su màu xanh, đỏ có kẻ sọc trắng và to bằng quả dưa hấu tôi thấy thèm vô cùng. Trong đời tôi chưa bao giờ tôi được

thấy một quả bóng nào như vậy!

Mẹ tôi dừng lại bên cạnh cổng đá. Thằng bé mặt đỏ và tròn xoe nhìn thấy chúng tôi và hỏi:

— Cần gì?

— Hãy cho chúng tôi một mẫu bánh vì ơn Chúa, — mẹ tôi khó nhọc nói.

— Chờ đó, — thằng bé nói. Nó lại gần các bạn, thăm thi với chúng, rồi chạy vào nhà.

Nó quay trở lại ngay, rụt rè tới gần chúng tôi.

— Đây đây, bánh cho chúng mày, — thằng bé đặt vào tay tôi một cái gì đó bọc giấy. Tôi liếc nhìn và bối rối: trong giấy có miếng gỗ và một mẫu than đá. Thằng bé cười phá lên, rồi nháy một chân vào phía trong sân.

Tôi liếc nhìn mẹ tôi: nước mắt lăn trên má mẹ.

Người ta cười nhạo chúng tôi như vậy! Phải địa vị tôi, Va-xca sẽ làm gì? Nhất định cậu ta sẽ...

Tôi nhặt hòn đá và lao theo thằng bé. Vì vội vàng tôi không nhìn thấy những chai lọ trên đường nên bị cửa đứt chân. Tôi ngồi bệt ngay xuống đất, bịt chặt vết thương, máu chảy qua các kẽ tay. Mẹ tôi chạy lại, nhìn mặt đau xót, vừa quát trách tôi, vừa xé miếng vải ở túi, buộc chặt vết thương cho tôi.

— Người nghèo khóc, còn kẻ giàu lại cười, — chúng tôi nghe thấy một giọng khàn khàn cất lên sau lưng.

Ông già nông dân quen thuộc mà chúng tôi đã gặp ngoài cánh đồng cỏ hôm qua chông gậy đứng ngay cạnh nhà lão chúa đất.

— Cho cậu bé ra xe đi, — ông cụ giận dữ bảo mẹ tôi, rồi lạng lẹ lại chỗ buộc bò, không nói thêm lời nào.

Mẹ dắt tôi lại chỗ xe, đặt tôi lên đồng rơm, rồi chúng tôi lên đường. Thật ngạc nhiên, chúng tôi phải đi không lâu lắm. Căn nhà nghèo nàn của ông già cách nhà chúa đất không xa.

Ông Các-pô — tên người quen của chúng tôi — và bà Khe-ri-xchi-a hết lòng tiếp đón chúng tôi. Bà già rửa chân cho tôi ở giếng, lấy vải sạch băng lại, rồi dẫn tôi vào nhà. Bà múc cho tôi một bát canh mì, đưa cho cái thìa gỗ và bảo:

— Ăn đi, cháu...

Có lẽ ngay cả Nga hoàng cũng không có được canh mì ngon như của bà Khe-ri-xchi-a. Tôi ăn vội phát sặc lên. Chỉ trong nháy mắt tôi đã vét sạch bát canh. Trong người thấy nhẹ nhõm hơn, chân cũng hết đau. Chỉ không sao quên được nỗi căm giận những thằng bé con chúa đất.

Trong lúc mẹ tôi nói chuyện với bà Khe-ri-xchi-a, tôi bước ra khỏi nhà. Từ sân nhà trông thấy rất rõ tòa nhà sang trọng của tên chúa đất Sa-tô-khin.

Thật là hay nếu như bỏ lại nhà tên chúa đất và bẻ gãy cây táo trong vườn nhà hắn nhỉ. Và lại càng hay hơn nếu lấy được của bọn trẻ con quả bóng đẹp ấy nhỉ!

Tôi quyết định: trong khi không có ai nhìn thấy, tôi sẽ lên vào vườn nhà lão chúa đất. Lòng mong muốn trả thù bọn trẻ con nhà giàu—dù chỉ là một chút gì đó thôi—đã thắng nỗi sợ hãi.

Ở tít sâu trong sân nhà ông Các-pô có một kho cũ để lúa. Ngay sau kho đó là vườn nhà lão chúa đất.

Đến gần kho tôi lại ngó quanh xem có ai nhìn theo không, rồi nằm ép sát xuống đất, dùng khuỷu tay và đầu gối bò lết đi.

—Ở đây không có táo đâu,—một giọng ai đó vang lên phía trên đầu tôi.

Tôi sợ hãi, nằm dán người xuống đất, rồi liếc nhìn lên. Trên mái nhà kho lợp rơm vắt vẻo một chú bé bần thiêu, đầu tóc bù xù đang nhìn tôi không có vẻ gì là thù địch cả.

—Thế còn mày cần cái gì?—tôi hỏi, giọng bức bối, không hài lòng.

—Tớ bảo: táo trong vườn nhà ông chúa đất không có đâu mà. Hè mới có cơ.

—Không có mày người ta cũng thừa biết... Mày tên gì?

—Xa-scô. Còn cậu ở đâu đến đây?

—Ở Iu-dốp-ca... Cậu có muốn chúng mình lấy bóng của bọn tư sản con ấy không?

Trong nháy mắt Xa-scô đã tụt khỏi mái nhà, rồi chúng tôi thận trọng bò qua dưới hàng rào dây thép gai vào vườn nhà lão chúa đất, nấp vào bụi cây phúc-bồn-tử.

Qua những cánh cửa sổ mở rộng của nhà chúa đất vọng

ra tiếng bát đĩa, tiếng phụ nữ cười đùa và mùi thịt quay thơm không chịu được.

—Nhà chúa đất Sa-tô-khin có ông bộ trưởng lại chơi, họ đang ăn thịt gà đây,—Xa-scô nói.

Thật thú vị nếu được nhìn xem ông bộ trưởng người làng từ Pê-téc-bua đến ăn thịt gà ra sao nhỉ. Nhưng cũng không nên bỏ lỡ mất quả bóng. Vì vậy tôi đưa mắt lục tìm bọn trẻ con khắp sân.

Vừa thì thầm, chúng tôi vừa bò thêm vài bước nữa, rồi im lặng nấp sau cái thùng gỗ dưới cây táo rậm rạp nhiều cành lá.

—Cậu leo lên cây đi,—Xa-scô thì thầm vào tai tôi.

—Nằm im, cần lấy quả bóng đã.

Chúng tôi chờ bọn trẻ con với quả bóng mà không thấy chúng xuất hiện.

Từ chỗ chúng tôi đến nhà tên chúa đất cách nhau chỉ mấy tý. Muốn liếc nhìn vào cửa sổ từ đó vọng ra tiếng ồn ào vui vẻ quá đi mất.

Tôi treo lên chiếc thùng gỗ, nấp lấy một cành cây, rồi leo lên cây táo.

Từ chỗ này nhìn thấy rất rõ người ta đang làm gì bên trong nhà: chiếc đèn chùm sáng ánh lên dưới trần nhà. Trên chiếc bàn dài ánh lên những chai cao bít bạc ở cổ. Trên bàn còn nhìn thấy rất rõ những ly rượu cao, chân mỏng mảnh, và ở chính giữa, trên chiếc đĩa to, chằm chệ một chú ngỗng quay hết như hãy còn sống.

Khách khứa ngồi quanh bàn gồm các bà mặc quần áo đỏ màu sắc trắng, xanh, hồng—các ông bụng phệ nào đó và nhân vật chính là bộ trưởng người làng, chính người tôi đã thấy trên ô-tô.

Ông ta đang kể về cái gì đó, chồm chồm lại nhấp ly rượu, rồi lấy mảnh vải trắng chằm chằm môi. Mọi người chăm chú nghe, thậm chí ngừng cả ăn.

—...Và thế là chúng tôi lên đường đến Đức Hoàng đế,—giọng ông bộ trưởng vọng tới chỗ chúng tôi.—Các ngài có thể tưởng tượng tôi đã xúc động đến thế nào: vì chúng tôi đến Đức Vua không phải để chúc mừng, mà để đề nghị Người

từ bỏ ngai vàng... Tôi còn thấy lúng túng vì tôi đến trước Đức Ngài mà lại mặc áo ngắn, râu chưa cạo... Dù sao đi chăng nữa Ngài cũng vẫn là Đức Vua!.. Chúng tôi hồi hộp bước vào trong toa riêng đặc biệt được chiếu sáng bởi một cái gì đó màu xanh dịu. Ở đó đã có ngài Phrê-đê-rích, bộ trưởng triều đình và các tướng lĩnh nào đó... — Ông bộ trưởng người làng lại nốc một hùm rượu nữa, rồi bắt đầu hút điều xì-gà màu nâu.

Tôi nhớ đó đúng là loại xì-gà lão I-út-dơ vẫn hút. Trong khi ông bộ trưởng đánh diêm hút xì-gà, tất cả mọi người quanh bàn tiệc yên lặng nhìn ông ta. Ông ta rít điều xì-gà, rồi lại nốc thêm một hớp rượu.

— ...Một vài phút sau Đức Vua ra chỗ chúng tôi. Đức ngài mặc quân phục của một trong những trung đoàn lính Cáp-ca-dơ... Bá tước Li-vốp, đại diện cho chúng tôi, đọc một bài diễn văn ngắn kết thúc bằng câu: «Đức Vua hãy suy nghĩ, cầu Chúa và hãy ký chiếu thoái vị». Nghe đến chỗ «cầu Chúa», Đức Vua nhếch mép cười. Sau đó Ngài sang phòng khác, rồi trở lại mang theo chiếu thoái vị do chính Ngài đã thảo. Bản đó được đánh máy trên một tờ giấy nhỏ. Đức Vua nhìn chúng tôi nói: «Lúc đầu ta dự định truyền ngôi cho con trai ta, nhưng sau nghĩ lại ta nhường ngôi cho em trai Mi-kha-in của ta».

— Cậu thấy gì ở trên ấy, Len-ca? — Xa-scô thì thảo phía dưới.

— Họ nốc, — tôi ở trên cây trả lời xuống.

— Nốc-ao ai?

— Không phải nốc-ao, mà là nốc rượu... nốc rượu ấy. Thôi im đi.

Ông bộ trưởng người làng ngả người, tựa lưng vào ghế bành, trầm ngâm nhìn cốc rượu chưa uống hết, kể tiếp:

— ...Trước khi cầm bút đặt chữ ký tôn kính, tôi còn nhớ. Đức Vua nhìn chúng tôi, buồn bã hỏi: «Có thật mọi việc không còn cứu vãn được nữa không, hã các ngài?» Bá tước nhún vai và Đức Vua ký...

Xa-scô kéo mạnh quần tôi. Tôi nhìn xuống và tim ngừng đập vì vui sướng: quả bóng, chính quả bóng xanh đỏ sọc trắng mà tôi đã nhìn thấy lúc trước, đang lăn trên đất.

Tôi lăn bịch từ trên cây xuống và ép sát xuống đất như một con mèo rình mồi.

Một thằng bé — khoảng 5 tuổi — mặc quần nhung ngắn và áo cũng vậy, chạy từ trong nhà ra theo quả bóng. Nó đuổi kịp quả bóng, chộp lấy, rồi ném trở lại. Còn chính nó thì lại chạy thẳng đến chỗ chúng tôi, vừa chạy vừa cời quần. Chạy vội tới chỗ cây táo nơi chúng tôi nằm trốn, nó dừng lại và ngồi xuống. Tôi thấy ghét nó đến mức phải quay đi, còn Xa-scô với lấy cái gậy.

Tôi nhớ tới miếng gỗ bọ chúng đã cho thay mẫu bánh.

— Bắt nó làm tù binh, — tôi thì thảo và thằng bé chưa kịp nốc quần lên, chúng tôi đã vây chặt nó từ hai phía:

— Giơ tay lên! — tôi ra lệnh.

Thằng bé thần nhiên giơ tay lên, không chút sợ hãi. Chắc nó nghĩ là chúng tôi chơi đùa với nó.

— Mày là tư sản phải không? — tôi hăm dọa hỏi.

— Tao là cách mạng xã hội. — Thằng bé trả lời.

— Thằng này còn bé, không nỡ đánh, — tôi bảo.

Thế còn mày là ai? — thằng bé hồn nhiên hỏi.

— Chúng tao là bôn-sê-vích, — tôi trả lời, cố cho thật nghiêm nghị hơn.

— Còn tao là cách mạng xã hội, bô tao cũng là cách mạng xã hội.

Giận sôi lên, tôi nhại lại:

— Xã hội, xã hội — tội chết treo! Xéo ngay khỏi đây, chừng nào còn chưa ăn mấy cái bạt tai.

Tôi chưa nói xong thì Xa-scô đã bóp vào gáy thằng bé, nó không ngờ đến điều đó và khiếp sợ đến mức không kêu lên được, mà im lặng chạy vào nhà, thỉnh thoảng ngoái lại nhìn. Không đạt được điều dự định, tôi và Xa-scô bực tức quay lại sân nhà ông Các-pô. Thêm vào đó khi bò qua rào thép gai tôi còn bị vướng rách cả quần.

Trong nhà tên chúa đất vẫn ồn ào vui vẻ. Tôi giận dữ nhìn về phía đó và nhớ lại lời chú công nhân bên đồng lửa ngoài đồng cỏ: «Không phải Nga hoàng là kẻ thù, mà là bọn tư sản». Và đúng thế thật: thì ra chúng còn lên mặt hơn cả khi còn có vua.

Không sao, rồi tao sẽ nhắc cho chúng mày nhớ đến miếng gỗ...

5

Chúng tôi nghỉ đêm ở nhà ông Các-pô. Tôi ngủ trên chiếc phản không, nhưng tôi lại thấy ấm và thoải mái như ở nhà ấy.

Sáng ra bà Khor-ri-xchi-a đưa cho mẹ tôi cả một tạp dề lúa mì mà không đòi đổi lấy gì cả. Rồi bà còn dẫn mẹ tôi sang hàng xóm xung quanh đồi được gặt hết tất cả đồ đạc trừ cái bàn là. Mẹ tôi đổi được năm cốc kê, mười phun lúa đại mạch, một bó hành, một xô khoai và rất nhiều hạt hướng dương. Túi của chúng tôi nặng hẳn lên một cách dễ chịu.

Thật may mắn, hạnh phúc biết bao! Chúng tôi vừa kiếm được cái ăn, lại vừa không phải về bộ: ông Các-pô thắng bò, đưa chúng tôi vào thành phố. Suốt dọc đường tôi nằm trong xe, nhìn lên trời xem những áng mây màu sắc dịu dàng lướt trôi, ngắm những chú sơn ca lập lánh đôi cánh xinh xinh hót véo vón.

Ông Các-pô chậm rãi đánh bò đi và nói chuyện với mẹ tôi:

—Hôm qua tôi ra chợ. Có tin đồn là người bên-sê-vích chủ chốt là Lê-nin sắp trở về nước Nga đây. Hình như người ta sẽ chia đất cho nông dân... Tôi định hỏi tên cảnh sát, à nhưng mà bây giờ cảnh sát mới gọi là gì ấy nhỉ? Thấy một tên lính Áo cầm kiếm đang đứng đó, tôi liền hỏi: «Đây người công dân!»—«Tao công dân gì với mày hả?»—«Sao lại thế,—tôi bảo nó,—bây giờ tự do rồi mà».—«Coi đây, ông thì cho một quả vào cái mặt met, mày sẽ biết thế nào là tự do bây giờ». Thấy chưa, bà chị thân mến, lại bọn địa chủ, lại nô lệ rồi. Thế là dân làng mới cử tôi về thành phố, ở đó có một người, và chỉ có anh ta mới biết được sự thật về Lê-nin.

—Ông ơi, cháu biết về Lê-nin cơ,—tôi nói.

Ông Các-pô mỉm cười:

—Ai nói cho cháu biết?

—Chú công nhân ạ.

—Năm xuống con, đừng quây, để ông và mẹ nói chuyện.

Xe chòng chành, những ngọn đồi chập chờn phủ đầy hoa mùa xuân tươi sáng. Và tôi nằm trong xe như đang nằm trong nôi, ngắm nhìn thảo nguyên. Chả mấy chốc khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a hiện lên ở đằng xa, và sau nó là thành phố âm khổi của chúng tôi với những ống khói nhà máy và những đồng than hình tháp của hầm mỏ. Tim tôi ngừng đập vì vui sướng: sắp được gặp Va-xca rồi.

Chúng tôi vào thành phố theo lối chợ. Mẹ tôi định rẽ qua đó đổi lúa mì lấy bột và hạt hướng dương lấy dầu.

Tới chợ, tôi đụng luôn phải thằng Xen-ca con lão hàng giò. Nó mặc diện như đi dự lễ Phục sinh vậy. Theo sau nó là cả một bọn học sinh và lũ ca-đê.

Thằng Xen-ca nhìn tôi chằm chằm một hồi lâu rồi cười phá lên:

—Ông chủ tịch, các ngài hãy xem kia, ông chủ tịch đã cười ngựa nòi của mình tới kia!

Bọn ca-đê nhìn vào những con bò ú rữ của ông Các-pô, cười rộ lên.

Thằng Xen-ca túm lấy vạt áo tôi:

—Thế nào, ông chủ tịch sống ra sao hả?... Mày còn nhớ đã nói bố mày là chính yếu không? Không, bố tao mới là chính! Và tao cũng là chính yếu, hơn hẳn mày! Tao có thể mua cả thành phố. Mày có muốn tao mua mày không?—Nó bỗng hỏi và nháy bọn ca-đê.—Nói đi, mày đáng giá bao nhiêu cùng với cái áo này và cả quần nữa?

—Tao không phải là ngựa, không bán chác gì sắt,—tôi cau có nói.

—Dù sao tao vẫn cứ mua,—thằng Xen-ca vẫn kỳ kèo, không chịu buông vạt áo tôi ra.—Nói đi, tao phải trả mày bao nhiêu, tao sẽ trả hết, trả tất cả cho tới một đồng xu!

—Chính tao cũng có thể mua được mày.

Bọn ca-đê lại cười rộ lên, còn thằng Xen-ca thốt kêu:

—Mua đi, trả hai mươi ngàn ra đây! Nào, trả đi nào!

A, ha, thằng bụng ổng, tiền không có. Còn tao có. Đây này, nhìn xem.—Và thằng Xen-ca dốc trong một túi quần, tiếp đến ở túi bên kia, rồi ở ngực áo ra ba tập tiền Nga hoàng thật—đồng ba rúp, mười rúp, năm rúp, thậm chí cả đồng một trăm

rúp có hình vua nữa. Nó rút ra một tờ một trăm rồi hỏi tôi:

—Mày có muốn tao xé không?

—Xé đi.

Thằng Xen-ca xé đôi tờ một trăm ra, xếp hai nửa lại rồi lại xé ra, sau nó xếp bốn mảnh lại và lại xé. Nó tung những mảnh vụn lên trời cho bay theo gió.

—Nhìn thấy chưa?

—Rồi.

—Muốn tao xé nữa không?

—Xé đi.

—Xì, mày gớm thật, tốt hơn là tao mua nước hoa đây! Ê, thím ơi!

Một người đàn bà cầm chặt bằng cả hai tay một lọ nước hoa bọc trong khăn tay lại gần nó.

— Bao nhiêu? — thằng con lão hàng giò trịnh trọng hỏi.

— Một trăm rúp.

— Đây! — Thằng Xen-ca nhỏ nước bọt vào tay và bắt đầu đếm tiền. Nó cầm lấy lọ nước hoa, mở ra vẩy đầy nước. Một mùi thơm ngào ngạt bốc lên.

Thằng I-li-u-kha lại gần tôi và nói:

— Bỏ mày không còn là chủ tịch nữa đâu. Hôm qua chúng nó đã lật đổ bỏ mày rồi. Bỏ thằng Xen-ca đã lên làm chủ tịch.

Lòng tôi trở nên nặng trĩu lo âu. Tôi quyết định không nói gì với mẹ và sẽ không tin thằng I-li-u-kha, khi chưa hỏi được Va-xca.

Mẹ đã dồi lúa mì và hạt hướng dương được nửa pút bột và một chai dầu.

Ông Các-pô cũng cần đi về hướng chúng tôi. Chúng tôi lên xe và lại đi.

Đã tới ngoại ô mà ông Các-pô vẫn đi với chúng tôi.

— Thế nghĩa là chị đi về đâu đây? — ông hỏi mẹ tôi.

— Chúng cháu đến phố kia kìa, nơi có cửa hiệu ấy.

— Hình như tôi cũng đến đây thì phải, tôi còn chưa biết rõ.

— Thế ông cần hỏi ai ạ?

— Người ta nói là ông chủ tịch U-xti-nốp sống ở phố

ày, còn ở nhà nào thì tôi không rõ.

Mẹ tôi cười phá lên.

— Sao ông không nói sớm hơn, hả ông?

— Thế sao?

— U-xti-nốp là nhà con.

Ông già giật bò dừng lại, chăm chú nhìn mẹ tôi về ngõ vực, liếc nhìn tôi.

— Chị là vợ U-xti-nốp à?

— Thật đây ạ, — mẹ tôi mỉm cười, nhắc lại.

Ông già lắc đầu:

— Sao chị không xưng danh trước? Gớm thật, các bà là chúa bí mật! Đi, đồ lười. — Ông Các-pô quát đôi bò và lấy gậy quất một con. Con bò lười biếng chỉ vẩy vẩy đuôi. Xe lác lác trên những ổ gà.

Ông già và mẹ tôi cười vui vẻ. Cả hai người đều chưa biết bò tôi đã không còn là chủ tịch nữa...

Chúng tôi rẽ vào góc phố. Cái Tôn-ca ngồi trên chiếc ghế dài cạnh nhà thằng Áp-đun-ca. Trông thấy tôi, nó nhảy vội xuống, chạy đi gọi bọn trẻ con. Chúng ủa ra, reo lên:

— Len-ca đã về!

— Len-ca, cậu đi đâu về thế?

Ông Các-pô dừng bò cạnh căn nhà nhỏ của chúng tôi. Chúng tôi xuống xe. Mẹ mở cổng cho bò vào trong sân. «Va-xca đâu nhí?» — tôi nghĩ và đúng lúc đó nhìn thấy cậu gánh đôi thùng nhô ra ở góc phố. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau, cười vui sướng.

— Về rồi hả?

— Ờ.

— Ai đi với cậu đây?

— Ông Các-pô, ông ấy hiền lắm, lại nhà tớ đi.

Mặc dù Va-xca cô tỏ ra vui vẻ, nhưng qua mắt cậu, tôi hiểu: thằng I-li-u-kha đã nói đúng sự thật.

— Kể đi, Va-xca.

— Có gì mà kể, — Va-xca giận dữ đáp lại. — Phải đánh chúng, chứ không phải là kể chuyện. — Va-xca đá vào khúc đường ray chồi ở dưới đất lên. — Cậu về nhà đi, tớ đi gánh nước cho mẹ, rồi sẽ lại đàng cậu.

Hai mẹ con tôi bắt gặp bố nằm dài trên giường. Bố tôi đang nằm gối đầu lên tay trầm ngâm suy nghĩ.

«Bố đang buồn», — tôi thoáng nghĩ, nhưng vừa trông thấy chúng tôi, bố tôi đã vui vẻ nhồm ngay dậy, ôm hôn hai mẹ con, rồi khi ông Các-pô bước vào và nghe mẹ kể lại về ông, bố tôi giờ tay mời ông:

— Tốt quá, khách từ làng tới thật đúng lúc. Mời ông cởi áo ra ạ.

Bố tôi mời ông Các-pô ngồi xuống ghế, còn chính bố thì ngồi đối diện, ngay trước mặt ông già.

— Thế nào ông, ông đến thăm chúng con có việc gì thế, dân nghèo ở làng sinh sống ra sao ạ? Bọn địa chủ chắc hành hạ dân làng ghê lắm nhỉ? Kể đi ông!

— Đồng chí U-xti-nốp ạ, quả thật là đã đổi trắng thay đen cả. Đã làm xong cách mạng, đã lật đổ vua rồi, thế mà cứ như trong truyện cổ tích về ông lão nông dân và con gấu ấy: địa chủ vẫn hốt phần ngon, còn nông dân vẫn phần gốc. Anh cho biết, bao giờ sẽ chia đất cho chúng tôi đây?

— Thế ông chờ đợi cái đó ở ai nào?

— Tôi không biết. Đã có Chính phủ lâm thời, toàn bọn quý tha ma bắt.

— Chính phủ lâm thời, ông ạ, cũng vẫn chỉ là bọn chúa đất ấy thôi. Chúng sẽ chẳng cho ông cái gì cả đâu. Tự mình phải giành lấy đất, chia cho nhau và gieo hạt đi.

— Chúng tôi muốn lấy, nhưng họ có cho đâu!

— Các bác phải dùng sức mạnh.

— Nhưng dùng sức mạnh như thế nào kia? Bọn lính gác lại tập trung về. Những thằng lính Áo cầm gươm và súng đứng đó làm người ta không dám lại gần.

— Các bác cứ bẻ gãy gươm đi, còn súng thì đập vào hàng rào ấy. Nếu không cứ đốt ấp trại đi, cho chúng một mối lửa, mặc cho quân dê tiện ấy chết cháy đi. Ruộng đất phải thuộc về những người chăm lo nó như con đẻ ấy.

— Anh bảo đốt ấy á? Hừm... à ra thế! — ông Các-pô tự lự vùn vùn bộ ria bạc trắng.

Mẹ tôi lui hui bên bếp lò. Mẹ đã nhào bột làm bánh phomat. Tôi nhanh nhẹn lấy thùng than trong kho ra, rồi vừa nhóm lò vừa lắng nghe câu chuyện giữa bố và ông Các-pô.

— Còn một việc nữa là dân làng yêu cầu hỏi xem tin đồn Lê-nin sẽ về nước có đúng không?

— Có tin đồn như vậy, — bố tôi đáp. — Chúng con không được biết chính xác. Nhưng chúng con đã được đọc những lá thư của Lê-nin, trong đó đồng chí Lê-nin có dạy rằng chúng ta không dừng lại ở cuộc cách mạng tháng Hai. Đó mới chỉ là giai đoạn đầu của cách mạng. Mới chỉ là bắt đầu!

Mẹ tôi dọn bánh lên bàn. Va-xca đến và chúng tôi vui vẻ ngồi vào bàn. Chỉ có ông Các-pô không ăn mà đi ngay.

Tôi ăn no, bụng căng như mặt trống. Thế mà tôi còn ăn thêm ba chiếc nữa và lén bỏ hai chiếc vào túi quần.

Chúng tôi vừa ăn xong thì nghe có tiếng chân rậm rịch ngoài hiên. Cửa bật mở toang và chú Xi-rôt-ca một tay xách chiếc hòm con đi đường bước vào đầu tiên, sau là chú Mô-xi-a đang chùi chân ngoài bậc cửa, cuối cùng là chú thợ mỏ Pê-chi-a ở Pa-xtu-khốp-ca, người đẩy bụi bặm, tóc rối bù, vui vẻ. Các chú vừa ở Pê-tơ-rô-grát về và từ trên tàu đến thẳng đây với cha tôi.

Trong nhà huyên náo cả lên! Bố tôi lao ra ôm hôn các chú và họ cũng ôm hôn lại. Họ vỗ vai nhau, cười ha hả. Bố tôi thờ gập, ngồi xuống ghế hỏi:

— Nói luôn đi: có đúng là Lê-nin đã về nước Nga rồi không?

— Đúng! — chú Xi-rôt-ca đáp.

— Các anh có nhìn thấy Người không?

— Không những nhìn thấy, mà còn đi đón nữa, — chú Pê-chi-a hào hứng chêm vào. — Thậm chí tôi còn cùng với những người dân Pê-tơ-rô-grát công kênh Người trên tay cơ mà.

— Thế thì các anh kể đi nào!

Chú Xi-rôt-ca cau có ngồi xuống cạnh bố tôi.

— Khoan, đầu tiên anh hãy kể chuyện gì đã xảy ra ở đây đã. Bố tôi khoát tay.

— Chuyện gì đã xảy ra ư? Bọn tư sản đã chui vào các Xô-

viết. Bọn men-sê-vích ủng hộ chúng. Bây giờ thắng từ thiện Xur-bu-li-a là ủy viên Chính phủ lâm thời và là chủ tịch Xô-viết men-sê-vích. Về điều này, chúng ta còn phải nói chuyện dài và cuộc chiến đấu còn lâu dài. Vì vậy các anh hãy kể đi đã.

Mẹ tôi dẫn chú Pê-chi-a ra ngoài hiên, bắt chú cởi áo sơ-mi ra để giặt. Bà tự lấy bình nước gội cho chú. Trong lúc chú rửa ráy, vừa vẩy nước vừa phun phì phì, tôi hỏi chú:

— Chú Pê-chi-a, chú có thấy vua ở Pê-tơ-rô-grát không?

— Vua nào? À, cháu hỏi về thằng Nhi-cô-lai ấy à? Không có nó ở đây, người ta đã giải nó đi Xi-bi-ri rồi.

— Còn thanh kiếm vàng của nó, chú có thấy không?

— Kiếm à? Cái gì không nhìn thấy là không nhìn thấy. Có lẽ nó mang đi theo rồi, cái đồ rắn độc ấy, — chú Pê-chi-a vừa trả lời, vừa đi vào nhà và lau người bằng chiếc khăn sạch.

— Thê-ê! — chú Xi-rôt-ca trầm ngâm kéo dài giọng. — Còn chúng tôi thì... Như vậy là chúng tôi không biết gì về Lê-nin cả. Chúng tôi đến Pê-tơ-rô-grát vào ngày mồng ba, ngày chủ nhật. Chúng tôi hỏi thăm mọi người xem tòa soạn báo «Sự thật» của công nhân ở đâu. Bọn tư sản nhìn chúng tôi hằn học: «Loại «Sự thật» nào, chúng tôi không biết».

— Xi-rôt-ca, anh để tôi kể cho, — chú Pê-chi-a ngắt lời, mắt sáng lên và niềm vui của chú lan cả sang mọi người.

— Hãy khoan đã, đừng quây rầy, — chú Xi-rôt-ca cau có ngăn lại.

— Thôi nào, ai nói cũng được, thôi đi các cậu, — bồ tôi vừa nói vừa cười. — Hãy kể xem Lê-nin người như thế nào?

— Giản dị thôi! Dường như một đồng chí hoặc người thân của anh thôi, — chú Pê-chi-a nói liền một hơi.

Tôi và Va-xca ngồi sát vào nhau lắng nghe.

— Anh hỏi Lê-nin như thế nào ư? — chú Xi-rôt-ca hỏi lại vẻ trang trọng, mắt nhìn xuống đất, dường như đang suy nghĩ xem nên nói thế nào cho tốt hơn. — Mới thoát nhìn như là nghiêm khắc, nhìn kỹ lại lại không phải thế. Qua ánh mắt, Người rõ là rất dịu dàng.

— Người đi rõ nhanh, không theo kịp được, — chú Pê-chi-a lại xen vào, — còn mũ cát-két của Người y như cái của anh Mô-xi-a đây này, thậm chí còn giản dị hơn nữa...

Va-xca nhìn tôi. Mắt cậu sáng lên ngạc nhiên, vui mừng.

— Thê đây, — chú Xi-rôt-ca kể tiếp. — Công nhân thành phố Pê-tơ-rô-grát đã chỉ cho chúng tôi tòa soạn báo «Sự thật» ở đường bờ sông Mô-ca, ngay cạnh đại lộ Nép-xki. Chúng tôi bước vào tòa soạn. Có hai phòng: một phòng nhỏ, còn phòng kia lớn hơn. Cả hai phòng, chật ních người: công nhân, binh lính ngoài chiến hào về, thủy thủ hạm đội Bantich đều tụ họp ở đây. Chúng tôi lách đến bàn đồng chí thư ký, giải thích đại khái chúng tôi là đại biểu từ vùng Đôn-bát tới. Còn chung quanh mọi người đang chạy ngược chạy xuôi, điện thoại gọi rồi rít làm chúng tôi không hiểu đã xảy ra chuyện gì. Sau đó, chúng tôi nghe nói: hôm nay Lê-nin sẽ tới. Hôm đó như chúng tôi đã nói, là ngày chủ nhật. Nhà máy nghỉ việc. Làm sao loan báo cho công nhân tin về Lê-nin được? Nhưng không biết từ đâu tin đồn đã lan đi, công nhân đổ tới thành những đám đông.

Chúng tôi thuê một chiếc xe ngựa phóng tới ga Phần Lan. Trên các đường phố người đông nghịt, kiệu cũng không bỏ qua được. Công nhân mang cờ, đàn nhạc hát vang từ các ngã kéo tới. Đến cầu Li-chây-nui* ở Pê-tơ-rô-grát có cái cầu tên như thế — chúng tôi phải bỏ xe ngựa. Người tràn về một phía rất đông, dồn lên trước, còn bọn men-sê-vích và cách mạng xã hội thì cản đường, thuyết phục mọi người đừng đi nữa. Chúng bảo đừng chờ mong điều gì tốt đẹp ở Lê-nin cả. Người ta đã đuổi hết bọn men-sê-vích đi. Giả như chính phủ có dựng bức tường sắt lên trước, người ta cũng phá nát cả tường đi. Hai mạng sườn chúng tôi cũng được một bữa nén thân, nhưng chúng tôi vẫn lách được đến quảng trường nhà ga. Còn ở đây thì trời ơi! Toàn người là người — mắt không sao nhìn xuể. Làm sao bây giờ? Tôi mới hỏi bọn mình: «Các cậu có phải là thợ mỏ không?» Họ đã hiểu tôi và chúng tôi bắt đầu tấn công. Chúng tôi lọt được vào ga, từ đó lách đến sân ga. Chúng tôi ngồi xuống đường ray, cùng hút thuốc với công nhân Pê-tơ-rô-grát. Chúng tôi chờ đợi. Đêm đã xuống, mà tàu vẫn chưa thấy đâu. Người ta bảo đâu như ở

* Nghĩa là «Cầu đúc». (N.D.)

một ga nào đó những đoàn đại biểu công nhân đã giữ tàu lại. Rồi cuối cùng có tiếng chuông — tàu về. Tất cả đứng im không nhúc nhích. Trong bầu không khí im lặng đó tàu tiến dần vào ga.

Va-xca vươn người ra, nghe nuốt từng lời chú Xi-rôt-ca.

— ...Người bước ra bậc thang, về dứt khoát, hùng dũng trong chiếc áo bành-tô giản dị.

— Bành-tô đã bị mạng một chỗ! — Chú Pê-chi-a kêu lên, — và mất một chiếc khuy ở đây này, bên trái này này.

— Gượm đã Pê-chi-a! — Chú Xi-rôt-ca tiếp. — Tóm lại, E-go ạ, chúng tôi sẽ không kể cho anh nghe công nhân đã công kênh Người trên tay như thế nào và nhân dân đã hô to: «Lê-nin muôn năm!» ra sao. Tôi chỉ thuật lại một sự việc: trên quảng trường có một số xe bọc sắt. Người bước lên một chiếc, giơ cao tay chờ cho mọi người im. Suốt đời tôi còn nhớ mãi hình ảnh Người như bây giờ tôi vẫn còn nhớ, hình ảnh Người trong chiếc áo khoác giản dị không cài khuy, mũ cát-két thò ra ngoài túi. Người đứng trên xe, nói chuyện và kết thúc bằng câu... Anh có biết Người kết thúc bằng câu gì không? — chú Xi-rôt-ca hỏi bộ tôi, rồi điêm đăm nói rõ ràng, rành mạch. — «Cách mạng xã hội chủ nghĩa muôn năm!»

— Cách mạng xã hội chủ nghĩa, — bộ tôi trầm ngâm nhắc lại. — Phải như thế mới được. Chúng ta đang đi tới đó đây. Nào, bây giờ các anh nói xem các anh đã mang gì về nào. — Bộ tôi nghiêm nghị nhìn tôi và Va-xca và nói: — Các con ra ngoài phố đi.

7

Chúng tôi đi ra bờ sông. Tôi đã thu thập biết bao chuyện cho Va-xca, thế mà bây giờ tất cả bay biến hết. Không còn muốn kể cái gì nữa. Khi chúng tôi đã im lặng ngồi xuống bờ sông, tôi mới vớ cói nhóm đồng lửa nhỏ để định kể cho Va-xca, dù chỉ là câu chuyện về đồng lửa lúc đêm và Anh Nghèo với cây đàn băng-đu-ra thôi mà cũng không kể được. Va-xca ngồi bên đồng lửa, trầm ngâm suy nghĩ, mắt nhìn vào ngọn lửa mờ nhạt dưới ánh mặt trời. Còn tôi thì nghĩ ngợi: «Ở

trên thế gian này có một thành phố lớn là Pê-tơ-rô-grát. Ở đó có Lê-nin đứng trên một chiếc xe bọc sắt. Có thể là bác Mi-chai đã ở Xi-bi-ri về và bây giờ bác đang đứng cạnh Lê-nin trên chiếc xe đó».

— Va-xca này, thế Pê-tơ-rô-grát ấy ở đâu?

Va-xca thờ ơ liếc nhìn tôi, mãi suy nghĩ điều gì đó của mình, sau mới trả lời:

— Pê-tơ-rô-grát ở xa kia. Đó-ó, ở kia kia! — Va-xca vung tay chỉ về phía cánh đồng cỏ.

— Sau Pa-xtu-khốp-ca ấy à?

— Xa hơn.

— Sau Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a ư?

— Xa hơn nữa kia.

Va-xca ném một nhánh còi khô vào lửa. Ngọn lửa màu xanh nhạt bốc cao, dần chuyển sang màu vàng sáng.

— Len-ca này!

— Gì cơ?

— Cậu có yêu bọn nhà giàu không?

— Không.

— Tôi thì căm thù bọn chúng không thể tả được...

Tôi nhớ lại đồng lửa khi đêm ở ngoài cánh đồng cỏ và lời chú công nhân về bọn tư sản.

— Cậu biết không, Va-xca, chúng mình đã phạm một sai lầm.

— Sai lầm gì?

— Chúng mình đã căm giận kẻ không đáng căm giận... mất thời gian vô ích.

— Cậu nói gì vậy?

— Chúng mình căm ghét vua, nhưng kẻ thù lại không phải là vua.

— Sao lại không phải là vua? Thế thì là ai?

— Chú công nhân bảo chính là bọn tư sản.

— Chúng ta đã lật đổ vua, còn bây giờ bọn nhà giàu lại cướp hết về mình và nhạo báng người nghèo.

— Nhạo báng, đúng thế, Va-xca ạ. Thằng Xen-ca tự tăng bôc mình ngoài chợ, vung vãi tiền, tưới đẫm nước hoa cho cả gà, — rồi tôi xúc động kể cho Va-xca nghe chuyện thằng

con lão Xư-bu-li-a đã xé vụn đồng một trăm rúp trước mặt tôi ra sao và nói. — Giá nó đem cho A-li-ô-sa Pu-pôc thì tốt hơn.

Va-xca chăm chú nghe và tôi thấy nét mặt cậu ta thay đổi. Tôi biết: khi Va-xca nghĩ đến bọn nhà giàu là mặt cậu lạnh hẳn đi. Và khi tôi kể, Va-xca thậm chí còn quay hẳn lưng lại: rõ ràng là sự khoắc lác của thằng Xen-ca đã làm Va-xca tức giận.

— Bọn nhà giàu đáng nguyên rủa, ních tiền...

Va-xca ngồi im một lúc lâu, rồi thở dài, nhìn ra cánh đồng cỏ và nói về mơ ước:

— Nếu như tớ có nhiều tiền, hẳn một nhà kho tiền chẳng hạn, và cả hầm nhà nữa, tớ sẽ đem phân phát cho những người nghèo. Mỗi người một ngàn — cho tất cả những ai nghèo nàn trên trần gian này — sẽ cho từng người một: ai muốn, lại mà lấy, chỉ cần anh đứng là dân nghèo. Tớ sẽ cho A-li-ô-sa Pu-pôc cả một mũ đầy. Cho nó mua lấy chiếc áo, ăn cho no...

— Thế cậu có bớt lại cho mình không, Va-xca?

— Gì kia?

— Tiền ấy.

— Để làm gì? Tốt hơn, là phân phát cho mọi người nghèo — cho bố cậu, chú Van Li, mẹ A-li-ô-sa. Tớ sẽ cho thằng Ut-sa một ngàn.

— Còn thằng I-li-u-kha?

— Tớ sẽ cho khoảng hai rúp...

— Không nên, nó tham lắm,

— Đúng, nó tham thật. Thôi được, cho hai rúp được đây, cho nó vui thôi mà.

— Nhớ đừng cho thêm nhé.

— Tớ sẽ không cho hơn...

Tôi kể cho Va-xca về thằng cu-lắc ở làng, hẳn đã đuổi mẹ con tôi ra sao rồi về miêng gỗ bọn con nhà giàu đem cho tôi.

Nghe xong Va-xca sa sầm mặt. Có lẽ cậu không bằng lòng chuyện tôi đã để cho bọn trẻ con nhà giàu chề nhạo mình. Sau đó Va-xca tự nhiên hào hứng nói:

— Cậu biết không? Chúng mình hãy kết bạn thật tốt để không còn sợ gì trên đời này nữa và để chiến đấu cho công nhân như... Lê-nin ấy!

— Nào.

— ...Để chiến đấu đến lúc chết! Hiểu chưa... như thế này!

Va-xca đưa tay vào ngọn lửa và để nguyên trên đó. Cậu nghiến chặt răng, kêu ken két, nhưng không rút tay lại.

— Cậu làm gì thế Va-xca, không nên! — tôi kêu lên, nhưng Va-xca vẫn tiếp tục để tay trên ngọn lửa.

Tôi không biết mình phải làm gì nữa. Còn Va-xca chậm rãi, dường như không muốn, rút tay ra khỏi ngọn lửa, nói giọng khàn khàn:

— Như thế, để chiến đấu...

— Cậu làm gì vậy? Đưa xem tay nào, Va-xca.

— Chả cần xem làm gì cả.

— Sẽ đau đấy.

— Thôi, kệ cho đau, — Va-xca giấu tay ra sau lưng.

— Nếu cậu muốn, tớ cũng đốt tay mình nhé, — tôi đề nghị, nhưng lại lo sợ vì sự nóng nôi của mình, — để cho nó cháy hoàn toàn, cậu có muốn không?

— Không cần.

— Tớ sẽ đốt cháy, — rồi không đủ sức ghì lại, tôi cũng cho tay vào lửa.

— Bỏ ra, — Va-xca nắm lấy tay tôi. — Chả để làm gì cái việc đó. Cậu chỉ cần dừng cảm lên, không có thằng nào chề giễu cậu. Trên đời này chả có gì đáng sợ. Thế đây, cậu đừng có sợ. Chẳng hạn cậu có muốn sợ, cũng đừng có sợ! Khi đó cả thằng Xen-ca con nhà hàng giò lẫn tất cả bọn tư sản sẽ run sợ trước cậu như Nga hoàng trước Lê-nin ấy.

Ngừng một chút Va-xca nói thêm:

— Tớ nói ra điều đó vì sắp tới chúng mình sẽ chiến đấu với bọn ca-đê. Bọn chúng lại chiếm ao nước và lật đổ ghế chủ tịch của bố cậu. Chúng ta sẽ tập hợp quân. Cậu sẽ là trung tá chính của tớ. Chỉ cần cậu tự suy nghĩ: cậu sẽ là trung tá như thế nào, nếu như chỉ cần một lúc nào đó — dù chỉ là một chút xíu sợ hãi thôi? Nghĩa là phải dừng cảm như... Lê-nin ấy.

Chương sáu

TRẬN ĐÁNH TRÊN BỜ SÔNG CAN-MI-ÚT

Giờ chiến đấu đã tới gần
Quân thù đổ dồn độ sức cùng ta
Ai hèn nhát hãy cứ lùi ra khi còn chưa muộn
Hôm nay sẽ có nhiều người bị đưa ra bãi tha ma!

1

Thành phố nằm dọc bờ sông bên phải. Bờ bên kia là cánh đồng cỏ — cả một biển ngái cừu, cỏ ba lá và năm sừng.

Từ phía sông dựng đứng dãy núi đá, trên đó nằm thành hàng lộn xộn những căn nhà hầm với những ô cửa không đều, những ống khói cao, dài và mái nhà nghiêng nghiêng. Đường phố quanh co, uốn lượn như những con suối chảy dài từ trong núi ra tới sông.

Những ngõ hẻm chật hẹp xen vào giữa các đường phố thành những đường cong quanh co. Chúng là những nơi chứa đựng mọi thứ rác rưởi và được gọi là «những ngõ bẩn». Không ai đi qua những ngõ đó và đến mùa hè chúng mọc đầy những cây tần lê, tầm gửi và gai góc. Chỉ có thỉnh thoảng đây đó trong đám cỏ dại thấy có hoa hướng dương ánh vàng tự mọc trên rác rưởi.

Thế nhưng những ngõ hẻm bẩn thỉu đó lại là nơi tụ họp ưa thích nhất của chúng tôi. Chính đó là nơi chúng tôi vẫn thường giải quyết những công việc cấp bách. Và một ngày chủ nhật tháng Bảy đáng ghi nhớ của năm 1917 cũng đã diễn ra ở đây.

Chúng tôi tụ tập ở phố Bắn từ sáng với lý do quan trọng: sẽ có một cuộc chiến đấu quyết liệt — cuộc chiến đấu một mất một còn — với bọn ca-đê.

Va-xca, thủ lĩnh của chúng tôi, đọc diễn văn trước mặt chúng tôi. Cậu đứng trên chiếc xe cút-kít lật úp, mình trần

thất lưng (áo mẹ cậu giặt rồi) hoa hoa năm đầm, hét lên: — Hỡi các bạn! Chúng ta sẽ còn chịu đựng đến bao giờ nữa? Nga hoàng đã bị lật đổ chưa? Rồi! Thế nghĩa là phải được tự do rồi. Thế mà sao bọn ca-đê lại giành lấy cả chính quyền và vênh vào lên mặt?

Hai đầu sợi dây buộc quần của Va-xca lay động, bay lất phất.

— Tại sao bọn con cái nhà giàu được học đọc, học viết, còn chúng ta lại không được đến trường?

Tóc Va-xca vàng óng như rơm lúa mạch, mọc nhanh, dày và vô tổ chức. Nó rủ xuống vầng trán cao và hai bên thái dương thành hình lưỡi kiếm, và thậm chí còn cuộn lại thành búi sau gáy. Lông mày cậu nhú lại dữ tợn, còn đôi mắt xanh ánh lên những tia chớp.

— Bọn ca-đê không cho chúng ta đến ao, không cho chúng ta tắm. Hôm qua thằng Xen-ca con lão hàng giò đã đánh vỡ đầu A-li-ô-sa Pu-pôc của chúng ta. Các cậu nhìn xem, đầu A-li-ô-sa phải bằng đây. Vì lẽ gì mà hành hạ kẻ mồ côi? Chúng ta là ai nào?

Bọn trẻ không biết trả lời thế nào và đứng im.

— Nếu chúng ta là vô sản các nước, sao chúng ta không chiếm lại ao nước của bọn ca-đê?

— Chúng ta sẽ chiếm lại! — bọn trẻ đồng thanh ủng hộ.

— Sao chúng ta lại không đánh cho bọn ca-đê một trận?

— Đánh! — Tất cả ồ lên.

— Ai đã lật đổ Nga hoàng?

— Tớ đã lật đổ! — Thằng Ut-sa hét lên.

— Đúng! — Va-xca khẳng định. — Chính mình nhìn thấy Ut-sa và Áp-đun-ca cũng kéo. Thế nghĩa là ao nước giờ là của chúng ta. Tớ nói có đúng không?

— Đúng, đúng! — tiếng tán thành vang lên khắp mọi phía.

— Đây, bọn ca-đê có gửi thư cho chúng ta. — Va-xca nói. — Giờ Len-ca sẽ đọc, cậu ấy biết chữ.

Tôi leo lên xe. Áp-đun-ca Di-gan được trang điểm một vết tím bầm dưới mắt — «quà tặng» của bọn ca-đê — lục tìm dưới ngực áo, cuối cùng lấy ra chiếc phong bì đen sì và một

lô những mẩu dây vụn, đinh gỉ và những hòn bi ve màu. Giữa phong bì có vẽ một cái đầu lâu với hai ông xương vất chéo.

Thấy lá thư khủng khiếp tất cả đều nhồm lên phía trước.

— Thần chết! — một đứa nào đó thì thào.

— Khế chứ, có thể trong đó có bom, — thằng I-li-u-kha nói.

Tôi mở phong bì. Một tờ hai mươi rúp «kê-ren-ki» màu vàng rơi xuống chân tôi.

Bọn trẻ xô lại nhặt lên, cụng cả trán vào nhau.

— Nhìn này, tiền! Để làm gì thế nhỉ?

Va-xca giật lấy đồng tiền «kê-ren-ki» ở tay I-li-u-kha, lật mặt sau, rồi hất đầu bảo tôi:

— Đọc đi, Len-ca, rồi chúng ta khắc biết.

Tôi lấy trong phong bì ra một tờ giấy xé ở vở học sinh gấp làm ba góc, chữ viết to bằng mực xanh, nét chữ rất đẹp:

— «Hôm qua ta từ Pê-téc-bua về và người ta đã than phiền rằng các người, bọn ăn mày rách rưới, đã không chịu thuận phục bọn ta, và thậm chí còn dám gây gỗ nữa...»

Đọc đến đây tôi nghẹn lời.

— Đọc đi, sao lại dừng lại thế? — bọn trẻ nhón nhào.

— Chúng nó chửi, — tôi đáp.

— Đọc đi, — chung quanh ồn ào, — cứ đọc lần lượt tất cả đi.

— «Bọn con nhà bồi bếp, bọn nô lệ đáng khinh kia! Sao chúng mày dám chống lại chủ chúng mày? Chúng mày muốn tự do! Ta sẽ cho chúng mày tự do!...»

Tôi liếc nhìn bọn trẻ. Chúng ngẩng đầu nhìn tôi thắc mắc. Tôi đọc tiếp:

— «Nói chung, như người Pháp vẫn nói «chiến tranh là chiến tranh», hôm nay ta sẽ kéo quân đến chỗ các người, và hãy bảo thằng thợ giày Va-xca của chúng bay phải cúi rạp dưới chân ta, khi ta tới. Ta không ưa khi mọi người không chịu nghe ta!...»

Lần này tất cả đều hiểu và nổi giận.

Còn cái này nó chưa được nếm thử hay sao? — thằng Ut-sa giờ nạng, hét lên.

— Yên lặng, đừng phá rối, để nghe đã.

Tôi gồng cao giọng, đọc tiếp:

— «Ta ra lệnh cho các người phải thu và nộp toàn bộ vũ khí trước khi ta tới. Ghen-ca Sa-tô-khin, học sinh lớp 5 trường ca-đê số 4 Xan Pê-téc-bua».

Tiếp đó là phần tái bút viết bằng bút chì, chữ to, nguệch ngoạc:

— «Hôm nay chúng bay hãy ra bãi trống, chúng ông sẽ bắn xác bọn bay. Thằng Va-xca hãy mang hai mươi rúp đi đặt làm quan tài cho mình. Săm và chớp — lực sĩ Xen-ca Mu-rô-mê (có hai quả đâm sắc mùi âm ti)».

Tôi vừa đọc xong, tiếng huýt, tiếng kêu hét, giậm chân vang lên âm ĩ không thể tưởng tượng được.

Va-xca nhảy lên xe, giờ lá thư lên.

— Chúng ta sẽ làm gì đây?

— Viết thư trả lời!

— Không cần trả lời!

— Đánh bọn ca-đê!

— Biểu quyết đi!

— Ai đồng ý đánh bọn ca-đê, giơ tay lên! Thề đây.

Chúng tôi nhất loạt giơ tay. Va-xca nghiêm nghị nhìn chúng tôi và nói:

— Không ai phản đối hả. Nghĩa là chúng ta tuyên chiến với bọn ca-đê... — Va-xca dừng lại và dặn thêm: — Một trận xông mả.

Thằng Áp-đun-ca mà bọn ca-đê đã chuyển thư qua nó, leo lên xe, kể lại bọn chúng đã bắt nó ra sao, đánh như thế nào, rồi sau đó đã bắt nó mang thư về. Áp-đun-ca nói là chính thằng ca-đê «chính công» ở Pê-téc-bua về nghỉ phép đã tháo bức thư, còn phần tái bút là thằng Xen-ca, con lão hàng giò Xư-bu-li-a viết. Ngoài ra chúng tôi còn được biết chính đích thân thằng ca-đê với thanh kiếm thật sẽ cưỡi ngựa chỉ huy đội quân địch.

— Thằng ca-đê tên là Ghen-ca, bồ nó là tướng, — Áp-đun-ca kể tiếp. — Thằng Ghen-ca ấy còn phải có đầy tớ ru ngủ. Sáng ra người ta còn phải mặc quần và đi giày cho nó.

— Thế nó không tự làm lấy được à?

— Không biết mặc.

— Thật là con rắn độc!

— Chả có gì lạ cả, — thằng Ut-sa kết luận, — bọn giàu có, chúng muốn gì thì làm nấy thôi. Chúng chỉ thiếu có sữa chim thôi.

— Có đây, — thằng I-li-u-kha kêu lên, đôi mắt trơ tráo nhìn bọn trẻ chăm chăm. — Chính tớ đã trông thấy thằng Ghen-ca uống sữa chim!

Bọn trẻ cười phá lên, còn Va-xca nhảy lên xe, tức giận vung nắm đấm, lay hết sức gào to:

— Đả đảo mười tên bộ trưởng tư bản!

— Đả đảo! — Chúng tôi đồng thanh ủng hộ, mặc dù không hiểu Va-xca nói về những bộ trưởng nào. Nhưng nếu Va-xca đã nói, thì nghĩa là đả đảo!

Thằng Ut-sa đẩy khí thể chiến đấu, hoa hoa trong không khí chiếc nạng:

— Tớ sẽ viết thư cho thằng Ghen-ca của tụi chúng bằng cái bút chì này! — Và Ut-sa vung cái nạng lên dọa.

— Va-xca, có đúng là bọn ca-dê muốn lập lại ngôi vua không?

— Đã lập lại rồi đây, — Va-xca cau có giải thích, — chỉ có điều thằng vua đó không tên là Nhi-cô-lai, mà... là gì ấy... tớ quên mất rồi.

— Là Kê-ren-xki, — thằng Áp-đun-ca nhắc.

— Đúng rồi.

— Thế thằng Kê-ren-xki trông thế nào?

— Trông thô bỉ, đáng ghét: tóc nó dựng ngược trên đầu như cái bàn chải đánh giày, mũi to, còn tay phải nó đứt trước ngực.

— Để làm gì kia?

— Hấn thủ hòn đá ở đó... Hòn đá, rõ không?

— Thế cũng đòi là người cầm quyền đây. — Ut-sa nói. — Cũng phát hành cả tiền riêng...

Chúng tôi dồn lại xem xét đồng tiền kê-ren-ki Xen-ca gửi tới. Nó giống như một tờ giấy bọc kẹo rẻ tiền. Trên đó cũng như trên tiền Nga hoàng có in con đại bàng hai đầu, nhưng lại bị vật trụi lông thế nào ấy và không có mũ miện.

Va-xca tiếp tục.

— Tớ sẽ kể về quân Kê-ren-xki cho các cậu nghe nhưng chỉ sợ các cậu chết cười mất thôi.

— Không chết được, Va-xca, hãy kể đi.

— Quân đội của Kê-ren-xki toàn các mục đàn bà mặc váy.

— Sao lại đàn bà? — Chúng tôi ngạc nhiên.

— Rất dễ hiểu: người ta đã mặc quần áo lính cho đàn bà, giao súng cho họ rồi bảo: «Bắn đi!»

Bọn trẻ cười phá lên, đùa vui vẻ, đùa nghi hoặc:

— Không đời nào đàn bà lại có thể bắn được!

— Chúa sẽ trừng phạt tớ!

— Thế chỉ huy cũng mặc váy à?

— Chỉ huy cũng mặc váy. Gọi là «madam» đội mũ lính, đi ủng, còn súng thì cong cong như cái gậy thông lò ãy, bắn thẳng nhưng đạn lại ra bên cạnh.

Bọn trẻ cứ cười lẫn ra.

— Đội quân đàn bà ãy được gọi là «Tiểu đoàn chết». —

Va-xca kể tiếp trong tiếng cười rộ của bọn trẻ.

Thằng Ut-sa hỏi:

— Sao lại gọi là «Tiểu đoàn chết»?

— Vì có thể cười đến chết được vì tiểu đoàn ãy.

Va-xca cầm lấy tờ kê-ren-ki hai mươi rúp, ngoắc lên mũi giảo.

— Chúng ta không công nhận bọn ca-dê! Chúng ta là bôn-sê-vích.

— Va-xca, cậu kể về Lê-nin đi, — Áp-đun-ca đề nghị.

— Sau trận đánh sẽ kể, bây giờ không còn lúc nào nữa.

Va-xca khoanh tròn tay làm ông nhòm đưa lên mắt. Cậu quan sát khá lâu như qua ống nhòm thật ãy, nhìn về phía mà từng giờ từng phút sẽ xuất hiện kẻ địch. Trận tuyến của quân ca-dê trải dài qua gò, còn của chúng tôi — ở dưới, dọc bờ sông Can-mi-út.

— Đến giờ chiến đấu hãy còn sớm, kể về Lê-nin đi Va-xca, — bọn trẻ yêu cầu.

Rất cục Va-xca ngồi xuống bụi tầm gửi rậm rạp. Chúng tôi ngồi vây quanh cậu và im lặng.

— Lê-nin rất hiền, vì chính Người cũng là dân nghèo. — Va-xca bắt đầu! — Chẳng hạn nêu cậu, Ut-sa ãy, đến chỗ

Người và chào: «Chào bác ạ», — Người sẽ hỏi trước tiên: «Ăn chưa?» Tất nhiên cậu sẽ e ngại: «Cám ơn bác, cháu ăn no rồi». Cậu thử nghĩ xem, Người có tin không? Không! «Ngồi xuống, — Người sẽ báo, — cháu ăn đi đã, sau sẽ nói chuyện». Người sẽ cho cậu tất cả những gì còn lại. Đó, Lê-nin là như thế đây...

Bọn trẻ ngồi im ngạc nhiên và say sưa vì câu chuyện.

— Thế có đúng Người đã bị vua xiềng xích không?

— Đúng đây. Nga hoàng đã đày Người đi Xi-bi-ri. Các cậu có biết Xi-bi-ri ở đâu không? Ở tận cùng trời cuối đất ấy. Mất một nghìn ngày cả đi bộ và đi xe từ đó về đây cũng không tới nơi được. Thế mà Lê-nin đã đi bộ về được. Bị xiềng xích mà đi thì thật là khó nhọc. Tuyệt đến tận đây, ngập đến ngực, lại còn bão tuyết, rét mướt nữa chứ. Nhưng Lê-nin đã không đầu hàng: Người vẫn đi, chỗ đi bộ, chỗ đi tàu hỏa. Người đã tới Pê-tơ-rô-grát (Nga hoàng khi đó sống ở Pê-téc-bua). Đầu tiên Lê-nin đến nhà máy với công nhân, nói với họ: «Các bạn, các anh em hãy nhìn xem Nga hoàng đã xiềng xích chúng ta như thế này đây», — rồi Người dứt khóa tay làm nó bật tung ra từng đoạn. Công nhân giương cao cờ đỏ tiến thẳng đến cung điện vừa đúng lúc Nga hoàng Nhi-cô-lai đang ngồi trên ngai vàng uống rượu vốt-ca. Lê-nin lại gần và nói: «Hãy trao lại chính quyền cho nhân dân!» Nga hoàng để chai rượu sang bên, đáp: «Ta không trao trả, mà còn đày nhà người đi Xi-bi-ri thêm nữa kia». Lê-nin mới bảo: «Ái chà, thẳng này!» — và lật đổ Nga hoàng.

— Thế người ta trao lại chính quyền cho bọn tư sản để làm gì? — Ut-sa hỏi.

— Bọn tư sản đã ranh mãnh dùng mưu tự giành lấy.

Va-xca giải thích. — Bọn chúng mặc quần áo công nhân, đưa mang búa, đưa cầm «mỏ nết», đưa mang cờ lại Xô-viết đại biểu nói: «Hãy thu nhận chúng tôi, chúng tôi cũng là công nhân». Người ta đã tiếp nhận bọn chúng và đến đêm chúng đã cướp chính quyền, lập thẳng Kê-ren-xki lên.

— Còn Lê-nin giờ ở đâu?

— Công nhân đã giấu Lê-nin đi. Bọn tư sản truy tìm Người, nhưng không tài nào tìm được. Chúng treo giá đầu Người

hai trăm ngàn, chúng muốn giết Người đi mà.

— Cậu nói sao cơ? — Ut-sa đứng phắt dậy, mặt đỏ tía, dữ tợn. — Giết Lê-nin của chúng ta sao? Đi chiến đấu thôi! — Ut-sa quả quyết ra lệnh. — Tớ không muốn biết gì hơn nữa! Nào chúng ta hãy đi đánh cho bọn ca-đê một trận đi!

Va-xca lại bước ra khoảng đất trống và lại quan sát qua «ổng nhòm» những vị trí chiến đấu. Bên trái bọn ca-đê đã bắt đầu nhôn nháo. Những bóng người đen sì chuyển động rối loạn như lũ kiến. Có một thằng cưỡi ngựa đi dạo dọc theo gò đất.

Va-xca leo lên xe, chùi bốn ngón tay vào quần. Thế là bọn trẻ bất kể đang làm gì cũng bỏ cả mọi công việc, im lặng chờ đợi Va-xca huýt sáo. Không một ai biết huýt sáo hay như Va-xca của chúng tôi! Va-xca khéo bắt chước chim hót, chỉ với một ngón tay út hoặc một ngón tay trở uốn vòng, cậu biết huýt cả với hai ngón, ba ngón thậm chí không cần ngón tay mà chỉ cần chum môi lại, khi đó tiếng huýt thoát ra thánh thót như tiếng chim sơn ca. Va-xca có lỗi huýt sáo gọi, cách huýt sáo chào và kiểu huýt sáo nhạo báng. Nhưng nếu được nghe cậu huýt sáo kêu gọi — thì máu trong người anh sẽ sôi trào lên.

Và đây, bây giờ cậu đang chậm rãi, trang trọng đặt bốn ngón lên miệng, ngả người về phía sau, hơi kiễng chân lên và tiếng huýt sáo kêu gọi chiến đấu vang lên.

Tôi hít không khí căng đầy lồng ngực và hét lên:

— Cầm lấy vũ khí!..

2

Bắt đầu chuẩn bị cho cuộc tấn công. Tôi đội chiếc mũ sắt của bọn Đức vút lẩn lóc ở kho nhà, ngoắc vào khuy áo thanh kiếm cong cong làm bằng sắt đại thùng. Để cho đẹp hơn, tôi buộc quanh thanh kiếm một dải băng đỏ. Sau hai bên quai mũ, tôi lại cắm hai bông hoa bồ-công-anh vàng cho mọi người thấy rõ mình là trung tá chính. Tôi đi đi lại lại, đầu ngẩng cao, miệng la hét bọn trẻ, nhưng trong lòng lại nghĩ giá cầm thêm

bông hoa anh túc đại đỏ nữa thì tốt. Tôi liền làm như vậy, rồi liếc nhìn vào mảnh kính: quả có đẹp hơn. «Bây giờ mà Tôn-ca thấy nhỉ!»—Tôi nghĩ. Và nó, con ngốc ấy, vừa trông thấy tôi đã quần lay: «Cho em đi chiến đấu với». Tôi biết Va-xca sẽ mắng tôi, cậu sẽ bảo: «Cậu dẫn ai tới thế? Chưa đủ hay sao mà còn phải có thêm lính mặc váy như của bọn Kê-ren-xki». Nhưng Tôn-ca cứ ba chân bốn cẳng chạy ra phố Bán không sao bảo dừng lại được.

Bọn trẻ lấy xe cút-kít chở ra đồng cỏ đủ loại vũ khí: đại ốc, đá, mảnh ngói vỡ. Những thứ đó được bắn vào quân thù nhờ những «súng phóng». Để có thể «bắn» bằng súng phóng được, cần phải quay quay nó trên đầu cùng với hòn đá, xong rồi buông một đầu dây ra, thế là hòn đá bật ra và lao vút vào quân thù.

Rất nhiều đứa trẻ vũ trang bằng những súng phóng như vậy. Ngoài ra còn có những cái trùy nặng có đinh đâm ra tua tua. Có cả những roi sắt uốn cong ở đầu như những chiếc gậy thông lờ. Với những ngọắc nhỏ như vậy có thể khoét cổ hoặc chân đôi phương rất tốt.

Bọn trẻ đẩy cả một khẩu đại bác làm lấy bằng ống khói lò xa-mô-va và dây đeo quần bằng chun. Thực ra hai bánh xe của khẩu đại bác bị cọc cách, gồm một bánh xe cút-kít cũ, một bánh xe ngựa gầy, mặc dù đại bác bắn không được xa, nhưng trông cũng thấy phát khiếp.

Quân của chúng tôi không đông, nhưng đáng tin cậy. Va-xca có năm trung tá. Trung tá chính là tôi. Thứ nhì là Ut-sa.

Đúng ra, công bằng mà nói, trung tá chính phải là Ut-sa, chứ không phải tôi. Ở phố, Ut-sa là chiến sĩ số một. Nhanh nhẹn, sôi nổi, dũng cảm dù chỉ có một bàn chân. Chúng tôi phát ghen lên với Ut-sa vì nó leo cây rất nhanh, nhảy xa hơn tất cả, bơi tốt. Nó leo lên chòi nhảy đặt trên ao nước, vút nạng xuống nước, còn mình thì ngụp theo, chân đập đập đến buồn cười. Trong chiến đấu không ai có thể thay thế Ut-sa được. Nó sử dụng chiếc nạng như một thanh gươm, mũi giáo và khi cần thì như một cái trùy. Không mấy khi đánh nhau, mà ai đó có thể quật nó xuống đất được.

Trung tá thứ ba là Áp-dun-ca Di-gan, bản chất tốt bụng, nhưng lại hay cục: khi nó nổi giận — thì liệu mà chạy cho mau, không nó sẽ nện cho bằng bất kỳ cái gì vớ được. Bỏ mẹ nó là người Tác-ta, nhưng không ai biết được tại sao người ta lại gọi cậu con trai họ là Di-gan. Áp-dun-ca biết nhảy múa theo kiểu Tác-ta. Thường mỗi khi tụ tập ở một sân nào đó, chúng tôi hay yêu cầu nó nhảy múa. Nó đi vòng quanh, vỗ vỗ hai bàn tay vào đùi, miệng hát:

An-đum ban-ta
San-đum tam-ga,
I-mi-an-ga tu-gheh tan-ga.

Va-xca gọi A-li-ô-sa Pu-pôc là trung tá thứ tư. A-li-ô-sa rất nghèo. Quần nó may bằng bao bột, thùng hai bên đầu gối, dọc chéo hai bên quần vẫn còn rõ nhãn hiệu «lúa mì» không thể giặt sạch được.

A-li-ô-sa rất ít khi tụ họp với chúng tôi, vì nó còn phải đi kiếm cái ăn cho bà mẹ ốm yếu. Nó có giọng hát hay và biết nhiều bài hát. Nó lang thang qua các nhà hầm, khắp các đường phố, dắt thằng em bé trên vai, một tay giữ bàn chân bẩn thỉu của em, tay kia giơ ra xin của bố thí, miệng hát những bài nào nuốt khiến lòng người se lại.

Còn anh em từ lâu đã ở Xi-bi-ri
Mang nặng trên người loảng xoảng xiềng gông...

Nó hát cả những bài hát của thợ mỏ — về người đuổi ngựa, về việc Ma-ru-xi-a đã tự đầu độc ra sao, nhưng đặc biệt tôi rất xúc động khi nghe bài hát những người bị giam:

Ở nơi xa xôi, vùng I-rơ-cút
Giữa hai vách đá trập trùng
Vây quanh bởi hàng rào lớn
Có nhà tù lớn A-lếch-xang-đơ-rốp
Ở phía mặt trước
Treo một tấm biển lớn
Trên đó có con đại bàng hai đầu
Sáng lên như bằng vàng...

A-li-ô-sa hát bài ca ấy buồn đến nỗi các bà chủ nhà phải ra tận cổng đứng nghe mãi, vừa nghe vừa lấy tạp dề lau nước mắt. Rồi họ mang cho nó những gì họ có.

Hôm nay A-li-ô-sa đến đây chỉ để trả thù kẻ thù không đội

trời chung của nó—thằng Xen-ca Xư-bu-li-a.

Va-xca còn có một trung tá thứ năm nữa—Pa-sca Lửa ở mỏ Pa-xtu-khốp-ca tới. Nó được biết ở ngoài chợ là chúng tôi sẽ đánh nhau với bọn ca-đê và đã mang bọn trẻ của nó tới giúp.

—Khá lắm, chú thợ mỏ,—Va-xca vỗ vai Pa-sca khen ngợi.—Cậu với bọn của cậu sẽ phụ trách cánh phải.

—Có!—Pa-sca đáp lại, giơ tay lên vành mũ chào.

3

Mọi việc chuẩn bị cho cuộc tấn công đã xong. Tôn-ca bị gạt ra, nhưng nó cứ tí tỉ làm Va-xca không chịu được, phải phong cho nó là cô cứu thương.

Đội quân hung dữ của chúng tôi đổ ra khoảng đất trống. Từ trên đồi vọng xuống tiếng âm âm đầy khí thế chiến đấu.

Chúng tôi hiểu: trong trận đánh này không được xót thương một đứa nào cả.

Mối thù địch giữa chúng tôi và bọn ca-đê kéo dài đã từ lâu, mặc dù nguyên nhân của trận đánh sắp tới là cuộc xung đột mới đây ở nhà thờ.

Câu chuyện xảy ra vào chủ nhật trước.

Hôm đó, như thường lệ, không khí trong nhà thờ trang nghiêm, và có vẻ hội hè. Hàng ngàn tia lửa của các cây đèn, ngọn nến phản chiếu trong những chiếc đèn chùm, những cây thánh giá bằng bạc, trong những bức tranh tượng thánh mạ vàng, tất cả xung quanh sáng ánh lên như một ngày đầy nắng. Trong nhà thờ phảng phất mùi hương trầm. Trên bục ban đồng ca của Nhà thờ hát bài: «Ban chiến thắng cho Chính phủ lâm thời...»

Lão cô đạo đọc giọng mũi, liếc nhìn vào cuốn sách dày cộp bằng đồng, còn chúng tôi sốt ruột đổi chân nọ sang chân kia chờ đợi uống rượu ngọt, mà vì nó chúng tôi mới đến Nhà thờ.

Vì buồn chán, tôi hết bịt tai, lại bỏ ra để nghe tiếng «ca... ca...» liên tiếp.

Khi đã chán, tôi lại giờ trò khác: nheo mắt trái, nhìn thấy

bàn thờ và lão cô đạo, nheo mắt phải thấy ban đồng ca. Sau tôi bắt đầu ngắm nghía mọi người.

Phía trước là tướng Sa-tô-khin đã về hưu đứng với vợ, một bà già to béo, hồng hào. Trong Nhà thờ chật chội, nhưng sau bà tướng cách đến hơn hai thước không ai đứng cả: đuôi áo dài hơn một thước của bà ta lết trên nền nhà đá. Bên cạnh lão tướng là một học sinh trường quân sự đứng ưỡn thẳng ngực, khuỳnh tay nâng chiếc mũ lưỡi trai gắn quân hiệu. Sau bọn chúng là lão hàng giò Xư-bu-li-a béo phì cầu kinh.

Những người thợ mặc áo sơ-mi sạch sẽ, tay cầm mũ mới, những phụ nữ nghèo khổ, những người lính bị thương đứng cúi đầu bên cửa ra vào.

Giữa sự im lặng trang nghiêm đó, tướng Sa-tô-khin xỉ mũi âm ỉ vào chiếc khăn trắng, to. Chân lão ta xỏ trong đôi giày đánh bóng loáng như gương đặt cạnh những đôi chân trần nứt nẻ, đen sì bẩn thỉu của chúng tôi. Cách đây không xa bên cạnh giá nến bằng đồng cao bị nhỏ đầu sập, bọn ca-đê—kẻ thù thực sự của chúng tôi—đang cầu nguyện. Bọn chúng khinh bỉ liếc nhìn về phía chúng tôi và lên nhích lên gần bàn thờ không chịu đứng sau hàng chúng tôi khi làm lễ phát rượu.

Va-xca gườm gườm theo dõi chúng và đẩy chúng tôi lên phía trước.

Bỗng trong bọn ca-đê tách ra một thằng lỏi con, nhỏ bé mặc y phục ca-đê. Nó rón rén đi qua chỗ tôi và giẫm vào chân tôi khá đau.

—Cút khỏi đây!—nó thì thầm, giọng đe dọa rồi đứng vào phía sau.

Một thằng khác có cái mũi to dùng huých vào sườn tôi, còn thằng thứ ba to như hộ pháp thì tiến lại gần, đứng lên trước, che khuất cả bàn thờ và lão cô đạo.

Đúng lúc đó ban đồng ca hát vang: «Xin hãy đón rước linh cứu chúa Giê-xu, hãy ném nguồn bất tử». Lão cô đạo lấy cái chén mạ vàng, và chiếc thìa con sáng chói trên bàn thờ xuống.

Chúng tôi xông lên trước.

Va-xca nắm vạt áo thằng ca-đê cao lênh khênh lùi lại sau,

rồi bước tới chỗ lão cô đạo.

Thằng ca-đê tức giận, khi Va-xca cúi xuống nhận sự ban phước lành, thì nó cũng cúi xuống, lấy cái gì đó châm vào đít Va-xca.

Va-xca rung mình và đội cả cái chén của lão cô đạo đang cầm ở tay trái lên. Rượu sánh ra làm ướt cả áo lễ dát vàng của lão ta.

— Chúng làm đổ máu Chúa rồi!

Những người đi lễ hết sức xúc động.

— Bọn phản Chúa!..

— Chuẩn thôi!— Va-xca hét tôi, rồi lao ra phía cửa. Tôi chạy theo, lách qua những người đi lễ.

Sau này chúng tôi được biết bọn ca-đê phạm tội làm đổ «máu Chúa» đã bị phạt roi.

Từ ngày đó chúng tuyên chiến với chúng tôi. Chúng tôi cũng không chịu kém và, nếu có thằng ca-đê nào bị tóm ở ven thành phố thì nó sẽ bị đánh không tiếc tay. Nhưng bọn ca-đê cũng chả ra làm gì đến vùng ngoại ô, còn bọn chúng tôi ngày nào cũng chạy vào thành phố vì ở đó có phim áo dăng và gánh xiếc trong.

Bọn ca-đê không cho chúng tôi sống nữa.

Nếu cần bổ sung thêm thì việc chúng đứng ra gây chiến, sau đó lại từ đâu đó dựng vua dậy, càng làm chúng tôi không thể chịu nổi. Khi đó Va-xca mới quyết định lật đổ bọn ca-đê, giành lại chính quyền.

4

Và thế là giờ trả thù đã đến.

Bọn ca-đê xông lên tấn công đầu tiên. Chúng khá đông, khoảng một trăm, không kém. Bọn ca-đê đi từ trên gò xuống, hàng ngũ thẳng tắp, vững tin. Có cảm tưởng như chúng tin vào một người nào đó và người đó hiện vẫn còn giấu mặt.

Trên đầu hàng quân là thằng Xen-ca con lão hàng giò, tay cầm rìu, bên phải nó là một thằng học sinh trung học vạm vỡ với lá cờ Nga hoàng.

Mỗi thằng ca-đê mang một cái cặp đũa đá đeo lưng lẳng

bên sườn. Quân địch tiến lên thành một bức tường dày đặc, và do đó làm tôi hơi bối rối.

— Cờ tiến lên trước!— Va-xca ra lệnh.—Đừng sợ! Va-xca dùng mảnh vung cái móc sắt.

Bọn ca-đê đã tiến tới sát đến mức có thể nhìn thấy rõ cả vẻ mặt của chúng. Hai đạo quân dừng lại.

Cuộc chiến đấu như thường lệ bao giờ cũng bắt đầu bằng những lời lăng nhục nhau. Thằng Xen-ca con lão hàng giò bắt đầu.

— Ê bọn không quần kia, bọn rẻ rách đi với vải vụn kia.

— Đổ bán giò thiu thối, — Ut-sa trả lời.

— Còn mày, thằng Hy Lạp, đổ gót chân châm muối.

Thằng Xen-ca ra lệnh:

— Hướng vào bọn bôn-sê-vích, toàn đại đội, bắn.

Xen-ca trước tiên ném tâm gang sang chỗ chúng tôi, sau đó, những đũa còn lại làm theo.

Những hòn đá rêu qua đầu chúng tôi, nảy từ dưới đất lên, làm bọn trẻ bị thương.

Đúng lúc đó, đại bác chúng tôi khai hỏa nhưng những sợi dây chun cũ đã chơi xỏ chúng tôi, đạn đã rơi cả xuống, không tới chỗ quân địch được.

Tôi nhìn lại sau và thấy một số lùi lại còn thằng I-li-u-kha thì hèn nhát ngồi thụp xuống rãnh nước.

— Va-xca, quân mình tháo chạy!—tôi hét lên.

Cậu ta nhìn lại, rồi vung cái móc sắt:

— Không được lùi lại!— Và lao lên trước, cúi thấp đầu tránh những hòn đá bay tới.

Pa-sca Lửa lao theo đầu tiên. Ut-sa đội chiếc xô sắt lên đầu, rồi chạy lên đón trận mưa đá. Đá văng vào thùng làm những gì vụn rơi lá tả, nhưng cũng không kim được chân Ut-sa. Va-xca lao lên như cơn lốc, tả xung hữu đột.

Tôi đã nhìn thấy Va-xca đánh nhau dùng cảm ra sao, và tôi xấu hổ, vì đã nhút nhát. Nhớ lại lời thề bên đồng lửa, tôi cảm thấy có một cái gì đó giục giã kích thích.

— Không được lùi lại! Theo tôi!—tôi hét lên và thấy hoàn toàn không sợ nữa. Tôi cúi đầu lim dim mắt, lao thẳng vào chỗ đông nhất của hàng ngũ địch.

Bắt đầu đánh giáp lá cà.

Vừa lúc đó thằng cuỡi ngựa trắng xuất hiện. Hấn quay tít trên đầu thanh gươm sáng lấp lánh và quay lại kêu gì đó. Lời hấn vọng tới chỗ tôi:

— Các ngài, hãy chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng! Cầu Chúa phù hộ, tiến lên!

Tôi đã nhận ra chính là thằng ca-đê xô sát với tôi hôm lật đổ vua. Bây giờ nó có gươm trông vẻ còn dữ tợn hơn. Giọng nó gay gắt, hách dịch, không muốn mà vẫn thấy sợ.

Thằng ca-đê đã tiến ngay vào đám đông, giờ gươm cao.

— A-lêch-xang-đơ Kê-ren-xki muôn năm! Xung phong!

Nó hét lên và suýt ngã vì con ngựa sợ cái gậy của một đứa nào đó đã nhảy phắt sang một bên.

Thằng ca-đê thúc ngựa tới chỗ Va-xca. Chúng tôi nín thở. Bên địch cũng dừng lại.

Hai tướng chỉ huy mặt giáp mặt trước hai hàng quân.

Thằng ca-đê nhòm người trên bàn đạp làm chiếc yên ngựa kêu cọt két, đưa mắt nhìn hết lượt chúng tôi rồi hỏi:

— Nào, đứa nào ở đây muốn tự do?

Chúng tôi im lặng.

Thằng ca-đê giờ gươm nhắc lại:

— Lần lượt tiến gần lại đây, tao sẽ ban tự do cho.

Thằng Xen-ca đứng sau lưng thằng ca-đê che tay cười khinh bỉ.

Thằng ca-đê làm ra vẻ không nhìn thấy Va-xca. Rồi bỗng như tỉnh cơn thấy, nó lấy mũi kiếm hất mũ Va-xca xuống.

— Có phải mày là thằng thợ giày Va-xca không? Nào, nhắc lại theo tao: «Ngài Kê-ren-xki muôn năm!»

Va-xca thu người lại, chuẩn bị nhảy.

Thằng ca-đê giờ thanh gươm lóe lên rợn người dưới ánh mặt trời trên đầu Va-xca.

— Tao ra lệnh cho mày thế nào hả thằng vô lại kia? Hãy phục lạy dưới chân tao, mau!

Không, dù nói thế nào đi nữa Va-xca vẫn đẹp hơn thằng ca-đê. Trông thằng ấy gầy gò thảm hại thế nào ấy, còn Va-xca thật là một tráng sĩ! Cậu gườm gườm nhìn thằng ca-đê và im lặng thủ roi trong cả hai tay. Đôi vai r ám nắng bóng lên

ánh đồng. Dù sao tôi vẫn thấy sợ cho Va-xca. Nhớ thằng ca-đê ngu xuẩn lại chém vào đầu cậu ta!

— Tao cảnh cáo lần cuối cùng, — thằng ca-đê ra giọng mệnh lệnh. — Hãy nhắc lại theo tao: «Ngài Kê-ren-xki...»

— Thằng Kê-ren-xki đây chầy rạn của mày ra cái đêch gì đối với tao! — Va-xca nói xong giờ cao cây roi, hô lớn: Lê-nin muôn năm!

— Muôn năm!.. — chúng tôi đồng thanh hòa theo.

Thằng ca-đê đập cả thanh gươm vào người Va-xca. Va-xca ngồi thụp xuống nhưng không phải vì đòn đánh ca-đê mà để vung tay cho nhẹ hơn. Cậu quật roi vào mồm ngựa làm con vật chồm bổng lên hai chân sau. Thằng ca-đê xô hẳn người sang một bên, cuống cuống dùng cả chân lẫn tay quặp chặt lấy mình ngựa, nên đánh rơi mất thanh gươm.

Va-xca nắm lấy chân thằng ca-đê, lôi nó xuống ngựa.

Con ngựa phi mất. Thằng ca-đê định với lấy thanh gươm, nhưng Va-xca đã giẫm dè chân lên.

Đặt hai ngón tay lên miệng, vị chỉ huy của chúng tôi huýt sáo ré lên.

Chúng tôi lao vào quân địch. Ut-sa nhảy đến thằng cầm cờ, quật nó xuống đất, giật lấy cờ. Bọn ca-đê bỏ chạy tán loạn. Thằng Xen-ca «dự sĩ» vừa lùi chạy vừa vung tít chiếc riú quanh mình và không hiểu sao lại hét lớn:

— Xung phong!!!

Thằng ca-đê đánh trống, khiếp sợ giờ tay lên:

— Xin hàng! Xin hàng!

Bọn trẻ lao tới, quật ngã thằng Xen-ca, bắt làm tù binh.

Đội quân anh hùng của chúng tôi dưới sự chỉ huy của Ut-sa nổi nóng, reo hò, huýt sáo truy đuổi đôi phương, còn chúng tôi — những phụ tá hộ vệ của Va-xca, đứng lại bên cậu.

Thằng ca-đê bị trói quặt tay sau lưng, nằm lăn lóc dưới chân Va-xca. Mặt nó tái đi vì căm thù.

— Cởi trói cho thằng khoác, — Va-xca ra lệnh, không thèm liếc nhìn thằng ca-đê.

Tôi lại gần tên tù binh và loay hoay cởi nút dây da thắt chặt. Thằng ca-đê chậm chạp vươn thẳng người dậy. Nó đứng cau có, mắt ánh lên giận dữ.

Cần phải bắt giữ thằng ca-đê theo đúng luật: tịch thu tất cả tài sản — và tôi tháo bỏ dây lưng cùng dây đeo vỏ kiếm của nó. Tôi nhặt thanh gươm lên, tra vào vỏ và đeo bên sườn.

Thằng ca-đê lao lại tôi:

— Trá gươm đây, thằng đê tiện!

Nhưng tôi chỉ thanh gươm cong bằng đai thùng và báo:

— Đứng im, không nhúc nhích, đồ tư sản!

Va-xca nhìn chúng tôi:

— Chúng ta sẽ làm gì với tên tù binh đây?

— Đánh, — Ut-sa đề nghị ngắn gọn.

— Đổ nước vào tai cho nó phát điên lên, — thằng I-li-ukha nhắc.

— Sao chúng mày lại dám thế! — thằng ca-đê hét lên. Tao mách bồ tao, rồi sẽ treo cổ tất cả lũ chúng mày.

Va-xca kiêu hãnh nhìn kẻ thù.

— Cúi lạy dưới chân tao! — cậu điểm nhiên ra lệnh.

— Sao mày dám!.. — thằng ca-đê kêu lên và òa khóc.

— Không muốn à? — Va-xca hùng hổ nói. — Hay là mày không biết cúi lạy thế nào, hả? Nào, Ap-dun-ca, cậu giúp nó đi.

Ut-sa từ đằng sau tiến lại và bắt đầu ấn đầu thằng ca-đê xuống đất.

Vừa lúc đó trên gò xuất hiện một cô bé. Cái váy ngắn màu xanh của nó bay phấp phật trước gió như một ngọn lửa.

— Ghê-nhi-a! Ghê-nhi-a! — con bé kêu lên. — Bọn chúng giết anh mất, Ghê-nhi-a!

Nó chạy lại chỗ chúng tôi, vừa khóc vừa nhặt đất ném chúng tôi và hét lên:

— Bọn mọi rợ! Đây cho chúng mày, cho chúng mày!

Tôi nhận ra con ca-đê. Chính là con bé đã cho tôi bánh mì trắng và không cho anh nó đánh tôi hôm lật đổ vua. Mắt nó xanh như màu áo. Cả người nó trong sáng và mảnh dẻ như một con bướm.

Va-xca lúng túng liếc nhìn cái bụng bần thủ, sây sát của mình... Tôi thấy xấu hổ vì thanh kiếm bằng đai thùng của mình. Tôi thần nhiên quẳng nó sang bên và ưỡn thẳng ngực.

Nhắc thầy con ca-đê, cái Tôn-ca như một con mèo cái xù

lông ra. Nó hung hăng lấy tay áo quệt mũi và xông lại con ca-đê:

— Mày muốn gì hả? Mày muốn cái gì?

— Không được động tới nó, — Va-xca nghiêm khắc ra lệnh, rồi chậm rãi, nặng nề từ trên gò bước xuống.

Chúng tôi im lặng bước theo.

Thằng ca-đê chậm chạp đứng dậy và như không tin mình đã thoát nạn quá dễ dàng như vậy, tập tễnh chân phải đi về.

Con ca-đê đi sau lái nhái:

— Đây, em về mách bồ cho, em sẽ kể tất cả cho bồ nghe cho mà xem.

Tôi đuổi theo kịp bọn trẻ và phân khởi vì đã chiến thắng, chúng tôi vui vẻ hát vang:

Một, hai, ba

Chúng ta những người bôn-sê-vích

Ta không hề sợ bọn ca-đê

Ta sẽ đi đánh giáp lá cà!

Chúng tôi đã đi tới gần chỗ bắt đầu cuộc tấn công của mình, thì bỗng thằng Xen-ca con lão hàng giò từ phố Bắ nháy ra trong tiếng huýt sáo và tiếng cười ầm ĩ. Nó mặc chiếc quần đùi ngắn cũn. Cây tầm gửi cao quật vào đôi đầu gối trần của nó. Nó chạy kéo lê thê đằng sau chiếc xô sắt buộc vào chân nẩy nẩy lên kêu ầm ĩ.

Va-xca chạy tắt lên, quật thẳng Xen-ca xuống đất, thúc đầu gối lên ngực nó.

— Mày cười Len-ca để làm gì?

— Tao sẽ không thể nữa, Va-xca...

— Thế mày đặt trước quan tài cho ai trong thư hử?

— Đó là tao... không phải tao... tao... — thằng Xen-ca òa khóc.

— Thế ao nước bây giờ là của ai?

— Của các anh, của mày. Thả tao ra, tao sẽ mang giò biếu mày.

Va-xca nhăn mặt vì ghê tởm thứ giò của thằng Xen-ca:
— Cút mau với cái giò thiu thối của mày!

Thằng Xen-ca nhóm phất dậy, ba chân bốn cẳng chạy mất.
Tôi còn kịp lấy cán cò quất cho nó một gậy cháy lưng.

Một bộ ba, trong đó có A-li-ô-sa Pu-pôc từ góc phố bước ra đón chúng tôi.

Một đứa, vừa cười vừa đưa cho Va-xca một cái quần mới và giải thích:

— Chúng tớ vừa tịch thu của thằng con lão hàng giò.

Va-xca trao lại cho A-li-ô-sa:

— Cậu cầm lấy. Cái con rắn độc ấy đã hành hạ cậu.

A-li-ô-sa đón lấy chiếc quần của thằng con lão hàng giò, nhưng không mặc vào mà lách sang một bên. Nó thu nhặt những mảnh giấy vụn, que và cỏ khô, không hiểu để làm gì. Nó vun tất cả những thứ đó thành một đồng con rồi đốt lên (cái thằng A-li-ô-sa ấy đúng là một thằng bé khó hiểu) rồi quẳng chiếc quần mới vào lửa và chạy mất. Bọn trẻ chỉ vừa kịp lôi chiếc quần ra.

Tôi và Va-xca cầm lá cờ ba màu của bọn ca-đê và sau khi đã giấu thanh gươm của thằng Ghen-ca dưới áo chúng tôi bò lên trần nhà. Ở trên đó, chúng tôi mới đem thanh gươm ra ngắm nghía. Nó khá nặng. Lưỡi gươm dài, sắc lạnh, lấp lánh ghê rợn trong bóng tối và làm người ta khiếp đảm.

Va-xca để ý thấy có dòng chữ gì đó trên thanh gươm. Chúng tôi lại gần ô cửa tò vò. Trên đồng kiếm bịt bạc có khắc: «Kính tặng ngài X. P. Sa-tô-khin, tướng bộ binh, vì những chiến công».

Chúng tôi kinh sợ: hóa ra thanh gươm là của chính tướng Sa-tô-khin. Có thể vì nó mà sẽ bị liên lụy.

Làm sao bây giờ? Quẳng ra khe Bô-gơ-đu-khốp-xcai-a hay chôn nó xuống đất? Sau chúng tôi nghĩ ra: đêm đến sẽ quẳng nó xuống giếng lò mổ «I-ta-li-a».

Nhưng việc đó cũng nguy hiểm. Dọc đường ai đó có thể nhìn thấy. Thì thầm bàn bạc mãi cuối cùng chúng tôi quyết định giấu nó trên trần nhà dưới mái ngói. Va-xca bảo thanh gươm có thể sẽ có ích cho các chú công nhân.

Giấu xong chúng tôi bí mật tụt xuống.

— Chúng mình đi tắm ngoài ao đi, — Va-xca rú. — Bây giờ chính quyền là của chúng ta, và ao nước là của chúng ta... Chúng ta còn được bọn ca-đê bồi thường nữa chứ.

6

Chúng tôi mừng chiến thắng.

Hôm ấy dù xuất hiện ở đâu đi chăng nữa bọn ca-đê cũng lẩn tránh chúng tôi. Chúng tôi đã bắt làm tù binh một thằng học sinh trung học và bắt nó canh giữ đồ đạc cho chúng tôi.

Chúng tôi cởi quần áo, bện cho mình những cái mũ bằng hoa ngưu bàng, trát bùn vào người, rồi chạy đuổi nhau dọc bờ ao.

Thật thú vị được chạy từ trên gò xuống rồi phóng thẳng xuống làn nước ao lạnh mát: những tia nước, bọt sủi lăn tăn, tiếng la hét rồi những ánh nắng mặt trời đùa giỡn trên mặt nước — vui biết bao nhiêu!

Tắm tấp thỏa chí rồi, chúng tôi mới thả thằng học sinh về, bắt nó truyền lại cho đồng bọn là không được đến ao nước khi chưa được phép của chúng tôi.

Như những người chiến thắng, chúng tôi đội những vòng hoa sặc sỡ lên những mái đầu rậm rì chưa cắt của mình.

Thảo nguyên rộng mênh mông xanh biếc gọi lên cảm xúc tự do. Bây giờ tất cả đều thuộc về chúng tôi: cả ao nước, cả cánh đồng cỏ và ngay cả hầm mỏ nữa vì cha anh chúng tôi đều làm việc ở đó, ở dưới đất ấy.

Chúng tôi về thẳng nhà qua cánh đồng cỏ. Ut-sa nhặt được ở đâu đó một cái âm xa-mô-va đồng bẹp dẹt đó, mốc meo, nó buộc âm vào một sợi dây, kéo lê theo sau, miệng hét: «Đã tóm được thằng Kê-ren-xki!»

Thấy tôi nhặt được một chiếc giày rách, Va-xca bỗng ra lệnh:

— Hãy đứng lại! Tôi tuyên bố xử bắn chính phủ Kê-ren-xki!

Cậu cầm lấy âm xa-mô-va, giật chiếc giày ở tay tôi, kiếm được dưới mương một cái chai đựng dầu hỏa và một mẩu

chối cùn. Cậu xếp tất cả những thứ đó thành một hàng, rồi bảo:

— Đây sẽ là Kê-ren-xki! — Cậu vỗ vỗ vào cái âm xa-mô-va. — Còn đây là Mi-li-u-cốp. — Va-xca chỉ vào chiếc giày ló ra ở đám cỏ. Trong tiếng cười rộ của bọn trẻ, cậu gọi cái chối là Gút-scốp, còn cái chai là Rốt-di-an-cô. Va-xca không quên một thằng nào trong chính phủ Kê-ren-xki và đều kết án chúng tử hình.

Con Pôn-can như cảm thấy sắp bắt đầu một cái gì đó lạ thường và như một mũi tên nó lao đến chạy quanh những thứ đã đặt, lấy chân cào cào đất và sửa vào chúng.

Chúng tôi nhặt đầy hai tay đá.

— Hãy vẽ thêm râu cho thằng Kê-ren-xki! — thằng Áp-đun-ca đề nghị.

— Gắn râu cho nó bằng xơ rửa bát ấy, đây cho mày nắm xơ này!

Va-xca cầm nắm xơ bắn thiu gắn vào vôi âm xa-mô-va. Bọn trẻ lẫn cả ra mà cười.

Va-xca hạ lệnh:

— Nhắm thẳng Chính phủ lâm thời Kê-ren-xki, nhất loạt, bắn!

Ngay loạt đạn đầu chiếc âm xa-mô-va — Kê-ren-xki đã bị gãy mũi (vôi âm). Chai — Rốt-di-an-cô bay thành mảnh. Còn tôi đã hạ chiếc giày — Mi-li-u-cốp.

Pôn-can ngoạm lấy chiếc giày — Mi-li-u-cốp, nhay nhay rồi tha chiếc giày chạy khắp cánh đồng cỏ, xong lại vừa sửa vừa ghì chiếc giày xuống cỏ và cắn xé nát ra.

Thật vui thích biết bao nhiêu!

Chúng tôi tiếp tục đi dọc cánh đồng cỏ.

Xa xa đã thấy hiện ra đồng than hình chóp cũ kỹ của mỏ «I-ta-li-a» bỏ hoang.

Thằng I-li-u-kha kể là từ khi xảy ra vụ nổ, ở đó đêm đêm từ dưới đất cứ vọng lên lời cầu nguyện.

Chúng tôi kinh sợ đi vào trong. Tòa nhà mỏ trên giếng lò sụt lở gần hết. Những đường ray nhỏ hẹp, han gỉ dẫn tới giếng lò và tới sát miệng hồ đã đổ cả xuống vực thẳm.

Chúng tôi cúi nhìn xuống giếng lò. Mùi ẩm ướt, hơi hám

bốc lên. Thằng I-li-u-kha ném xuống một hòn đất, nghe thấy tiếng gió, tiếng đá va vào thành giếng lộ cộc, và mãi mới vọng lên tiếng rơi tòm xuống nước.

Chúng tôi rời bỏ tòa nhà u ám đó trong lòng thấy mệt nhõm và đến khi ra khỏi nhà máy mới biết ngoài cánh đồng trời đã tối. Đám mây đen sịt viền quanh bằng những mảng trắng dài đang kéo tới. Xa xa rên vang tiếng sấm.

7

Chúng tôi rảo bước và khi tới gần ven thành phố thì một đám trẻ ủa ra đón. Chúng thì thảo, giọng hoảng hốt, rằng trong thành phố mọi người đang kinh hoàng: bọn cảnh sát của Chính phủ lâm thời đang lùng tìm một thanh gươm nào đó bằng vàng thật của vị tướng.

Tôi và Va-xca liếc nhìn nhau, rồi không nói một lời bỏ lên chỗ trần nhà. Chúng tôi lấy thanh gươm ra và quyết định đem nó ném ngay lập tức xuống giếng lò mỏ «I-ta-li-a».

Vừa bỏ trên trần nhà xuống thì nghe thấy tiếng vó ngựa, chúng tôi quay trở lại. Qua ô cửa tò vò có thể nhìn rõ một phần phố xá.

Chúng tôi thấy rất nhiều kỵ binh. Một thằng là học sinh trường quân sự, còn bọn kia là cảnh sát Chính phủ lâm thời với băng trắng có hai chữ «C.S.» ở cánh tay áo. Thằng cảnh sát Da-grê-bai mặc thường phục đi đi lại lại trong bọn chúng.

Sấm rền không ngớt trên bầu trời, gió bắt đầu thổi mạnh.

Bọn kỵ binh tụt xuống ngựa cạnh nhà Va-xca. Hai thằng vào sân nhà tôi, bọn còn lại — vào nhà Va-xca. Nghe rõ thấy chúng đang cuộc xới ngoài sân, đập phá cái gì đó ở nhà kho. Sau đó hai thằng cảnh sát lôi ra ngoài sân nhà Va-xca một ôm giáo bằng sắt và những thanh gươm tự rèn. Va-xca nắm tay tôi.

— Chúng đã tìm thấy giáo và gươm.

— Giáo nào đây?

— Người ta cất giấu ở nhà tớ. Bỏ cậu đã mang đến lúc đêm.

— Để làm gì kia?

— Cậu, trời ơi, thật cứ như trẻ con ấy, lúc nào cũng phải kể với lễ, không tự đoán ra được... Cậu không nhớ các chú công nhân đến Pê-tơ-rô-grát làm gì sao?

Chúng tôi ngồi trên trần nhà, lắng nghe tiếng rì rầm dưới sân, nhưng không nghe rõ được một lời vì tiếng mưa to ầm ầm. Bỗng tiếng sấm vang lên dường như trái đất nứt toác ra. Chớp đánh qua ô cửa tò vò, chiếu sáng cả một góc trần nhà. Nhìn qua cửa sổ lúc này thật sợ, nhưng tôi vẫn lại gần và nhìn thấy chúng giải bỏ tôi từ trong nhà ra, thúc báng súng vào lưng, dẫn bỏ tôi đi trên phố. Tôi không hiểu ngay được là bỏ tôi bị bắt và chúng giải bỏ tôi vào tù. Tiếng khóc của mẹ tôi đâm nhói vào tim.

— Làm sao thế hả chú A-nhi-xim?— mẹ tôi vừa khóc vừa hỏi chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, chú vừa đi xe ở sân ra. Ông tướng mặt gườm mà bọn chúng làm náo động tất cả, bỏ tù cả những người vô tội.

— Sự thế không phải ở thanh gươm bị mất đâu, chú Gru-nhi-a ạ, chú đáp. — Đó chỉ là mưu mẹo thôi. Chúng cần có lý do để lục soát, tìm vũ khí và dọa nạt quần chúng. Im lặng một chút rồi chú nói tiếp: — Bọn tư sản chà đạp chúng ta. Nhìn đâu đâu cũng thấy bọn men-sê-vích và bọn cách mạng xã hội. Trong ủy ban là chúng, trong Xô-viết cũng là chúng.

— Còn như thế đến bao giờ nữa, chú A-nhi-xim?— Mẹ tôi lại hỏi. — Thế mà người ta đã nói biết bao nhiêu về tự do!

— Tự do!— Chú nói. — Làm sao có thể có tự do được khi chính quyền trong tay thẳng hàng giò Xư-bu-li-a? Thím hãy nghĩ xem đó là loại tự do gì? Tự do áp bức và cướp bóc người lao động, tự do phi nộn và tẩm người trong vàng bạc. Còn với chúng ta, với tôi và thím, chỉ có một thứ tự do— tự do chết đói, và cứ thế mãi... Nhưng tôi xin nói: bọn tư sản muốn chôn vùi cách mạng quá sớm. Cách mạng vẫn sống và chẳng bao lâu nữa sẽ ra tay. Cứ chờ đã, thím Gru-nhi-a ạ, chúng ta sẽ tập hợp lực lượng. Không phải chờ đợi lâu nữa đâu. Không phải hôm nay thì ngày mai đông tổ sẽ nổ ra trên đất nước Nga, sẽ nổ ra một cơn dông tố vĩ đại!..



Phần hai

BẢO TÁP



Chương bảy

THÁNG MƯỜI

Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian,
Vùng lên hỡi ai cực khổ bán hàn!
Sục sôi nhiệt huyết trong tâm đầy chứa rồi,
Quyết phen này sống chết mà thôi!

1

Không có gì khổ hơn nghèo nàn!

Cứ phải ngồi trong căn nhà đất chật chội như con chim trong lồng, buồn rầu rĩ và hà hơi vào tấm kính cửa sổ phủ đầy băng để có được một cái lỗ nhỏ nhìn ra ngoài đường. Còn trong thành phố từ sáng sớm tinh mơ đã có cuộc bắn nhau dữ dội đến mức không sao ngồi yên được.

Cuộc xung đột với bọn tư sản đã bắt đầu. Nghe đồn rằng người ta đã tịch thu nhà máy của lão I-út-dơ. Thằng Áp-dun-ca chạy đến hét lớn vào cửa sổ là lão Xư-bu-li-a, ủy viên Chính phủ lâm thời đã bị bắt. Bây giờ đúng là lúc phải tóm cổ thằng Xen-ca và trả thù vì tội nó đã cười nhong nhong trên lưng tôi. Nếu thế thì tốt quá... Nhưng tôi thậm chí

ra khỏi nhà cũng không được, vì chẳng có gì để mà đi, giày đã rách nát hết.

Giá mẹ tôi đi vắng, tôi sẽ đi ngay giày của mẹ, nhưng mẹ tôi lại ngồi nhà và lo lắng ngóng nhìn ra cửa — mẹ chờ bồ tôi.

Cả đêm qua mẹ tôi không ngủ, mẹ khâu một lá cò đỏ. Giờ đây lá cò đỏ đang bay phấp phới ở một nơi nào đó, thế mà tôi cũng không được biết là ở đâu. Mọi vật trong nhà đã làm tôi chán ngấy: mắt không thể nào nhìn mãi được chiếc bàn ăn gãy chân và kêu cọt cọt kẹt. Có lẽ không thể tìm được ở nhà ai một chiếc âm cút vôi quái gở như của nhà tôi — đem đập quách nó vào tường cho rảnh...

Đã bao lần tôi buồn bã nhìn ra cửa sổ: ngoài phố vẫn vắng lặng. Con gió tóc cuốn những mảnh giấy lẫn bụi bặm xoáy tròn như chiếc đu quay, lồng lộn rít lên ở ngoài phố, lay bật các hàng rào, đập rầm rầm vào những cánh cổng.

Bạn Va-xca của tôi ở đâu? Chẳng có ai đến cả.

Bỗng bên cửa sổ vang lên tiếng vó ngựa. Tôi ép sát người vào cửa kính và tim tôi ngừng đập: tôi trông thấy bồ tôi ngồi trên ngựa.

Kể từ khi các chú công nhân giải phóng bồ tôi khỏi nhà tù, bồ tôi hầu như không ở nhà. Mẹ thường mang cơm đi đâu ấy cho bồ tôi.

Tôi lao vọt ra cửa.

Bồ tôi bước vào, người cao và gầy, mặc bộ quần áo da. Thậm chí quần cũng bằng da. Chiếc súng lục chính công treo trên dây da vòng qua vai.

Cùng đi với bồ tôi còn có hai chú công nhân nữa. Một chú chưa có râu, đôi mắt tinh nghịch, người thứ hai nhiều tuổi hơn. Sau đó một người nữa bước vào, anh mặc áo bành-tô đen và đi ủng, tay cầm chiếc xà-beng.

— Nhanh lên, các cậu! — bồ tôi vừa đi vừa nói. — Chào mẹ nó, cho ăn tí gì chứ.

Bồ tôi bỏ chiếc mũ da lưỡi trai ra và treo lên cái đinh. Bồ tôi cùng những chú công nhân đi khuất vào sau vách.

— Phê-đi-a, đưa xà-beng đây!

Bồ tôi kéo chiếc giường ra khỏi tường, cầm lấy chiếc xà-beng của chú Phê-đi-a, rồi lấy đầu nhọn đục vào tường.

Tôi không hiểu bồ tôi phá nhà để làm gì. Nhưng ông vẫn đục tường, ngoáy ngoáy và chẳng bao lâu bầy ra một hòn gạch. Các chú công nhân quỳ xuống, yên lặng, vội vã dỡ bức tường.

— Thôi được rồi, — bồ tôi nói xong thọc tay vào lỗ hổng sâu đến tận nách, sờ soạng và lôi ra khẩu súng trường.

— Cầm lấy, — bồ tôi nói với chú đứng bên cạnh, rồi lại thọc tay vào lỗ hổng.

«Thật quái lạ! Tại sao tôi lại không biết là ở nhà tôi có giấu súng?»

Bồ tôi moi thêm hai khẩu súng trường, sau đó lôi ra một chiếc hòm kẽm thon thon, liền đó thêm hai chiếc nữa. Chú Phê-đi-a hé mở nắp một chiếc và tôi trông thấy đạn, những viên đạn thật bằng đồng thau đã lấp sẵn vào băng.

— Hết rồi các cậu ạ, mang đi nhanh lên! Nửa giờ nữa tôi sẽ tới.

Sau khi các chú công nhân đã đi khỏi, bồ tôi mới ngồi vào bàn. Tôi tự hào nhìn bồ tôi. Bồ tôi trông vẫn như xưa và cũng không hẳn như xưa. Người bồ tôi phảng phất một mùi gì đặc biệt — mùi thuốc súng và mùi da.

Bồ tôi liếc nhìn tôi và nhếch bộ ria mép mỉm cười. Tôi cảm thấy lòng bàn tay ấm áp của bồ tôi ở trên đầu.

— Ở nhà thế nào hả con?

— Giày rách hết cả rồi...

— Cái đó không đáng ngại. Tại sao con không đính chiếc khuy vào?

— Mẹ bận lắm.

— Con phải tự đính lấy chứ. Phải tự làm lấy tất cả. Đừng có ỷ lại vào mẹ — nhớ bỗng nhiên phải sống xa mẹ thì sao?.. Thôi này, đừng sờ vào súng... Tốt hơn hãy nói xem con đã được nghe về Lê-nin chưa? Lê-nin gửi cho con bức thư đây. — Bồ tôi lục trong cái túi áo da, moi ra một cuộn giấy màu xanh và chìa cho tôi: — Cầm lấy!

Còn bồ tôi cầm chiếc thìa gỗ, bắt đầu ăn cơm. Tôi giờ tò giầy ra và đọc:

Đài phát thanh của Hội đồng Dân ủy

Ngày 30 tháng 10 (ngày 12 tháng 11) năm 1917

Gửi tất cả. Gửi tất cả.

Đại hội Xô-viết toàn Nga đã thành lập Chính phủ Xô-viết mới. Chính phủ của Kê-ren-xki đã bị lật đổ và bị bắt giam. Kê-ren-xki đã bỏ chạy. Tất cả các cơ quan hiện trong tay Chính phủ Xô-viết.

Chủ tịch Chính phủ Xô-viết
VLA-DI-MIA U-LI-A-NÔP (LÊ-NIN).

Trên một tờ khác vẽ anh công nhân toàn một màu đỏ, đến cả mũi lưỡi trai cũng đỏ. Anh công nhân tay trái cầm khẩu súng trường, còn tay phải chỉ thẳng vào tôi:

ĐỨNG LẠI! BẠN ĐÃ GHI TÊN VÀO ĐỘI CẬN VỆ ĐỎ CHƯA?

Ghi chứ, hai lần rồi! Bọn bạn hẳn sẽ nghĩ là tôi không ghi tên vì hèn nhát, chứ không một ai tin là tôi không có giấy đi. Bỏ tôi ăn vội vàng, xong đẩy lùi cái đĩa ra và đứng dậy. — Gru-nhi-a, cất dọn thức ăn đi em, anh sẽ đi lâu.

Mẹ tôi ứa khóc, mẹ bắt đầu cầu xin bỏ tôi đi. Tôi là bồ tôi cả đời đi phiêu bạt, khi thì bị bắt vào sổ cảnh sát, khi thì lẩn trốn dưới hầm nhà hàng xóm, còn mẹ tôi luôn lo lắng âu sầu. Bao giờ mới hết những cực hình đó? Mẹ tôi nhìn bồ tôi, hai hàng lệ long lanh lăn trên má.

— Thôi, thế là hóng rồi, — bồ tôi bồi rồi nói. — Bây giờ không phải lúc nghĩ đến mình. Vận mệnh đang được quyết định: công nhân sẽ đòi hỏi là những người nô lệ hay là sẽ chiến thắng và bắt đầu một cuộc sống mới, khi mà những từ «thợ mỏ», «thợ đúc», «thợ rèn»... sẽ trở thành những từ vinh dự nhất. Ôi, Gru-nhi-a, cuộc sống tốt đẹp sẽ đến! Thế mà em lại khóc. Nào! Em là một người thông minh, có phải không? Em không khóc đây chứ? — Bồ tôi lau những giọt lệ trên mắt mẹ tôi và hỏi vậy.

Mẹ tôi mỉm cười buồn rầu.

— Em không khóc nữa... Anh đi đi... Cầu Chúa phù hộ cho tất cả các anh...

Không còn đủ sức chịu đựng được nữa. Bồ tôi vừa đi khỏi và mẹ tôi vừa gục mặt xuống gối, tôi liền đi trộm giày của mẹ tôi để chạy đến nhà Va-xca.

Gió lạnh thấu xương thổi ngoài phố. Mặt trời bảm đầy bụi mờ đục treo thấp lè tè như vào dịp mùa thu trên thảo nguyên. Tường chừng như hơi lạnh đã toát ra từ đây...

Va-xca không có nhà. Tôi đứng giữa sân, suy nghĩ xem cậu ta có thể ở đâu.

Từ phía nhà kho chứa than vọng tới chỗ tôi những giọng nói rì rầm. Tôi lắng tai nghe. Có tiếng thằng I-li-u-kha tóc hung nói bên kia bức tường gỗ:

— Len-ca không đi đâu. Hắn sẽ chuẩn.

— Ai? Len-ca à? — tiếng Va-xca vọng ra. — Phụ tá của tớ mà chuẩn à?

— Dĩ nhiên rồi, hẳn sợ và rõ là một tên hèn nhát, — I-li-u-kha khẳng khẳng định.

Tôi chưa biết có việc gì xảy ra ở trong nhà kho, nhưng lòng đầy tức giận, tôi giật mạnh cánh cửa. Cánh cửa bật rung hé mở và kéo lê trên mặt đất những thanh gỗ mục. Mùi giày cũ xông lên. Tôi khó khăn lắm mới nhận ra mặt các bạn trong bóng tối mờ mờ: I-li-u-kha ngồi trên đồng than và lấy chiếc lưỡi lê gọt khúc đất. Bên cạnh là thằng Ut-sa, nó đuổi dài chiếc chân độc nhất và đang đeo chiếc kiếm bằng gỗ. Va-xca, chấp tay sau lưng, hồi hả đi đi lại lại trong nhà kho, từ góc này sang góc kia. Áp-đun-ca ngồi ngay bên cửa và không hiểu nó xé chiếc áo đỏ của nó ra thành từng dải để làm gì. Chiếc áo vét cũ kỹ phủ lên mình trần của nó. Tôi siết chặt nắm đấm xông tới thằng I-li-u-kha.

— Mày vu khống gì tao ở đây đây hả? Ai sợ?

I-li-u-kha giật nảy người, nhưng trấn tĩnh lại và nhẹ nhàng nói:

— A, Len-ca cũng đến đây rồi, ngồi xuống đây, chỗ này êm hơn.

— Mày đừng đánh trống lảng nữa, ai hèn nhát?

I-li-u-kha đưa tay che mặt tự vệ:

—Mình nói đùa, thế mà cậu tưởng thật.

—Coi chừng không tao cho một quả nổ đom đóm mắt ra đây.

—Thôi đủ rồi, —Va-xca nghiêm nghị nói và gặt đầu với tôi tiếp: —Cậu ngồi xuống dự hội nghị đi.

Tôi ngồi xuống chuồng chim bồ câu tham dự hội nghị.

—Các cậu nghe đây, mình sẽ kể...

Va-xca chậm rãi đi quanh trong nhà kho và bắt đầu kể rằng Kê-ren-xki đã bỏ chạy khỏi Pê-tơ-rô-grát như thế nào. Người ta đến bắt hắn, nhưng hắn đã nhảy qua cửa sổ, thay áo phụ nữ ở ngoài vườn rau, nhưng vẫn chưa kịp mặc váy, và như vậy vẫn còn mặc quần... Làm thế nào bây giờ? Lúc đó hắn lấy chiếc khăn san dài phủ kín, cắp chiếc làn và tháo thân. Các chiến sĩ Hồng quân cho hắn ra vì nghĩ đó là một người đàn bà đi chợ. Còn Kê-ren-xki đã thoát ra ngoài thành, vớt chiếc làn đi và cắt thẳng. Khi công nhân phát hiện ra thì đã muộn. Như thế là Kê-ren-xki đã chạy xa, chạy sang tận bên Mỹ gì đó.

—Hiện nay công nhân sống trong lâu đài của nhà vua ở Pê-tơ-rô-grát, —Va-xca tự hào kể, —họ ăn bằng bát đĩa vàng của vua, soi cá vào gương của vua...

—Có lẽ còn ngủ cả ở trên giường của vua nữa, —thằng Ut-sa nói.

—Chỉ bịa, —I-li-u-kha phản đối. —Làm sao mà có thể trèo lên giường vua được? Chỉ riêng đệm mềm đã có tới trăm chiếc chất cao đến tận trần nhà.

—Thế thì đã sao, bắc thang mà trèo lên chứ, —Ut-sa cãi lại, —nhưng ngủ đã êm.

—Va-xca, Lê-nin cũng ở đây chứ? —Áp-đun-ca hỏi.

—Không, Lê-nin không muốn ở trong lâu đài của vua.

—Tại sao?

—Sao... sao...tóm chứ sao nữa. Lê-nin sống trong một ngôi nhà nhỏ. Nhỏ như thế này này và đằng trước có mảnh vườn.

—Sao cậu biết?

—Lại sao với trắng —tại sao, để làm gì, vì sao. Người ta báo với cậu thế, thì cứ biết nghe vậy.

Những gì Va-xca kể đều rất vui. Nhưng thực ra không phải mọi việc của chúng tôi đều tốt lành cả như ý muốn. Một viên tướng Ca-lê-đin nào đó, phụ tá cho Kê-ren-xki, không công nhận Chính quyền Xô-viết và đã phái lính Cô-dắc đến thành phố của chúng tôi. Bọn chúng dưới quyền chỉ huy của phen Gráp. Không phải phen Gráp mà suýt nữa bị công nhân quăng xuống hầm lò đầu, mà là con trai lão cơ —Côn-ca phen Gráp. Quân của Ca-lê-đin đã tiến tới gần và muốn chiếm lấy thành phố. Cần phải cứu vãn tình thế.

Vấn đề được giải quyết nhanh: tất cả sẽ ghi tên vào đội cận vệ đỏ. Tạm thời ai dùng vũ khí của người ấy.

Công việc bắt đầu rộn rịp. Chúng tôi buộc những băng đỏ của Áp-đun-ca, đưa lên cánh tay, đưa lên mũ.

—Như thế này nhé, —Va-xca kết luận. —Len-ca sẽ là phụ tá chính của tớ, còn cậu, Ut-sa... Chà!.. —Va-xca gãi tai tỏ vẻ chán nản. —Cậu có một chân không cưỡi ngựa được. Thôi, cậu sẽ chiến đấu dưới bộ. Chúng ta đi đi! Các cậu hãy coi chừng, ai mà sợ tốt nhất hãy tự nhận trước. —Bỗng cậu ta chỉ tay thẳng vào tôi. —Cậu thế là không chuẩn đi!

—Quả có Chúa... —tôi buột miệng nói vội.

—Không phải thế. Cậu thế gì mà như ở trong Nhà thờ vậy? Phải thế độc địa vào chứ!

Tôi bước ra giữa nhà kho và giơ nắm đấm lên:

—Tôi mà... Không, không phải thế, gờm đã. Tôi mà... bọn quý Sa tăng dưới âm ty địa ngục sẽ quăng tôi vào vạc dầu...

—Thôi đủ rồi, —Va-xca nói. —Ut-sa thế đi!

Các bạn khác đều thế không kém phần hăng hái. Áp-đun-ca thậm chí còn văng tục vì quá sốt sắng. Chỉ có thằng I-li-u-kha là rụt rè, khẽ nói được một chữ «xin thế» và vội vàng làm dấu thánh.

—Bây giờ ta đi thôi! —Va-xca ra lệnh. —Nhưng chớ quên là lúc nào tụi chúng nó bắn đại bác 75 ly, các cậu nhớ phải há miệng ra kéo có thể bị diếc đấy.

Tôi chạy lên tầng trần nhà lấy xuống thanh gươm của tên tướng mà chúng tôi đã tước được của tên ca-đê đạo nọ. Tôi quấn nó bằng giẻ rách và giấu vào trong áo. Các bạn cũng

tự vũ trang lấy. Áp-dun-ca đeo ở thắt lưng một quả bom làm bằng vỏ chai bia tọng đầy vôi sông. Nếu ném cái chai như vậy sẽ nổ và xì hơi như quả bom thật. Chỉ có mình I-li-u-kha không có vũ khí—chắc hẳn là hấn sợ.

Gió thổi mạnh, khi chúng tôi từ trong nhà kho bước ra. Đèn gần quảng trường «Chữa cháy» một lá sắt trên chòi canh bật ra, lật ngược lại trên không, rồi rơi đánh sầm xuống cạnh Va-xca. Chúng tôi đi hàng hai. Va-xca đi trước và nhanh đến nỗi chúng tôi vất vả mới theo kịp. Thằng I-li-u-kha gặp ai cũng hỏi: «Chú ơi, người ta phát súng ở đâu thế?»—«Đề cháu làm gì?»—«Chúng cháu cũng đi chiến đấu ạ!»

Đi qua gần nhà buru điện thật nguy hiểm, ở đó đang có bắn nhau: bọn cựu cảnh sát chiếm lĩnh tòa nhà và không chịu đầu hàng.

Những đồng lửa bập bùng trên đường phố, ở đó những chú cận vệ đỏ đang ngồi sưởi và làm nhiệm vụ kiểm soát giấy tờ những người qua đường khả nghi.

Cửa sổ nhà bọn tư sản đóng kín mít, cổng rào khóa chặt. Sau dãy hàng rào cao ngất cuộc sống đường như đã chết, bọn nhà giàu im hơi lặng tiếng vì hỗn bay phách lạc.

Đến đường số Bảy chúng tôi gặp các chú công nhân mang những chiếc ghế chân mạ vàng. Thằng I-li-u-kha sờ nắn đệm ghế bọc lụa xanh mềm mại và hỏi: «Gì đây thế các chú?». Chú công nhân trả lời: «Tịch thu cháu ạ». Thằng I-li-u-kha cứ cam đoan là theo tiếng Mỹ thì ghế gọi như vậy. Nhưng Va-xca cãi lại và sau chúng tôi được biết những chiếc ghế mềm đó tịch thu của lão cảnh sát trưởng đã bỏ chạy theo tướng Ca-lê-đin. Người ta mang ghế đến Ủy ban cách mạng: bây giờ công nhân và nông dân sẽ ngồi trên những chiếc ghế đó và chúng tôi cũng có thể ngồi được!

Ủy ban cách mạng đặt ở nhà tên tướng Sa-tô-khin trên quảng trường «Chữa cháy».

Quang cảnh chung quanh nhộn nhịp chưa từng thấy. Các đội cận vệ đỏ mang súng săn, súng ngắn, những thanh gươm tự làm lấy và búa rìu từ mọi ngả kéo về Ủy ban cách mạng. Nhiều người thất những băng súng máy bắt chéo qua hai vai. Công nhân học bắn ngay cạnh Nhà thờ. Cò súng nổ lách

tách ở chỗ này chỗ kia. Những đội viên cận vệ đỏ quỳ ngấm, chạy luồn từ cây này sang cây khác trong vườn hoa tường như đuổi bắt ai.

Chúng tôi nhìn thấy chú thợ máy Xi-rôt-ca ở trên bậc thang cao của trụ sở Ủy ban cách mạng. Chú đang ra chỉ thị cho các chú công nhân. Chú cử một số đèn canh giữ cửa hiệu của lão Xư-bu-li-a đã bị tịch thu, ra lệnh cho số khác bảo vệ hầm mỏ, báo cho một số nữa đi phân phát bánh mì và thực phẩm cho dân nghèo. Chú tỳ lên đầu gối ký lệnh bằng bút chì ngay tại chỗ.

Hai đội viên cận vệ đỏ cầm súng lục trong tay dẫn tên ủy viên Chính phủ lâm thời bị bắt—lão chủ hiệu Xư-bu-li-a đi lấy cung. Người ta nói là lão ta đã tưới dầu hỏa vào lúa mạch trong các kho của lão để nhân dân không lấy dùng được. Còn vàng thì lão ta ném xuống ao.

«Tốt hơn hết,—lão nói,—là quăng bỏ hết tiền bạc của cái còn hơn để nó lọt vào tay bọn công nhân, nông dân dơ bẩn». Y như con chó trước đám cỏ khô—không nhả được, nhưng cũng không để cho ai.

Thật vui sướng khi gặp đội nông dân dưới sự chỉ huy của cụ Các-pô. Chú Xi-rôt-ca cử họ đi bảo vệ nhà cửa và tất cả tài sản của tên tư bản I-út-dơ.

—Các đồng chí hãy nhớ,—chú Xi-rôt-ca nói với họ,—kỷ luật cách mạng là nghiêm minh. Chỉ có những người trung thực mới làm được cách mạng. Người lính cách mạng không thể bị quyền rũ, mua chuộc. Tôi tin là không một ai trong các đồng chí sẽ bội nọ mình bằng nỗi nhục không rửa được và sẽ không bị xiêu lòng trước những đồ chơi dễ tiền của bọn tư sản.

Va-xca mạnh dạn bước lên những bậc thang lát đá hoa rộng rãi với tay vịn bọc nhung đỏ. Chúng tôi bước lên theo. Tôi nhận ra cửa chính của nhà lão Sa-tô-khin: chính ở đây ngày xưa em gái thằng ca-đê đã cho tôi mẫu bánh mì...

—Ủy ban cách mạng ở đâu hả chú?—Va-xca hỏi chú công nhân cầm súng đứng bên lối ra vào.

—Cháu hỏi làm gì?

—Cháu cần gặp.

— Thế để làm gì chứ?

— Cháu xin ghi tên vào đội cận vệ đỏ.

Người gác cười phá lên rồi quay về các chú công nhân ra lệnh:

— Này, các cậu ơi, nghiê-i-êm! Đội cận vệ đỏ đã tới!

Tiếng cười rộ lên.

— Nhìn kia, họ mang cả gương nữa kia!

Một chú công nhân túm lấy quần tôi, kéo lên. Tất cả nhìn thấy rõ đôi giày của mẹ tôi.

— Coi kia, chú này đi cả giày phụ nữ!

Va-xca cau mặt.

— Thôi đừng nhe răng ra mà cười nữa.

Một chú cận vệ đỏ kéo áo trắng I-li-u-kha hỏi:

— Còn chú, chú bé, bao nhiêu tuổi rồi?

— Hai mươi năm, — I-li-u-kha nói một hơi. — Chú không tin hả? Cháu có thể thề trước Nhà thờ.

Các đội viên cận vệ đỏ lại phá lên cười to hơn.

— Thôi tổng chúng nó đi!

— Thôi, mặc cho chúng vào..

Chú cận vệ đỏ trẻ ngăn Ut-sa lại.

— Còn chú mày, chú què này đi đâu?

— Ê-hê, — Ut-sa đáp, — tôi què mà chiến đấu giỏi hơn anh đây.

Trong lúc lộn xộn tôi lên qua người gác vào trong nhà và dừng lại trước cửa có tấm biển con «Chủ tịch Ủy ban quân sự cách mạng».

Tôi quyết định sẽ ghi tên đầu tiên trong khi bọn bạn còn đang tranh luận.

Tôi rút thanh gương ra khỏi bọc giẻ rách, định bỏ một mớ tóc xòa ra khỏi mũ như của lính Cô-đắc, nhưng nạm tóc đã không còn. Mẹ tôi vừa lấy kéo cắt tóc cho tôi hôm qua. Tôi vừa đẩy cửa, bước qua bậc, chân tay đã bủn rủn hết cả: bỏ tôi ngồi ngay sau bàn.

Công nhân tụ tập đông đúc quanh đó nghe tôi mừng rỡ hét vào ống điện thoại đen sì:

— Mô-xi-a, anh về khi nào thế? Mang gì về đây? Hai trăm súng trường à? Cừ lắm! — Chợt thấy tôi, tôi sửng sốt

như cơn mây, nhưng vẫn tiếp tục nói chuyện với người vô hình. — Sao, sao? Hai súng máy à? Hơi ít, giá mà xin thêm nữa. Lên đường gấp lên, làm sao mà lại mắc nghẽn ở đây thế? Sao người ta lại không cho đi? Hãy hành động theo những quy chế cách mạng nghiêm ngặt nhất. Phải đòi họ cho tàu đi. Chờ vũ khí về thẳng nhà máy, mà mau lên: bọn lính Ca-lê-đin đang tới gần!

Bồ tôi treo ông nghe lên cái móc gần bên chiếc hòm vàng giống như chuồng chim sáo sậu, nhìn tôi định hỏi cái gì đó, nhưng vừa đúng lúc ấy chú thợ mỏ Pê-chi-a ở Pa-xtu-khốp-ca vào. Chú buông thẳng tay đứng nghiêm, báo cáo:

— Theo lệnh Cách mạng đội công nhân mỏ than «I-ta-li-a» đã tới. Chúng tôi có mười súng trường và ba súng lục.

Bồ tôi nghe xong liền quay lại phía tường có treo tấm bản đồ:

— Pê-chi-a, cậu hãy đến Xmô-li-an-ca, đây chỗ này này, — bồ tôi chỉ tay vào tấm bản đồ. — Bọn Ca-lê-đin đã chiếm mỏ, đập phá các Xô-viết ở đây... Hãy hành động đi, chú em Pê-chi-a!

Cánh cửa chưa kịp đóng thì một người mặc quần áo lính thủy đã bước vào:

— Báo cáo đồng chí chủ tịch Ủy ban cách mạng.

— Đồng chí từ đâu tới? — bồ tôi hỏi.

— Từ mỏ «Vét-ca», năm mươi bảy đội viên cận vệ đỏ. Vũ khí có hai mươi ba súng trường, mười bảy kiếm, hai lựu đạn. Chúng tôi chờ lệnh.

— Đồng chí là lính thủy?

— Thừa đồng chí chủ tịch, tôi là thủy thủ hạm đội Hắc Hải, nguyên là thợ mỏ, họ tôi là Séc-nô-vôn.

— Tốt lắm, đồng chí Séc-nô-vôn ạ. Các đồng chí hãy sáp nhập với công nhân nhà máy.

— Xin tuân lệnh, đồng chí chủ tịch! — Chú lính thủy quay ngoắt một cái đèn nổi va cả vào một người béo phệ ở cửa, đúng vào tên men-sê-vích đã phát biểu ở ngày lễ kỷ niệm Tháng Một tháng Năm.

Hắn hoa hoa hai nắm đấm mồm mồm hét lên;

— Công dân U-xti-nốp, chúng tôi phản đối, không nên để

đồ máu!

— «Chúng tôi» là những ai thế? — bô tôi cau mày hỏi.

— Là Xô-viết đại biểu công nhân.

— Không đúng, Xô-viết không phản đối, chỉ có bọn men-sê-vích thôi.

— Men-sê-vích là thế nào? Chẳng phải chúng ta đã cùng làm cách mạng sao?

— Không, các anh chỉ cản trở. Tại sao các anh giữ toa vũ khí lại?

— Công dân U-xti-nốp, anh bao biện quá lắm đây. Lịch sử sẽ không tha thứ cho anh về sự đổ máu vô tội đầu.

Bô tôi nắm mạnh tay xuống bàn:

— Không lắm lời nữa! Các anh phải để cho tàu chở vũ khí đi, nếu không thì sẽ được ném lựu lê của công nhân đây.

— Chúng tôi sẽ phá lệnh của các anh! — Tên men-sê-vích vừa chạy ra vừa nguyên rủa.

Bô tôi lấy khăn tay lau trán, rồi nhìn tôi hỏi:

— Con làm gì ở đây?

— Kh-không làm gì ạ, — tôi ấp úng không biết trả lời ra sao. Sau nhớ ra thanh gươm, tôi liền chìa ra cho bô. — Con... mang gươm đến cho bô.

Bô tôi hăm hăm đứng dậy khỏi bàn.

— Mày lấy ở đâu ra?

— Chúng con tước của tên ca-đê.

Vẫn giận dữ nhìn tôi chằm chằm, bô tôi cầm thanh gươm đặt lên bàn. Cái hòm màu vàng kêu ran lên.

— Bước về nhà! — bô tôi chỉ kịp nói vậy rồi với chiếc ống nghe trên móc xuống. — U-xti-nốp cầm máy đây.

Tôi đỏ rừ mặt bước ra hành lang. Bọn trẻ đứng xếp hàng trước cửa có tấm biển: «Ghi tên vào đội cận vệ đỏ ở đây». Thăng Ut-sa xếp đầu tiên, sau nó là Áp-đun-ca rồi đến I-li-u-kha. Nó níu lấy thăng Áp-đun-ca, đá đá chân vì sốt ruột. Không thấy Va-xca ngoài hành lang. Chắc cậu ta đã ghi tên rồi.

Chợt thấy tôi, bọn bạn ủa ra đón.

— Ghi tên chưa? — Ut-sa hỏi với vẻ thèm muốn.

— Rồi, — tôi ngao ngán trả lời.

Thế là bọn chúng xô đẩy nhau, xông vào phòng bô tôi,

nhưng cũng phải nhảy lùi ngay lại.

— Giá mà cho mày một quả, — Áp-đun-ca cầu nhàu, rồi bước ra phía cửa. Theo sau nó là thăng I-li-u-kha và Ut-sa.

Va-xca ở đâu nhỉ? Tôi lang thang khắp các hành lang, nhưng không tìm đâu thấy cậu ta cả.

Ngoài hành lang sát tường vũ khí chất thành đồng: lựu lê và dao đủ loại, súng trường cỡ nhỏ, cuộc chim thợ mỏ, băng súng máy có và không có đạn. Ngay trên đồng vũ khí đó còn có cả một chiếc bánh mì, một quả lựu đạn và đồ hộp nữa.

Trong một gian phòng tôi thấy cá lá cờ đỏ mẹ tôi khâu. Một ông cụ thợ mộc đang lồng nó vào cán. Anh thanh niên cầm hộp màu đẩy ông già ra và bảo:

— Cụ chờ một lát, còn phải viết khẩu hiệu đã.

— Thế lúc này cậu ở đâu? Người ta đang đòi mang cờ đi chiến đấu. Viết đi mau lên.

Anh thanh niên lấy bút lông quấy hộp màu và hỏi:

— Chúng ta sẽ viết gì lên cờ đây?

Tất nhiên là chữ «Cách mạng muôn năm!»

Cách mạng từ hồi tháng Hai kia mà, — anh thanh niên đáp.

— Tháng Hai là cách mạng tư sản, còn bây giờ là của chúng ta, cách mạng vô sản.

Họ tranh cãi nhau. Bô Áp-đun-ca, chú Khu-xê-in bước vào.

Từ khi trốn khỏi nhà tù, chú ốm rất lâu và ho suốt. Người ta bảo là ở trong tù chú đã bị đánh giập phổi.

Ông cụ thợ mộc và anh thanh niên hỏi chú Khu-xê-in xem nên viết gì lên lá cờ.

— Viết sao cho lòng thấy rung động, — chú Khu-xê-in đáp. — Viết là: «Đây sẽ là trận chiến đấu cuối cùng và quyết liệt!»

Tôi trông thấy Va-xca ngoài hành lang. Cậu giận dữ không thèm nhìn ai bước thẳng ra cửa. Tôi đuổi kịp cậu ấy ở ngoài sân.

— Thế nào hả, Va-xca?

— Còn nhỏ tuổi, — cậu cười khẩy, nhăn nhó. — Mà tớ

đã mười ba tuổi rồi. Thôi được, chẳng nào thì mình cũng sẽ làm theo ý mình.

Va-xca ngoái lại nhìn rồi bí mật thì thầm:

— Chúng mình vào nhà máy làm súng hỏa mai đi. Kiếm một cái ống sắt, bẻ gấp một đầu rồi khoan một lỗ cho thuốc ở bên cạnh, sau đó lấy dây thép buộc ống sắt vào báng gỗ là xong!

— Đi!

Chúng tôi quàng vai nhau rào bước về phía nhà máy.

3

Chúng tôi gặp thẳng con lão hàng giò Xen-ca trên quảng trường tại khu bọn tư sản ở. Thấy chúng tôi, nó liền thụt vào trong sân, rồi thò đầu ra ngoài cổng rào hát:

Bôn-sê-vích, bón-sê-vích

Bôn khẩu súng trường

Lính Cô-dắc tới

Lột quần bọn bay

Va-xca ném đá vào nó, nhưng thằng Xen-ca đã kịp đóng sập cổng rào lại. Hòn đá văng vào hàng rào làm chó sủa ran lên. Chúng tôi đi tiếp, thế là thằng Xen-ca lại ra cổng hát:

Va-xca, Va-xca —

Con lợn gầy còm,

Chân run lẩy bẩy.

Dây ruột lòng thông.

Đáng giá bao nhiêu?

Ba tiền một khúc.

Chúng tôi rẽ ngoặt vào ngõ dẫn tới nhà máy.

Trên núi than hình chóp của hầm mỏ, tít tận đỉnh của nó, hiện rõ bóng hình một người cầm súng.

Chúng tôi bắt đầu leo lên sườn dốc xôm xộp, chần đạp phải những tảng than quặng, chúng thi nhau lăn xuống kéo theo cả một trận đá lở.

Khói bốc lên ở một vài nơi trên núi than hình chóp. Biết là ở đây than đang cháy và ở những chỗ đó có thể bị sạt, chúng tôi đã đi tránh những ổ bốc khói.

Vật vả lăm mới lên được tới đỉnh. Ở trên này gió thổi lồng lộng. Lá cờ đỏ bay phấp phất trên chiếc cán như vẫy gọi và hồi hộp hết tung lên quần vào cán lại căng phồng như cánh bướm.

Chú thợ rèn quai búa Phê-đi-a đứng bên lá cờ.

— Chú đứng canh giữ ai ở đây thế? — Va-xca bắt tay chú Phê-đi-a và hỏi.

— Chú theo dõi kẻ thù của cách mạng! — Chú Phê-đi-a kéo cổ áo lên, thu người lại vì lạnh.

Từ núi than hình chóp trải dài ra khoảng xa mênh mông. Từng căn nhà trông rõ như trong lòng bàn tay vậy. Nhà thờ với những nóc tròn đen sẫm vì muội than nhà máy nổi bật lên hùng vĩ giữa những căn nhà hầm ọp ẹp. Xa xa đây đó hiện lên mờ mờ những xí nghiệp khai thác mỏ. Cánh đồng có vàng nhạt với những khe sâu, những con đường màu xám, nhỏ như sợi chỉ bao quanh thành phố ngút khói.

Nắm tay nhau để gió khỏi thổi bạt, chúng tôi đứng ngắm nhìn phong cảnh vùng quê thân yêu.

— Nào, chúng mình tìm nhà của mình đi, — tôi đề nghị.
— Việc quái gì phải tìm hả? — Va-xca giơ tay chỉ về phía xa. — Kia kia, nhà chúng mình kia kia.

— Đâu?

— Kia kia. Cậu có nhìn thấy Nhà thờ không?

— Thấy.

— Bên cạnh là nhà mái sắt của Vít-ca Đốc-tơ, cậu thấy chưa?

— Ờ, ờ.

— Được, thế giờ cậu nhìn sang bên một chút. Nhà lão Mu-rát dưới cây bạch dương ấy, thấy không?

— Đâu?

— Thôi, mặc cậu!

— À, thấy rồi... — tôi trả lời, mặc dù chả nhìn thấy gì ngoài nhà thờ và nhà thằng Vít-ca.

— Có thể chứ, — Va-xca bình tĩnh lại. — Kia là nhà tớ, còn bên đối diện với cây keo cao cao ấy là nhà cậu.

Trong khi chúng tôi nói chuyện, chú Phê-đi-a khum khum lòng bàn tay trên trán lo lắng nhìn về phía xa.

— Hình như... bọn Ca-lê-đin, bọn chúng... — chú nói về ngờ ngờ.

Xa xa ngoài cánh đồng cỏ xuất hiện một đám bụi đang từ từ di chuyển về phía thành phố. Tới gần cầu qua sông Can-mi-út, chỗ đường rẽ ngoặt, từ trong đám bụi phi ra một bọn kỵ binh. Phía sau chúng kéo theo một khẩu đại bác.

Va-xca nhìn về phía cánh đồng cỏ, thốt lên:

— Bọn chúng! Cả thằng phôn Gráp đi ở đằng trước kia! Len-ca, theo tớ! — Và cậu lướt qua những đất đá quặng lăn dưới chân, nhảy ào xuống.

Chú Phê-đi-a vội vã lắp một viên đạn vào nòng súng và một tiếng súng nổ inh tai sát ngay trên đầu tôi. Tôi hoảng sợ ngồi thụp xuống, lấy tay bịt chặt tai. Lần đầu tiên người ta bắn súng trường gần tôi như vậy. Còn chú Phê-đi-a lại nạp đạn và lại bắn, rồi lặp lại lần nữa. Chuông Nhà thờ nổi lên. Còi trong nhà máy rú vang. Thật khủng khiếp.

Tôi lao xuống theo Va-xca. Những tảng đá quặng quật vào chân và lăn vút qua âm ẩm.

Tôi đuổi kịp Va-xca ở bên cổng nhà máy. Cậu máy tôi đến chỗ khe hở ở hàng rào mà chỉ chúng tôi biết và chúng tôi bí mật lọt vào nhà máy. Chúng tôi chui vào một nồi hơi có lỗ thủng xuyên từ bên nọ sang bên kia rồi bắt đầu theo dõi xem các chú công nhân làm những gì trước khi chiến đấu.

Các chú công nhân vội vã đào công sự bên cổng ra vào, đẩy những toa goòng lại, nghiêng xuống và chống lên nhau thành ụ chiến đấu. Họ còn dỡ súng từ một toa xe đỗ cách đây không xa, rồi mang từng ôm lại. Chú Mô-xi-a phân phát súng.

Va-xca sung sướng lắm lắm:

— Ôi, sắp bắt đầu rồi!

Bỗng tôi từ dưới ụ chiến đấu nhô lên. Thanh gươm của viên tướng mà tôi đã tước được lung lẳng bên sườn tôi. Va-xca nói đúng thật, thanh gươm đã có ích!..

Chú thợ máy Xi-rôt-ca kéo theo sau khẩu súng máy đặt trên hai bánh.

— Đưa súng máy lại đây! — Bỏ tôi chỉ vào một rãnh không sâu lắm ở trên gò. — Đại đội một bảo vệ phân xưởng nổi

hơi. Còn Séc-nô-vôn rút về phía sau, đèn lò nghiêng số 7.

Người cầm cờ xuất hiện. Lá cờ đỏ mẹ tôi may phần phật trong tay chú: tôi nhận ra nó ngay. Từ xa khó lòng đọc được dòng chữ trắng: «Đây sẽ là trận chiến đấu cuối cùng và quyết liệt!» — nhưng tôi biết rõ là trên lá cờ có dòng chữ đó, hơn nữa tôi đã được thấy nó.

Chú Khu-xê-in cầm lá cờ trên đỉnh chiến lũy để tất cả đều nhìn thấy rõ. Còn chính chú thì lại nằm xuống cạnh lá cờ và chìa súng về phía núi than hình chớp.

Tôi tưởng tượng là đang chơi đánh trận giả, bỏ tôi đùa, bỏ tôi sẽ cười phá lên ngay bây giờ rồi gõ gõ thanh gươm vào nồi hơi mà quát lên: «Các chú thỏ con, làm gì mà hoảng hốt thế? Chui ra đi, chả có đánh nhau gì đâu!»

Nhưng bỏ tôi đi đi lại lại đọc chiến lũy, về mặt nghiêm nghị và căng thẳng. Còn còi vẫn rú lên, gieo rắc nỗi khiếp đảm.

— Nhìn kia! — Va-xca giật tay áo tôi.

Bọn kỵ binh Cô-dắc lao ra từ phía sau núi than hình chớp. Đến gần xóm «Thượng Hải» chúng vội vã xuống ngựa và ba thằng tiến sát gần tới cổng ra vào.

Tên thượng sĩ mặt đỏ gay với mái tóc đen lòa xòa dưới mũ có chỏm đỏ, rút từ trong ngực áo ra một tờ giấy, mở ra và đọc to cô át tiếng còi:

— «Hỡi các anh em thợ thuyền, hãy trói tay và nộp cho chính phủ Nga hợp pháp tên tội phạm và phiền loạn — chủ tịch của các anh là E-go U-xti-nốp».

Tôi lạnh cả sống lưng: thằng Cô-dắc vừa gọi đích danh tên bỏ tôi. Để đáp lại, bỏ tôi hét:

— Hỡi binh lính Cô-dắc, hãy rút đi đừng để đổ máu! Công nhân không trả chính quyền đâu!

Tên thượng sĩ đọc tiếp:

— «...hay là các anh giết chết hần tại chỗ và nộp xác cho chúng tôi. Đừng sợ bị trừng phạt. Quân đội chúng tôi sẽ không động đến những anh em thợ thuyền yên phận làm ăn. Quân đội chỉ thẳng tay với kẻ thù và bọn kẻ cướp bôn-sê-vích đang giầy xéo lên những đạo luật của Chúa...»

— Công nhân sẽ đánh đến người cuối cùng! — chú Xi-rôt-

ca quát trả lời bọn chúng.

— «...Hãy thanh trừ khỏi hàng ngũ của các anh tên làm loạn phản Chúa và nộp lại cho chúng tôi». Đã ký tên: trung táophon Gráp, — tên Cô-dắc vội vàng đọc nốt rồi quay ngựa và cả ba tên cùng phi ngựa rẽ sang xóm thợ. Sau một lát bọn Cô-dắc đánh bộ từ xóm thợ chạy ủa ra và dàn thành hàng ngang.

Những tiếng súng đầu tiên nổ vang. Một viên đạn réo sạt qua nôi hơi của chúng tôi.

Bộ tôi ra lệnh:

— Nhằm thẳng kẻ thù cách mạng... bắn!

Một loạt đạn nổ rền. Chú Xi-rôt-ca tay giữ chặt một bên còng súng máy, bên kia tỳ vào vai và khẩu súng rung lên khắc ra một trận mưa đạn.

Tiếng súng rền vang tưởng như đã từ trên trời đổ ập cả xuống nôi hơi của chúng tôi.

Kẻ thù đã tiến lại gần. Va-xca kéo sụp mũ xuống.

— Đi thôi!

Tôi lùi lại.

— Đi chiến đấu đi, đừng sợ. Người ta sẽ phát súng cho chúng mình nữa.

Đôi mắt xanh của cậu bừng sáng.

— Cậu sợ hả? Cậu nhìn tôi với vẻ trách móc, rồi nhảy ra khỏi nôi hơi, chạy lại chỗ chiến lũy.

Vừa lúc đó súng máy im bật và chú Xi-rôt-ca quát:

— Tiếp đạn! Mau!

Chú Phê-đi-a cúi lom khom chạy dích dắc về phía phân xưởng đúc. Va-xca lao theo chú.

Tôi khiếp sợ dán sát người xuống thành sắt lạnh giá của nôi hơi, lắng nghe tiếng súng nổ giòn.

Chẳng bao lâu chú Phê-đi-a và Va-xca đã quay lại. Họ đưa cho chú Xi-rôt-ca bốn hộp đèn dẹt màu xanh lá cây, rồi bỏ quay trở lại.

Chú Xi-rôt-ca lấy trong hộp ra một băng vải bạt dài đầy đạn, đút một đầu của băng vào bên sườn súng máy, rồi lại tì vào tay cầm. Nhưng bỗng chú gục đầu vào khẩu súng máy. Tôi thấy một dòng máu chảy dài hai bên thái dương chú.

Một người đàn bà khoác súng trên vai chạy tới chỗ Xi-rôt-ca. Bà ta kéo chú sang một bên và vội vã băng đầu cho chú.

Bộ tôi nằm xuống bên khẩu súng máy.

Va-xca lôi đến thêm hai hộp nữa, rồi trên đường quay trở lại, nhảy vào chỗ tôi.

— Len-ca, bên mình đã có hai người bị chết rồi. Đi thôi, đừng sợ. Chúng mình sẽ mang đạn đến cho bộ cậu. — Nói rồi cậu ta lại chạy đi.

Đại bác gầm lên từ phía quân Cô-dắc. Một cột đất tung lên trên ụ chiến đấu. Một đoạn hàng rào nhà máy lẫn đất đá và gỗ vụn bay tung lên không khí. Từ xa thấy hiện ra bọn Cô-dắc, ngồi trên mình ngựa giáo mác sẵn sàng lao về phía nhà máy.

Tôi nhảy ra khỏi nôi hơi. Một viên đạn rít ngay bên tai, viên khác trúng ngay vào chỗ tôi vừa ẩn. Tôi cúi thấp xuống để nấp trong đám cỏ và thấy cả áo tôi đã đầm máu. Tôi không thấy đau. Máu chảy dọc cánh tay, rỏ giọt trên năm đầu ngón tay. Tôi lún sâu vào trong nhà máy. Vấp phải những tấm thép có góc, tôi ngã nhào, rồi lại bật dậy, tiếp tục chạy. Tiếng súng nổ rền ở phía sau.

Chiến lũy đã ở tít đằng xa, nhưng tôi vẫn không thể nào dừng lại được.

Tôi cảm thấy như có một tên Cô-dắc đang cầm giáo phi đuổi theo tôi và định đâm xuyên người tôi.

Tiếng còi rít lên rầu rĩ.

Bỗng từ sau công phân xưởng đúc ủa ra một đám công nhân mang súng.

Họ vội vã xông tới chiến lũy.

Tôi ngã vào một cái hố, mọc đầy ngải cứu.

4

Tôi tỉnh dậy vì có tiếng nói chuyện rì rầm. Quang cảnh tĩnh mịch. Đầu đau. Tôi muốn mở mắt mà không được, mí mắt dường như bị dán lại.

— Khi bọn Cô-dắc nhảy đến chỗ chúng cháu, — tôi nghe

thấy tiếng rì rầm của Va-xca, — chúng cháu bắt đầu rút về phòng làm lạnh, còn bác ấy và hai người nữa — gồm một anh thanh niên và một cụ già — bị bọn Cô-dắc bắt làm tù binh.

— Thế rồi sao nữa? — một giọng trầm khản đặc hỏi.

— Sau đó chúng bắn chết cụ già, còn bác ấy bị bọn chúng đẩy đến lò than cốc và nhét vào cửa giành để tiếp than. Bọn chúng cứ ấn vào mặc dù trong đó lửa bốc lên thành cột. Bác ấy lay chân đẩy ra, bọn lính dùng báng súng thúc vào bác, sau chúng túm chặt lấy bác ấy và quăng vào lửa. Cháu thấy vết máu cạnh lò và chiếc mũ lăn lóc một bên...

Cuối cùng tôi mở được một mắt ra. Mắt kia bị băng. Tôi nhìn quanh và nhận ra nhà chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. Va-xca đứng bên bếp lò đội chiếc mũ Cô-dắc đằng sau quay ra đằng trước và đang nói chuyện với một người lạ đội mũ lông cừu xám. Bác ấy có cặp mắt xanh và bộ râu đen. Tôi không nhớ nổi là đã gặp bác ta ở đâu.

— Chúng đã giết mất một con người như thế đó! — bác đau xót lắm lắm.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích ngồi trên chiếc ghế đầu, chỉ đầu buồn bã.

Va-xca cúi xuống gần tôi, mỉm cười rồi mừng rỡ, hồi hộp nói với một người nào đó:

— Sống rồi, đã mở được một mắt, đúng thế!

— Va-xca, cậu lấy đâu ra chiếc mũ ấy thế? — tôi hỏi.

— Đó là mũ Cô-dắc. Bỏ cậu chém chết thằng Cô-dắc, còn tớ lột lấy mũ.

Giọng Va-xca có vẻ thương hại thể nào ấy, cậu ta lúc nhìn xuống, lúc lại nhìn sang bên, dường như không biết nói chuyện gì với tôi nữa.

— Mà cậu biết không, — Va-xca nói, — Phở chúng mình không phải là Na-kha-lôp-ca nữa đâu, giờ là phở Cách mạng!

— Cách mạng...

Tôi nhớ lại trận chiến đấu ở nhà máy và tất cả những gì đã xảy ra với tôi.

— Va-xca, thế còn tớ ở đâu? — tôi hỏi.

Va-xca quay lưng lại.

— Bỏ cậu còn đuổi theo thằng phôn Gráp, — Va-xca đáp,

rồi bồi rồi bỏ đi.

Tôi nhìn thấy khuôn mặt âu yếm, chưa ráo nước mắt của thím Ma-tơ-rê-na cúi xuống nhìn tôi.

— Ngủ đi, con trai bé bỏng, ngủ đi. Mẹ cháu sẽ tới, — thím nói rồi cũng bỏ đi nốt.

Suốt ngày tôi nằm dài trên giường mà mẹ tôi vẫn chưa tới. Mỗi khi hỏi đến bố mẹ, mọi người đều trả lời tôi: bố tôi đi đuổi bắt phôn Gráp, còn mẹ tôi sắp tới.

Tôi bỗng tỉnh dậy lúc nửa đêm, dường như có ai gọi, nhưng xung quanh yên ắng. Có lẽ tôi đã tỉnh dậy vì sự yên lặng đó. Thoạt tiên tôi nghĩ ngay đến bố tôi. Một sự lo lắng không hiểu nổi dâng lên trong lòng.

Tôi ngồi dậy, lên tới cửa và đi ra cổ không va chạm gì ở ngoài hiên.

Phương đông trời hơi mờ sáng. Tôi chạy qua phố về nhà mình và sững sốt đứng sững lại. Cửa bị phá bật ván và được đóng chẹn bằng hai thanh gỗ bắt chéo.

— Mẹ ơ-ơ-i! — tôi hét qua khe cửa.

Từ trong chỉ vọng lại tiếng «ơ...ơ...ơ...»

Tôi gõ cửa, nhưng không ai trả lời.

Bây giờ tôi mới nhớ đến câu chuyện của Va-xca với người đội mũ xám, nhớ lại đôi mắt ướt lệ của thím Ma-tơ-rê-na, sự chăm sóc của thím đối với tôi và chợt hiểu: bọn lính Cô-dắc đã thiêu chết chính bố tôi trong lò than cốc.

Tôi đi lang thang mãi trong sân, nghẹn ngào nước nở khẽ gọi:

— Bố ơ... Mẹ...

Khoảng sân vắng lặng vẫn yên ắng buồn thảm.

Bỗng có ai bước vào cổng rào, tiến lại gần tôi. Tôi nhận ra Va-xca.

— Len-ca, cậu đừng khóc... Cậu sẽ sống ở nhà mình, — Va-xca run run nói.

Chúng tôi trở lại căn nhà hầm. Thím Ma-tơ-rê-na ôm tôi vào lòng:

— Cháu bé mồ côi của thím... Bọn Cô-dắc đã bắt mẹ cháu đi theo rồi... Đừng khóc nữa. Cháu sẽ ở đây với chú thím, với Va-xca.

Thím trái đẽm xuống sàn phía dưới bức ảnh thánh và đắp cho chúng tôi chiếc áo vét. Tôi thấy khoan khoái, ấm áp, nằm nức nở rồi thiếp đi.

Từ ngày đó tôi và con Pôn-can chuyển sang ở hẳn với chú A-nhi-xim I-va-nô-vích.

Phải khó khăn lắm, tôi mới quen được với cuộc sống mới. Thời gian đầu con Pôn-can hay về sân nhà tôi, nằm ở đó, dường như chờ đợi người chủ quay về.

Chẳng bao lâu vết thương của tôi đã thành sẹo. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đóng cho tôi đôi giày mới và tôi đã có thể ra phố. Cánh tay bị băng vẫn còn phải treo, nhưng không còn đau nữa.

Bọn trẻ thông cảm với nỗi đau khổ của tôi và kính nể tôi vì trong trận chiến đầu tôi đã bị thương bởi những viên đạn thực sự. Ut-sa tặng luôn tôi con chim bồ câu lông đốm đỏ đẹp nhất của nó, Áp-đun-ca cho tôi mẩu bánh rưới dầu hướng dương. Chỉ mỗi thằng I-li-u-kha là chê nhạt tôi.

Một hôm chúng tôi đang ngồi chơi trên chiếc ghế dài bên nhà hầm. Người ta khiêng quan tài người chết đi qua phố. Thằng I-li-u-kha đang đeo chiếc gậy, liếc nhìn quan tài và bỗng cười khi khi.

— Cậu cười gì thế? — Ut-sa hỏi.

— Kỳ thật! Bỏ thằng Len-ca chết mà chẳng còn xác để mà chôn.

Va-xca hung lên, đứng bật dậy.

— Mày chê nhạt ai đây, — cậu hỏi, cánh mũi trắng nhợt ra, — mày chê nhạt ai đây hả, đồ rắn độc? — và đâm vào mặt thằng I-li-u-kha. Thằng này ngồi xuống và rên ư ừ. Bọn trẻ khinh bỉ tránh xa thằng I-li-u-kha.

Va-xca khoác vai tôi và dẫn vào thành phố. Tôi muốn khóc, nhưng cố chịu.

Trong thành phố đang có mít tinh — truy điệu những người đã hy sinh vì cách mạng. Bác Mi-chai (chính bác đã đến nhà hôm trước) nói về bố tôi, rằng cái chết của bố tôi thật đẹp vì bố tôi đã hiến dâng cả đời mình cho nhân dân. Công nhân hát bài ca truy điệu và đặt lên mộ liệt sĩ một bia đá lớn, trên đó có tên bố tôi.

Buổi tối khi chúng tôi nằm ngủ, Va-xca xích lại gần tôi thì thầm:

— Bây giờ chúng mình là đội viên cận vệ đỏ thực sự. Mai chúng mình phải đến Ủy ban cách mạng và họ sẽ ghi tên chúng mình vào đội kỵ binh. Cậu sẽ chọn con ngựa màu gì, hồng chứ?

— Ờ.

— Tớ cũng chọn con hồng.

Va-xca âu yếm vuốt vai tôi.

— Bây giờ sẽ bắt đầu một cuộc sống tươi đẹp. Lão I-út-dơ sẽ không bao giờ còn nữa, cả vua cũng vậy. Còn chúng ta sẽ đi học, học đọc và học viết. Và khi nào lớn chúng mình sẽ đến chỗ đồng chí Lê-nin. Cậu có đi không?

— Đi chứ. — Tôi thờ phào trả lời.

— Hay rồi, Va-xca cũng thờ phào.

Chúng tôi nằm xích lại cho ấm và ôm chặt lấy nhau.

NHỮNG LÁ CỜ TRÊN THÀNH PHỐ

Ta dùng cảm vào trận đánh
Vì Chính quyền Xô-viết,
Muôn người ta như một
Hy sinh trong đấu tranh.

1

Sau cách mạng bắt đầu một cuộc sống hoàn toàn khác. Nga hoàng không còn nữa, người ta đã bãi bỏ Chúa. Không ở đâu còn nghe thấy những từ «ngài», «ông hoàng», «bẩm ngài» đáng ghét nữa. Bầu trời trên xóm thợ cao hơn, mặt trời rạng rỡ hơn và khắp nơi nhìn vào đâu trên các mái nhà đều đỏ rực một màu cờ trước gió.

Công nhân cầm vũ khí đi lại trên đường phố và người ta gọi nhau theo kiểu mới — đồng chí.

Đồng chí! Hai tiếng đẹp biết bao nhiêu! Biết bao đam mê và hạnh phúc trong hai tiếng đó!

Chỉ mới cách đây không lâu người ta còn phải thì thầm hai tiếng đó để lạy Chúa, tên cánh sát khỏi nghe thấy, nếu không nó sẽ cùm ngay lại: «Thằng này chống Nga hoàng».

Bây giờ tiếng «đồng chí» đã được tự do khác nào chú chim được phóng thích. Tôi yêu quý tiếng đó và nhắc đi nhắc lại tới hai trăm lần một ngày. Thậm chí ngay cả ban đêm, khi đã trùm chiếc áo vét cũ kín đầu và cảm thấy bên lưng mình cả tấm lưng âm áp của Va-xca, tôi cũng lặp đi lặp lại khe khẽ một mình: «đồng chí», «đồng chí»...

Ban ngày tôi đi lang thang khắp thành phố, nói chuyện với những người qua đường để được nói thêm lần nữa tiếng «đồng chí». Chú công nhân mang súng sẽ quay lại hỏi: «Cái gì há, chú bé?» Lại phải trả lời gì đây: hoặc tay áo bị dính đất

hoặc chú hãy coi chừng, đừng để mất súng. Chú ấy sẽ cười, nói cảm ơn, còn mình thì đi tiếp, nhắm một người nào đó để bắt chuyện.

Ở góc phố chúng tôi có bà già nghèo I-va-nốp-na bán hạt hướng dương. Tôi đến chỗ bà và cô làm ra vẻ nghiêm nghị hỏi:

— Đồng chí bà ơi, hạt hướng dương giá bao nhiêu?

Có lẽ bà cũng thích tiếng đó. Bà cười mỉm chia cho tôi một nắm:

— Cầm lấy con, cẩn đi. Mồ côi tội nghiệp.

Một lần tôi gặp A-li-ô-sa Pu-pốc. Đã sang đông rồi mà nó đi không đội mũ, cổ rút cái đầu bồm xồm xuống dưới cổ chiếc áo bành-tô nữ đã rách. Tôi ngăn A-li-ô-sa lại và hỏi:

— Đồng chí, sao cậu không đội mũ?

— Không có, — A-li-ô-sa khẽ trả lời, — mũ rách mất rồi.

— Cầm lấy cái của tớ này. — Tôi lột chiếc mũ rách mất lưỡi trai xuống và để nghị.

A-li-ô-sa từ chối:

— Tớ sẽ xoay xỏa xong thôi, cảm ơn... đồng chí. — Và chúng tôi, được sưởi ấm bằng hai tiếng ấy, mỉm cười với nhau.

Cuộc sống trong thành phố hoàn toàn thay đổi. Những người nghèo khổ chuyển đến ở tại nhà của bọn giàu có. Chúng tôi cũng có thể chuyển nhà, nhưng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích bảo cứ để người nào cần hơn thì đi trước. Rồi sau đó chúng tôi cũng sẽ rời bỏ túp lều của mình. Va-xca bảo là ai trước kia không có gì bây giờ sẽ có tất cả!..

Không đủ thời gian để có thể chứng kiến được tất cả những điều thú vị. Đã từ lâu cần phải xem bác Mi-chai chủ tịch Xô-viết đại biểu công-nhân và binh lính của chúng tôi họp ở Xô-viết như thế nào. Cũng rất muốn vào xem nhà ngân hàng. Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích bây giờ là ủy viên tài chính. Chú không còn trượt trên chiếc xe của mình nữa, mà phóng trên chiếc xe thắng một con ngựa màu vàng. Chú đeo một khẩu súng lục bằng chiếc quai mỏng quàng qua vai. Tôi tưởng tượng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích ngồi bên cửa nhà ngân hàng chắt đáy tiền đến tận trần và một tay cầm súng lục, một

tay cầm guom: chúng mày có giỏi thì cứ lên vào đây lấy tiền xem!

Mỗi ngày lại thêm một điều mới lạ. Khi thì ở Nhà quý tộc cũ khánh thành Cầu lạc bộ công nhân. Khi thì thanh niên nhà máy mang ảnh thánh đến chắt đồng ở quảng trường «Chữa cháy» và vừa hát «Quốc tế ca», vừa châm lửa đốt. (Tôi và Va-xca cũng tháo và quăng những cây thánh giá bằng đồng của mình vào đồng lửa.) Lúc thì người ta nhân danh cách mạng xử lão hàng giò Xư-bu-li-a ở tòa án cũ.

Tất cả đều mới mẻ và tươi vui.

Chỉ có một lần tôi không cầm được nước mắt. Đó là hôm tôi thấy các chú công nhân hạ tấm biển trắng men «Đại lộ Nhi-cô-lai» cũ ở phố chính xuống và đóng lên tấm biển mới «Phố E-go U-xti-nốp». Tấm biển bảo còn chưa nhận. Tuy tôi có đau buồn, nhưng dù sao công nhân vẫn không quên bố tôi.

Trong nhà máy cũng có nhiều tin mới. Công nhân bầu bổ thẳng Áp-đun-ca là chú Khu-xê-in làm người lãnh đạo. Giá như được chạy tới liếc nhìn dù là qua khe cửa xem người lãnh đạo nhà máy như thế nào nhỉ...

Người ta đồn là đã tịch thu điền trang của tướng Sa-tô-khin và chia đất cho nông dân. Tôi mừng thay cho ông Các-pô. Chắc là người ta sẽ chia cho ông nhiều đất đến nỗi đi một ngày vẫn chưa hết.

2

Trên đường vào trung tâm thành phố, tôi gặp một đoàn công nhân rất đông. Họ mang xẻng, cưa và cuốc chim thay cho súng. Họ đi đều bước, cùng hát:

Chúng ta từ nhân dân mà ra,
Con em lao động một nhà
Khẩu hiệu chiến đấu của chúng ta:
«Liên minh anh em và tự do»!

Lá cờ đỏ phấp phới trên hàng đầu, căng phồng gió, reo vui đập đập vào cán dương như muôn bay vút lên bầu trời

anh biếc. Tôi thấy đoàn công nhân rẽ ngoặt sang phố bên dẫn tới nhà máy. Và kia, hàng người cuối cùng đã khuất sau dãy nhà, chỉ còn vọng lại lời ca:

Chúng ta giương cao trên trái đất
Cờ hồng lao động của nhân dân!

Qua câu chuyện ngoài đường phố tôi được biết đó là đội lao động Cộng sản chủ nghĩa đầu tiên. Thì ra đã có đạo luật mới: «Ai không làm thì đừng ăn!» Tôi cảm thấy xấu hổ, khi nghe thấy điều đó; hôm qua và cả hôm nay tôi đã ăn bánh mì và còn được uống cả nước quả nữa, thế mà không hề làm một việc gì. Tôi không biết rằng thật là xấu hổ biết bao, nếu được ăn thì chạy cho nhanh, còn bản thân thì không chịu làm việc gì...

Trong thành phố người ta đã mở một hợp tác xã tiêu thụ tại cửa hiệu cũ của lão Xư-bu-li-a. Cạnh đó người ta xếp hàng dài nhận bánh mì. Chắc Va-xca đứng ở đâu đây.

Các bà trùm kín khăn ngồi cắn hạt hướng dương trên những chiếc ghế mang từ nhà tới và kháo nhau về chuyện xảy ra đêm vừa rồi. Người ta đã khám phá ra 100 bao tải bột mì và nhiều pút kẹo trong một cái hồ ở dưới kho đồ đạc của nhà lão Xư-bu-li-a. Xô-viết đại biểu công nhân ra lệnh chia cho trẻ con, ngoài ra mỗi cháu còn được thêm bột mì.

Qua câu chuyện trong lúc xếp hàng tôi còn được biết là gần ga Ca-ra-van-nai-a đang diễn ra cuộc chiến đấu giữa những đội viên cận vệ đỏ và tướng Ca-lê-đin. Chủ tịch Xô-viết, đồng chí Ác-xen-ti-ép—tức là bác Mi-chai của chúng tôi—đã phi ngựa tới đó.

Tôi tìm thấy Va-xca ở giữa hàng. Ở đây có cả thằng Ut-sa, I-li-u-kha và cả thằng Vít-ca Đốc-tơ, con trai một nhân viên văn phòng nữa.

Người ta vẫn chưa chở bánh mì tới. Còn phải đứng xếp hàng lâu. Chúng tôi quyết định đến Xô-viết xem có đúng là sắp mở trường cho con em công nhân học hay không.

Chúng tôi để thằng I-li-u-kha ở lại giữ chỗ, đưa cho nó giữ phiếu bánh mì rồi kéo nhau đến Xô-viết.

Những đội viên cận vệ đỏ cưỡi ngựa qua lại ở đường phố chính. Họ có gì mặc nấy: người mặc vét-tông, người mặc

bành-tô, kẻ khoác áo bộ đội. Bên sườn họ lưng lửng đủ loại kiếm: cái thì uốn vòng ở đằng mũi hết chiếc bánh xe, cái thì thẳng tuốt, có người làm lầy không có bao. Song sau lưng họ lại đựng đưa những súng trường, ngựa rộn ràng khua vó. Thật thú vị được ngắm nhìn những đội viên cận vệ đỏ.

Trên dãy hàng rào dài nhà lão cô đạo chúng tôi nhìn thấy khẩu hiệu kẻ bằng sơn đỏ:

«Cách mạng tháng Mười của công nông bắt đầu dưới ngọn cờ giải phóng chung...»

Chúng tôi vừa đi dọc hàng rào vừa đọc dòng chữ dài hàng mười mét. Đọc hết một dòng chúng tôi đi quay trở lại và đọc sang dòng khác.

«Giải phóng cho nông dân... binh lính và thủy thủ... Giải phóng cho công nhân... Tất cả sự sống và những gì có sức sống đều được giải phóng khỏi xiềng xích đáng căm hờn».

Ut-sa lấy nạng chọc vào chữ «xiềng xích» hỏi:

— Thế xiềng xích là cái gì?

— Là gông cùm, — Va-xca giải thích, — cậu có nhớ khi bồ thằng Áp-dun-ca ra khỏi tù chân còn bị xích không?

Ut-sa cau cặp mày đen nhánh, nhặt hòn đá ném vào nhà lão hàng giò Xur-bu-li-a. Hòn đá không bay tới nơi mà rơi xuống tuyết gần hàng rào.

Ở Xô-viết đại biểu công nhân và binh lính, trong một gian phòng rộng thênh thang tụ tập rất nhiều người: phụ nữ có con mọn, công nhân, các cô gái chít khăn vuông đỏ. Khắp nơi tiếng người nói ồn ào chen lẫn tiếng đánh máy lách tách.

Trên bàn xếp ngón ngang những tấm biển: «Ủy viên lương thực», «Phòng đấu tranh chống bọn phản cách mạng», «Giáo dục nhân dân».

Chúng tôi thấy chú A-nhi-xim I-va-nô-vích ngồi sau cái bàn xa nhất, tít trong góc, chỗ dựng lá cờ lỗ chỗ đạn quen thuộc đối với tôi với dòng chữ đề: «Đây sẽ là trận chiến đấu cuối cùng và quyết liệt!» Trước mặt chú có tấm biển «Ủy viên đặc quyền về tài chính».

Chú đặt đôi tay nặng nề lên bàn, tranh luận với bồ Áp-dun-ca, người phụ trách nhà máy.

— Cứ chi cho ba triệu đi, tôi không muốn biết gì hơn, —

chú Khu-xê-in để nghị.

— Không có tiền, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đáp, — không tin, chìa khóa đây, anh kiểm tra xem.

— Tôi không muốn kiểm tra! Tôi phải cho nhà máy hoạt động, nhưng mà không có gì để trả lương cho công nhân cả.

— Thế thì tôi có thể làm gì được? Tất cả chúng ta bây giờ đều làm việc không lương: cả tôi lẫn anh.

— Tôi không nói về bản thân mình, mà cần trả lương cho công nhân, anh hiểu chứ?

— Tôi hiểu, còn anh hãy hiểu cho là tiền trong ngân hàng không có: bọn tư sản mang hết tiền đi rồi.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích quay sang bàn bên có tấm biển «Phòng trưng thu», nơi chú lính thủy ở mỏ «Vét-ca» ngồi.

— Nghe này, đồng chí Séc-nô-vôn, có thể moi được tiền của bọn nhà giàu không?

Chú lính thủy đang nói chuyện thì thăm với một nhóm công nhân vũ trang đáp:

— Chúng tôi sẽ moi, đồng chí Rút-nhép ạ. Bọn chúng sẽ mang ông bà ông vải ra mà thả, và thả chết, chứ còn tiền thì vẫn giấu kín đây. Nhưng đồng chí ủy viên chớ buồn, chúng ta sẽ tìm ra tiền cho công nhân.

Chờ chú Khu-xê-in ra khỏi, chúng tôi mới lách tới bàn chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. Chú mỉm cười hiền dịu:

— Còn các tiểu yêu này, cần gì đây các cháu?

— Chú A-nhi-xim, có đúng là chúng cháu sẽ có trường học không ạ?

— Đây không phải là phần việc của chú các cháu ạ. Đó...ó, lại đằng kia kia, bàn thứ ba từ cửa vào.

Ut-sa chông nạng lò cò tới chỗ tấm biển «Giáo dục nhân dân», nơi mẹ A-li-ô-sa Pu-pôc ngồi làm việc. Nó quay lại ngay và hét âm lên:

— Sẽ có, người ta bảo là sẽ có!

Chúng tôi cả đoàn âm ỉ ủa ra phố và dựng phải Áp-dun-ca ở lối ra vào.

— Các cậu ơi, đến nhà máy đi! — nó vừa nói vừa thò hồn hèn. — Ở đó nhân dân tụ họp rất đông, có cả đội kèn đồng

chơi nữa cơ.

Chúng tôi lắng nghe. Đúng là ở đâu đó xa xa vang vang lên tiếng chũm chọe và tiếng kèn đồng ồm ồm.

3

Để khỏi phải đi vòng xa chúng tôi trèo qua rào. Nhà máy bây giờ là của chúng ta, còn phải sợ ai nữa!

Áp-dun-ca bảo là người ta đang tập trung gần lò cao và chúng tôi phóng tới đó.

Phân xưởng đầu tiên nằm trên đường đi của chúng tôi là phân xưởng cán thép — một tòa nhà đồ sộ vắng tanh. Những chùm ánh nắng lạnh lẽo xiên chéo từ những khe hở trên mái nhà xuống nền thép. Xung quanh thật phóng khoáng bao la, trong lòng thật rộn ràng! Nếu muốn, tôi có thể vào làm việc ở bất kỳ phân xưởng nào cũng được — bây giờ nhà máy là của những người vô sản chúng ta rồi mà!

Đằng sau phân xưởng cán thép là những chiếc đầu máy xe lửa «chim cu» phủ đầy tuyết, nằm như chết trên đường ray. Chúng tôi đi vòng qua ống khói cao vút bằng gạch bị đạn đại bác bắn xuyên thủng của phân xưởng rèn và ở đằng xa, bên chân lò cao chúng tôi thấy một đám đông nghịt những người. Lôm đôm có những chiếc khăn đỏ của phụ nữ mặc áo bông.

Chúng tôi đuổi nhau chạy tới và lách vào giữa chỗ đông nhất, chen gần tới sát bên diễn đàn làm bằng chiếc thùng sắt.

Chú công nhân quai búa Phê-đi-a đang phát biểu. Sau khi bố tôi hy sinh, chú Phê-đi-a rất thương tôi: chú thường hay rẽ qua nhà chú A-nhi-xim I-va-nô-vích và gửi cho tôi khi thì miếng bánh ngô, khi thì gói đường nhỏ.

— Các đồng chí! Nước Cộng hòa Xô-viết đang lâm nguy. Chúng ta không có tiền, không có bánh mì, không có chất đốt. Nhà máy và hầm mỏ nằm chết gí. Chúng ta cần mau chóng cho nhà máy hoạt động để chế tạo ra vũ khí bảo vệ nền tự do đã giành được bằng máu. Chúng ta không hy vọng vào ai được, các đồng chí ạ. Chúng ta cần phải bắt đầu làm ngay từ giờ. Chừng nào chưa có tiền, chúng ta làm việc không lương,

vì lợi ích của Cách mạng!

Tiếng reo hò «hoan hô» vang dậy, đàn quạ đậu trên đỉnh những lò cao bay tung cả lên, vừa lượn trên lò vừa kêu quạ quạ. Nhạc nổi lên. Chú Phê-đi-a còn nói thêm cái gì nữa, nhưng đã không còn nghe thấy gì cả.

Chú Khu-xê-in, lãnh đạo nhà máy, bước lên diễn đàn. Chú nói về một tên tư sản Mỹ Uyn-xơn nào đó đã ra lệnh làm chúng ta chết đói. Khi chú ngừng lời, những lá cờ tung bay, người ta tung mũ lên, âm nhạc vang dậy và các chú công nhân hát vang:

Cả Chúa, cả Nga hoàng, cả các hiệp sĩ
Không ai có thể giải thoát chúng ta.
Chúng ta tự giải phóng
Bằng chính đôi tay của mình.

Tôi nhìn Va-xca rồi cũng hóa theo và thấy dường như cả bài ca hòa hàng ngàn giọng mạnh mẽ chỉ thoát ra từ riêng lồng ngực của tôi.

Cả Chúa, cả Nga hoàng, cả các hiệp sĩ
Không ai có thể giải thoát chúng ta.
Chúng ta tự giải phóng
Bằng chính đôi tay của mình.

Sau buổi mít tinh công nhân chia thành từng đội, họ cười đùa vui vẻ tỏa về các phân xưởng.

Trong nhà máy lạnh lẽo bị bỏ hoang lại bắt đầu vang lên tiếng người, đây đó rộn ràng tiếng búa, tiếng sắt va chạm loảng xoảng. Một số dọn sạch tuyết trên những con đường trong nhà máy, số khác dỡ chiến lũy làm bằng những toa goòng của mỏ bị lật nhào và bị đạn bắn thủng lỗ chỗ, số nữa xúc than rơi vãi lên các toa xe lửa.

Sau đó từ đâu đó vọng tới tiếng còi đầu máy nghe khá vui tai và một chiếc đầu máy «chim cu» nhem nhuốc lao ra từ sau những lò cao trên đoạn đường ray bấp bênh. Một mảnh vải đỏ bay phấp phật trên ống khói, còn anh em công nhân đứng bám đầy đằng trước, hai bên, trên đầu nổi, trên bậc lên xuống và hân hoan vẫy tay, vẫy mũ.

Mọi người reo hò «hoan hô» chào đón họ.

— Các đồng chí, con én đầu tiên! — một chú công nhân

hồ lên và nhảy từ trên đầu máy xuống khi nó còn đang chạy. — Con én cách mạng! — Rồi chú lấy phấn viết mấy chữ đó lên bên đầu máy.

Mọi người vây quanh «chim cu», âu yếm sờ mó nó và nép sát vào hai bên sườn âm áp của nó để sưởi. Tôi cũng giơ tay lên sưởi, còn Ut-sa dám trèo cả lên đầu nổi.

Chú Khu-xê-in, người chỉ đạo nhà máy, bắt tay thợ lái máy và nói:

— Các đồng chí, sẽ đến lúc chúng ta có nhiều đầu máy lớn. Còn chú «chim én» này chúng ta sẽ gìn giữ như vật kỷ niệm về sức lao động cộng sản chủ nghĩa tự do của chúng ta.

«Chim cu» khê rít lên và phả ra hai bên những luồng hơi màu trắng trắng chừng như nó cũng nghe hiểu chú Khu-xê-in. Sau đó nó móc thêm toa than và thở phì phì kéo về xưởng rèn. Chẳng bao lâu nó lại quay ra, lôi theo chiếc cần cầu goòng có cái mũi dài khoằm. Cần cầu bắt đầu chuyển sát vụn lên toa sản.

Bỗng cách đây không xa vang lên hai tiếng nổ liên tiếp. Mặt đất rung chuyển.

— Họ phá tảng! — tôi nghe thấy giọng nói vui sướng của ai đó. — Người ta phá tảng trong lò nấu gang.

Tôi đã hoảng hốt một cách vô ích. «Phá tảng» — nghĩa là nạo sạch gang đóng cấu lại bên trong lò đúc. Bây giờ chả mấy chốc mà người ta sẽ cho chạy lò nấu gang, sau đó là lò mác-tanh và cuối cùng là các máy cán thép.

Không làm việc thì không thể chịu được. Chúng tôi bắt tay vào làm việc cùng với người lớn như thu nhặt những dụng cụ rơi vãi, quét tuyết ở ngoài đường. Tôi còn cời áo bông cũ ra cho dễ làm hơn. Không một trò chơi nào hấp dẫn tôi như công việc này. Tôi đặc biệt thấy vui vì đã làm không lương vì lợi ích của cách mạng! Giá như người ta có trả cho tôi một nghìn rúp, tôi cũng sẽ không nhận. Tôi làm việc không lương, cho cách mạng. Chính đồng chí Lê-nin cũng sẽ phải khen ngợi tôi.

— Các cháu cừ lắm, — những người lớn khuyến khích bọn tôi. — Cô lên, tất cả cái này đều làm cho các cháu cả. Các cháu rồi sẽ được sống trong chế độ cộng sản chủ nghĩa!

— Chúng cháu không chịu tụt hậu đâu, — Va-xca trả lời thay cho cả bọn. — Mau lên các bạn, gắng nữa lên!

— Đúng đây, Va-xca, hãy động viên các bạn đi!

Một chú công nhân trông thấy ở đằng xa khói đen bốc lên trên ống khói của xưởng rèn, và khắp nơi vang dậy tiếng hoan hô, reo hò:

— Khói! Khói!..

Đàn qua kêu và bay lượn trên ống khói, chúng tụ tập lại để sưởi ấm. Cuộc sống thật tuyệt diệu đã bắt đầu, ngay cả chim muông cũng vui thích!

Vào đúng lúc đang làm việc hăng nhất thì Ut-sa vừa đào bới trong tuyết vừa gọi chúng tôi rồi rít:

— Lại đây, lại đây mau lên!

Nó lôi từ dưới đồng sắt vụn bỏ đi ra một cái xích phủ kín băng, trông khủng khiếp như một con rắn thật và ở hai đầu có hai «chiếc xuyên».

— Xích tù! — Va-xca mân mê những mắt xích buồn rầu nói.

Bọn trẻ nín lặng xem xét chiếc xích. Tôi cũng rút rìe sờ vào con rắn thép lạnh giá. Va-xca buông chiếc xích ra và nó loảng xoảng rơi xuống, cuộn thành vòng dưới đất.

— Lão I-út-dơ đã dùng chính những cái này để xích công nhân lại đây, — Va-xca bảo vậy.

— Giá được xích bản thân lão I-út-dơ hay một tên tư sản lại thì thích nhỉ! — Áp-đun-ca nói.

— Nay chúng mình đi xích thẳng Xen-ca con lão hàng giò lại đi? — tôi rú.

— Ừ nhỉ? Đúng rồi! — Ut-sa nói. — Chúng mình tóm cổ hắn và xích lại.

Va-xca im lặng, không ra suy nghĩ xem nên xích thẳng Xen-ca như thế nào cho thích hơn, không ra đoán đo có đáng làm bản tay hay không.

— Xích thẳng Xen-ca không thú, — cậu nói. — Giá mà được xích lão I-út-dơ...

Xích lão I-út-dơ tất nhiên là thích rồi, nhưng hắn đã chuồn đi mất, còn thẳng Xen-ca thì ở ngay đây. Nếu như lừa nó ra khỏi nhà bây giờ, lôi tuột đến nhà kho và xích nghiền lại, mặc kệ cho nó kêu la nhĩ. Nghĩ vậy nên khi thấy Va-xca vung tay

quăng chiếc xích vào tuyết, tôi bèn đi lại chỗ nó rơi xuống, nhặt lên rồi nhét vào lỗ trong áo bông qua lỗ thủng ở túi. Đi đứng giờ thật vướng víu, cái xích trĩu nặng một bên sườn và kêu loảng xoảng đến khó chịu, nhưng tôi không chịu rời bỏ nó, giấu kín trong lòng ý đồ căm giận chống lại thằng con lão hàng giò đáng ghét.

Ở nhà máy thật vui vẻ, làm việc trong tiếng nhạc thật hào hùng, nhưng một đứa chợt nhớ tới việc xếp hàng chờ lấy bánh mì. Phải mau chân lên kéo thằng I-li-u-kha biết đâu lại chửi chèn hết bánh mì của chúng tôi. Mà người ta lại chỉ phát cho mỗi đứa chúng tôi có một phần tư phun-tơ thôi. Chỉ cần cho vào miệng và thế là hết khẩu phần.

Chúng tôi tiếc rẻ rời khỏi nhà máy, quay về thành phố. Người ta đã bắt đầu phát bánh ở hợp tác xã và hàng chúng tôi đã gần tới. Chả mấy chốc mỗi đứa chúng tôi đã được nhận nửa phun-tơ bánh và ngoài ra người ta còn đổ thêm cho một phun-tơ bột vào mũ.

Tôi bỗng nhớ tới đạo luật mới áp dụng cho những kẻ không lao động và nghĩ là bây giờ đạo luật đó không có liên quan đến tôi. Hôm nay tôi đã làm việc rồi, nghĩa là tôi có thể ăn!

4

Hai ngày trôi qua và chúng tôi được thông báo chuẩn bị đến trường. Đó là tin vui nhất.

Trường học. Chúng tôi đã hằng mơ ước về trường học biết bao nhiêu; đã bao lần chúng tôi buồn bã đi qua trường học, thêm khát liếc nhìn qua cửa sổ, trong đó bọn con nhà tư sản đang ngồi học! Biết bao lần lão gác cổng râu xồm đã lấy chổi xua đuổi chúng tôi. Mỗi khi lão ta bỏ đi đâu đó, chúng tôi lại đứng dưới cửa sổ cả buổi học.

Một lần chúng tôi thấy thằng Xen-ca lên đọc bài. Cha I-ô-han mũi đỏ ngời phề phề trên ghế trong lớp, còn thằng Xen-ca đứng trước mặt ông ta cúi đầu ủ rũ. Linh mục tức giận quát nó: «Đồ ngu, đã bảo mày là ở trong ba ngôi chỉ có một

chúa: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần!» Thằng con hàng giò nhấp nháy mắt một cách dằn dặt và đứng im. Cuối cùng linh mục I-ô-han bảo nó: «Đầu con mít đặc mít xoài, dùng chày ba trượng đập hoài mới thông» — và đuổi nó về chỗ.

Tôi và Va-xca cùng cười, còn thằng Xen-ca giờ nắm đấm dọa chúng tôi.

Khi chuông tan học cả bọn học sinh dưới sự chỉ huy của thằng con lão hàng giò từ sân trường ủa cả ra, chúng huýt còi la hét âm ỉ và ném đá tới tập vào chúng tôi. Bọn chúng hò nhau: «Đánh chết lũ thợ giày đi!» Chúng tôi tự vệ bằng mọi cách, nhưng chúng tôi chỉ có hai người, mà bọn học sinh có tới trăm đứa.

Chúng tôi túi thân bỏ về nhà. Không phải vì bọn học sinh đã đánh chúng tôi, mà vì chúng tôi không được học. Tôi còn được bố tôi dạy cho biết đọc biết viết đại khái, còn Va-xca thì lại không biết lấy một chữ. Mà cậu ta thích học biết chừng nào!..

Và thế là hạnh phúc đã tới. Khi chuẩn bị đến trường tôi mặc chiếc áo bông cũ rách nát, đã định vứt cái xích đi, nhưng nghĩ lại là nếu như bắt gặp thằng Xen-ca thì sao?

Thím Ma-tơ-re-na cho mỗi đứa chúng tôi một mẩu bánh rắc muối và một củ hành, thế là chúng tôi ra đi.

Một vuông vải đỏ uốn lượn như ngọn lửa trên mái trường trung học cũ. Bọn trẻ tập hợp được khoảng bốn chục đứa. Nhiều đứa đeo đi cả túi vải gai, nhưng trong đó chẳng có sách, không có vở và cũng không có cả bút chì nữa.

Những hành lang dài sáng sủa trong nhà trường trông thật lạnh lẽo. Trên các cửa sổ kính hầu hết bị đập vỡ, bàn học bị dao rạch ngang dọc. «Chắc thằng hàng giò Xen-ca vì căm tức mà làm thế này đây», — tôi nghĩ thầm.

Tiếng ồn ào vui vẻ, tiếng chân chạy nhộn nhịp tràn vào các lớp học âm vang.

Người ta tập trung tất cả chúng tôi vào một phòng lớn. Ở đó các bàn học gậy được xếp lại thành hàng. Học trò thích đâu ngồi đó. Tôi và Va-xca chọn cái bàn cao nhất trong một góc xa.

Vì xúc động trước một sự kiện khác thường trong cuộc sống, chúng tôi chạy nô đùa lung tung và chả còn lúc nào nghĩ xem ai sẽ là thầy giáo của mình nữa. Bởi vậy chúng tôi sững sốt và không thể hiểu ngay được điều gì đã xảy ra, khi chú thợ máy Xi-rôt-ca bước vào lớp. Chú đeo khẩu súng lục choàng qua vai. (Chú công tác ở Phòng đấu tranh chống bọn phản cách mạng.)

— Các đồng chí bé con! — chú Xi-rôt-ca nói với chúng tôi khi tiếng ồn ào đã lắng xuống và bắt đầu yên lặng. — Nhân danh cách mạng chú tuyên bố khai giảng trường học đầu tiên của con em công nhân. Các cháu, những đứa con của thiên thần đau khổ đã có quyền được học tập để trở thành những người biết chữ và thay thế cha anh, những người có thể sẽ ngã xuống vì sự nghiệp của giai cấp công nhân. Khi đó các cháu sẽ giương ngọn cờ của cha ông và đi tiếp đến tương lai sáng ngời của chủ nghĩa cộng sản.

Gió rít lên qua những cánh cửa sổ vỡ làm những mảnh kính còn lại trong các khung cửa kêu loảng xoảng. Chúng tôi ngồi im lắng nghe chú Xi-rôt-ca.

— Bọn tư sản bảo chúng ta, những người công nhân, không lãnh đạo được nhà nước. Hãy chứng minh cho bọn hút máu người không tanh đó biết là các cháu có khả năng làm được những gì! Hãy tỏ ra xứng đáng với danh hiệu cao quý của giai cấp công nhân. Tất cả bây giờ là của các cháu: trường học, nhà máy và cả số mệnh của các cháu nữa. Hãy học nhiều hơn và tốt hơn nữa. Cần phải chiến thắng các giai cấp chống đối lại chúng ta và tiến lên. Đòi hỏi của cuộc sống là như vậy đó, các đồng chí bé con ạ, vì thời đại cách mạng thế giới đã bắt đầu...

Ngừng một lát, chú Xi-rôt-ca kết thúc bài nói chuyện của mình bằng những lời lẽ làm chúng tôi sững sốt:

— Tiếc là hiện giờ các chú chưa tìm ra thầy giáo cho các cháu. Một số giáo viên hiện đang ở trong đội cận vệ đỏ, một số bị Nga hoàng bắn chết và còn có những kẻ đã bỏ chạy theo bọn ca-đê. Xô-viết đại biểu công nhân và binh lính cử chú tạm thời làm thầy giáo của các cháu trong khi chưa tìm được giáo viên thực sự.

Mặc dù tôi không hiểu đến một nửa số từ trong bài diễn

văn của thầy giáo chúng tôi, nhưng những từ đó đối với tôi chứa đầy một vẻ đẹp huyền bí: «đòi hỏi của cuộc sống», «thời đại cách mạng thế giới».

Sau bài nói chuyện của chú Xi-rôt-ca, bác Mi-chai, tức là đồng chí Ác-xen-chi-ép kéo lê đôi giày có đóng đinh thúc ngựa bước vào lớp. Bác mặc áo kỵ binh dài, đội mũ lông cừu xám đính ngôi sao bằng dạ đỏ. Bác chăm chú nhìn khắp lượt chúng tôi, nói cái gì đó với chú Xi-rôt-ca, rồi cả hai đi khắp các hàng ghế, ngắm nhìn, sờ nắn quần áo từng đứa một. Đến gần A-li-ô-sa Pu-pốc, bác Mi-chai dừng lại đặc biệt lâu hơn, thậm chí còn ngồi xổm xuống để sờ nắn đôi giày rách nát buộc bằng dây thép của nó.

Sau khi xem xét, bác Mi-chai ra ngoài hành lang, rồi quay lại cùng hai chiến sĩ cận vệ đỏ tay ôm dây quần áo và giày dép đủ loại.

Tất cả đã vỡ nhẽ. Chúng tôi hồi hộp.

Chú Xi-rôt-ca bắt đầu thứ tự gọi chúng tôi lên bảng, tại đó bác Mi-chai dỡ tung đồng quần áo ra và phát cho đứa thì áo vét mới, đứa chiếc mũ ấm, đứa đôi giày lính có xà-cạp.

Khi A-li-ô-sa Pu-pốc lên bảng, tất cả im thinh. Nó ăn mặc rách rưới đến nỗi không thể hiểu nổi nó mặc cái gì nữa. Ngay cả bác Mi-chai, tuy đã biết rõ A-li-ô-sa nhưng cũng dùng tay sững sốt khi ngắm nhìn cái áo khoác phụ nữ của nó.

— Ôi, kiểu áo của người anh em, — bác nói với giọng bông đùa buồn buồn, — đặt may của người thợ nào đây?

Người ta mặc lại toàn bộ quần áo từ đầu đến chân cho A-li-ô-sa Pu-pốc trong tiếng cười rộ của chúng tôi. Đầu tiên chú Xi-rôt-ca lột bỏ cái áo khoác rách mướp không khuy khỏi người nó và quăng ra hành lang. Thay vào đó người ta mặc cho nó chiếc áo bành-tô mới, đội mũ bít tai ấm áp, cho đôi giày bộ đội mới và cái quần bộ đội màu xanh dài lê thê từ gót chân lên đến cằm, có đệm miếng da ở mông.

Va-xca được chiếc áo sơ-mi bộ đội màu xanh lá cây, còn tôi được phát chiếc quần bông mới và áo gi-lê đen. Về chỗ, tôi thận trọng nhẹ nhàng để cho chiếc xích khỏi kêu loảng xoảng cời bỏ áo bông và cổ nong chiếc gi-lê vào. Áo không có tay, không ấm, nhưng lại có những bốn túi nhỏ.

Cả lớp cười vang khi người ta phát cho thằng Ut-sa đôi ủng. Bác Mi-chai và chú Xi-rôt-ca bồi rồi: một đôi ủng, thế mà chú bé Hy Lạp chỉ có một chân. Ut-sa sung sướng và tự tìm ra lối thoát, nó bảo đầu tiên sẽ đi cho hồng chiếc ủng bên trái, sau đó nó sẽ đi nốt chiếc bên phải cũng vào chân đó.

Không ai bị bỏ sót — đứa nào cũng được một cái gì đó. Khi bác Mi-chai đi khỏi, chú Xi-rôt-ca nói đây là quà của Xô-viết đại biểu công nhân và binh lính gửi tặng.

— Tớ biết, — Va-xca khẽ thì thảo với tôi, — Lê-nin gửi quần áo cho chúng mình đây.

Chúng tôi xúc động, xôn xao mãi vẫn không thể nào ổn định được.

Sau đó bài học bắt đầu. Không có vở. Không biết người ta mang từ đâu đến một chồng báo cũ «Lời nói Nga» và phát cho mỗi đứa một tờ. Bút chì thì cả lớp có đọc một cái, mà lại của thằng Vít-ca Đốc-tơ. Người ta cho mỗi đứa chúng tôi một mẩu than gỗ thay cho bút. Nếu lấy than vạch lên báo cũng được một nét vẽ đậm.

Quang cảnh lại ồn ào: tiếng báo loạt xoạt, tiếng nói rì rầm. Sau những việc chuẩn bị đó thầy giáo mới lần lượt hỏi chúng tôi ai đã biết chữ và ai hoàn toàn chưa biết chữ nào.

Va-xca phải chuyển sang ngồi bên trái lớp, tại chỗ những đứa mù chữ. Người ta xếp Vít-ca Đốc-tơ ngồi vào chỗ cậu ta bên cạnh tôi.

Tim tôi ngừng đập vì sung sướng: chúng tôi đang ở trường và bây giờ bắt đầu học! Nhưng bỗng cửa lại mở và một tập người mang súng bước vào lớp. Họ gọi chú Xi-rôt-ca ra ngoài. Qua câu chuyện ồn ào sau cửa tôi hiểu là người ta đã tìm được một thằng học sinh trường võ bị và các chiến sĩ cận vệ đỏ đến hỏi xem giải quyết nó ra sao.

— Các đồng chí đừng gọi tôi vì những chuyện vặt ấy, — chú Xi-rôt-ca nói. — Các đồng chí không biết làm gì à? Cứ giam nó vào tù và đợi tôi về.

Những người này chưa kịp đi, thì những người khác đã tới và lại gọi chú Xi-rôt-ca ra và bảo là người ta mời chú ra ngay điện thoại. Thấy giáo chúng tôi tức giận đóng sập cửa lại và không đi.

Buổi học bắt đầu từ việc chú Xi-rôt-ca đưa phần lên bảng vẽ chữ «A» và ra lệnh:

— Cháu nào chưa biết chữ, hãy viết chữ «A» — hai cái que chum đầu vào nhau và một gạch ngang.

Mỗi đứa phải viết chữ đó mười lần trên tờ báo của mình. Còn những đứa biết viết rồi: tôi, Vít-ca Đốc-tơ và hai đứa nữa, thì chú đọc to từ một tờ giấy gì đó cho viết.

Tôi vượt thẳng tờ báo trên bàn, nắn nót viết:

«Các đồng chí công nhân, binh lính, nông dân và tất cả những người lao động!

Cuộc cách mạng công nông đã hoàn toàn thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát...»

Tay tôi run lên. Tôi cố gắng hết sức, mồ hôi lâm thâm trên trán, tôi nắn nót viết từng chữ một. Đầu tiên tôi viết trên lề báo, đến khi hết chỗ tôi bắt đầu viết chữ thẳng vào trong báo, ngay trên chỗ in về việc thoái vị của Nga hoàng.

«Đồ vua súc sinh, rồi cũng đến lúc» — tôi chột nghĩ và thú vị gạch dưới dòng tôi vừa viết: «Cuộc cách mạng đã hoàn toàn thắng lợi». Tôi còn muốn tô đậm những chữ đó cho rõ hơn, nhưng mẩu than của tôi bị gãy. Không có gì để viết nữa. Tôi nhìn quanh: Va-xca cũng đang ngồi khoanh tay, mũi nhọn nhem. Té ra nhiều đứa đã hết than và chúng nó cũng ngồi, không biết làm gì nữa.

Va-xca có sáng kiến, cậu chạy ra phố và chĩa mấy chốc đã quay lại với một nắm que gỗ. Chúng tôi chĩa đốt ngay trong lớp học, than không được tốt lắm, nhưng dù sao...

Buổi học lại tiếp tục. Chú Xi-rôt-ca đi đi lại lại trong lớp và đọc:

— «Cuộc cách mạng đã hoàn toàn thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát sau khi đã đánh tan và bắt được đám tàn quân cuối cùng gồm một số nhỏ lính Cô-dắc bị Kê-ren-xki đánh lừa...»

Tôi ngồi dịch sang bên để Vít-ca Đốc-tơ khỏi huých vào khuỷu tay. Thằng Vít-ca đã dùng mẩu bút chì viết xong từ lâu và bây giờ ngó ngoáy liếc nhìn vào tờ báo của tôi. Nó thì thoải mái rồi: nó đã được học ở trường dòng thời Nga hoàng, nhưng tôi không chịu thua Vít-ca và cố gắng viết không xấu hơn nó. Tôi ngồi quay lưng lại nó mà viết, để nó khỏi nhìn.

Nhưng bỗng Vít-ca cười phá lên, gọi thầy giáo:

— Len-ca viết không đúng ă!

— Không đúng là thế nào? — tôi bức tức hỏi.

— Chữ «Kê-ren-xki» nó viết thường, lẽ ra phải viết hoa.

— Thế mà đòi nói, thằng Kê-ren-xki bắn giết công nhân, muốn bắt Lê-nin, mà chúng mình lại viết hoa tên nó ă?

— Công nhân không có liên quan gì ở đây cả, — Vít-ca nói, — nêu đã là tên, họ thì có nghĩa là phải viết hoa.

— Có thể cậu cũng sẽ bảo phải viết hoa cả Nga hoàng Nhi-cô-lai nữa chứ?

— Tất nhiên rồi!

Điều này thì thật quá quắt. Trong lớp ầm ầm lên. Bọn trẻ hét inh ỏi, mặc cho chú Xi-rôt-ca ra sức giữ trật tự.

— Viết thường! — ngay cả những đứa chưa biết viết cũng nói vậy.

Va-xca đứng dậy và nói:

— Xin đủ, bọn nó uổng máu chúng ta! Cứ mặc cho bọn tư sản viết hoa, còn chúng ta sẽ viết thường.

— Chúng ta sẽ viết... — Chú Xi-rôt-ca cau mày nói. Chúng tôi lắng tai nghe. Im lặng trở lại và học sinh chăm chăm nhìn vào chú Xi-rôt-ca. — Chúng ta sẽ viết như quy tắc ngữ pháp quy định, nghĩa là viết hoa. Tên Kê-ren-xki không vì đó mà lớn hơn, đối với chúng ta hẳn bây giờ nhỏ như một con bọ chó. Còn kêu gào trong lớp thì chú không cho phép, — chú Xi-rôt-ca nghiêm khắc nói tiếp, — các cháu không phải ở trường của bọn tư sản, mà là của giai cấp vô sản. Cần có kỷ luật và có ý thức. Cần hỏi gì thì giơ tay lên và nói: «Xin có ý kiến».

— Thầy chưa? — Vít-ca quay lại tôi và rít lên.

— Ra ngoài tao sẽ cho mày biết tay! — tôi hầm hè.

Chú Xi-rôt-ca đọc tiếp, còn chúng tôi cẩn thận đưa miệng than sột soạt trên tờ báo.

— «Đại đa số những người lao động và bị áp bức đứng về phía chúng ta. Sự nghiệp của chúng ta là chính nghĩa. Chiến thắng của chúng ta được đảm bảo...»

Đợi một lát chờ những đứa chậm chạp viết xong, chú Xi-rôt-ca đọc tiếp:

— «Các đồng chí lao động! Hãy nhớ rằng, chính các đồng chí bây giờ tự lãnh đạo nhà nước. Không ai giúp đỡ các đồng chí, nếu các đồng chí không tự mình đoàn kết lại và nắm lấy tất cả mọi việc của nhà nước vào tay mình...

...Hãy gìn giữ, bảo vệ đất đai, lúa mì, nhà máy, công cụ, thực phẩm, giao thông như chính con người mình — tất cả những thứ đó từ nay về sau hoàn toàn là tài sản của các đồng chí, của toàn dân...

Chủ tịch Hội đồng dân ủy V. U-li-a-nốp (Lê-nin)».

Tôi muốn viết chữ Lê-nin bằng màu đỏ, nhưng bằng gì được? Sau tôi nhớ ra là dưới vạt áo bông của tôi chắc phải còn mẩu đất mọ màu nâu. Tôi lần nắn và tìm thấy. Chữ Lê-nin đẹp đến mức bọn trẻ đều van xin: cho tớ mượn. Tôi không muốn những đứa khác cũng viết được đẹp như của tôi, nhưng lại nghĩ: «Không nên tham, dù sao tất cả chúng ta giờ đây đã là đồng chí». Tôi chia cho bọn trẻ mỗi đứa một mẩu con, chỉ trừ thằng Vít-ca Đốc-tơ là không được.

Khi đọc chính tả xong, chú Xi-rôt-ca đi dọc theo các hàng và đứa nào viết sạch thì khen, em đứa nào bôi bẩn than ra báo thì khiển trách. Chú còn xoa đầu tôi bảo:

— Cừ lắm!

Trong giờ nghỉ không đứa nào nhào lộn, nhảy nhót. Tất cả bọn đi lại trang trọng vì chúng tôi sợ làm nhàu những quần áo mới được phát. Áp-đun-ca còn e không muốn xắn tay áo bông lên và cứ để dài lòng thòng đến tận đầu gối. Tôi định giúp nó, nhưng nó rít lên với tôi:

— Tránh ra, đừng mó vào!

Sau giờ tập viết là đọc thơ. Thằng Vít-ca Đốc-tơ làm ra vẻ quan trọng đọc bài «Các em nhỏ hãy chuẩn bị đến trường». Tôi đọc bài «I-a-sa hãy ăn cháo bột đi, không có sữa đâu». Còn Va-xca đã làm tất cả sừng sốt, cậu lên bảng và lớn tiếng đọc chính bài thơ mà ông cụ chơi đàn vẫn hát: «Hãy chôn đi và hãy vùng lên...» Khuôn mặt nóng bừng vì xúc động của Va-xca trông thật đẹp, còn đôi mắt hết hai ngọn lửa.

Buổi học kết thúc tại đó. Hai cô công nhân bung vào lớp một đĩa lớn phủ giấy báo và chia cho mỗi học sinh một miếng cá mòi muối không có bánh mì và hai chiếc kẹo.

Một ngày hạnh phúc! Tất cả đều tươi vui: cả lời của Lê-nin mà chú Xi-rôt-ca đọc cho chúng tôi viết, cả phòng học sáng sủa, cả quả của Xô-viết và cả thầy giáo cắt tay đeo súng lục của chúng tôi nữa.

Chúng tôi ủa ra phố, vừa đi vừa mút miệng cá mòi muối màu nâu nâu.

Thằng I-li-u-kha ủ rũ đứng gần cổng trường, giờ nó mới tiếc là không đi học. Mắt nó long lên ghen tị khi thấy chúng tôi mặc toàn đồ mới: ủng da, ủng da, áo bành-tô mới.

— I-li-u-kha, sao cậu không thích đi học? — Vít-ca Đốc-tơ chạy lại gần thằng tóc hung hỏi.

— Tớ đã là học giả rồi, — thằng này lên mặt trả lời.

Trên đường về nhà, thằng I-li-u-kha sờ nắn chiếc quần bông của tôi và hỏi:

— Cậu phải trả bao nhiêu đây?

— Tiên mất không, trả ba đồng.

— Còn áo vét học cũng cho à?

— Ừ, cho.

— Này Len-ca, — thằng I-li-u-kha vẫn không rời tôi, — thế tớ có được học không?

— Cậu đã là học giả rồi kia mà.

I-li-u-kha không trả lời. Nó dừng lại, chú ý nhìn về phía xa cuối phố.

— Các cậu nhìn kia! — nó thốt lên. — Hãy nhìn kia, bọn tư sản đang lao động. Trời ơi!

Bọn tư sản dùng xà beng bẩy những tảng đá đóng băng bám chắc vào đất ở giữa lòng đường, vận chuyển cát dưới sự kiểm soát của bốn chiến sĩ cận vệ đỏ. Ở đây thấy cả các cô tiểu thư béo ị đội mũ cắm lông, những tên lái buôn mặc áo lông thú. Cả thằng cảnh sát Da-grê-bai đội mũ cát-két không có quân hiệu cũng đập đá bằng búa. Sau đó tôi trông thấy cả lão hàng giò Xư-bu-li-a trong đám nhà giàu ấy. Lão ta vể bắt măn chọc chọc xềng vào đất, vừa làm vừa lấy khăn tay lau trán.

Những cô nương béo ị đi giày cao gót chuyển những hòn đá nhỏ xiu, miệng rên rĩ như nặng nhọc lắm ấy.

Những người qua đường xúm quanh bọn tư sản, chề nhạo:

— Đào đi, đào đi! Trong đời cũng phải nếm thử một chút chó!

Lão Xư-bu-li-a đảo đôi mắt bò đực dữ tợn và cắn nhằn:

— Dừng vội giỡn, chính quyền đại biểu chó mèo của chúng mày không đứng vững đâu...

— Bọn chúng nó đào gì ở đây thế nhỉ? — Ut-sa ngạc nhiên hỏi.

— Giai cấp tư sản bị kết án, — Va-xca giải thích.

Một đứa trong bọn trẻ trông thấy thằng Xen-ca Xư-bu-li-a. Nó đứng cách đây không xa, gào thét nhìn lão bồ bị bắt.

Tôi huých Va-xca và thì thầm để cho thằng con lão hàng giò khỏi sợ.

— Va-xca, chúng mình xích thằng Xen-ca lại chứ?

— Dừng, cậu chỉ thích đánh bản thôi!

Thích à? Không, không thể gọi ý muốn trừng trị thằng con hàng giò của tôi là thích được, chân tôi cứ run lên — tôi rất muốn tóm được thằng Xen-ca. Ai đã bỏ tù bồ Áp-đun-ca, chú Khu-xê-lin và cùm chú lại? Ai đã xích tay bác Mi-chai, chủ tịch Xô-viết của chúng tôi ở phía tòa? Không, tôi sẽ xích thằng Xen-ca lại! Tôi có mang xích theo đây.

— Ut-sa, chúng mình xích chứ? — tôi nói khề với thằng Hy Lạp để Va-xca khỏi nghe thấy.

— Ừ! — Ut-sa cũng xô ra đuổi thằng con lão hàng giò.

Tôi lao ra đón đầu Xen-ca. Nhưng thằng I-li-u-kha đã làm hỏng cả. Nó xộc tới trước mặt Xen-ca và la lớn: «Bắt lấy nó, tóm lấy!» Thằng con lão hàng giò nhìn thấy tôi và ba chân bốn cẳng chạy dọc theo phố. Ut-sa giật đôi ủng ra khỏi vai, ném theo thằng Xen-ca. Ủng văng văng trúng vào chân thằng này, nó vướng vào đấy và ngã lăn quay ra đất, không kịp chạy tới cổng rào.

Chỉ hai bước nhảy tôi đã chễm trệ ngồi trên người kẻ thù không đội trời chung của mình. Áp-đun-ca, I-li-u-kha và Ut-sa giữ thằng Xen-ca, còn tôi vội vã lôi xích trong túi ra.

— Xích tay nó ấy, — Áp-đun-ca rít lên.

— Xích chân hơn, giữ lấy chân nó.

Như treu người, cái xích lại móc vào lẫn lút trong áo và

tôi không tài nào lòi ra được.

— Cứu tôi với...ới! — thằng con lão hàng giò gào lên, giãy giụa đạp chân.

Ut-sa nhét mũi vào mồm nó.

Cuối cùng tôi moi được xích ra và chợt hiểu là chưa biết cách xích ra sao. Không hiểu sao tôi thấy xấu hổ nhớ lại lời Va-xca: «Cậu chỉ thích dính bản thôi!» Tôi đứng dậy bảo bọn trẻ:

— Thôi, thả cho nó về với lợn.

Thằng Xen-ca nức nở đứng dậy và không nói năng gì lê bước đi. Đi được một quãng, bỗng nó hét lên:

— Cứ đợi đây, bọn khỗ rách áo ôm! Người Đức sẽ tới và lúc đó sẽ treo tất cả chúng mày lên cành cây!

Tôi vung tay định ném chiếc xích vào nó, nhưng có ai đó khỏe mạnh đã nắm lấy tay tôi. Tôi quay lại và thấy trước mặt mình dáng vạm vỡ của chú Khu-xê-in, người lãnh đạo nhà máy.

— Cháu làm gì thế? — bác nghiêm khắc hỏi.

— Nó là thằng tư sản, — tôi cố bào chữa.

Áp-đun-ca lại gần tôi nói thêm:

— Nó đã hành hạ Len-ca.

— Nó đã cười nhong nhong trên lưng Len-ca, — Va-xca phụ họa thêm.

Chú Khu-xê-in thu chiếc xích của tôi và im lặng ngắm nghía.

— Thôi đủ rồi, bọn chúng đã hết thời cười cồ rồi, — chú nói nhỏ và trầm ngâm, có lẽ đang nhớ lại chú đã từng bị cùm như thế nào. — Va-xca ạ, bây giờ không ai được phép xích tay con người lại đâu. Chúng ta không cho phép! Còn cái xích này chúng ta sẽ nộp vào nhà bảo tàng cách mạng, cho nó nằm trong tủ kính để mọi người không bao giờ quên thế nào là chính quyền tư sản. Còn bây giờ giải tán về nhà đi, các cháu ạ!

6

Mãi đến tận nửa đêm tôi vẫn trằn trọc trên giường, không tài nào ngủ được. Biết bao điều thú vị trong ngày hôm nay!

Và còn biết bao nhiêu điều sẽ xảy ra sau này nữa! Bây giờ chúng tôi đã được tự do! Mặc dù tôi không còn cả cha lẫn mẹ, nhưng tất cả mọi người đối với tôi đều là thân thuộc, tất cả đều là đồng chí.

Đồng chí! Chỉ cần thầm nhắc đến chữ đó là trước mắt tôi xuất hiện một buổi bình minh rạng rỡ. Chim muông ca hát trong vòm lá xanh của cây keo, còn bầu trời trong thành phố vừa cao vừa phóng khoáng, tưởng chừng như chỉ cần lay đà, vung tay lên như đôi cánh thê là bay bổng lên cao vút — cao mãi! Còn ở trên bầu trời đó, bạn chỉ việc dang tay ra hai bên và bay lượn thoải mái. Kia là đám mây trắng bay ngược lại, bạn bay né sang một bên hoặc đứng hẳn lên trên đám mây đó và hô lớn: «Các đồng chí, tôi là đồng chí!» Mặt đất ở mãi dưới, không ai nghe thấy, chỉ có chim chóc bay quanh. Còn bạn vẫn ngồi trên đám mây bay. Muốn bay đi đến đâu thì bay, thậm chí đến tận cả Pê-tơ-rô-grát. Tại thành phố đó cũng có cờ đỏ bay phấp phới, và chính Lê-nin sẽ bước tới và nói: «Nào, đồng chí xuống đi!» Lê-nin quàng vai tôi như bữa nào đó bố tôi đã làm, nhấc bổng tôi lên và cười nói: «Ồ, cháu cũng là đồng chí!...»

Chương chín

BỌN ĐỨC VÀ BỌN GHÉC-MA-NI

Hãy nghe đây, đồng chí công nhân,
Chiến tranh đã bắt đầu!
Hãy tạm hoãn công việc
Và sẵn sàng chiến đấu!

1

Tôi thức dậy và nhớ ngay đến nước hoa. Trong nhà yên ắng. Những tia nắng mặt trời lách qua những khe cửa sổ đóng kín. Con gà mái cục tác âm ì đâu đó trong sân. Bên ngoài cửa sổ có một chiếc xe bò đi kêu cọt két và một giọng lạnh lạnh cất lên:

— Các bà ơi, đất sét, đất sét đây!

Tôi nằm suy nghĩ, có lẽ thím Ma-tơ-rê-na, Va-xca và chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đã ra chợ rồi, dưới gôi tôi đã có sẵn bánh khô ăn dở và tôi đã dự định làm nước hoa từ sáng.

Tôi dậy, lấy bánh khô ra nhúng vào xô nước, rồi bắt đầu gặm. Hóa ra cửa bị đóng phía ngoài. Tôi rót nước vào những lọ con, rồi chui qua cửa sổ, bám vào thân cây keo leo lên mái nhà để làm nước hoa.

Cánh đồng cỏ mênh mông vô tận trải ra trước mắt tôi thành một tấm thảm màu xanh sẫm kéo dài qua các khe hẻm và những ngọn đồi đến tận chân trời, và ở đó, sau vùng mớ xanh xanh, cánh đồng cỏ kết liên lại với bầu trời. Gần ngay đây, trên núi hiện rõ mỏ Pa-xtu-khốp-ca với ụ than đen sì hình chóp. Tôi còn nhìn thấy rõ cả đường phố gập ghềnh của chúng tôi.

Những con chó lông xù sưỡi âm dưới ánh mặt trời bên sân nhà và những chú chim sẻ tắm mình trong bụi trên đường đất.

Làn khói vàng ánh không còn cuộn tròn trên núi than hình chóp của nhà máy nữa, tiếng còi không còn vang lên vào những buổi sớm mai. Tất cả đã ra mặt trận và nhà máy lại ngừng việc. Quang cảnh trong thành phố trở nên ghê rợn. Tin đồn lan ra: «Bọn Đức đang kéo tới».

Tôi ngồi trầm ngâm suy nghĩ bên mép mái nhà đối diện với cây keo nở đầy hoa. Những cành lá trĩu nặng mọc tua tủa từ thân cây cong queo vươn dài những chùm hoa trắng ngát thơm lên mái nhà. Cây keo trắng xóa như phủ tuyết.

Tôi ngắt một chùm và bắt đầu nhét hoa vào miệng lọ. Nếu nhét hoa được đầy lọ người ta bảo sẽ được nước hoa thơm.

Phía bên kia đường là ngôi nhà cũ của tôi với những ô cửa sổ đóng bất chéo. Kể từ ngày cha tôi hy sinh và mẹ tôi mất tích, chưa được một năm. Tôi nhìn lên những cánh cửa chớp quen thuộc mà ứa nước mắt. Tôi nhớ lại bàn tay âu yếm của mẹ, nhớ cái nhìn thương xót của hàng xóm và càng thấy cay đắng hơn. Và chỉ có nghĩ đến Va-xca và tình bạn của chúng tôi mới làm tôi đỡ đau khổ...

Ngồi trên mái nhà, bỗng tôi nghe thấy ré lên tiếng huýt sáo của ai đó gần đây. Thăng I-li-u-kha đang ngồi trên mái nhà nó, cách chỗ tôi ba nhà, nó cúi lom khom và gân cổ huýt sáo. Thỉnh thoảng nó lại giơ cao cái sáo dài có buộc phơ phất ông quần rách với những chiếc túi lộn trái ra của bố nó và vung chiếc sáo lên trên đầu. Thấy tôi nó cầm sáo vào ông rồi bắc loa tay lấy hết sức bình sinh hét:

— Le-en-ca...a...a!

Khoảng cách giữa chúng tôi cho phép nói chuyện thoải mái không cần phải lên giọng, nhưng tôi hiểu I-li-u-kha: thật thú vị khi được hít đầy lồng ngực gió mát ngoài đồng cỏ rồi hét lên để nghe tiếng vang vọng lại! Tôi cũng lấy hết sức, đáp lại to đến nỗi những chú gà trong sân bay tán loạn lên.

— Bọn Ghéc-ma-ni đã đến đây rồi-ôi-ôi! — thăng I-li-u-kha hét lên. — Đi xem đi!

Bọn Ghéc-ma-ni đã đến... Tôi nhớ ngay đến lời chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. Hôm qua chú về muộn, im lặng nhìn chúng tôi rồi bảo:

— Nào các chú bé, lại đây!

Chú ôm hôn chúng tôi, rồi thì thầm:

— Khi nào bọn Đức tới, chớ nói lộ gì về hầm chứa đồ nhé. Các con bây giờ không còn bé bỏng nữa đâu, phải tự hiểu lấy.

Sau đó tôi nghe thấy chú bảo thím Ma-tơ-rê-na:

— Có thể sẽ có cán bộ bí mật về đây. Nếu anh không có nhà, em hãy giấu vào hầm chứa đồ, cho ăn uống và sắp xếp giường chiếu. Nhưng phải cẩn thận...

Đến đêm Va-xca giải thích cho tôi rằng cán bộ bí mật sẽ tổ chức công nhân chống lại bọn Đức hiện đang tiến công để lật đổ Chính quyền Xô-viết và lập tên thủ lĩnh Xcô-rô-pát-xki lên.

— Thế thằng thủ lĩnh ấy là ai? — tôi hỏi.

— Quý biết được nó! Vua ở U-cơ-ra-i-na. Tóm lại là một tên tư sản, — Va-xca kết luận với vẻ bức bối và giận dữ khôn tả.

Nhìn xem bọn lính Ghéc-ma-ni như thế nào vừa thích lại vừa sợ. Tôi nhảy từ trên mái nhà xuống, chạy tới chỗ I-li-u-kha.

Chỉ sau một phút chúng tôi đã phóng về phía trung tâm thành phố, từ đó vọng ra tiếng ồn ào văng vẳng.

— Mà tớ biết nói tiếng Ghéc-ma-ni cơ, — thằng I-li-u-kha khoe, với vẻ quan trọng rút từ trước ngực ra một nắm quả keo làm còi rồi lại giấu chúng vào túi, có lẽ nó sợ tôi xin thôi. — Mà cậu biết không, bọn Ghéc-ma-ni ấy, ả chà, rất ác, chỉ có một mắt trên trán, và nói không như chúng ta đâu.

— Cậu bịa!

— Nếu không tin, cậu sẽ được nghe.

— Thế thì cậu thử nói cái gì bằng tiếng Ghéc-ma-ni xem.

— Tớ có nói, cậu cũng chả hiểu nổi. Đây này, ví như: «Đrai-xích-đvai-xích, khu-đư-mu-đư, ti-rim-bi-rim sôc». Tớ nói gì vậy?

— Không biết.

— Tớ nói là: «Chúng ta đi về nhà, tớ sẽ cho cậu ăn bánh».

Trước kia tôi đã thấy những người nói không như chúng tôi, đó là bọn tù binh Đức. Còn bọn Ghéc-ma-ni bây giờ thế nào nhỉ?

— Hôm qua có một lão mời tớ, — thằng I-li-u-kha kể tiếp. — «Lại chơi ta sẽ cho thanh gươm». Sao, không tin à?

— Tớ tin, — tôi đáp, mặc dù biết là I-li-u-kha nói dối: hôm qua bọn Ghéc-ma-ni chưa vào thành phố.

Tôi bước trên đường phố, sốt ruột liếc nhìn chung quanh. Bỗng tôi thấy trên hàng rào một bản thông cáo lớn. Một nửa viết không phải bằng tiếng Nga, còn nửa kia tôi đọc được:

THÔNG CÁO

Ai bắt nộp cho bộ tư lệnh Ghéc-ma-ni bọn cán bộ tuyên truyền bên-sê-vích thì cứ mỗi tên sẽ được thưởng:

1. Một trăm rúp về tin báo.
2. Hai trăm rúp, nếu nộp cho chúng tôi được một tên.
3. Một ngàn rúp và một con bò cái, nếu bắt được tên cầm đầu có bí danh là «bác Mi-chai».

Tư lệnh trưởng thành phố, thiếu tá
Hen Ga-úp-man.

Mãi gần hiệu bánh mì chúng tôi mới thấy thằng lính Ghéc-ma-ni đầu tiên. Không dám lại gần, chúng tôi dừng lại từ xa và bắt đầu ngắm nghía nó. Thằng Ghéc-ma-ni mặc áo giu-pan * xanh và quần rộng ông dặt vào ủng. Chiếc mũ lông cừu xám trên đầu nó có cái «chòm tóc» dài, ngoài đầu mút phơ phất một cái ngù. Khẩu súng trường nhô ra sau lưng hẳn, ở thắt lưng treo một quả lựu đạn, còn bên sườn kéo lê dưới đất một thanh gươm cong tròn hết bánh xe.

Thằng lính Ghéc-ma-ni đi đi lại lại cạnh hiệu bánh mì, có lẽ nó gác cửa hiệu.

— Bây giờ tớ sẽ hỏi nó bằng tiếng Ghéc-ma-ni xem nó làm gì ở đây, — thằng I-li-u-kha nói và tiến lại gần tên lính.

Tôi lại gần hơn để nghe bọn họ nói chuyện. Thằng I-li-u-kha đút tay vào túi quần, dừng lại trước tên lính. Chúng im lặng ngắm nhìn nhau một phút.

— Đrai-xích, — thằng I-li-u-kha bỗng thốt lên song lúng túng, nhún nhún nhìn tôi. — Cậu nhìn gì? Tưởng tớ không biết nói hử?

Rồi nó quay lại phía tên lính. Nhưng tên này bỗng nói tiếng U-cơ-ra-i-na rất sôi:

— Làm gì mà giương mắt êch lên thế? Tao có phải là thằng

* Một loại áo dài. (N.D.)

hề ở rạp xiếc đâu? — Nói rồi hắn nện cho thằng I-li-u-kha một cái làm mũ của nó bay khỏi đầu, lăn lông lốc xuống dưới đường.

Thằng I-li-u-kha nắc lên, nhặt mũ rồi bỏ chạy.

— Nó điên đây, — thằng I-li-u-kha vừa nói vừa thở hồn hển. — Cậu thấy mắt nó không? Mắt người điên thường bao giờ cũng vậy.

— Thế tại sao nó lại nói tiếng U-cơ-ra-i-na?

— Đã bảo cậu, nó điên mà.

I-li-u-kha kéo tay áo tôi:

— Nhìn kia, cái gì thế?

Một đám đông từ thành phố ủa ra, một bà già hoảng hốt chạy tất bật qua chỗ chúng tôi. Bà ta làm dấu và thì thầm nhắc đi nhắc lại:

— Giê-xu, lạy Chúa, làm sao lại thế! Đức Chúa lòng lành!

Mọi người ngăn bà ta lại, hỏi cái gì đó, nhưng bà ta chỉ lắc đầu và nhắc đi nhắc lại mãi câu nói trên.

Trên đường phố chính không sao có thể lách người qua được. Không khí đầy tiếng ồn ào lo âu. Một người bị treo cổ trên cột điện báo đôi diện với tòa nhà trắng có hàng cột nửa hình trụ cao. Một chiếc thông lọng thít chặt quanh cổ dè lên trên cái bao tải trùm kín đầu. Một chân người bị treo đi một chiếc giày, còn chiếc ở chân kia đã bị tháo mất. Trên ngực lưng lảng một miếng gỗ đề «Tên bôn-sê-vích».

Một người đàn bà đứng than khóc phía bên. Bôn tên lính đội mũ sắt tròn gác không cho mọi người sấn lại gần cột.

Bọn lính này mặc áo khoác ngắn màu xanh xám, thắt dây lưng có khóa bằng đồng, trên đó vẽ con đại bàng lông đậm tua tủa ra tứ phía như những con dao găm nhọn sắc. Mỗi thằng đeo sau lưng một túi dật. Cứ theo bộ dạng bọn chúng im lặng nhìn mọi người như thế, tôi hiểu là bọn này không biết một từ tiếng Nga nào hết. Tôi đoán ngay ra đó là bọn Đức. Tôi thấy ghê sợ. Trên đầu thằng chỉ huy lập lách cái mũ sắt đen có vấu

nhọn bằng đồng, hắn ngồi chễm chệ trên mình ngựa, hét lớn:

— Tựa các ngài! Quân đội Đức đến bang trợ các ngài. Quân đội bảo vệ các ngài khỏi bọn bôn-sê-vích và yêu cầu giải tán về mọi nhà. Quân Đức coi Xô-viết là lộn xộn. Mọi người không được sống như thế. Mọi người phải sống không thành Xô-viết, không thành công xã. Hoàng đế Vin-hem giúp đỡ vua Nga thiết lập trật tự ở nước Nga. Tôi yêu cầu giải tán, tựa các ngài.

— Các ngài ở nước chúng tao đã bị quét sạch từ năm mười bảy rồi, — có tiếng phản đối trong đám đông.

— Không ai gọi chúng mày đến đây cả, xéo đi! — một người khác đứng sau tôi nói lớn.

Tôi quay lại và suýt kêu lên vì mừng rỡ. Đó là chú Phê-đi-a, thợ quai búa.

Lão hàng giò Xư-bu-li-a hai tay túm chặt lấy chú Phê-đi-a và kêu toáng lên:

— Các ông Đức ơi, bắt lấy, nó là thằng bôn-sê-vích! Chú Phê-đi-a huých cùi tay vào mặt lão ta.

— Cứu tôi với!... — lão Xư-bu-li-a hét lên, ngồi thụp xuống. — Bắt lấy nó!

Chú Phê-đi-a lao vút vào đám đông, suýt làm tôi ngã, vừa chạy vừa nhặt đá trên đường rồi hô lớn:

— Các đồng chí, đánh chết bọn xâm lược đi! — Và chú ném đá vào bọn lính gác.

Đám đông uất hận siết chặt quanh người cầm đầu. Mọi người tự vũ trang bằng bất cứ thứ gì có trong tay. Đến bây giờ tôi mới nhận thấy là ở đây tập trung nhiều thợ mỏ. Còn thấy được cả nhiều người giấu cái gì đó dưới áo nữa. Một người lôi dưới vạt áo ra chiếc cuốc chim thợ mỏ và hô lớn:

— Đánh chết chúng nó đi!..

Tên Đức đội mũ sắt có vấu bằng đồng giơ tay và nghiêm khắc ra lệnh không phải bằng tiếng Nga.

Lập tức một đội kỵ binh Đức vung cao kiếm lao từ góc phố vào đám đông. Đá ném vào chúng tới tấp. Nhưng bọn Đức bắt đầu chém vào mọi người và đám đông ủa chạy tán loạn.

Thằng I-li-u-kha lùi đi đằng nào ấy và tôi mất hút nó.

Tôi chạy không dám ngoảnh lại. Từ phía sau vọng lại tiếng vó ngựa, tiếng ngựa hí, tiếng rên rỉ, chửi rủa. Tôi nhảy vào sân một nhà, ngồi nấp sau thùng rác. Qua khe rào tôi thấy một công nhân giáng liên hồi vào mặt thẳng lĩnh Đức những cú đâm chắc nịch, sau cụ dùng hai tay ghi chặt lấy cổ hân và bỏ nhào xuống cùng với nó. Một thẳng Đức khác nhảy từ phía bên tới, xọc lưỡi lê vào lưng ông cụ.

Sau đó tôi nhìn thấy chú Phê-đi-a. Thẳng Đức đội mũ sắt lấy hết sức bổ thanh kiếm xuống đầu chú. Chú Phê-đi-a loạng choạng, gục đầu, hai tay chới với như muốn nắm lấy thanh kiếm. Rồi chú ngã vật xuống đường, người đầm máu.

Đầu óc tôi quay cuồng.

Khi trận đánh đã lắng xuống tôi mới bước ra khỏi cổng.

Bọn kỵ binh đi lại dọc đường phố, rải rác trên mặt đất còn in rõ những vết máu. Một chiếc giày đàn bà long gót lẩn lóc giữa đường. Một mảnh áo trắng đầm máu mắc trên chiếc đinh gỉ ở hàng rào.

Chung quanh vắng lặng như thành phố đã chết.

Tôi loạng choạng lê bước về phía ngoại ô, lòng tràn đầy căm thù và khiếp sợ bọn ngoại bang không mời mà đến đây.

3

Khi tôi về tới nhà, thím Ma-tơ-rê-na đang giặt quần áo, Va-xca đang đẽo guốc gỗ. Cậu cau có nhìn tôi hỏi:

— Cậu vừa ở trong thành phố phải không?

— Ừ.

— Có thấy chú Mô-xi-a không?

— Mô-xi-a nào?

— Mô-xi-a của chúng ta ấy. Bọn chúng nó đã treo cổ chú rồi.

Tôi sững sờ.

— Chả lẽ đây là chú Mô-xi-a à?

— Đúng, chú ấy đây, — Va-xca trả lời, mặt nghiêm lại. — Và còn lệnh của bọn Đức là người nào có vũ khí phải đem nộp. Cậu coi chừng đấy... — Cậu ta liếc nhìn mẹ rồi thì thầm: —

Tớ coi cậu như người thân mới nói, hãy coi chừng. Chúng sẽ treo cổ tất cả chúng ta, nếu chúng biết.

Cậu im bật và lại tiếp tục đẽo.

Còn tôi nhớ lại chú Mô-xi-a, cái mũ nhàu nát và bộ râu rậm hung đỏ của chú. Tôi nhớ lại hồi chú vẫn đến nhà chú A-nhi-xim I-va-nô-vích dạy nghề đóng giày, đùa với chúng tôi như thế nào và vẫn gấp những chiếc tàu bằng giấy cho chúng tôi. Thật thương tiếc chú Mô-xi-a...

Tôi đứng dậy và nhìn ra cửa sổ. Mặt trời chói chang trên đường phố, những con gà mái đi lại trên bãi cỏ, bầu trời in hình trong vũng nước trên đường. Thảo nguyên nơi có những chú dê kêu ri rí mỗi khi đung đưa trên thân cỏ, có mùi ngải cứu thơm ngát và những chú chim sơn ca bay lượn trên khoảng trời xanh trong không một gợn mây, thảo nguyên ấy đang vẫy gọi. Tôi muốn ra bờ sông, tại đó trong những bụi cỏ thấp thoáng những chú chuồn chuồn xanh mà ta có thể lấy tay chộp được, những con cá bông ánh bạc bơi lượn dưới đáy cát. Tôi liếc nhìn Va-xca. Cậu ngồi gập người trên bàn đóng giày, gầy còm và vàng vọt.

Giá mà gọi cậu ra cánh đồng cỏ chơi nhỉ. Nhưng tôi biết Va-xca sẽ không đi. Gần đây tôi lại nhận ra một sự thay đổi của cậu: cậu thôi không chơi đùa với chúng tôi nữa, ít nói chuyện, hay chạy đi đâu đó, thì thầm với người lớn. Bọn trẻ con ngoài phố buồn nhớ người chỉ huy của mình. Tôi bèn dùng mưu:

— Va-xca, chúng mình ra phố đi, Tôn-ca gọi gì cậu kia kìa.

Va-xca ngẩng đầu lên, nhưng không nói gì. Có lẽ chính cậu cũng muốn ra cánh đồng cỏ và chơi đùa với tôi, nhưng còn phải làm để nuôi cha mẹ và cả tôi nữa. Va-xca nhìn hộp đinh gỗ, im lặng. Và lúc đó tôi thấy trong đôi mắt xanh của cậu một sự suy nghĩ căng thẳng thường thấy ở người lớn, khi họ lo lắng một điều gì đó.

— Không sao, Len-ca ạ, — cậu ta nói nhưng không rời mắt khỏi hộp đinh. — Chúng ta sẽ đuổi cổ bọn Đức đi. Chỉ cần... — Va-xca chưa nói hết câu, ngoài cửa sổ vang lên tiếng súng, còn ngoài sân chó sủa ran.

Chúng tôi nhảy ra khỏi cổng rào. Một người mặc áo

khoác đen đang vừa chạy lom khom ngoài phố vừa bắn trở lại. Tôi thấy tay áo của người ấy dính đầy phân. Bọn Đức đuổi theo người đang chạy. Giữa bọn chúng có cả thằng đội mũ sắt đen có vâu.

Qua hàng giậu thưa tôi thấy người ấy lao vút tới sân nhà Ấp-đun-ca, nhảy qua bức tường không cao lắm xếp bằng những tảng đá phẳng vào sân nhà tôi.

Va-xca lao ra đón đầu người đó. Lũ chó xô tới bọn Đức. Bọn này lay chân xua chúng, nhưng chỉ làm cho những con chó càng hung dữ hơn.

Va-xca chạy ra khỏi sân nhà tôi, bí mật vẫy bọn Đức sang sân mọc cỏ tận bên nhà thằng I-li-u-kha.

— Ở đây, — Va-xca thì thầm chỉ vào nhà kho chứa than.

Bọn Đức chĩa súng vào cửa. Thằng chỉ huy lại gần hơn và quát:

— Ra!

Cửa vẫn đóng kín.

— Ra ngay! Tao bắn! — hắn ta nhắc lại.

Trong nhà kho vẫn im ắng.

— Chú ý! — Thằng Đức hạ lệnh. — Chuẩn bị!

Tên Đức giăng mạnh chiếc móc sắt. Cánh cửa cũ kỹ kêu rít lên mở tung ra, tên Đức chĩa luôn súng lục vào đó, nhưng rồi hạ xuống ngay. Mẹ thằng I-li-u-kha xách thùng than đứng ở bậc cửa, bà run lên vì sợ. Bà cố nói cái gì đó, nhưng chỉ tròn xoe mắt ngây đờ ra.

— Ô, đồ quý tha ma bắt! — thằng Đức kêu lên, nhỏ toét một cái và quay lại chỗ Va-xca đứng.

Nhưng cậu đã không còn ở đây nữa.

— Hừm, đồ con «tró»! — tên Đức chửi rủa và găm lên với đồng bọn: — Bắt ngay thằng nhãi ranh!

Trong lúc lộn xộn chính tôi cũng không để ý Va-xca đã chuồn đi đâu lúc nào.

Chẳng bao lâu bọn gai-đa-mắc Ghéc-ma-ni mặc áo khoác giu-pan đã ủa tới phố chúng tôi.

Bọn Đức quát mắng chúng, thế mà chúng nó đứng thẳng trước bọn Đức và đáp: «Tôi nghe đây, ngài ra lệnh gì ạ?»

Bọn Đức và bọn gai-đa-mắc tản ra thành hàng dọc suốt

đầy phố, đuổi mọi người ra khỏi nhà ở, xọc lưỡi lê vào đệm, vào những đồng than trong những nhà kho tìm kẻ chạy trốn. Tên Đức đội mũ sắt nắm lấy tay áo mẹ thằng I-li-u-kha dẫn đi và la hét:

— Thằng bôn-sê-vích đâu? Chúng mày dám che giấu thằng bôn-sê-vích hả?

Mẹ thằng I-li-u-kha làm dấu thánh, còn bồ nó, một người lao công ở nhà tắm, tóc hung đỏ, leo dẹo theo sau tên Đức và nói chĩa vào lưng hắn:

— Đraích-vaích, chúng tôi không biết, quả thực, không biết mà. Chúng tôi sẽ tự tay bắt lấy nó, nếu biết được nó trốn ở đâu.

Bọn Đức chui cả xuống những kho và hầm chứa đồ, làm gà què sợ nháo nhác. Vẫn không tìm ra kẻ chạy trốn.

Lúc bấy giờ bọn xâm lược bắt đầu cướp bóc của dân, chúng lôi các bọc, bị ra khỏi nhà. Đường phố rền vang những tiếng khóc than.

Tôi quay về nhà khi trời đã bắt đầu tối. Đèn phố Bản còn cách nhà không xa có ai đó khẽ gọi tên tôi.

Tôi quay lại và nhìn thấy Va-xca. Cậu nằm trong bụi cỏ tận bên cao, chỉ trông thấy cái đầu tóc vàng hoe.

— Bọn Đức cắt rồi chứ? — cậu hỏi.

— Cắt rồi.

Va-xca hào hứng thì thầm vào tai tôi:

— Cậu có muốn gặp bác cán bộ bí mật không? Tớ cất giấu bác ấy đây. — Va-xca tỉnh quái nhìn tôi hỏi: — Cậu có biết đây là ai không?

— Ai đây?

— Tớ không nói đâu, tự cậu sẽ thấy.

— Nói đi, Va-xca.

— Xi... khẽ chứ.

Ánh trăng mờ mờ chiếu trên ngõ hẻm mọc đầy cỏ sơn giới... Va-xca lặng lẽ men theo hàng rào, kéo theo cái bóng của mình.

Chúng tôi lên vào sân nhà tôi, trèo qua mái nhà bếp dùng mùa hè và bò vào căn gác xép. Những tia ánh sáng nhỏ màu đục tựa màn mưa lọt qua một lỗ nhỏ ở viên ngói. Chúng tôi dừng lại bên lối vào. Một bầu không khí vắng lặng ghê rợn lan khắp nơi. Có cảm giác như có một con quái vật xù xì, có móng nhọn đang cựa quậy trong bóng tối. Nhưng bên tôi đã có Va-xca, nên tôi chả sợ gì.

— Bác ơi, — Va-xca gọi trong bóng tối.

Im lặng.

— Đừng sợ, cháu đây, — Va-xca nhắc lại và tiến thêm vào trong gác.

Một bộ mặt thoáng hiện trong vệt ánh sáng trắng chiều rọi qua lỗ hồng trên mái nhà rồi lại biến mất.

— Á à, anh chàng tóc trắng, — một giọng đáp lại trong bóng tối. — Thế ai đi với cháu đây?

— Len-ca.

— À, ra thế... Thế, còn cháu tên là gì nhỉ?

Va-xca cười phá lên.

— Bác biết cháu, mà cháu cũng biết bác là ai và tên bác là...

— Hãy khoan đã, — một giọng trầm trầm ngắt ngang lời Va-xca dường như sợ cậu gọi tên mình ra. — Sao cháu lại biết được tên bác, trong khi chính bác cũng không biết được?

Còn Va-xca vẫn cười:

— Bác là bác Mi-chai Ác-xen-chi-ép, — Va-xca nói.

«Không lẽ đây là bác Mi-chai của chúng tôi?» — tôi nghĩ.

— Bác không đánh lừa được cháu đâu, bác là bác Mi-chai, chỉ có khác bây giờ bác là cán bộ hoạt động bí mật, cán bộ đỏ.

— Hãy thử nói xem, thế bác đỏ như thế nào? Nhìn xem — quần đen, áo cũng đen.

Thật khó tin rằng đây là bác Mi-chai, chính tôi đã thấy bác đi khỏi thành phố cùng với chú Xi-rôt-ca rồi cơ mà. Vậy thì bác ở đâu ra thế này? Có lẽ chúng tôi đã nhầm chẳng.

— Nếu bác không phải là cán bộ đỏ, — Va-xca vẫn chưa chịu thua, — thì sao vừa rồi bọn Đức lại đuổi theo bác?

— Đó là một câu chuyện thú vị. Kể chứ?

— Kể đi bác!

Bác quờ quạng tìm chúng tôi trong bóng tối rồi đặt tay lên vai chúng tôi.

— Chuyện này xảy ra khi tôi. Chả có việc gì làm bèn đi nướng khoai, đánh thẳng Mít-soài. Mít-soài kêu tướng lên: «Ôi!» Tên canh sát nghe tiếng kêu chạy tới: «Có chuyện gì thế?» Chuyện này xảy ra khi tôi. Chả có việc gì làm... Hay không?

— Hay, — chúng tôi đồng thanh hưởng ứng.

Bác xích lại gần chúng tôi thì thảo:

— Các chú bé, thế này nhé: nếu các cháu biết bác thì tuyệt đời im đây nhé. Còn bây giờ các cháu nghe đây: gần đây có một người thợ giày cắt chân tên là A-nhi-xim I-va-nô-vích Rút-nhép...

— Cháu đã bảo bác rồi mà, — Va-xca ngắt lời. — Người cắt chân là bố cháu, còn cháu là Va-xca... Sao, bác quên cháu rồi ư? — Giọng Va-xca giận dữ. — Hiện giờ cháu vẫn đang mặc chiếc áo sơ-mi được phát ở trường ấy, bác nhớ không... Còn đây là Len-ca U-xti-nốp, bố cậu ta bị bọn Cô-dắc thiêu sống trong lò than cốc ấy...

Tôi cảm thấy bác Mi-chai lấy tay kéo tôi vào lòng và hỏi âu yếm:

— Len-ca, cậu con trai bé bỏng, lớn thế này cơ à?

— Lớn rồi bác Mi-chai ạ, — tôi mừng rỡ trả lời, — cháu vẫn còn giữ được chiếc quần bông, còn áo gi-lê cháu cho lại chú A-nhi-xim I-va-nô-vích rồi.

— Thôi được, các chú bé ạ, chúng ta sẽ nói chuyện sau, còn bây giờ hãy chạy về bảo với bố là đêm nay bác Mi-chai sẽ đến.

Suốt dọc đường Va-xca cứ ngạc nhiên mãi:

— Chúng mình đã cứu được một người như vậy đây! Bây giờ thì bọn Đức cứ gọi là hết vía.

Nằm trên hòm cạnh Va-xca, tôi chờ mãi đến lúc bác Mi-chai tới. Cuối cùng dưới cửa sổ nghe thấy tiếng chân bước rón rén.

Va-xca bật choàng dậy và ra mở cửa không thấp đèn. Một người bước vào, Va-xca buông rèm cửa xuống.

Tôi nghe thấy bác Mi-chai nói nhỏ với chú A-nhi-xim

I-va-nô-vích:

— Ủy ban cách mạng đã rời đi lúc đêm. Nhưng tôi và Mô-xi-a nán lại, còn thể nào về sau thì anh biết đây... May mà cháu Va-xca của anh tới kịp, không có tôi cũng đã bị treo lủng lẳng trên dây rồi. Thôi được, thể là chiến tranh với bọn Đức đã lan tràn khắp U-cơ-ra-i-na. Công nhân vùng mỏ Đôn-bát đang đánh nhau với bọn Đức gần Khác-cốp. Ở đó có Ác-chôm. Đội quân thứ năm đang được hình thành ở Lu-gan-xcơ... Tôi có bức thư của Lê-nin đây. Phải thắp đèn lên,

— Va-xca, đèn đâu con? — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích hỏi.

Va-xca đốt đèn.

Bác Mi-chai xé lằn lót áo, rút ra một tờ giấy, đưa lên gần đèn và khẽ đọc:

— «...2) Tất cả các Xô-viết và các tổ chức cách mạng phải có trách nhiệm bảo vệ từng vị trí đến giọt máu cuối cùng. 3) Các cơ quan đường sắt và những Xô-viết có liên quan tới chúng phải ra sức ngăn cản không cho quân thù sử dụng hệ thống bộ máy giao thông. Khi rút lui phải phá hủy tất cả các tuyến đường, giắt đồ và thiêu hết các tòa nhà thuộc cơ quan đường sắt; tất cả các đoàn tàu gồm toa và đầu máy — phải chuyển ngay sang miền Đông, vào sâu trong nội địa. 4) Tất cả các kho lúa mì và nói chung những nguồn dự trữ thực phẩm cũng như bất kỳ tài sản có giá trị nào có nguy cơ rơi vào tay kẻ địch thì phải tiêu hủy hoàn toàn. Việc này giao cho các Xô-viết địa phương do các chủ tịch chịu trách nhiệm. 5) Công nhân và nông dân Pê-tơ-rô-grát, Ki-ép và tất cả các thành phố, thị trấn, làng mạc nằm dọc theo trận tuyến mới phải tổ chức thành những tiểu đoàn để đào công sự dưới sự chỉ đạo của các chuyên gia quân sự. 6) Những tiểu đoàn đó phải thu hút cả những phần tử thuộc giai cấp tư sản có khả năng lao động, tất cả đàn ông và đàn bà dưới sự kiểm soát của các chiến sĩ cận vệ đỏ; ai chống lại thì đem xử bắn!..

Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lâm nguy! Tổ quốc xã hội chủ nghĩa muôn năm!..»

Bác Mi-chai gấp tờ giấy lại.

Mọi người im lặng.

— Bọn Đức vũ trang tốt lắm, — bác Mi-chai nói. — Tôi có nhiệm vụ tổ chức một chi đội ở đây. Các anh có bao nhiêu súng?

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích trả lời rất khẽ.

5

Hôm sau chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đưa cho chúng tôi hai bắp ngô luộc, bảo mang lên gác xếp cho bác Mi-chai. Chúng tôi bí mật leo lên trên đó.

Sàn gác xếp bằng gỗ ghép nối liền với xà nhà dài và kéo dọc sang hai bên. Mạng nhện phủ đầy bụi giăng ngang phía trên. Bác Mi-chai nằm nghiêng trên đồng rơm, đang viết cái gì đó. Khẩu súng lục trong bao gỗ của bác đặt sát cạnh, ngay bên ông khói.

Thấy chúng tôi, bác nhồm dậy làm ván lát trần kêu cọt két dưới cùi tay bác.

— Những chú đại bàng con đã tới.

— Bác Mi-chai, râu của bác đâu rồi? — tôi hỏi.

— Cháu biết không, gió đã thổi mất rồi. Bác không kịp giữ lại, thể là gió dứt ra và cuốn đi mất. Chán thể chứ...

Bác Mi-chai rắc muối lên bắp ngô vàng và gặm ngấu nghiến. Bác đói đến nỗi cứ mãi ăn và chỉ «ậm ừ» trả lời các câu hỏi của chúng tôi. Sau đó bác quăng lõi ngô vào góc sàn rồi nói:

— Điểm tâm ngon quá. Bây giờ được chén một bữa thì vừa khéo! — Và bác xoa xoa bụng. — Thôi đành phải đợi bữa ăn đến lúc khác. Đúng không hả Len-ca?

— Bác Mi-chai, chúng ta cần thằng thủ lĩnh Xcô-rô-pát-xki làm gì? — tôi hỏi.

— Chúng ta sẽ lật đổ.

— Các chú thợ mỏ bảo là thằng Xcô-rô-pát-xki như là người Đức, có đúng không hả bác? — Va-xca hỏi.

— Điều ấy có thể lắm. Nếu nó đã dâng U-cơ-ra-i-na cho bọn Đức có nghĩa chính nó là người Đức hoặc làm cho bọn Đức. Cháu biết người ta chế nhạo nó thế nào không? — Bác Mi-chai cất tiếng hát làm chúng tôi sùng sốt:

U-cơ-ra-i-na vẫn sống,
Bọn gai-đa-mắc cây trồng:
Từ Ki-ép đến Béc-lin
Chưa chịu hạ vũ khí đầu hàng.
Đức quốc, Đức quốc thật cao sang!

Chữ nghĩa ở đây đến một nửa chúng tôi không hiểu, nhưng bài hát vẫn thật là hay. Tôi học thuộc ngay tại đây.

Bác Mi-chai cho chúng tôi xem khẩu súng lục, giải thích cách bắn thế nào và tại sao phải đựng nó trong bao gỗ.

Buổi tối chúng tôi mang cơm lên cho bác, bác kể cho chúng tôi nghe về Lê-nin, về chuyện trước Cách mạng bác đã cùng bị đi đày với Lê-nin ở một làng tại Xi-bi-ri ra sao và Lê-nin đã làm sân băng cho trẻ trong làng và cùng trượt băng với chúng như thế nào. Thật thú vị được nghe những chuyện như vậy, tưởng chừng như có thể nghe suốt đêm mà không hề buồn ngủ.

Hôm sau, lúc trời chưa sáng chúng tôi đã tới chỗ bác Mi-chai. Tôi không nhận ra ngay một cô gái ngồi ôm gối ở trong góc, mỉm cười nhìn chúng tôi.

— Đây là con gái bác, tên là Na-đi-a. Chị ấy cũng không ưa Xcô-rô-pát-xki đâu và đang đấu tranh chống lại bọn Đức. Na-đi-a, làm quen với các em đi.

Chị Na-đi-a âu yếm kéo tôi vào lòng. Tay chị mềm mại và ấm áp như tay mẹ tôi.

— Bọn trẻ buồn khổ vì tội Đức đã đóng cửa trường học, — bác Mi-chai mỉm cười nói với chị.

— Bỏ này, con có thể dạy các em học được. Em có muốn chị dạy em học không? — Na-đi-a hỏi tôi. Chị khẽ thở vào mặt tôi và trong bóng tối tôi thấy cả đôi mắt hiền dịu của chị.

Chị Na-đi-a thật sự bắt đầu dạy chúng tôi học. Hôm sau chị còn mang đến cả hai cái bút chì và chúng tôi dùng nó viết trên giấy. Va-xca tiếp thu rất nhanh tất cả những điều chị Na-đi-a dạy chúng tôi. Chị khen ngợi cậu làm tôi phát ghen lên. Đặc biệt cậu rất thích tô chữ Lê-nin, những lúc đó cậu rất sung sướng.

Qua chị Na-đi-a chúng tôi được biết chính chị từ thành phố Lu-gan-xcơ tới, ở đó chị đang theo học trường trung học và bị tù vì đã tham gia bãi khóa.

Một hôm chúng tôi bắt gặp Na-đi-a đang làm một việc khác thường. Trước mặt chị là một cái lập là đầy tràn đến mép một thứ gì đó giống như thịt đông. Chị đặt một tờ giấy trắng lên trên chiếc lập là, rồi lấy quả lăn một lượt, trên mặt giấy liền hiện lên chữ in. Chị phới những tờ giấy đó lên một sợi dây căng ngang. Chị đưa cho tôi xem một tờ.

«Giờ lâm nguy đã điểm! — tôi đọc. — Bọn bạch vệ Đức trong tiếng reo hoan hỉ của lũ tư sản Nga đã tấn công nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết Liên bang Nga yêu quý và đẫm máu của chúng ta...»

Chị Na-đi-a nghiêm khắc dặn dò chúng tôi, đừng có đại dốt mà nói với ai về những tờ truyền đơn.

Tôi đã thề và chị cho phép tôi in thử trên chiếc lập là. Công việc thật là thích thú: chỉ cần áp tờ giấy hoặc lòng bàn tay vào, và thề là chữ hiện lên. Vì lòng bàn tay mà tôi bị phiền phức. Chị Na-đi-a tẩy xóa những vết trên tay tôi rất lâu và bảo là vì cái đó tôi có thể làm lộ chị và bác Mi-chai.

Tôi yêu quý chị Na-đi-a như người chị ruột, nhưng chị tin Va-xca hơn. Chị đưa cho cậu hàng xếp truyền đơn và cậu mang biến đi đâu mất.

Ngày tháng trôi qua. Vào một buổi sáng tháng Chín âm áp chúng tôi bắt gặp chị Na-đi-a đầm đìa nước mắt. Chị ngồi in truyền đơn và lặng lẽ khóc.

— Chị Na-đi-a, chị làm sao thế? — Va-xca lo lắng hỏi.

Chị Na-đi-a không trả lời ngay. Chị lấy cùi tay quệt nước mắt, rồi nói:

— Chúng ta gặp nỗi đau buồn lớn, các em ạ. Kẻ thù của giai cấp công nhân ở Ma-xcơ-va đã bắn vào đồng chí Lê-nin. Người bị thương nặng...

Tin buồn làm chúng tôi choáng váng. Chị Na-đi-a bỏ quả lăn xuống và kể tỉ mỉ hơn. Một mụ tư sản tên là Cáp-lan đã bắn đạn tầm thuốc độc vào đồng chí Lê-nin.

Lê-nin, bác Lê-nin của chúng tôi! Thà bọn tư sản bắn vào tôi, giết tôi đi còn hơn là để bây giờ tất cả công nhân bị mất Lê-nin.

Bọn Đức vẫn tiếp tục hoành hành trong thành phố chúng tôi. Chúng lùng sục các nhà, bỏ tù công nhân và ăn hết những trái anh đào và dưa của chúng tôi. Chúng tháo dỡ cầu trên các con sông nhỏ, phá các hàng rào trong thành phố, lấy những tấm ván tốt gửi về Đức. Bọn gai-đa-mắc chắt lên các toa ở nhà ga những bao bột mì, than đá, than cốc và hàng núi gang vụn. Chúng chờ đi hàng đoàn tàu, còn dân chúng thì cay đắng nhìn theo và nói:

— Tài sản của chúng ta bị đưa sang Đức rồi.

— Chúng cướp bóc hết, rồi đến chết đói thôi...

Không còn mấy may dẫu vết cuộc sống tốt đẹp trước kia nữa. Bọn Đức tàn phá tất cả các Xô-viết. Chúng biến trường học trước kia của chúng tôi thành chuồng ngựa. Hiện nay chẳng còn các «ủy viên tài chính» lẫn «Ủy ban đấu tranh chống bọn phản cách mạng» nữa. Ngay cả Nhà bảo tàng cách mạng, nơi trưng bày chiếc xích của chúng tôi dưới mặt tủ kính cũng bị đóng cửa, còn cái xích đã bị ai đó đánh cắp mất...

Hai tiếng «đồng chí» lại phải nói bí mật. Nếu nói «đồng chí» lập tức bị đẩy ngay vào tường: điều đó có nghĩa mày là bôn-sê-vích và xơi đạn luôn. Thay vào hai tiếng «đồng chí» lại phải xưng hô «thưa ngài», «tâu bà», «bẩm ông».

Chúng tôi hát giễu bọn gai-đa-mắc của thủ lĩnh Xcô-rô-pát-xki:

Bọn gai-đa-mắc

Chưa chịu hạ vũ khí đầu hàng.

Đức quốc, Đức quốc thật cao sang!

Tôi cũng trả thù bọn Đức. Tôi cứ đi giữa bọn chúng và nói: «Ê, tên vua Đức, này cho mày một quả thúi», — và cười khi thấy chúng nó không hiểu tôi.

Còn một việc là phải đánh vỡ mặt thằng I-li-u-kha, chúng tôi giễu nó là «thằng Ghéc-ma-ni» vì tội nó đã tự xưng «chúng ta là người Ghéc-ma-ni» và bắt chước giọng nói theo kiểu của bọn nó.

Hôm sau tôi lại gần hàng giậu quen thuộc và nhìn thấy thằng I-li-u-kha qua khe rào. Nó ngồi trên cái ghế băng con cạnh kho

chứa đồ và đang soi vào mảnh gương đặt trên chiếc ghế đầu cùng với chiếc đĩa con, xà-phòng, chổi cạo râu. Thằng I-li-u-kha xoa xà-phòng lên má rồi lấy dao ăn, liếc vào dây lưng da đóng chặt vào hàng rào, nhìn vào gương, đưa lưỡi dao quét sạch xà-phòng trên mặt.

Tôi áp miệng vào khe, gọi to:

— I-li-u-kha, ra đây!

Hắn giật mình, sau bình thần quay cái mặt xát đầy xà-phòng lại phía tôi.

— Tao không phải là I-li-u-kha của mày nữa, và có thể đừng gọi tao là I-li-u-kha nữa.

Tôi cảm thấy có thêm một cái gì kỳ quặc nữa của thằng hàng xóm và liền hỏi:

— Thế gọi mày là gì?

— Phrit A-đôn-phô-vích, — thằng I-li-u-kha đáp rồi quay đi.

— Ái chà chà, Phrit-cha-đôn, — tôi nhạo lại, — chúng tao sẽ cho bọn Đức lẫn gai-đa-mắc Ghéc-ma-ni chúng mày một trận để bọn chúng mày rút khỏi nơi đây, chừng nào còn sống sót.

— Chúng mày? Dám đánh chúng tao cơ à? — I-li-u-kha rít lên và giờ nắm đấm nói tiếp: — Đừng có hòng.

Tôi bị chạm nọc.

— Thế mà vẫn cứ hòng đây. Chúng tao có cả vũ khí cơ.

Vừa nói xong tôi chợt hiểu, nhưng đã muộn... «Mình đã nói lộ, hòng hết cả rồi...» — tôi hoảng sợ nghĩ thầm. Nhưng may thay, thằng I-li-u-kha không để ý và nó tự khoe khoang khoác lác:

— Chúng tao cũng có súng hai nòng và dao găm kia.

Bô thằng I-li-u-kha cầm chổi đi qua sân. Trông lão ta có cái vẻ bần khoản, dường như vừa mất cái gì đó. «Có thể lão đi tìm dao cạo râu chẳng?» — tôi nghĩ và cô không báo trước cho I-li-u-kha điều nguy hiểm. I-li-u-kha, vẫn tiếp tục kể lể một cách say sưa:

— Chúng tao, nhưng người Đức còn có súng máy này, đại bác này, ừ mà chúng tao sẽ đánh lìa hồn chúng bay ra, còn ruột thì quăng lên cột...

Bố thằng I-li-u-kha lây chổi nện cho nó một cái nện thân, làm mảnh gương vỡ vào hàng rào kêu loảng xoảng.

Thằng I-li-u-kha ngã lăn ra, nó vội vàng bật dậy và bỏ chạy.

Bố nó cầm chổi đuổi theo miệng hét: «Ông thì giết chết!»

Từ đó bọn trẻ ngoài phố bắt đầu gọi thằng I-li-u-kha là «Phrit-cha-đôn», sau tên lỏng đó rút ngắn thành «Phrit» và cuối cùng thành «Mô-crit-xa»*.

Cái tên nhạo báng cuối cùng này gắn chặt với thằng I-li-u-kha. Thậm chí chúng tôi còn đặt ra bài về và treu nó:

Giời biển tóc đỏ
Bò ra ngoài ngõ!
Chúng tao dạy cho
Tiếng Đức lú lo.

Nhưng thế vẫn chưa xong. Một hôm bọn trẻ dẫn cho thằng I-li-u-kha một trận tơi bời để nó khỏi làm phản. Nó xin tha tội và để chứng tỏ lòng trung thành của mình nó đã đánh cắp chiếc lược lê của tên lính Đức. Tôi hài lòng đã trị tội thằng I-li-u-kha, nhưng bỗng niềm hoan hỉ của tôi biến thành nỗi đau khổ.

7

Một đêm Va-xca mang truyền đơn đi và không trở về. Thím Ma-tơ-rê-na khóc. Bác Mi-chai đã biết là Va-xca bị bắt. Chiều tôi bác và chị Na-đi-a biên đi đâu mất. Trên gác xếp vắng tanh.

Chờ lúc tôi mệt tôi lần ra công rào lắng nghe tiếng loạt soạt xem có phải Va-xca về không.

Sáng ra thằng Ut-sa chạy tới, với vẻ bí ẩn báo rằng có ai đó nghe thấy hình như Va-xca la hét và kêu cứu trong nhà lao.

Tôi quyết định ra tay cứu bạn. Tôi lấy thanh gươm bằng đai thùng trong kho ra, mài trên gạch cho thật sắc, như dao cạo râu, và quyết định dứt khoát: chết vì viên đạn Đức hay giải phóng Va-xca. Không thể để chúng hành hạ Va-xca được.

* Có nghĩa là con giời biển. (N.D.)

Nhưng khi tới nhà tù, trông thấy bọn lính Đức đeo dao găm, tôi lại sợ đến gần và suýt òa lên khóc vì bức tức.

Một tên lính gác đứng ở cửa nhà tù. Một tên nữa đội mũ dạ viền đỏ đang đi đi lại lại. Tôi đã nhận thấy từ lâu là tên này hay nhìn tôi mỉm cười.

«Cứ cười đi, cứ cười đi, quân khốn nạn, cho mày một nhát kiếm thì biết tay», — tôi thì thảo nức nở.

Tên Đức giơ tay vẫy tôi:

— Chú bé, lại đây.

— Xéo, quân khốn kiếp ăn hiệp trẻ con, ăn bòn ăn cướp, ăn rác ăn rưởi mà vẫn khen ngon.

— Lại đây, lại đây chú bé, — tên Đức vẫn cứ gọi tôi. Hẳn ta cười thật hiền hậu. Thế là nghĩa làm sao?

Tôi rút rìe lại gần. Tên Đức xoa đầu tôi, lục lọi trong túi rồi đặt vào tay tôi một vật gì đó nặng nặng âm âm. Tôi liếc nhìn và chết lặng sững sờ: một con dao nhíp mới nhiều lưỡi, có cái tua-vít và cả cái mở nút chai ánh lên trong lòng bàn tay.

Tôi đã ước mơ có một con dao như vậy từ bao lâu nay! Tôi đã chờ đợi bố cho, đã định cướp của thằng Vít-ca Đốc-tơ. Thế mà giờ đây tôi đang nắm con dao trong tay! Tôi nắm chặt vật quý và liếc nhìn tên lính Đức: có phải hắn đùa với tôi không đây?

Nhưng tên Đức vẫn mỉm cười như trước và nháy mắt với tôi: bạo lên, cầm lấy, đừng ngượng. Nhưng dù hắn có cười thế nào đi nữa, hắn vẫn là một tên Đức. «Trả lại con dao hay không? — tôi đoán đo. — Bọn chúng đã bỏ tù Va-xca. Vứt trả con dao hay lấy? Có thể bọn chúng nó đã xích Va-xca? Vứt trả con dao hay là lấy?» Và tôi đã vứt trả lại.

— Này, dao của mày đây, cầm lấy nó mà từ tiết, — tôi nói và hết sức ngán ngẩm trở về nhà. Có tin là vua Vin-hem thoái ngôi và cách mạng đã bắt đầu ở bên Đức.

Bọn Đức vẫn tiếp tục cướp bóc trong thành phố của chúng tôi, mặc dù chúng đã cảm thấy phải chuẩn bị «cuốn gói». Ngày càng hay tìm thấy ngoài đồng cỏ những tên sĩ quan Đức bị giết. Bọn gai-đa-mắc mặc quần áo dân thường chạy trốn về các làng.

Hai ngày sau, vào lúc đêm khuya có người đến gõ cửa sổ

nhà chúng tôi. Thím Ma-tơ-rê-na mở cửa, nhưng kinh hãi lùi lại ngay. Va-xca, bác Mi-chai và lính Đức mang súng trường bước vào và, thật kỳ lạ đó chính là tên Đức đã định cho tôi con dao.

Căn nhà tràn ngập tiếng nói chuyện thì thầm mừng rỡ. Tôi nhìn Va-xca và không nhận ra cậu ta. Mặt cậu ta đầy vết thâm tím, môi trên sưng phồng như chiếc bánh rán tròn và che khuất cả môi dưới. Tôi chưa hiểu điều gì đã xảy ra, Va-xca lại gần tôi.

— Chào cậu, — Va-xca nói và triu mến nắm tay tôi, dường như không tin đó là tôi.

— Va-xca, tên Đức lại đây làm gì thế?

— Đừng sợ, đó là một người Đức tốt. Bọn chúng nó giao cho anh ta xử bắn tớ, nhưng anh ta đã giờ tay bảo tớ chạy đi. Thế là tớ bỏ chạy, còn anh ta bắn chỉ thiên để bọn chúng nó tưởng anh đã bắn chết tớ rồi. Cậu có thương tớ không? — cậu hỏi, không buông tay tôi ra. Cậu ta nhắc lại và tôi đã hiểu ra Va-xca buồn nhớ tôi.

— Tớ định cứu cậu. Nhưng... không tìm được vũ khí.

Va-xca nhếch mép bị đánh xưng vù cười chua chát thở phào và nói:

— Bọn Đức đã đánh tớ, chà, chúng nó đánh...

— Vì sao hả Va-xca?

— Chúng bắt được tớ mang bó truyền đơn. Chúng muốn tra xem tớ lấy ở đâu ra. Tớ mà thêm khai cho chúng nó à! Chúng nó lấy que thông nòng súng đánh tớ.

Va-xca nhăn mặt và kéo áo lên. Sẹo đỏ và đen ngang dọc khắp lưng cậu. Tim tôi thắt lại vì xót xa.

— Chúng bắt được tớ và hỏi: «Lấy truyền đơn ở đâu ra?» — «Tôi không biết gì hết». — «Nói đi! Nếu không sẽ được nếm mùi đau đớn». Chúng xé sơ-mi của tớ, trói hai tay tớ vào ghế và lấy roi đánh. «Mày sẽ khai chứ?» Tớ nheo mắt lại, nghiền chặt răng, im lặng. «Mày sẽ khai chứ?» Tớ ráng chịu, ráng chịu và nói: «Dẫu sao tao không thấy đau!» Cô nhiên, tớ nói trọc tức thế thôi. Đau đến mức... Mà phải chịu đựng thôi. Nếu tớ khóc chúng nó sẽ nghĩ là tớ sợ... chỉ cần dân thêm một chút nữa thôi là tớ không chịu được nữa...

— Nhét sâu nữa vào, sâu nữa vào, — tôi nghe thấy tiếng bác Mi-chai, quay sang và thấy bác đang đưa cho người lính Đức những xấp truyền đơn, còn anh thì cổ nhét chúng vào ngực áo.

Người lính Đức hoa hoa tay liên thoảng cái gì đó bằng tiếng mình. Tất cả im lặng lắng nghe anh ta, nhưng không một ai hiểu gì cả. Chỉ có bác Mi-chai gật gật đầu nói:

— Đúng, đúng.

— Tôi cũng là công nhân, — người lính Đức hô lên và giờ cho xem đôi tay thô kệch đầy chai sạn và cứ nói, nói mãi...

Bác Mi-chai vẫn gật gật đầu.

— Đúng, đồng chí nói đúng, đồng chí ạ.

— Đồng chí, tốt! — người lính Đức bỗng nói, rồi giờ tay hô: — Cách mạng muôn năm!

Anh lính lại gần tôi. Không biết anh ta đã nhận ra tôi hay chỉ do bản tính hiền lành như vậy, nhưng anh ta lại rút con dao trong túi ra đưa cho tôi và âu yếm xoa đầu tôi.

Tôi không biết lấy gì tạ ơn anh ta về món quà đó. Tôi lục hòm lấy ra một lọ nước hoa.

— Đây, anh cầm lấy thay con dao nhé, — tôi nói.

Anh lính Đức mỉm cười đút lọ nước hoa của tôi vào túi áo va-roi.

— Tạm biệt! — ra đến cửa, anh ta giờ giờ nắm tay kiêu hãnh nói: — Lê-nin!

Hai hôm sau công nhân trong thành phố nổi dậy. Quân Đức bỏ chạy. Công nhân truy đuổi chúng. Tôi cũng cầm đá trong tay rượt theo bọn Đức. Nhưng tôi chỉ sợ nhờ vô tình ném trúng người lính Đức hiền lành đã tặng tôi con dao díp.

Chương mười

TÌNH YÊU

Ơi quả táo con
Lăn đi đâu đây,
Rơi vào mồm ta,
Chớ có quay tròn.

1

Đó là một buổi sớm cuối thu lành lạnh. Những bông tuyết xập quay tròn trên không và rơi xuống đầu để trần, vai và tay tôi. Tôi run lên vì lạnh và vì mừng rỡ. Tôi đã đọc đi đọc lại đến lần thứ năm bản thông cáo viết bằng mực đỏ trên mảnh giấy bọc hàng:

Các đồng chí thân mến!

Ngày mai, hồi 7 giờ tối tại rạp phim đèn chiếu cũ sẽ tổ chức lễ kỷ niệm một năm ngày thành lập Chính quyền Xô-viết. Sẽ có nhạc (phong cầm), phim ảo ảnh và khiêu vũ. Vào cửa không mất tiền và chỉ dành cho nhân dân lao động.

Ban phụ trách văn hóa giáo dục

Tôi cùng Va-xca đã chờ đợi ngày lễ này biết bao nhiêu! Nghe nói lại sắp mở trường. Làm sao không vui được! Nhưng đồng thời tôi cũng lo nhớ lại xảy ra điều gì đó chẳng lành, vì quanh thành phố bỗng xuất hiện bọn phỉ, và chúng khiến cho mọi người mất hết cả yên ổn. Một chuyện mới xảy ra cách đây hai ngày ở thành phố chúng tôi làm tôi đặc biệt kinh hãi.

Bác Mi-chai, giờ bác chỉ huy Hồng quân trong thành phố, lại nhà chúng tôi và cho biết là chính phủ tư sản ở U-cơ-ra-i-na đã bị lật đổ. Thủ lĩnh Xcô-rô-pát-xki đã bỏ chạy với bọn Đức, thay vào đó là một tên cướp mới, Pét-liu-ra, ngoài ra còn có Mác-nô. Chúng đe dọa là sẽ tàn sát công nhân. Nhưng chúng tôi vẫn trêu người bằng cách tổ chức lễ kỷ niệm một năm ngày Cách mạng tháng Mười thành công.

Kỷ niệm năm đầu tiên... Một năm về trước cha tôi đã

hy sinh, mẹ bị mất tích. Lẽ nào có thể quên được điều đó?

Hôm trước ngày lễ chú A-nhi-xim I-va-nô-vích cho chúng tôi một mảnh vải đỏ và tôi lấy phấn viết lên đó chữ «Đây là trận chiến đấu quyết liệt và cuối cùng». Góc trên tôi đính ngôi sao đỏ của Hồng quân mà bác Mi-chai cho tôi và cắm lá cờ trên nóc nhà.

Tất cả là tốt đẹp nhưng tôi chỉ sợ bị mất cắp ngôi sao. Ở phố chúng tôi ngôi sao là một vật quý nhất. Nếu như một chiếc mũ sắt có hình con đại bàng bằng đồng của Đức đổi được mười chiếc vỏ đạn, thì thậm chí cả một khoanh bánh mì cũng không thể đổi nổi lấy ngôi sao.

Tôi nằm trần trố suốt đêm. Trong lúc mơ màng tôi có cảm giác như có ai đó đang đi lại trong sân, thậm chí còn kẹt cửa như muốn mở ra. Tôi xích lại gần Va-xca hơn vừa sợ thiếp đi, vừa sợ thức dậy.

Tôi trần trố cả đêm không phải vô cớ: buổi sáng chúng tôi không thấy cả lá cờ lẫn ngôi sao trên nóc nhà nữa. Tất cả cờ ở trên các nhà khác cũng chẳng còn. Có một kẻ nào đó đã giật cờ ở khắp thành phố xuống và hẳn đã lấy phấn đánh dấu gạch chéo lên cổng những nhà treo cờ.

Những tin đồn đáng lo ngại lan truyền. Mẹ thằng I-li-u-kha quả quyết là lão phù thủy có phép biến thành con bê đã làm việc đó. Bà ta thể là lúc đêm đã thấy con bê đi qua các phố và lấy móng gạch hình chữ thập lên các cổng. (Người ta bịa đến thế là cùng, viết bằng móng! Làm sao có thể lấy móng cầm bút được cơ chứ?) Một số khác lại khẳng định rằng Nga hoàng Nhi-cô-lai đang lang thang khắp nước Nga tìm kiếm mũ miện của mình.

Khó xác định được đâu là sự thật, đâu là chuyện bịa đặt. Chỉ có Va-xca sau khi chạy đến gặp bác Mi-chai ở Xô-viết về mới giải thích cho tôi rõ tất cả. Thì ra ở vùng lân cận đã xuất hiện bọn phỉ theo Mác-nô do một tên mang bí danh «Quả táo» cầm đầu và chính hắn đã hạ cờ.

Người ta kể nhiều chuyện kỳ lạ về con người ấy. Hình như không ai có thể bắt được hắn, bởi vì hắn tấn công rất bất ngờ, và khi bọn cướp còn đang chơi khúc nhạc «Quả táo», từ trên xe có đặt súng, hắn đã kêu lên: «Xin chào các công

dân! Hãy đầu hàng đi không kháng cự!» Và trận cướp phá bắt đầu.

Người ta kể là vào một đêm nọ hán đã bắt cóc cô Xôn-ca Bàn tay vàng làm vợ. Sáng dậy bồ cô Xôn-ca đó thấy cửa vẫn cài then, hình như không có ai vào nhà cả mà con gái thì mất.

Lần đầu tiên trong đời tôi thấy nói có thể bắt cóc đàn bà như bắt trộm chim hoặc lấy trộm đạn. Thoạt đầu tôi không tin, nhưng sau trong óc lại nảy ra một ý nghĩ tinh nghịch: tự mình đi bắt cóc một người nào đó. Bắt cóc Tôn-ca em gái thằng Áp-đun-ca chẳng hạn.

Tất cả bắt đầu từ hôm Tôn-ca mặc chiếc áo mới có hoa xanh đi ra phố. Tôi ngắm nhìn và không thể rời mắt khỏi cô ta. Cô ta đã quyến rũ được tôi bằng cái gì chính tôi cũng không hiểu nổi. Nhưng đối với tôi, cô ta là người đẹp nhất trên đời này.

Quả là bây giờ Tôn-ca ít chơi với chúng tôi hơn. Cô nàng đã tết tóc rồi. Phải bắt cóc Tôn-ca mới được, và không cần bắt ai thêm nữa! Tôi đã có lần thử nói chuyện với Tôn-ca để cô ấy kết bạn với tôi, nhưng cô ta lại cười giễu tôi.

Tôi không biết phải làm gì. Có lần một số tạp chí «Điện địa» cũ đã lọt vào mắt tôi, trên bìa có đăng quảng cáo:

TẤT CẢ SẼ YÊU ANH!

Không thể có bất hạnh trong tình yêu nữa hay là cái chìa khóa đáng tin cậy nhất với trái tim phụ nữ.

Nghệ thuật ưa thích, đặt cơ sở trên việc nghiên cứu bản tính phụ nữ và áp dụng theo tinh thần của thế kỷ chúng ta.

Quyển sách mới của chúng tôi «Chiến tích trong tình yêu» dạy các bạn phải làm gì, để chiến thắng những trái tim bướng bỉnh. Người đàn ông cần phải làm thế nào để giành được trái tim những người đàn bà đẹp và giàu có.

Đồ giải khát trong tình yêu và cách chế tạo. Giá sách cộng với tiền cước chi cho gói kín, khách hàng phải trả là 1 rúp 75 cô-pêch. Ma-xơ-va. Nhà hàng Phe-rây-nơ.

Có thể quyển sách rất hay, nhưng số tiền 1 rúp 75 cô-pêch này, tôi không có.

Giá mà bắt cóc được Tôn-ca và không trả tiền. Mình sẽ đem nàng ra cánh đồng cỏ trên bờ sông Can-mi-út và dựng

một túp lều bằng cây cối. Sau đó mình và nàng sẽ đến cha I-ô-han làm lễ cưới và sẽ sống chung thủy bên nhau. Mình sẽ đi làm ở nhà máy, còn nàng ở nhà nấu ăn.

Tôi cứ nghĩ, nghĩ mãi, mà chẳng nghĩ ra điều gì cả...

2

Sáng ngày lễ tôi và Va-xca tỉnh dậy sớm hơn bình thường. Đói cồn cào cả ruột gan, chân phủ chiếc áo vét thùng đã bị lạnh cứng như đóng băng. Tôi thấy chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đứng cạnh chiếc hòm. Một năm sống ở nhà Va-xca tôi đã quen và dường như không còn thấy chú A-nhi-xim I-va-nô-vích bị cụt chân nữa, nhưng giờ lại sừng sốt: cái hòm cao đến vai chú, trông như chú đứng dưới một cái hồ đào trước hòm.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích lôi đồng quần áo cũ ra, rũ đi rũ lại, rồi quăng sang một bên. Đây là tất cả những gì còn lại sau khi thím Ma-tơ-rê-na đã đi lang thang các làng đồi đồ đạc lấy lửa mì.

Sau đó chú liếc nhìn Va-xca, khẽ gọi:

— Va-xca, dậy đi con! Hôm nay chợ lại họp rồi. Con mang cái áo của mẹ đi, may ra người ta đổi cho hai phun-tơ khô dầu đây.

Va-xca sẽ ngồi dậy, hình như sợ làm tôi thức giấc và đi lại chỗ bồ:

— Bồ ơi, bồ xếp cả cái áo của con vào nữa. Len-ca ở với chúng ta đói đây bồ ạ. Cho ăn thêm một chút để cậu ta sống đỡ khổ.

— Đối với bồ cả hai đều là con...

— Con có thể nhịn ăn lâu được bồ ạ. Còn nó hãy còn nhỏ...

Va-xca lại thương xót tôi. Tôi phải làm gì để cũng tỏ ra thương xót cậu nhí? Chúng tôi sẽ ra chợ đổi lấy khô dầu, rồi tôi đưa cả cho cậu. Một chiếc áo cũ thì được bao nhiêu?..

Đói không chịu được. Nạn đói thật sự bắt đầu từ khi bọn Đức chuyên chở lúa mì của ta về Đức. Trong thành phố người ta ăn thịt hết chim sẻ và quạ. Bắt chim bây giờ là một việc hấp dẫn. Chúng tôi đặt một cái hòm trong sân, dưới

chống cái que. Từ que kéo ra một sợi dây nhỏ. Chúng tôi ngồi rình trong kho, hễ chim vừa bay xuống dưới hòm là chúng tôi giật phăng cái que, thế là hòm sập xuống chim. Chúng tôi chạy lại, luồn tay xuống dưới hòm đồn bắt các chú quạ, chúng đập cánh phành phạch, tuột khỏi tay và mổ đau. Cũng thương hại chúng, nhưng biết làm sao — nạn đói...

Tôi dậy và trong khi Va-xca chuẩn bị đi chợ, tôi bước ra phố. Mặt trời chiếu sáng rực rỡ. Bầu trời trong xanh êm ả trải khắp thành phố; những cây keo phủ đầy tuyết đứng ử rử. Cánh đồng cỏ trắng xóa và lạnh lẽo không còn hấp dẫn nữa, mà làm người ta khiếp sợ. Đường phố tưởng chừng như quanh co hơn. Những cơn gió cuốn tốc những chiếc lá héo khô và thổi bay chúng cùng những bông tuyết vào trong sân bỏ hoang của nhà ai đó.

Tôi thấy Tôn-ca ở cạnh nhà Áp-đun-ca. Cô ta ngồi cắn hạt hướng dương trên chiếc ghế dài, rồi phun vỏ ra tận xa. Thằng I-li-u-kha tóc hung đang đi đi lại lại về trang trọng trước mặt cô ta. Vẻ như muốn trêu người tôi, gần đây nó thường hay lượn cạnh cô nàng, hàng ngày bắt đầu rửa ráy, thậm chí còn là cả cái quần vá và phình ra ở hai đầu gối.

Thằng I-li-u-kha diện đôi giày mới (tôi nghe thấy tiếng đi cọt két). Tôn-ca ngắm nhìn đôi giày và phá lên cười thú vị. Bây giờ tôi thấy như cô ta còn đẹp hơn trước. Đôi mắt đen lánh của cô ta ánh màu than đá. Không, tôi không chịu để mất Tôn-ca cho thằng mặt đây tàn nhang đâu! Sự bức tức do cơn đói gây ra càng tăng thêm lòng căm thù của tôi đối với thằng I-li-u-kha. Tôi hăm hăm xông thẳng tới nó. Đôi giày mới của nó té ra chỉ là một đôi đế cũ rách bời dẫu hắc ín.

Tôi thấy nhẹ cả người.

— Cậu có nghe nói gì về Đức Vua không? — thằng I-li-u-kha ngồi xuống cạnh Tôn-ca và hỏi khi tôi tới gần.

— Không, không nghe thấy và không thèm nghe.

— E, cậu rõ thật. Đức Vua đã đến chỗ chúng ta đây mà cậu cóc biết. Hôm nay mình đã trông thấy Ngài. Ngài giả vờ làm một con chim sẻ. Ngài đậu trên cây, nhìn mình với cặp mắt người và nói: «Chiếp chiếp, ta là Đức Vua, chiếp chiếp».

— Đây cho mày một quả thụ, cho cả Đức Vua của mày,

cả Hoàng hậu lẫn Hoàng tử nữa.

Tôi ngồi xuống cạnh Tôn-ca. Cô ta ngồi dịch sang một bên. Thằng I-li-u-kha thở khò khè:

— Cô ta không phải là vợ chưa cưới của mày đâu.

— Mày dám nói của mày chắc?

— Của tao, cứ hỏi cô ta mà xem.

Cứ theo thái độ của Tôn-ca nhìn thằng I-li-u-kha thì có thể cô ta sẽ khẳng định lời nó.

— Tôn-ca không phải của mày, cũng chả phải của tao. Cô ta là vợ chưa cưới của Va-xca, — tôi nói và hiểu rằng đánh trúng tim thằng I-li-u-kha.

Tôn-ca đỏ mặt cười phá lên.

— Thế Va-xca đâu? — cô ta hỏi.

— Ở nhà, đến bây giờ đây.

Thằng I-li-u-kha không chịu thua. Nó đứng dậy, rồi cúi xuống trồng cây chuối, dạng chân, giơ lên trời. Mặt nó lún sâu một nửa trong tuyết, đỏ tía lên. Tôn-ca nhìn nó vẻ thán phục. Tai nó tím tái đi nhưng nó vẫn đứng nguyên. Sau nó đỏ kên ra, loạng choạng đứng dậy, làu bàu, giọng khàn khàn:

— Tôi còn có thể đứng lâu hơn nữa kia.

— Suốt cả ngày cơ à? — Tôn-ca hỏi.

— Đúng thế, — thằng I-li-u-kha vừa khoe vừa lau nước mắt ứa ra.

— Thế có đứng được một trăm ngày không?

— Được chứ. Chỉ lúc nào ăn cơm tớ mới dừng lại.

Tôn-ca vói về hoặc là thán phục hoặc là giễu cợt nhìn thằng I-li-u-kha. Không có thì giờ để phân tích, tôi nghĩ thầm: «Ta sẽ bắt cóc!»

— Mày không bằng được ngón tay út của Va-xca đâu, — tôi bảo. — Va-xca đã phải ngồi tù vì đấu tranh cho tự do, thế còn mày?

— Nhưng tớ lại biết ăn cắp cơ, — thằng I-li-u-kha tự tán dương.

Tôi bước lại gần nó:

— Đây biết! Nào, thế mày ăn cắp một cái gì đó của tao xem nào. Đây thử ăn cắp cái vỏ đạn này xem.

— Tớ sẽ lấy được... Chỉ có một điều, cậu không

được nhìn kia.

Chấp tay sau lưng, miệng huýt sáo về dừng dừng làm như hoàn toàn không thèm chú ý gì đến tôi, thằng I-li-u-kha đi lướt qua chỗ tôi.

Tôi nắm chặt vỏ đạn trong túi. Nó lên đến phía sau, lỗ mông thọc tay vào túi tôi. Tôi chớp lấy tay nó.

—Ồ, sao mày lại chớp tay tao?— nó phát khùng.

Tôi thấy đã đến lúc thanh toán và thộp luôn ngực thằng I-li-u-kha.

—Thế sao mày thọc tay vào túi tao?

—Ờ kia, chúng mình đang chơi cơ mà,—thằng I-li-u-kha lùi lại.—Chả lẽ tao lại lấy thật của mày sao?

—Không, thế mày thọc tay vào túi tao làm gì?—tôi tấn công.

Thằng Áp-đun-ca ở trong sân chạy ra. Nó đứng xen vào giữa, can không cho chúng tôi đánh nhau. Trong lòng tôi thấy vui vui vì cũng thấy sờ sờ những móng tay dài ngoẵng câu bần của thằng I-li-u-kha.

—Thôi được rồi, cứ đợi đây, tao sẽ còn dẫn cho mày một trận,—tôi dọa.

Thằng I-li-u-kha tí tí khóc.

Vừa lúc đó Va-xca vác bao tải đi tới. Cậu ta bỏ bao xuống, rồi ngồi lên ghế dài. Cả bọn ngồi im một lúc.

Thằng I-li-u-kha hít mũi thật mạnh lấy tay áo quệt, rồi đề nghị:

—Va-xca, kể chuyện đi...

—Kể gì cho cậu nào?

—Chuyện gì cũng được.

Va-xca ranh mãnh liếc nhìn thằng tóc hung như thể nghĩ xem nên châm chọc nó cái gì. Sau cậu bảo:

—Bánh kem ở thành phố Ca-dan có mất, cậu có biết chuyện đó không?

—Ừ, hừ...

—Sao, cậu không tin à? Bánh để ăn, còn mất thì nhìn mà.

—Hừ...

—Cậu kể xem đã ngồi tù ra sao đi,—Ut-sa vừa mới đến đề nghị.

Va-xca nhỏ toét qua kẽ răng:

—Có gì đâu. Đây, ngồi như tớ đang ngồi bây giờ đây này.

—Láo toét,—thằng I-li-u-kha nói.

Tôn-ca đứng ở cổng rào, thương xót nhìn Va-xca. Rồi cô chạy vào trong nhà làm cái gì đó.

—Thế trong tù chúng có đánh cậu không?—I-li-u-kha hỏi.

—Có chứ,—Va-xca đáp.—Chính để làm việc đó mà có nhà tù của bọn Đức, để tra tấn dày vò người ta mà.

—Đây xem này, xem chúng nó đánh thế này này,—tôi thấy tự hào về Va-xca bỏ mũ cậu ta ra. Bọn trẻ kính cần xoa xoa tay lên những vết sẹo trên đầu Va-xca.

—Thế chúng đánh cậu vì tội gì?—I-li-u-kha hỏi.

—Biết nhiều, chóng già đây!—Va-xca cau có hất bao tải lên vai, đứng dậy.—Ta đi thôi, Len-ca—kéo chợ tan mất.

Đúng lúc đó Tôn-ca ở trong nhà chạy ra. Cô giấu cái gì đó sau lưng và ranh mãnh nhìn bọn chúng tôi khắp lượt.

—Tặng cho ai bây giờ đây?—cô giơ củ khoai luộc lên đầu, hỏi.

—Cho tớ,—thằng I-li-u-kha vội xen vào.

—Tớ, tớ,—tôi và Ut-sa đồng thanh.

Va-xca đứng im.

—Đưa tao,—Áp-đun-ca bảo.

—Anh ăn rồi,—Tôn-ca nói, rồi bỗng bước lại chỗ Va-xca:—Va-xca, biểu anh này. Anh cầm lấy, nào, cầm đi, em hãy còn.

—Không, cô cứ ăn đi...

—Nào, thôi cầm lấy đi, anh chàng kỳ quặc,—cô giận dỗi nói và cố ấn củ khoai vào túi áo Va-xca.

Chúng tôi cùng đi. Trên đường Va-xca dừng lại hỏi:

—Cậu muốn ăn không?

Cậu lôi củ khoai đã nguội trong túi ra, đưa tôi.

—Thế còn cậu, Va-xca?

—Tớ ăn rồi.

Ranh thật. Tôi bẻ đôi củ khoai ra.

—Cậu ăn đi, tớ mới ăn.

—Dừng vẽ chuyện, ăn đi. Tớ lớn hơn, tớ chịu được.

Nhưng tôi vẫn thắng lý và rồi chúng tôi chia đôi củ khoai.

Chợ họp ở quảng trường Xen-nai-a là một chợ nhỏ ít người. Có một vài bà bán khô dầu và giò, một chiếc xe chở hoa hướng dương và một xe bò chắt đầy rơm cao ngất. Có một xe chở ngô tới. Người ta chen lẫn nhau chung quanh xe.

Một bà nông dân béo phệ ngồi tít trên cao, lấy thân mình che đồng ngô vàng. Cạnh bà ta là một ông lão đội mũ lông cừu và mặc áo lông màu da cam. Ông ta hét lên:

— Các ông các bà, không vây quanh xe! Hết ngô rồi.

— Ê, — một người trong đám đông, giọng cao đôi ủng da mới lên đầu hỏi, — đôi ủng đôi được bao nhiêu?

Người nông dân khinh khỉnh liếc nhìn đôi ủng.

— Hai phun-tơ, — ông ta trả lời, rồi quay đi.

Đám đông xô vào. Nhưng bà béo phệ kêu lên xoe xoe:

— Các bà ơi, không có ngô đâu, đừng đứng đây nữa, không có đâu.

Phía bên một mụ bán hàng khác rao lớn:

— Giò cừu giá rẻ đây! Mười vạn rúp một suất đây! Chỉ có mười vạn thôi!

— Giò của mụ đã tham gia vào kỷ binh chưa? — một tay thanh niên đi qua trêu chọc và bị mụ bán hàng chửi té tát.

— Tóm đây, tóm đây! — tôi bỗng nghe thấy một tiếng rao thô bỉ ở đằng sau.

Tôi quay lại và nhìn thấy một bà già. Bà ta đi ủng. Cái mũi to tướng, tua tủa lông đen sì, lù lù trên khuôn mặt bé quắt thụt sâu trong chiếc khăn trùm màu xám. Mắt bà ta tối sẫm như hai đồng năm xu bằng đồng đen.

Va-xca lấy áo ra và bắt đầu mặc cả với một bà bán năm củ khoai tây, còn tôi lại gần bà già xem tôm.

— Cần gì chú bé? — bà ta hỏi. — Muốn mua tôm không?

— Giá bao nhiêu? — tôi hỏi, vẻ sành sỏi.

Bà già tò mò nhìn tôi và nói:

— Mà không mua được đâu, đắt đây!

— Thế nếu như tôi có mười vạn, — tôi đáp.

Bà già mỉm cười, nhe hàm răng vàng khè ra, rồi lắc đầu về thông cảm.

— Bà biết cháu nghèo, chú bé ạ. Vì thế bà cho cháu tôm đây, không lấy cháu một xu.

Bà ta lấy một con tôm, chìa cho tôi. Tôi lùi lại.

— Cầm lấy, thằng ngốc, cầm lấy, bà sẽ cho thêm. Cháu là một chú bé nghèo khổ, bà biết chứ.

Như một cái máy, tôi giơ tay nhận hai con tôm, rồi liếc nhìn Va-xca lúc này đã bán xong áo và đang mua khoai. Tôi định lại gần chỗ cậu, nhưng bà già đã kéo tay tôi lại.

— Lại gần đây chú bé, bớ cháu có lẽ mất rồi phải không?

— Không còn nữa, — tôi cau có trả lời.

— Thế đây! Bà cũng đã đoán ra. Cháu tên gì?

— Len-ca.

— Ô, cái tên hay quá, ngay cả bà cũng ghen tị. Len-ca, hôm nay ở trong thành phố có cuộc họp gì đây?

— Ngày hội của chính quyền chúng ta.

— À, à, ra thế! Có thể đến dự được không, hay chỉ dành cho Hồng quân thôi?

— Chỉ dành cho những người lao động thôi.

— Hay quá, — bà già thốt lên. — Thế nghĩa là bà cũng đi đến đó một chút cho vui tuổi già. Thế nhưng có thể là ông chỉ huy Hồng quân sẽ không cho bà vào nhỉ?

— Cháu không biết, — tôi đáp, — bà hỏi ông ta ấy.

Một lão để ria mép, cầm roi ngựa đi tới chỗ chúng tôi. Lão ta quật mạnh roi vào chiếc ghế đầu của bà già, vui vẻ hỏi:

— Bán không, bà già?

— Tôi đang bán, đang bán, — bà già đáp, không thèm nhìn người mới tới. — Đừng có quấy rầy, tôi đang bán hàng.

Lão ta bỏ đi, dạo quanh khắp chợ, đập đập roi vào ông giầy ủng bằng da.

Bà già càng kéo tôi lại gần hơn, đôi tay to lớn xoa vuốt vai tôi.

— Len-ca, cháu cầm thêm con tôm nữa này. Cầm lấy đi, đừng sợ. Rồi cháu nói đi, bà biết hỏi ai bây giờ... Ai là chỉ huy Hồng quân?

— Để làm gì? — tôi cảnh giác hỏi.

— À, — bà ta lãnh đạm trả lời, — bà muốn biết ai có thể là chỉ huy được nếu trong quân đội ở đây chỉ có hai người?

—Ờ mà không phải hai người đâu, — tôi phản đối.

—Thế thì bao nhiêu nào? — bà già âu yếm hỏi và kéo tôi vào lòng.

Tôi thấy khó chịu. Tôi vùng ra và kêu lên.

Va-xca chạy tới.

—Cậu làm sao thế? — cậu hỏi và liếc nhìn bà già.

—Đây, bà ta cứ ôm lấy mình. Bà ấy cần gặp bác Mi-chai. Mụ già giận dữ, mắt long sòng sọc, rồi bỗng nắm chặt tay áo tôi.

—Sao mày ăn cắp tôm của tao, hả? Để làm gì, hả?

Rồi như từ dưới đất nhoi lên, quanh chúng tôi xuất hiện khá nhiều lão già khả nghi, trong đó có cả lão già cầm roi lúc trước.

Họ đưa mắt liếc nhìn mụ già như muốn hỏi phải làm gì với chúng tôi đây. Vòng vây đáng sợ càng khép chặt lại. Tôi rợn cả người, tôm rơi khỏi tay. Va-xca đến sát mụ già:

—Buông ra!

Nhưng mụ ta không chịu thả tôi ra. Lông mày mụ cau lại, răng nhe ra.

—Buông nó ra! — Va-xca lại hét lên, lời phát tôi ra khỏi tay mụ già, rồi chúng tôi bỏ chạy.

Một lão già chân ngáng Va-xca làm cậu ngã xuống tuyết, một lão khác đánh vào cổ đến nỗi mãi sau này tôi vẫn không quay đầu lại được.

Va-xca chui ra khỏi đồng tuyết. Lão có ria mép, mặc quần màu xanh da trời, tóm lấy áo Va-xca, nhưng cậu vùng sang bên.

—Chạy mau đến bác Mi-chai. Bọn cướp đây.

Chúng tôi ba chân bốn cẳng chạy đến nhà Xô-viết.

4

Bác Mi-chai không có ở đây. Chú gác chỉ cho chúng tôi đến rạp chiếu phim.

Đến đó chúng tôi thấy bác đang đứng trên cái thang cao dựng vào tường. Bác vừa đóng đinh vào tấm bảng kẻ khẩu hiệu «Chính quyền Xô-viết muôn năm» màu đỏ, vừa nói

chuyện với chị Na-đi-a, tay cầm hộp đinh, đứng dưới chân thang.

Khi bác xuống chúng tôi nắm lấy tay bác, tranh nhau nói tíu tít.

Bác Mi-chai cười, xua xua tay.

—Nào, dừng lại đã nào, nói cho rõ ràng rành mạch. Nào, cháu nói đi. — Bác hất đầu về phía tôi.

Tôi nghĩ một chút, rồi kể cho bác tất cả những gì hai đứa đã trông thấy và nghe được ở ngoài chợ.

—Cháu kể hết rồi chứ? — bác mỉm cười hỏi.

—Hết ạ, — tôi trả lời, người mệt bã ra.

Bác thọc tay vào túi, rút ra cả một xếp phiếu màu vàng.

—Đây, — bác nói, — các cháu đến kho nhận bánh và ăn ở nhà ăn, còn về chuyện mụ già thì đừng sợ, mọi việc sẽ ổn thôi. Đi, đi, các cháu.

Bác Mi-chai phái một đội cận vệ đỏ ra chợ, nhưng không tìm thấy cả mụ già lẫn bọn người khả nghi đâu cả.

—Bọn chúng tẩu mất rồi, — Va-xca nói thầm với tôi, — cần phải bảo vệ bác Mi-chai. Tôi sẽ thường xuyên đi theo sau bác ấy, còn cậu theo dõi phía sườn nhé.

Chúng tôi đến nhà ăn của đội cận vệ đỏ. Ở đó người ta phát cho mỗi đứa chúng tôi cả một xoong lúa mạch màu xanh và một miếng bánh ngô. Chưa bao giờ tôi lại ăn nhiều như vậy. Thậm chí tôi còn liếm cả xoong nữa. Giá được ăn thêm nữa nhỉ, nhưng như bố tôi vẫn thường nói, bụng đâu phải là cái túi, không nên ăn dự trữ. Thế là phải bỏ món xúp.

Xế chiều, còn lâu mới đến giờ khai mạc buổi lễ mà gần rạp chiếu phim đã tụ họp khá nhiều người. Đến tối một tập chiến sĩ Hồng quân đeo súng sau lưng đi tới. Họ hát vang bài:

Bay đi, hãy bay đi

Hỡi con ngựa của ta

Chớ, chớ có vấp ngã

Rồi gần tới sân người yêu đâu

Hãy dừng chân, xin hãy dừng chân.

Khi họ bắt đầu cho lần lượt từng người vào một thì Va-xca chạy tới, lôi tay tôi.

—Đi mau lên!

—Đi đâu cơ?

—Đi. Cậu sẽ lên phát biểu.

—Thế nào kia?—tôi hoảng hốt, hỏi lại.

—Rất dễ hiểu thôi. Có phải bố cậu đã bị bọn chúng giết không nào? Đúng thế. Đó chính vì thế mà bác Mi-chai muốn để cậu phát biểu...

Va-xca kéo tôi đi qua phòng họp. Khắp nơi lấp loáng ánh đèn thợ mỏ và những mẫu nến dorr. Ánh sáng thì ít ỏi và yếu ớt, mà trần nhà lại đen sì muội.

Trên sân khấu đặt cái bàn phủ vải đỏ, sau bàn để những lá cờ. Bác Mi-chai dẫn chúng tôi đến chỗ các lá cờ.

—Các cháu đứng đây nhé và hãy đứng không nhúc nhích.

Khắp nơi có những khẩu hiệu, còn trên sân khấu là chân dung Các Mác—người thầy của tất cả công nhân và nông dân.

Công nhân và các chiến sĩ Hồng quân ngồi trong phòng, trên những chiếc ghế gỗ dài, những chiếc ghế mềm có tay vịn bọc nhung và chân mạ vàng của nhà Sa-tô-khin. Người ta hút xì gà cuộn bằng tiền «kê-ren-ki». Người ta nhảy múa giữa các hàng ghế. Gian phòng không đốt sưởi, mọi người đội cả mũ, trùm cả khăn. Chung quanh mùi mật khói thuốc lá cuộn.

Đàn phong cầm chơi dồn dập. Chị Na-đi-a chống tay bên sườn nhảy múa. Chị mặc áo va-rơ bộ đội, đi ủng và đeo súng lục có dây đai vắt qua vai. Bím tóc dài của chị đã không còn nữa. Từ dưới cái mũ trùm xuống tận gáy lộ ra những búp tóc quăn mềm. Mặt chị đỏ bừng, mắt sáng lên. Quanh chị Na-đi-a tiếng kêu hét, tiếng cười nói ồn ào. Chú thợ mỏ Pê-chi-a bắt đầu vào nhảy thi với chị. Chú tiến tới gần chị, giậm chân mời, rồi đi vòng tròn, bật tay tanh tách. Sau đó chú đập tay vào ống giày ủng, rồi ngồi thụp xuống múa, giơ chân cao hơn đầu.

—Này, đừng có thua đây!—các chiến sĩ Hồng quân kêu lên cổ vũ.

Chị Na-đi-a dừng lại, rồi cất tiếng hát:

Mẹ nghiêm khắc hỏi tôi:

«Sao không tin Chúa Trời?»

Tôi ngay thẳng trả lời:

«Bởi làm gì có Chúa».

Lắc lắc những búp tóc quăn mềm, chị Na-đi-a lao vào nhảy

múa, đập gót giày nhọn nhọn.

Nhảy múa xong, mọi người tản về chỗ.

Bác Mi-chai gõ gõ bút chì vào cái bình và khi trong phòng đã im lặng, bác mới tỉ tay lên bàn, bắt đầu nói:

—Các đồng chí thân mến! Cho phép tôi được chúc mừng các đồng chí nhân ngày lễ kỷ niệm một năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười.

Tiếng vỗ tay ran lên trong phòng. Tiếng ồn ào vui mừng chuyển sang tiếng hát. Nhạc chơi một cách trang trọng và tất cả đứng dậy, bỏ mũ, để đầu trần, cất tiếng hát:

Cả Chúa, cả Nga hoàng, cả các hiệp sĩ

Không ai có thể giải thoát chúng ta.

Chúng ta tự giải phóng

Bằng chính đôi tay của mình.

Dứt tiếng hát, mọi người lại đội mũ, ngồi cả xuống. Bác Mi-chai nói tiếp:

—Thưa các đồng chí! Chúng ta kỷ niệm ngày lễ sáng tươi của chúng ta trong hoàn cảnh thật là khó khăn. Mới chỉ hai tuần trôi qua, kể từ khi chúng ta đánh đuổi được bọn Đức. Bảy giờ bọn can thiệp nước ngoài lại đang thít chặt chúng ta vào vòng vây. Nhật Mỹ đã đổ quân lên vùng Viễn Đông. Ở Cáp-ca-dor bọn Thổ Nhĩ Kỳ đã chiếm Ba-cu. Thành phố Ba-tu-mi ở Hắc Hải đã bị bọn Anh xâm chiếm. Nhưng tên Sốc-sin, bộ trưởng quốc phòng của Anh, tên đàn áp bóp nghẹt giai cấp công nhân, không chỉ dừng ở tội ác đó. Nó còn ra lệnh đổ quân xuống vùng Ác-khan-ghen-xơ. Ở đó lúc này dòng máu vô sản đang đỏ. Ở phía Nam, quân Pháp chiếm đóng Ô-đét-xa. Quân của tướng Côn-sắc từ Xi-bi-ri xông sang. Ở U-cơ-ra-i-na thì lại có bọn phỉ Pét-liu-ra và phỉ Mắc-nô. Còn kẻ thù của nhân dân—bọn men-sê-vích và cách mạng xã hội đã bắn bị thương đồng chí Lê-nin, lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới. Chúng ta không có bánh mì, không có than, vũ khí lại ít, nhưng chúng ta không ngã lòng, chúng ta có hàng triệu người!..

Tôi liếc nhìn Va-xca. Mặt cậu thật nghiêm nghị và lá cờ trên đầu Va-xca vẫn còn sức mùi thuốc súng và còn hằn rõ những vết đạn lỗ chỗ.

—Trong đói rách và thiếu thốn chúng ta vẫn vui mừng

kỷ niệm năm đầu tiên cuộc Cách mạng vĩ đại trước sự khiếp sợ của quân thù,—bác Mi-chai nói tiếp,—và chúng ta tin tưởng rằng chẳng bao lâu nữa với cánh tay hùng mạnh của mình chúng ta sẽ quét sạch tất cả mọi kẻ thù khỏi đất nước...

Có tiếng ầm ầm, la hét om sòm ở lối ra vào. Cửa bật tung ra, rồi có hai người chậm rãi bước vào phòng. Một người mặc chiếc áo choàng lông ngỗng màu xanh rất đẹp có viền trắng. Bên sườn hắn ta có giắt một thanh gươm cong quét lê trên sàn, còn lưng lẳng sau thắt lưng rộng bản là hai khẩu súng lục và quả lựu đạn. Tôi liếc nhìn—và lạnh cả người. Qua cái mũi tim tím, tôi biết người đầu tiên là mục giả mà tôi đã nói chuyện ngoài chợ. Còn người thứ hai tôi nhận ra ngay cái lão già cầm roi quen thuộc.

Bọn chúng khệnh khạng từ từ đi lên phía trước.

Tên đi đầu chậm rãi quay lại tên mặc áo vàng đi theo sau, có ý hỏi thật to:

—Grit-xeô, chúng làm gì ở đây thế, bọn người này à?

Lão Grit-xeô đứng dậy, tay để lên đốc gươm, lão xước nhìn mọi người. Hắn ta trả lời, cũng cái giọng kéo dài và cần rở ấy:

—Thưa bố, có lẽ đây là đám cưới của chúng nó.

—Đám cưới à?—tên đi đầu nhắc lại cho cả phòng nghe thấy.—Thế bọn nhạc công đâu? Mà ta cũng chẳng nhìn thấy chú rể đâu cả.—Hắn nheo mắt, chỉ roi vào bác Mi-chai đang đứng trên sân khấu và hỏi:—Chú rể kia hả?

—Chắc hẳn là nó đây,—tên cướp kia trả lời.

—Thế thì gọi nó lại đây vì ta xem không rõ mặt.

Bác Mi-chai dậm xuống bàn, quát:

—Đồng chí gác đâu? Ngoài ấy thế nào đây? Cho bọn hể này vào đây làm gì thế?

—Ai? Tao á?—tên cướp hỏi lại.—Ái chà thằng này, đồ con nghèo ghê tởm! Mà biết tao là ai không? Mà há không biết tao chính là cha «Quả táo» đây sao? Nào xuống đây!—bọn cướp chìa ngay súng lục ra.

Mọi người bật dậy. Các chiến sĩ Hồng quân vớ lấy súng. Bác Mi-chai nhảy từ trên sân khấu xuống. Va-xca nấp bên

cửa, nhanh tay cài cái móc sắt vào.

—Đả đảo Chính quyền Xô-viết! Đả đảo công xã!—tên «Quả táo» hét lên và bắn vào bác Mi-chai.—Các cậu ơi, cái bọn sâu bọ bắn thiu này!—Lão «Quả táo» vừa hét vừa xả súng bắn bừa vào đám đông.—Hãy trước vũ khí, gọi bọn ta ngoài phố vào.

—Các đồng chí bình tĩnh!—bác Mi-chai hét to, lách người lên trước.

Bọn cướp đã bị áp đảo.

Tiếng súng vang lên ngoài phố. Kính cửa sổ vỡ kêu loảng xoảng, đạn bay rít lên khắp phòng. Bọn phi chửi rủa và lấy báng súng nện thật lực vào cửa chính và quát tháo:

—Này, bố ơi! Cái gì xảy ra ở đây? Mở cửa ra.

Tôi nhớ tới lệnh của Va-xca—phải giữ lấy cò, tôi chộp luôn một lá cò giật lấy lá cò thứ hai, rồi nhảy vào phòng nhấc vờ.

Trong phòng người ta đánh nhau, đèn rơi từ trên tường xuống vỡ loảng xoảng, ghê gớm kêu răng rắc. Có tiếng ai đó hét lên: «Cháy! Cháy!» Tôi ngồi trong phòng nhấc vờ ghi chặt vào ngực những lá cò.

Tiếng súng xa dần. Trong phòng chỉ còn nghe thấy tiếng rên rĩ khe khẽ, tiếng bước chân và một vài giọng nói đơn độc.

Sau cùng những tiếng đó cũng im hẳn.

Tôi chui ra khỏi phòng nhấc vờ. Xung quanh tối đen. Tôi sờ soạng vấp phải những ghê gớm, tìm thấy cửa và chạy ra ngoài phố. Bão tuyết đã lặng, xa xa đâu đó vẫn nghe thấy tiếng súng riêng lẻ.

Tôi vừa đi vừa suy nghĩ chuyện vừa xảy ra bất ngờ làm sao, như trong giấc mơ vậy. Và khi gặp một con chó to tướng, lông xù ở góc phố tôi đã dũng cảm tiến thẳng tới nó. Con chó không chịu được, đã phải rẽ sang một bên.

Về tới nhà không thấy ai, tôi đã cất cò vào hòm và lại quyết định đi vào thành phố tìm Va-xca.

Tôi vừa bước ra, bỗng chạm trán với một bóng đen bên cổng rào.

—Ai ở đây thế?

—Thế còn ai đây?

Tôi nhận ra tiếng Tôn-ca.

—Cô đi đêm một mình làm gì thế? Trong thành phố đang có bọn cướp đây.

—Tôi biết rồi.

—Đợi lúc chúng nó giết cô, bây giờ sẽ biết.

—Chúng đã không giết anh đây thôi.

—Đồ ngốc, tôi khác, cô khác.

—Thế Va-xca đâu, Len-ca?—Tôn-ca hỏi.

—Va-xca đang chiến đấu, đánh bọn cướp còn tôi hết đạn, và thế là tôi phải về nhà nạp đạn vào súng lục đây...

«Nó sắp hỏi đến súng bây giờ đây và sẽ phải nói dối».

—Thế anh có súng lục à? Đưa xem nào.

«Đây, thằng I-li-u-kha biết nói dối, mình thật thèm...»

—Đưa cái khẩu súng ấy xem nào.

—Cho cô xem để cô không biết cầm, lại tự mình bắn vào mình ấy. Lúc đó tôi lại phải chịu trách nhiệm về cô.

Tôn-ca im lặng. Tôi cũng không biết phải nói gì. Bỗng tôi nhớ là có lúc đã muốn bắt cóc Tôn-ca.

—Tôn-ca, Tôn-ca này!

—Gì?

—Cô yêu ai?

—Mẹ và bố.

—Ai nữa?

—Anh Áp-dun-ca.

Tim tôi đập mạnh.

—Cô biết không?

—Sao cơ?

—Này... cô biết không... này tôi sẽ bắt cóc cô nhé.

—Thế nào kia?—Tôn-ca hốt hoảng hỏi.

—Thế này nhé. Tôi sẽ mang cô đến cánh đồng cỏ trên bờ sông Can-mi-út. Tôi sẽ dựng nhà bằng cối. Chúng mình sẽ sống ở đây. Sẽ tắm sông. Tôi sẽ đi làm ở nhà máy, còn cô ở nhà nấu ăn...

Thoạt đầu Tôn-ca cười phá lên, sau cô ta ngẫm nghĩ.

—Thế còn bố mẹ? Bố mẹ sẽ đi tìm tôi.

—Để làm gì: bố mẹ cô càng thích hơn vì không phải nuôi cô nữa. Thế nào? Bắt cóc nhé?

Tôn-ca do dự.

—Còn sợ gì nữa, cô bé ngốc nghếch? Cô biết không, chúng mình sẽ chung sống, ta sẽ làm lễ cưới. Thích lắm nhé. Thế nào? Bắt cóc chứ?

—Thế có mang Va-xca đi theo không?

—Để làm gì?

—Thế, thôi...

—Nếu cô muốn, ta sẽ mang theo.

—Bắt cóc tôi đi.

Tôi không ngờ có sự đồng ý nhanh như vậy và trở nên bối rối. Tôi không biết bắt cóc cô như thế nào, mang cô ra sông bằng phương tiện gì. Tôi đã nói chuyện nhảm nhí và bây giờ cần phải gỡ ra cho thoát. Cô cũng hay đây chứ, tôi chưa kịp nói, cô đã xui bắt cóc đi! Và Tôn-ca đối với tôi trở nên hết đẹp ngay. Tôi nghĩ đến Va-xca và chợt muốn đến chỗ cậu. Tôi tưởng tượng ra bây giờ cậu đang chiến đấu với bọn cướp ra sao, cậu đang tung hoành dọc ngang giữa bọn chúng thế nào. Tôi muốn đến bên cậu và lao vào quân thù.

Va-xca, Va-xca, người bạn trung thành của tôi! Tôi nhớ lại khuôn mặt cau có và đôi mắt xanh hiền dịu của cậu. Tôi nhớ lại sự thương yêu chăm sóc của cậu đối với tôi, tình bạn nồng thắm của cậu với tôi và tôi hiểu là người mình yêu hoàn toàn không phải là Tôn-ca, mà là cậu—người đồng chí trung thành của tôi.

Tôi liếc nhìn Tôn-ca. Cô nhìn tôi, đôi mắt đen lánh mở to, chờ đợi.

—Thế nào?—cô hỏi và nhẹ nhàng nắm lấy tay tôi.

—Cái gì?

—Bắt cóc em đi, anh còn chờ gì nữa?

—Cô thật...—nói rồi-tôi chạy biến vào thành phố.

Chương mười một

BỌN ĐÊ-NI-KIN

Và thế đây, hãy cho Hồng quân
Kiềm nắm chắc trong bàn tay chai sạm
Rồi tất cả cùng không do dự,
Bước vào cuộc đấu tranh sống mái cuối cùng.

Va-xca được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản. Trong tòa nhà viện Đu-ma cũ của thành phố, giờ là trụ sở của khu đoàn Đoàn Thanh niên Cộng sản U-cơ-ra-i-na (ĐTNCSU), anh em công nhân đang họp.

Ngồi sau cái bàn phủ cờ đỏ trên sân khấu là chị Na-đi-a mặc áo va-roi bộ đội mới, chiếc thắt lưng da bộ đội bị khâu sủng lục nặng có vỏ da kéo xệ xuống. Bên chị là một anh chàng tóc đen mặc áo khoác. Mọi người gọi anh rất lạ, người thì «Chủ tịch đoàn», người thì «Va-nhi-a».

Ảnh Lê-nin treo tít sâu trong sân khấu được trang trí bằng những lá cờ đỏ thắm. Lê-nin mặc bộ quần áo giản dị, đội mũ cát-két công nhân màu đen, thắt ca-vát đốm trắng nhìn tôi mỉm cười. Căn phòng chật hẹp trở nên ấm áp, tươi vui do có ảnh Lê-nin với đôi mắt âu yếm của Người.

Va-xca đứng trên sân khấu, bồi rồi mân mê chiếc mũ trong tay, dường như không phải chị Na-đi-a, mà chính là ông Lê-nin kết nạp cậu vào Đoàn Thanh niên Cộng sản ấy. Chị Na-đi-a vẻ nghiêm trang hết một ông chánh án, nghiêm nghị hỏi Va-xca bao nhiêu tuổi, bố mẹ là ai và cậu có thái độ ra sao đối với cách mạng.

Va-xca trả lời.

Tiếp sau chị Na-đi-a, các công nhân lên phát biểu và rất khen Va-xca, nhắc lại chuyện Va-xca đã bị hành hạ ra sao

khi cậu còn làm ở lò than cốc.

Va-nhi-a Chủ tịch đoàn cũng phát biểu. Anh ấy kể lại chuyện Va-xca đã đi dán truyền đơn chống lại bọn Đức và vì vậy đã bị bọn Đức bỏ tù ra sao.

Sau đó bác Mi-chai, chính ủy, cũng tới dự. Bác nói là mặc dù Va-xca chưa đủ tuổi, nhưng cần kết nạp cậu vào Đoàn Côm-xô-môn.

—Đội ngũ của các đồng chí mạnh hơn vì được thêm một chiến sĩ nữa. Mặc cho giai cấp thống trị run sợ trước cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng này giai cấp vô sản không mất gì ngoài xiềng xích của họ. Và họ sẽ được cả thế giới!

Bác Mi-chai nói thật là hay. Bây giờ mặc cho thằng Xen-ca con lão hàng giò run sợ!

— Vấn đề đã rõ ràng, — chị Na-đi-a nói. — Các đồng chí, chúng ta sẽ biểu quyết. Ai đồng ý kết nạp Va-xca Rút-nhép, con em của giai cấp vô sản, vào hàng ngũ chiến đấu của Đoàn Thanh niên Cộng sản, đề nghị giơ tay lên.

Tôi ngồi xôm cạnh cái lò tròn và cũng giơ tay đồng ý Va-xca. Chị Na-đi-a trao cho Va-xca một quyển sổ con. Bác Mi-chai lắc mạnh tay Va-xca như lắc một người lớn, tất cả đoàn viên Côm-xô-môn ngồi trong phòng đứng cả dậy, cất tiếng hát:

Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian
Vùng lên hỡi ai cực khổ bần hàn!

Tôi cũng muốn chiến đấu đến hơi thở cuối cùng nhưng người ta không kết nạp tôi vào Đoàn Côm-xô-môn. Chị Na-đi-a bảo chỉ kết nạp vào Đoàn Côm-xô-môn những ai biết cầm súng. Làm như chị Na-đi-a không biết tôi đã suýt bắn chết thằng I-li-u-kha. Thôi được, mặc cho đồng chí chỉ huy béo tai, mặc cho người ta cầm mon men tới gần vũ khí, nhưng liệu tôi đã biết bắn súng hay chưa đã nào? Nếu như không biết bắn thì đã chửi bắn rồi...

— Em hãy đợi hai năm nữa, chúng tôi sẽ kết nạp. — Chị Na-đi-a bảo tôi.

Mà điều đó lại đúng lúc Đê-ni-kin đang tiến tới thành phố của chúng tôi. Bọn chúng đã chiếm được ga Ca-ra-van-nai-a và đã tới gần thành phố, tôi đã tận mắt đọc được tâm

áp-phích trên tường: «Tất cả mọi người đi đánh nhau với bọn Đê-ni-kin».

Chị Na-di-a quá quyết với tôi rằng không ai có thể lật đổ được Chính quyền Xô-viết. Chúng tôi sẽ cùng chiến đấu. Chẳng có lẽ Va-xca lại không cho tôi bắn vào quân bạch vệ sao.

2

Với cảm giác sung sướng tôi cầm trong tay tấm thẻ đoàn của Va-xca. Ngoài bìa có chữ in nổi «ĐTNCSU». Có lẽ tôi sẽ hiến dâng tất cả những viên đạn của mình để được cuốn sổ như vậy! Chỉ mình Va-xca hiểu được tâm trạng nặng nề của tôi.

— Va-xca, cậu có biết thằng Đê-ni-kin ở đâu ra không?

— Từ nước Anh. Vua nước Anh này mới lôi thằng Đê-ni-kin ra. Hắn nói tao cho mày súng liên thanh, tao cho mày phi cơ, bay được trên bầu trời, tao cho mày đại bác, súng trường, mày phải giết hết bọn bọn-sé-vích.

— Chúng ta thật không may, — tôi bảo, — khi thì Kê-ren-xki, khi thì bọn Đức tới, lúc thì toán cướp, bây giờ lại thằng Đê-ni-kin.

Va-xca thở dài:

— Chúng mình phải giúp Hồng quân cái gì chứ. Nhất định phải giúp.

— Tớ biết cần giúp gì rồi, chúng mình đưa lựu đạn lại cho họ.

— Lựu đạn nào?

— Cậu không nhớ, chúng mình đã bắt được ở ngoài sông ấy à?

— Lựu đạn đó không còn tác dụng nữa, nó bị gỉ rồi.

Bỗng Va-xca:

— Thê này nhé. Chúng mình sẽ trao lại những viên đạn đã thu thập được ấy. Cậu có bao nhiêu?

— Tớ có bốn băng. Ba với bốn là bảy. Bảy băng mỗi băng có năm viên, tất cả sẽ là bao nhiêu?

Chúng tôi đếm trên đầu ngón tay: ba mươi năm viên.

— Ít quá, — Va-xca chán ngán.

— Giá lấy được của thằng I-li-u-kha, — tôi nhắc. — Thằng tóc hung ấy thu nhặt được cả một chậu giặt đầy.

— Nó lấy ở đâu ra?

— Ăn cắp. Cậu rõ thật, không biết thằng tóc hung sao?

— Phải đoạt lấy, — Va-xca nói.

— Đoạt thế nào được một khi nó đem chôn hết cả xuống đất rồi.

— Cậu hãy nói là chúng mình bắt giam nó.

— Dù thế nào nó cũng không chịu nhả đâu! Cái thằng tham lam ấy!

— Thê thì hãy thắng nó. Cậu hãy tới và bắt nó chơi. Còn tớ, cậu phải tự hiểu, bây giờ tớ không thể làm như vậy được, dù sao tớ cũng đã là đoàn viên Côm-xô-môn.

— Thê nếu tớ bị thua?

— Không được, cậu rõ thật!

— Thê nhờ không gặp may?

— Chỉ có bọn lười biếng mới không gặp may. Còn cậu phải tự hiểu: ta thắng — và chấm hết. Biết đâu chính những viên đạn của chúng mình sẽ giết đúng thằng Đê-ni-kin, cậu hiểu chứ?

— Tớ hiểu.

— Đi chơi đi! Và nếu như xảy ra chuyện gì — ta sẽ đoạt lấy.

Tôi lấy đạn, rồi chạy đến nhà thằng I-li-u-kha.

— Chúng mình chơi nào? — tôi đề nghị thằng I-li-u-kha khi thấy nó bước ra khỏi cổng rào và ngồi xuống ghế dài.

— Chơi với mày chỉ mất thì giờ. Nhặt được mỗi viên đạn gỉ mà cũng gạ — chơi nào!

Tôi lôi trong ngực áo ra những băng đạn mới toanh. Mất thằng I-li-u-kha sáng lên. Nó nhìn tôi vui vẻ như vớ được một món bở.

— Thôi được, nào chơi. — Nó đồng ý. — Nhưng không được bỏ đi đây, tao chạy về lấy đạn cái đã.

Tôi nhòm qua khe rào thấy thằng I-li-u-kha ngoái lại xem tôi có theo dõi không, rồi nó nhanh nhẹn lẩn vào trong kho. Mãi không thấy nó ra.

Tôi bắt đầu lo: nó có sợ hay không? Nhưng nó đã quay ra và giơ cho tôi xem một băng đạn.

—Có một thoi à?—tôi cần nhìn.—Thế mà khoác lác cả một chậu!

—Cứ chơi được cái này đi, rồi sẽ thấy.

Tôi muốn thắng đến mức đã tưởng tượng ra mình là chủ tất cả tài sản quý báu của thằng I-li-u-kha. Cứ thử nghĩ xem, mang về cho Va-xca được cả một chậu đạn.

Chúng tôi dốc những vỏ đạn cũ trong túi ra để xếp vào vach. Chúng tôi không xếp đạn thật để khỏi làm bẹp và cũng để tránh nguy hiểm nữa: đạn có thể nổ tung khi bị va mạnh.

—Chúng mình sẽ đặt mấy viên?—thằng I-li-u-kha hỏi.

—Năm viên.

—Đặt vào.

—Còn mày?

—Không ngại, tao sẽ đặt.

Một hàng dài mười vỏ đạn dăng ra trước mặt chúng tôi. Chúng tôi đếm sáu bước, vach một vach ngang mà không ai được vượt qua, rút thăm xem đứa nào được đi trước. Tôi đã gặp may. Tay tôi run lên: Va-xca bảo—nhất định phải thắng—nhưng bỗng bị thua thì sao?

Tôi vung tay.

Đồng cái đồ bằng chì nặng lướt trên những vỏ đạn, không trúng vào cái nào. Chỉ có một đám bụi mù bốc lên xa xa phía sau vach.

Thằng I-li-u-kha bước một bước dài ngắm đích, rồi tiếng vỏ đạn đồng loảng xoảng vang nhói vào tim tôi. Thằng I-li-u-kha đã hạ đồ một lúc sáu vỏ đạn. Bắt đầu đánh những cái còn lại. Thằng I-li-u-kha lại hạ thêm ba cái nữa. Dù tôi đã cố gắng đến thế nào đi nữa, thằng I-li-u-kha vẫn hạ nốt chiếc vỏ đạn cuối cùng.

Thế là phải đưa cho nó cả một băng mới toàn đạn thật.

—Chơi nữa chứ?—thằng tót hung chế nhạo.

—Chơi, chơi chứ. Đặt mười nào,—tôi bực tức đáp.

—Đặt vào!

Hiệp hai thằng I-li-u-kha cũng thắng. Tôi hồi hộp đến nỗi phải đánh tới năm lần mới hạ được có hai vỏ đạn.

—Nữa chứ?—thằng I-li-u-kha giễu cợt hỏi và nhét tất cả đạn của tôi vào trong ngực áo.

Tôi giận dữ đặt nốt vào vach hai vỏ đạn cuối cùng. Bây giờ thằng I-li-u-kha sẽ hạ đồ chúng và thế là hỏng hết. Thế mà cũng gọi là giúp đỡ Hồng quân!

Tôi nhìn quanh xem Va-xca có đi tới không. Nếu gọi cậu ta, thằng I-li-u-kha sẽ bỏ chạy mất.

Lại trúng vào lượt tôi được đi trước. Bây giờ cả tay lẫn chân cũng run bắn. Để bình tĩnh, tôi đặt đồng cái xuống một bên rồi thất lại quần, mặc dù việc đó không cần thiết.

—Đánh đi, lẽ mề thế?

—Đợi tí, quần tụt.

—Sửa lại sau, đánh đi!

—Gớm, khôn chưa. Nhưng tao thấy vương. Sao, tao không được quyền thất lại quần à?

Tôi liếc nhìn về phía nhà một cách vô vọng, vẫn không thấy Va-xca đâu.

Không gì có thể giúp được nữa: tôi lại thua. Tôi sẽ sung sướng được ném ngay đồng cái không phải vào những vỏ đạn, mà vào chính thằng I-li-u-kha, nhưng chả làm sao được: chơi là chơi.

—Tao sẽ mang thêm lại giờ nhé?—tôi nói, cố giữ cho khỏi khóc.

—Mang lại đây, mà nhiều vào,—thằng I-li-u-kha chế giễu.—Đạn rất có ích cho tao.

Tôi tìm thấy Va-xca ở kho. Cậu vừa đổ chì vào vỏ đạn súng săn. Chì vẫn còn nóng bỏng.

—Va-xca...

Tôi không còn nói thêm được một lời nào. Va-xca nhìn tôi chăm chăm, cậu đã hiểu tất cả.

—Không may, Va-xca, nhưng tớ biết làm sao được,—tôi cô tự bào chữa.

Va-xca giận dữ, chụp mũ lên đầu, bỏ vào túi bốn băng đạn của mình, rồi giận dữ nói:

—Thế mà tớ lại định tặng cậu đồng cái mới.

Tôi chán ngán lê theo Va-xca, còn cậu sai dài chân trên sân ra tới cửa rào, dáng vẻ quả quyết và hung dữ. Thằng I-li-u-kha

đang ngồi trên ghế dài, nhổ phỉ phỉ vỏ hạt hướng dương ra xa. Thậm chí nó không thèm quay lại chỗ chúng tôi.

— Cậu thắng Len-ca hả?

— Với nó thì ngay cả gà cũng thắng được.

— Chơi với tớ đi!

— Tớ không thích! Tớ sẽ chơi với Len-ca.

— Nhưng tớ bảo cậu: phải chơi!

— Cậu không có quyền bắt.

— Len-ca, cậu lột mũ nó ra.

Tôi chỉ đợi có điều đó và chớp luôn lấy mũ trên đầu thằng I-li-u-kha, giấu ra sau lưng.

— Trả mũ đây!

— Cậu chơi đi, chúng tớ sẽ trả lại mũ, — Va-xca bảo nó.

— Thôi được.

Cuộc đấu lại bắt đầu. Bộ dạng Va-xca hùng hổ, cậu giận dữ và khéo léo hạ đổ những vỏ đạn đồng đến nỗi thằng I-li-u-kha mất hết cả can đảm.

Nhưng lòng tham của nó không có giới hạn. Thằng I-li-u-kha không muốn rời những viên đạn đã bị thua mất và cứ mang ra hết băng này đến băng khác.

Bị thua, thằng I-li-u-kha trắng trợn tranh cãi, đòi bước thêm một chân lên khỏi vạch vì Va-xca có chân dài hơn. Va-xca đồng ý tất cả.

Song thằng I-li-u-kha lại đòi nhiều hơn. Nó đòi kỳ được Va-xca phải đặt vào vạch hai viên chấp một viên của nó. Va-xca cũng không tranh cãi.

Tôi đoán chắc Va-xca sợ nhờ thằng I-li-u-kha bỏ chạy, mà chúng tôi lại cần được tất cả đạn của nó.

Va-xca đánh hầu như không cần ngắm và vỏ đạn bắn ra tứ phía kêu loảng xoảng. Tôi vất vả mới nhặt kịp. Tôi nhận thấy Va-xca giận cả thằng I-li-u-kha lẫn tôi: chúng tôi đã bắt cậu ta phải làm cái việc vớ vẩn như trò chơi ăn đạn này.

Thằng I-li-u-kha tức tái mặt. Nó sẵn sàng gây sự đánh nhau và tố cáo Va-xca gian lận. Va-xca không tránh nữa lại đặt vỏ đạn vào vạch chơi và lại lia đồ lần thứ hai.

Tôi đã mang về nhà ba lần, mỗi lần mười băng đạn rồi mà cuộc đấu mới bắt đầu gắng.

Đầu tiên thằng I-li-u-kha thua tất cả những viên đạn đầu tù của Đức, sau nó mang ra những viên đạn của Nga có đầu chì nhọn như ngòi ong, chính loại đạn chúng tôi đang cần. Va-xca lấy những viên đạn của thằng I-li-u-kha trao lại cho tôi và nháy nháy mắt ý bảo: mang về nhà đi thôi.

Thằng I-li-u-kha bị thua sạch trơn: tất cả mười bảy băng đạn của Đức và hai mươi ba băng đạn của Nga chưa kể những viên đạn lẻ có tới vài vốc. Tôi đổ cả vào vạt áo mang về nhà.

Thằng I-li-u-kha chả còn gì để chơi nữa, nhưng nó không chịu thả Va-xca ra. Nó cúi kính đề nghị:

— Chúng mình chơi ăn mũ đi.

— Tớ cũng có mũ rồi, — Va-xca trả lời.

— Thế chơi ăn tiền nào! Cậu bán cho tớ mười viên đạn!

— Cậu mua của bọn khác ấy. Tớ không phải thằng Xư-bu-li-a mà mua với bán.

— Thế chơi ăn kẹo vậy, Va-xca. Tớ sẽ đổi ba kẹo lấy một viên đạn, cậu muôn không?

— Tớ không thích của ngọt. — Đáp rồi Va-xca đòi lại chiếc mũ đã lột ra khi chơi.

Thằng I-li-u-kha không còn biết nói gì hơn nữa. Nó nắm lấy tay áo Va-xca.

— Thế nào, thắng rồi, cậu định chạy làng hử? Thế là nghĩa làm sao? Cậu sẽ đổi bao nhiêu đạn lấy một quả bom nào?

— Bom thật chứ?

— Mới toanh.

— Cậu lấy ở đâu ra thế?

— Đó là việc của tớ — mua, tìm thấy, lấy được.

— Mang ra đây!

Thằng I-li-u-kha chạy vụt ra với một quả lựu đạn chày vỏ «áo» sắt tây còn sáng nguyên. Va-xca xem xét, sờ nắn vòng, liếc nhìn thằng I-li-u-kha rồi hỏi:

— Bao nhiêu?

— Mười băng.

Cuộc chơi lại tiếp tục.

Va-xca lại thắng. Thằng I-li-u-kha tức run người, nó cắn môi, suýt khóc.

— Chúng mình chơi ăn súng máy nhé? — thằng I-li-u-kha

rồi bỗng đề nghị.

—Súng máy nào?— Va-xca ngạc nhiên hỏi lại.

—Khẩu «Mác-xim». Súng ở sân nhà tớ ấy, tớ mua một trăm rúp ngoài chợ đây.

Va-xca kéo mạnh cái mũ rách tướp xuống tận mũi nó.

—Súng máy của người ta để ở sân nhà cậu thì có ấy.

Thằng I-li-u-kha làm dấu thề.

Va-xca nắm lấy thằng I-li-u-kha, tay trái ghì đầu nó, tay kia búng vào trán nó, miệng nói:

—Đứng lại—đừng lác lư; đi đi—nhớ có vấp; nói đi—đừng nói lấp; nói dối—câm ngắc ngư...

—Buông ra,—thằng I-li-u-kha kêu lên rồi vùng ra. Va-xca còn búng thêm hai cái nữa, rồi mới thả nó ra và bảo:

—Thêm cho mày để không được ăn cấp đạn của đội viên cận vệ đỏ, để không được phản bội đồng chí mình, đồ ti tiện phản叛!

Chúng tôi bỏ đi, mặc cho thằng I-li-u-kha tí tí khóc ở giữa phố.

Chúng tôi cẩn thận đổ tất cả những viên đạn được cuộc với thằng I-li-u-kha vào cái hòm nuôi gà con. Thề là vẫn chưa được nửa hòm. Bây giờ chúng tôi quyết định thu thập đạn cho tới khi đầy hòm. Ngoài ra chúng tôi còn thỏa thuận sẽ đi tìm xem các loại vũ khí vứt bỏ lẫn lóc ở các kho nhà. Rất nhiều loại vũ khí khác nhau đã đánh cắp được của bọn Đức: có những lưỡi lê bết, những thanh gươm dài thẳng, những khẩu súng. Chúng tôi quyết định dồn tất cả những cái đó vào một góc riêng không ai để ý, rồi sẽ trao tận tay chính ủy—bác Mi-chai cùng với số đạn.

Các đơn vị Hồng quân đóng hầu như ở khắp mọi nhà. Ban tham mưu được đặt ở ngôi nhà bỏ không của tôi. Các chú Hồng quân đã chừa lại những cánh cửa gãy, các chú mang rơm vào nhà đầy đến cửa sổ và ngủ quanh cái bàn trên đặt máy điện thoại có người trực ngồi ở bên.

Các chú Hồng quân mặc đồng phục mới—mũ dạ rất đẹp có gắn sao, áo va-rơ có móc cài đồ ở ngực.

Một cuộc sống mới tươi vui đã bắt đầu. Ngựa, xe, bếp lưu động có ông ám khói để la liệt trong sân mọc đầy cỏ tân lê. Súng máy «Mác-xim» được gắn vào xe nòng quay về phía sau và thừa lúc người gác lơ đang trong nháy mắt, Va-xca đã leo lên xe, áp người vào súng máy và lia cho tôi một tràng dài. Thật ra trong súng chẳng có đạn, Va-xca cô ý tặc lưỡi và găm lên, còn tôi làm ra vẻ như đạn đã quật ngã tôi rồi.

Cứ chiều đến các chú Hồng quân lại tập hợp trong sân và cuộc vui lại bắt đầu. Chú bắn súng máy Pê-chi-a chơi phong cầm hát theo:

Tàu lướt đi trên biển
Nước lăn tăn gợn sóng
Ta tiến ra trận tuyến
Những đoàn viên Côm-xô-môn!

Tôi và Va-xca được các chú Hồng quân thết cháo lúa mạch đen và cá cháo tằm. Chú Pê-chi-a tặng tôi chiếc thìa nhôm trở bằng đinh dòng chữ «Hãy cứ ăn, chớ băn khoăn». Tôi đeo chiếc thìa trong ngực áo, nhưng tiếc là chả có gì để ăn cả.

Va-xca được các chú Hồng quân cho một cái ca làm bằng vỏ đạn đại bác. Có lần chúng tôi dùng ca đó uống nước chè pha đường cát thật sệt. Và mặc dù đường có lẫn đến một nửa rơm—đành phải thôi đi—nhưng nước chè vẫn ngọt không thể tưởng được.

Trong thành phố có một cái một là đi guốc gỗ. Tất cả mọi người diện guốc vì không có loại giày nào khác. Cho nên guốc được làm theo đủ kiểu: có gót và không có gót, lòng lôm sôm xuống, có đóng quai da, buộc dây, có đường viền trở bằng đinh nung đỏ, không thì chỉ đơn giản bằng hai miếng gỗ buộc vào chân thôi. Hầu hết bọn trẻ con ở phố chúng tôi đều vênh vênh lên vì có guốc. Và bây giờ cả tôi lẫn Va-xca cũng không còn phải chạy chân đất nữa mà đã được đi guốc, và không phải loại thường mà có đế uốn cong ở chỗ đóng quai kia nhé. Đi loại guốc ấy dễ hơn và nó còn kêu lộc cộc nữa kia! Anh cứ đi đi và chỉ còn nghe thấy—cộc cộc, cộc cộc. Mọi người

sẽ ngoái lại nhìn — thềm muôn!..

Một lần, các chú Hồng quân phi ngựa ra sông cho ngựa uống nước.

— Len-ca ky binh, lên đây nào, — một chú đội mũ lông đen gật đầu gọi tôi, rồi khi phóng qua chỗ tôi, đã nhấc tôi lên ngồi phía trước mình.

Va-xca nắm lấy bờm con ngựa cái lông xám và chỉ trong nháy mắt cậu ta đã leo lên ngồi trên cái lưng dài, oằn xuống của nó.

Ngồi trên mình ngựa thật thú vị, nhưng hơi sờ sợ. Con ngựa động đậy ở dưới, nó cúi đầu xuống, không nắm chặt lấy quần chú Hồng quân là bị tuột sang một bên ngay.

Va-xca chưa bao giờ ngồi trên mình ngựa, mà vẫn phi, như một kỵ sĩ thực thụ — chỉ thấy có hai khuỷu tay cậu rạp rình và con Pôn-can nhảy nhót theo sau, sủa ăng ăng mừng rỡ.

Ngoài bờ sông trong khi ngựa thở phì phò, phập phồng cánh mũi rộng uống nước ừng ực, chúng tôi ngồi nghe các chú Hồng quân nói chuyện.

Theo lời lẽ của họ thì tình hình ngoài mặt trận đã trở nên gay go.

Bọn Đê-ni-kin có một đội kỵ binh hùng mạnh được gọi là «Sur đoàn man rợ» của Scu-rô. Bọn này mang những mũi giáo có treo sọ chó, còn binh khí thì không tha cho một ai: chúng chém tất, kể cả trẻ con và người lớn.

Bọn Anh lại còn gửi cho tướng Đê-ni-kin máy bay và một số xe tăng gì ấy — những cái nhà bằng sắt có cửa sổ và có gắn súng máy nhô ra ở cửa sổ ấy. Không thể tới gần mà cũng không bỏ lại sát được — và bọn chúng cứ việc lia súng máy ra.

Nghe nói về xe tăng mà kinh khủng. Nhưng Pê-chi-a nói rằng con người ta mạnh hơn bất kỳ loại xe tăng nào. Nếu bị ném đá vào chân người ta sẽ nhảy lên tránh, còn xe tăng thì mắc kẹt ngay.

— Ta sẽ ném vào bánh xe của nó đá, gỗ, lựu đạn — ta sẽ chặn đứng được nó, — Pê-chi-a nói. — Trước sau thằng Đê-ni-kin cũng chết. Không có loại xe tăng, máy bay nào giúp cho hắn được.

Tôi ngồi ngay sát bờ sông xem ngựa Va-xca uống nước.

Bỗng con vật rời khỏi mặt nước, máy mõm và vênh tai nghe ngóng.

— Đo-ó, thằng Anh bay đó! — Pê-chi-a thốt kêu, rồi nhóm đây, nhìn chăm chăm lên trời.

Trên không nghe vọng rõ tiếng vù vù.

— Nó bay, nó bay, xem kia! — Va-xca hét lên, rồi bỏ mũ vẩy vẩy trên đầu.

Tôi căng mắt nhìn nhưng chả thấy gì. Tiếng ù ù tăng dần.

Bỗng tôi trông thấy một con chim sắt giống như con chuồn chuồn hiện ra gần một đám mây trắng không lớn lắm. Con chim sắt ấy có hai cánh và một cái đuôi dài, thẳng.

Máy bay bay ngay trên đầu chúng tôi, rồi quay trở lại thành phố.

«Làm sao máy bay không cần vẩy cánh mà lại bay được nhỉ? — tôi suy nghĩ, — ngay cả con chim sẽ cũng vẩy cánh mà đây cả một tòa nhà bay, mà cánh không vẩy...»

— Va-xca này, có người trên ấy không?

— Có chứ.

— Thế người ta náu vào đâu được.

Va-xca cũng không biết nên không trả lời.

— Lên ngựa, các cậu ơi! — chú Pê-chi-a ra lệnh rồi cô bắt con ngựa của mình. — Đó là trinh sát của thằng Đê-ni-kin, không khéo bọn bạch vệ đã tấn công vào thành phố.

Các chú Hồng quân nhảy cả lên ngựa.

Va-xca định lôi tôi lên ngựa của mình. Cậu đã đặt hẳn tôi lên, nhưng tôi vừa leo lên lưng ngựa thì con vật đã phi đi. Va-xca chạy theo bên và không tài nào lên được. Tôi run rẩy trên mình ngựa, cho đến khi tụt sang một bên. Con ngựa ngừng lại. Va-xca lôi nó đến bên hàng rào và phất một cái, đã cưỡi trên lưng nó. Cậu không kịp kéo tôi lên và tôi chạy theo sau, cầm cây ngải cứu đuổi con ngựa.

Trong thành phố yên ắng. Máy bay đã bay đi, chỉ còn những con chó khiếp sợ sủa từng hồi lên trời.

Buổi tối, sân nhà tôi bắt đầu có liên hoan. Chú Pê-chi-a mặc bộ quần áo tư sản, và với vẻ quan trọng đang đi quanh sân, chỗ các chú khác đang ngồi ăn.

Chú Pê-chi-a mặc áo vét đen phía trước ngắn và mở,

đằng sau dài có xẻ đôi hết đuôi chim én. Trên đầu chú ngất ngưỡng một cái mũ tròn đen lấp lánh trông giống như cái bô. Một băng giấy có viết hai chữ «Tur bản» bằng mực đen vát chéo từ trái sang phải qua cái bụng phệ quá lớn (có lẽ chú đã đem gỏi ở dưới áo).

Các chú Hồng quân cười ha hả:

— Ầi chà chà, anh chàng Pê-chi-a tư bản!

— Cái mũi quả là một củ cà-rôt!

— Ngài tư bản thích uống rượu nên mũi đỏ đây.

Chú Pê-chi-a bắt chước người khóc, nhăn nhó đến buồn cười rồi chú cất giọng the thé, kêu lên quang quác như gà sông:

— Thưa các ngài công nhân Nga, tôi từ nước Anh tới và mang lại cho các ngài một cuộc sống tốt đẹp. Tôi kêu gọi các ngài chớ có nghe bọn bôn-sê-vích. Bọn chúng đánh đuổi địa chủ cho các ngài, nhưng thiếu địa chủ các ngài sẽ chết...

Chú Pê-chi-a lại bắt chước người khóc nhăn nhó, rống lên rồi rút trong túi ra miếng giẻ giả vờ lau nước mắt.

— Chà, nghệ sĩ Pê-chi-a, hay tuyệt!

— Cái khăn tay hết của bá tước!

Còn chú Pê-chi-a vẫn tiếp tục rống lên:

— Và làm sao các ngài sẽ sống được nếu không có tư bản...

Các ngài sẽ chết đói. Bọn bôn-sê-vích cho các ngài một phun-tơ bánh, và các ngài sẽ bị nặng bụng; tôi chỉ cho các ngài một phần tư phun-tơ thôi—bụng sẽ nhẹ nhàng. Bôn-sê-vích chỉ bắt các ngài làm có tám tiếng thôi, làm cho tôi các ngài sẽ được làm mười hai giờ. Tôi xây cho các ngài nhà tù kiên cố, vững vàng, đeo cho các ngài cái này... gọi bằng tiếng Nga thế nào nhỉ, cái xích, đẹp như vòng đeo tay. Nó sẽ kêu leng keng ở tay—đình-đình-đình, rất là xinh. Đê-ni-kin sẽ chỉ hơi bóp nghẹt các ngài một chút thôi.

— Gớm, mới hiền lành làm sao chứ, muốn bóp nghẹt chúng ta.

Một chú túm lấy đuôi áo dài đen của chú Pê-chi-a, chú khác hất rơi cái mũ-bô lấp lánh xuống. Va-xca chộp lấy rồi chúng tôi tranh nhau cố ướm thử vào đầu mình.

Chú Pê-chi-a lấy lại cái mũ-bô, cởi bỏ quần áo, rút chiếc

gỏi ở bụng ra, rồi mang tất cả vào nhà. Thì ra có những nghệ sĩ thật sự đã đến chỗ các chú ở và tôi sẽ diễn kịch.

Nhưng kịch không kịp diễn.

Chính ủy, bác Mi-chai, phóng ngựa tới, lo lắng ra lệnh:

— Các đồng chí, tập hợp!

4

Bắt đầu thu dọn vôi vữa. Các trung đội Hồng quân đã đứng rải dọc đường phố thành đội hình chiến đấu. Đội kỵ binh đều bước ở hàng đầu, sau họ là bộ binh mang súng trường, vai đeo ba-lô. Xe chở đồ đạc tiếp ngay sau hàng quân.

Các chú Hồng quân vẫy tay:

— Tạm biệt!

Liền sau đó vang lên bài ca:

Mặc cho mình nổ,

Và đạn réo âm.

Ta là Hồng quân,

Ta đâu sợ chúng.

Tôi và Va-xca theo tiến Hồng quân qua khắp thành phố. Súng nổ ở đâu đó xa xa. Ra khỏi thành phố các đội Hồng quân dàn thành hàng ngang và bắt đầu tiến công.

Chỉ mãi sau chúng tôi mới được chị Na-đi-a cho biết lý do báo động bất ngờ. Thì ra kỵ binh Đê-ni-kin đã chọc thủng trận tuyến của chúng ta và tiến gần tới thành phố.

Cuộc chiến đấu diễn ra ở vùng mố lân cận đã hơn hai tuần rồi. Những người bị thương từ đó trở về kể là quân Đê-ni-kin rất đông, mỗi chiến sĩ Hồng quân phải chọi với ba tên bạch vệ.

Thoạt đầu mọi việc bên ta đều trôi chảy—Hồng quân truy đuổi bọn bạch vệ tới tận ga Vôn-nô-va-kha, nhưng tên Đê-ni-kin đã kịp tung xe tăng Anh ra. Có tin đồn rằng xe tăng nhảy qua cả kênh đào, húc đổ nhà cửa, đè bẹp cả trâu bò: không có cách nào thoát được chúng.

Công nhân ở nhà máy thử làm một số đại bác chống tăng, nhưng đạn không xuyên thủng được vỏ thép và bật trở lại.

Thành phố trống rỗng, tình hình thật đáng lo lắng, tôi

muôn lại tiền Na-di-a người chỉ huy đơn vị Côm-xô-môn. Chị ấy biết tất cả và có thể an ủi chúng tôi. Nhưng ở Quân đoàn tôi thấy cửa khóa, kèm theo thông báo «Quân đoàn đóng cửa. Tất cả đã ra mặt trận».

«Có lẽ anh Va-nhi-a Chủ tịch đoàn» đã viết thông báo này, — tôi thầm nghĩ, — mà cũng có thể chính là chị Na-di-a đã viết».

Các trận đánh gần thành phố diễn ra ngày càng quyết liệt. Súng đại bác gầm lên làm kính cửa sổ rung loảng xoảng.

Tôi và Va-xca đóng gói chiếc hòm đạn. Bọn trẻ mang các loại vũ khí cần thiết và không cần thiết tới chỗ chúng tôi. Thậm chí thằng I-li-u-kha còn lấy đâu ra được cả một khẩu súng lục. Tất cả những thứ đó được chúng tôi xếp cả vào kho để chờ các đơn vị Hồng quân tiến vào thành phố.

Ụ chiến đấu được dựng lên trên các đường phố. Người ta đặt đại bác trên chóp đỉnh nhà máy của mỏ, nòng chia sang phía quân bạch vệ.

Ban tham mưu đặt ở nhà Vít-ca Đốc-tơ.

Tôi và Va-xca khiêng thùng đạn, lưu đạn và số vũ khí còn dùng được đến ban tham mưu. Bác Mi-chai khen ngợi chúng tôi, đặc biệt về đạn: đạn mang tới rất đúng lúc.

Các trận đánh diễn ra trên các cửa ô vào thành phố. Đạn rít lên trên các đường phố, đại bác nổ trong các sân nhà.

Tôi cùng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích và thím Ma-tơ-rê-na ngồi trong hầm. Chỉ có Va-xca được cho phép đi đánh nhau. Còn tôi thì mọi người coi là còn nhỏ. Nghĩ thật giận.

Va-xca thường chạy về chỗ chúng tôi và kể lại tin tức. Chú bắn súng máy Pê-chi-a ngồi trên mái cửa hiệu của lão Mu-rát, sau ông khói với khẩu «Mác-xim» của chú ấy, còn cậu ta, Va-xca thì cùng Ut-sa chuyển đạn cho các chú Hồng quân.

Gần nhà máy, một phụ nữ bị trúng đạn tan nát cả thân thể. Chị Na-di-a cũng bị thương.

Tức nhất là khi nghe chuyện bọn nhà giàu cười nhạo Hồng quân. Bọn lái buôn, bọn đầu cơ tích trữ đóng những bộ quần áo ngày lễ, giấu cọt vớ theo các chiến sĩ:

— Cuộc điều binh nào thế này, há các ngài?

— Đó là đội quân mặc váy ngắn đồ chạy trốn đây.

— Thế tại sao không nghe thấy chúng đi?

— Toàn chạy chân không... cho nó nhanh mà... ha ha ha!

Đặc biệt vênh váo là thằng Xen-ca con lão hàng giò, nó cảm thấy nó có quyền đánh mắng bọn trẻ con nhà nghèo. Chính quyền của thằng Xen-ca đã trở về.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích nghe chuyện xong, bức bối và buồn bã, nói:

— Trên đời này không còn có con thú nào độc ác hơn thằng nhà giàu bị lấy mất của cải mà nó đã bòn được. Không bao giờ nó quên được điều đó và khi trả thù nó sẽ không tha một ai...

5

Hồng quân rút khỏi thành phố lúc đêm. Đường phố trở nên im ắng, hãi hùng. Ngay cả chó cũng lần trốn hết.

Cho tới sáng chúng tôi vẫn không ngủ và lắng tai nghe ngóng trong bầu không khí im lặng.

Trước lúc rạng đông tôi và Va-xca ra khỏi hầm, vừa đi vừa nhìn quanh, lên ra tới cổng rào. Mặt trời còn chưa lên. Không khí ẩm ướt và tươi mát: lúc đêm trời mưa.

Đường phố không một bóng người. Bỗng thấy có một tiếng kêu gì đó vang lên. Từ một góc gần đây một người cưỡi ngựa trông giống hết con quý lao vọt ra, làm bắn tung tóe những vũng nước trên đường. Hắn mặc cái áo lông đen dài, đội mũ lông xù ra, trong tay một ngọn dao dài phập phới cái đuôi con chó. Theo sau hắn xuất hiện cả một đội kỵ binh mặc quần áo kiểu Tréc-két có thêu hình sọ người màu trắng ở cánh tay. Bọn chúng gào hú, huýt sáo một cách man rợ, quát ngựa lao như tên bắn trên đường phố và biến mất ở phía xa.

Sau đó ba ngày liền chúng tôi không ra đường. Cướp phá diễn ra trong thành phố. Ngay đêm đầu tiên bọn Đê-ni-kin đã chém giết cả nhà chú Mô-xi-a: vợ chú, hai đứa bé và bà mẹ già. Nghe nói bọn bạch vệ đã đòi bà già bốn mươi ngàn tiền

chuộc. Bà ta chỉ đưa có hai nghìn. Thế là bọn chúng trị tội bà ta, cứ mỗi nghìn không chịu đưa lại đánh một cái và sau đó chém chết bà. Cửa nhà ấy mở toang suốt cả đêm, mọi người sợ không dám vào.

Người ta còn kể là tất cả các kho trong thành phố đều đã bị phá, bột vãi tung tóe trên các đường phố. Chúng lại phá mất trụ sở Xô-viết.

Bọn lái buôn mở cửa hàng. Lão Xư-bu-li-a trở thành thị trưởng, còn thằng con trai Xen-ca của hắn ta sai bọn trẻ con truyền đi rằng chẳng bao lâu hắn sẽ tự tay treo cổ tôi và Va-xca lên cây tại vườn hoa thành phố.

Một quán rượu được khai trương «dành cho sĩ quan» tên là «Quán San-têch-cle». Ở đó có chơi nhạc từ sáng sớm đến tối khuya.

Những người Do Thái còn sống sót trốn trên các trần nhà. Chúng tôi cất giấu ở hầm nhà mình ba người. Để bọn Đê-ni-kin khỏi vào nhà, Va-xca đã lấy phấn vẽ hình chữ thập ở cánh cửa sổ và cổng rào. Nhưng cái đó cũng không cứu vãn được. Bọn lính say rượu thường rẽ vào nhà chúng tôi và hỏi:

— Đây là nhà theo đạo Tin-lành phải không?

— Vâng, Tin-lành.

— Trong nhà có chứa bọn Do Thái không?

Qua nét mặt chú A-nhi-xim I-va-nô-vích tôi thấy chú muốn tát vào mặt thằng bạch vệ lắm, nhưng chú đã nén được.

— Không, — chú đáp. — Ở đây chỉ có tôi, thợ giày người Nga, còn thằng bé này bị mổ côi — tôi nhận làm con nuôi.

Một hôm một tên bạch vệ cầm thanh gươm dính máu xộc vào nhà chúng tôi.

— Ông chủ, có dây không?

— Không có, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích giận dữ trả lời và bức tức đập búa vào gót giày.

— Đáng tiếc, — thằng lính kéo dài giọng, liếc nhìn quanh nhà. — Sao nhà anh không có ảnh Chúa?

— Anh cần dây làm gì? — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích hỏi để tránh trả lời vào câu hỏi của nó.

Hắn ta cười khẩy:

— Dây à? Cần, ông chủ ạ. Để kéo linh hồn bọn Do Thái

đến gần Chúa, — nó vòng ngón tay quanh cổ, cười khi khi. — Công việc của chúng tôi là tiêu diệt bọn Do Thái.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích hất đầu chỉ vào thanh gươm dính máu, hỏi:

— Thế anh, anh có phải là tín đồ Thiên chúa giáo không?

— Sao lại không, nhìn đây! — Tên lính bạch vệ mở phanh cổ áo, cho xem cây thánh giá.

— Thế mà tôi nhìn anh lại không giống người Nga; đây, cả áo khoác, cả giày của anh đều không phải của ta làm.

Thằng lính láu lỉnh nháy mắt chỉ vào cái đế giày đóng đinh sắt có mũ tròn và vỗ vỗ tay vào chiếc giày.

— Hàng Anh. Loại nhất đây, không như của ta, của Nga đâu. Thôi, khỏe nhé! — nói rồi hắn đã định đi ra, nhưng lại quay lại — À thế nào, kiếm cho một sợi dây chứ?

Ra đến sân, con Pôn-can tức giận nhẩy xổ vào thằng bạch vệ, nhưng tên cướp này đã lấy kiếm chém vào cổ nó. Con Pôn-can sủa lên ăng ăng một cách ai oán, lánh xa thằng lính rồi cứ rên ư ư như khóc mãi. Sau đó nó đầu gục trên cang, suốt ngày nằm yên cạnh nhà kho. Lông trên cổ nó dính bết lại vì máu đã đông cứng, mắt nó trở nên rầu rĩ. Đến chiều con Pôn-can bỏ ra đồng cỏ. Va-xca bảo nó sẽ tìm thấy cỏ thuốc và sẽ trở về khi nào khỏi. Nhưng con Pôn-can đã không về.

— Phải đấu tranh, — Va-xca cương quyết nói và tôi thấy khiếp sợ trước giọng nói quyết liệt của cậu.

Ra khỏi nhà thật nguy hiểm, nhìn bọn bạch vệ đến là ghét, nhưng chúng tôi vẫn đi. Va-xca phải đi đấu tranh, còn tôi không muốn ở lại một mình.

Va-xca bọc thẻ Đoàn vào khăn mặt, giấu tận đáy hòm. Cũng từ hòm đó cậu lôi ra tờ truyền đơn bỏ quên đã từ lâu — bức tranh vẽ Nga hoàng Nhĩ-cô-lai — và bảo rằng cậu sẽ không phải là người nỡ, nếu không dính được tờ tranh vào lưng chính Đê-ni-kin.

Có tin đồn tướng Đê-ni-kin sẽ đích thân tới thành phố trên con ngựa trắng có cả bàn đạp bằng vàng nữa.

Mùa hè đã hết. Không khí ngưng đọng bốc lên toàn bụi. Trong công viên thành phố đang có cuộc dạo chơi. Bọn sĩ quan thuộc Quân tình nguyện đi dạo dọc các con đường

trồng cây làm lóa mắt người ta bởi những lon sĩ quan sáng ánh, bởi những huân chương chữ thập. Đội quân nhạc chơi bài «Ôi-ra» và có những chú bé rao bán lẻ những điều thuộc «Surur-murur».

Tôi với Va-xca nhìn thấy hai tên sĩ quan say rượu thì nhau bắn vào cái đèn soi đường độc nhất còn nguyên vẹn ngoài phố. Mãi không thằng nào bắn trúng; một thằng thứ ba tới gần, rút trong bao ra một khẩu súng ngắn và chỉ một phát đã bắn vỡ tan kính đèn. Bây giờ cả ba đứa kéo nhau đi uống rượu bằng tiền «được cuộc».

Tôi và Va-xca liếc nhìn vào quầy của quán «San-têch-cle» qua cửa kính.

Trong quán đầy chật sĩ quan và đủ loại đàn bà con gái lưng để trần. Bọn nhạc công ngồi trên một cái bục hơi cao ở tít sâu trong phòng, phía trước là một mù ca sĩ mặt bự phẫn. Mù ta uốn ẹo ngoáy cặp mông, cất giọng khàn khàn:

Ta tự hào là ca sĩ
Hát những bài têu, vui.
Ta đã bắn là trúng đích
Và chẳng sai một ly...

Bọn sĩ quan hút xì-gà, phá khói mù mịt và hát: «Cuộc đời chúng ta trôi nhanh như sóng biển...»

Khắp thành phố dán la liệt các bản thông cáo ra lệnh «hủy bỏ» các đạo luật Xô-viết, «giải tán» các hội và các buổi họp, «đóng cửa» các Câu lạc bộ công nhân.

Chúng tôi đứng lại đọc bản thông cáo tai ác dán trên cột điện báo tại đường phố chính, giờ lại gọi là «Đại lộ Nhi-cô-lai»:

—«Vào những ngày gần đây trong thành phố và ở những vùng lân cận đã có phong trào công nhân nổi dậy. Bàn tay tội lỗi nào đó đã treo cờ đỏ ở trên ống khói nhà máy. Tôi cảnh cáo: để tránh sự đổ máu không cần thiết, tôi triệt để cấm những hành động như vậy. Tôi ra lệnh xử bắn ngay bất cứ mọi cuộc tụ tập nào.

Tôi báo cho mọi người biết rằng thời đại Xô-viết đại biểu đã qua rồi và đã đến lúc phải lãng quên nó đi. Mọi hành động

tỏ ý bất mãn sẽ bị đàn áp thẳng tay.

Tư lệnh thành phốophon Gráp».

—Cậu biết thằng phon Gráp này là ai không? Con thằng chủ mỏ Pa-xtu-khốp-ca đây.—Va-xca nói rồi đâm mạnh vào bản thông cáo, chọc cả móng tay vào chữ «Gráp».

—Mày thui vào đâu đấy hả?—chúng tôi nghe thấy một giọng nói hăm dọa sau lưng và quay lại thấy thằng Da-grê-bai. Nó mặc quân phục trắng còn mới toanh, đứng chấp tay sau lưng, uốn cái bụng phệ ra hết như dưới thời Nga hoàng.—Mày đâm vào đâu đấy hả, tao hỏi?

—Tôi không chọc, mà đang giải thích cho thằng bé này, nó không biết chữ.—Va-xca chỉ vào tôi nói.

Tên Da-grê-bai giờ nắm đâm lông lá, to tướng đến mức che khuất cả mặt Va-xca, từ trán cho tới tận cằm.

—Coi chừng với tao đây!—thằng cảnh sát hăm dọa, vẻ đứng đĩnh và làm bộ quan trọng như một con gà tây, bước đi dọc đường phố.

Mắt Va-xca ánh lên một tia lửa tinh ranh. Cậu vội thọc tay vào ngực áo lục lọi, lấy ra tờ truyền đơn, quết hồ dán trong cái lọ con vào mặt sau, rồi chạy theo tên cảnh sát. Không một tiếng động cậu lên tới sau, đặt tay vào lưng hắn ta. Tên này giật dử quay lại, nhưng Va-xca đã hỏi:

—Bác ời, có đúng ngài Đê-ni-kin sẽ tới thành phố ta không?

Mặt thằng cảnh sát nở ra trong nụ cười, thậm chí cả cái mũi đỏ chót của nó cũng như toe toét.

—Đức Vua An-tôn á?—tên cảnh sát vượt hàng rìa hung đỏ, vẻ hài lòng.—Tất nhiên sẽ tới chứ. Rồi chúng ta sẽ tuyên thệ... Sẽ tuyên thệ phục vụ trung thành.

—Thế mà cháu lại nghĩ ông ta sẽ không tới,—Va-xca lúng búng.

Thằng cảnh sát ư hừm sau hàng rìa:

—Ngựa cũng đòi nghĩ, mà lại nghĩ lắm, ha, ha, ha... Hiều chưa, thằng lỏi, hể, hể, hể...—Rồi hắn ta hể hả bước tiếp.

Tôi nhìn theo tên cảnh sát và sửng người: trên lưng tên cảnh sát trắng xóa tờ truyền đơn của Va-xca được dán, hơi lệch một chút.

Chúng tôi nấp sau góc phố và theo dõi tên cảnh sát.
Hắn bước trên phố với tờ truyền đơn sau lưng. Va-xca
ánh lên cặp mắt sung sướng.

6

Tin đồn trong thành phố quả không phải là vô cớ: trong
thực tế đúng là Đê-ni-kin đã tới.

Trước đó một ngày tôi thấy trong tay một thằng lái buôn
tờ báo của bọn bạch vệ, trong đó có in bằng chữ to:

«CUỘC ĐÓN TIẾP TRANG TRỌNG
NHỮNG NGƯỜI CHIẾN THẮNG»

Trong khi tên lái buôn đọc trang đầu, tôi liếc nhìn trang
sau, đọc ngẫu nhiên:

«Bữa tiệc trang trọng mà giới thương gia thành phố sẽ
ăn mừng người giải phóng vĩ đại của nước Nga, tướng tổng
tư lệnh Đê-ni-kin và các vị khách Anh, Pháp, sẽ được tổ
chức thật sang trọng. Các vị đứng ra tổ chức tiệc yên sẽ đặt
những món ăn và nước chầm đặc biệt. Từ những tảng băng
người ta sẽ đẽo thành hình con gấu và sư tử mà dưới chân
chúng sẽ là những bát trứng cá đen nặng một pút.

Thực đơn bữa tiệc:

Canh cá nấu dấm với gan cá quả.

Bánh nhân thịt Nô-vô-tô-rô-ít-xki.

Chả cừu băm viên tươi nước sốt A-mê-ri-cân.

Chim rẽ giun, nước chầm «pê-ri-gun».

Món rán: gà lôi và gà tây non.

Măng tây, hai loại sốt».

Bụng tôi sôi lên khi đọc tới những thứ nước chầm và
thịt băm viên đó. Bây giờ chính quyền tư sản quay trở lại,
thì đừng có hồng mà chờ bánh mì! Va-xca thường bảo tôi:
«Bọn tư sản bỏ một xu cũng xót. Bọn chúng đem đồ bánh
xuống ao mà không phân phát cho người nghèo». Và đúng
như thế...

Vào đúng ngày tướng Đê-ni-kin đến thành phố, Va-xca
biên đi đâu mất từ sáng sớm. Tôi tìm đâu cũng không thấy.

Mãi sau cậu mới về. Tôi cảm thấy ngay Va-xca vừa chạy đi
đâu đó khá xa về, đúng là cậu đã chạy ra ngoài mỏ: người
cậu sặc mùi đồng cỏ và mặt đầy bụi bặm.

Về tới nhà, Va-xca lẳng lặng vội vã ăn xúp nguội, rồi lại
chuẩn bị đi đâu đó.

— Va-xca, cậu đi đâu xa không?—tôi thận trọng hỏi.

—Đừng đi theo tớ,—cậu nhăn nhó trả lời.

— Vì sao?

—Tớ phải làm một việc. Nguy hiểm đấy. Chúng có thể
bắn vào tớ.

— Thế thì sao? Tớ không sợ, kệ cho chúng bắn vào tớ.

— Chúng có thể giết chết nữa đấy. Chớ có đùa trong
chuyện này.

Thế đấy: kết bạn, kết bạn với nhau mãi mà bỗng chốc
Va-xca lại giấu tôi điều gì đó.

— Cho tớ đi với Va-xca! Cậu tiếc à?

— Cậu phải hiểu đây không phải trò chơi. Tớ phải đấu
tranh...

Còn tớ?

Thôi được. Có điều là cậu phải đừng bèn nhé. Bởi vì
nếu chúng giết mất cậu, tớ sẽ ăn nói với bồ ra sao?

— Chúng không giết được đâu, Va-xca...

Tướng Đê-ni-kin đến vào lúc trưa. Bọn tư sản ăn diện là
lượt đổ ra phố chính. Chuông nhà thờ rung lên như mừng
ngày lễ.

Thoạt đầu một đội kỵ binh bạch vệ phi ngựa lộp cộp qua.
Lá cờ ba màu đỏ, xanh, trắng phấp phới trước gió. Lấp loáng
những chòm mũ xanh, vàng, những chiếc mũ lông màu xám
gắn phù hiệu, những chiếc áo lông xù và những thanh gươm
sáng quắc.

Các bà nhà giàu rít lên sung sướng ở lòng đường:

— Hoan hô những chiến sĩ tình nguyện! Hoan hô-ô!..

— Lạy Chúa, thời công xã đã chầm dứt rồi!

Sau đội kỵ binh là những chiếc xe thắng sáu ngựa kéo đại
bác ầm ầm lăn bánh. Sau đó lại một đội kỵ binh nữa và cuối
cùng xuất hiện chiếc xe ô-tô mui trần trong có tướng Đê-ni-
kin mặt bự, má đỏ tía với bộ râu trắng.

Hai tên sĩ quan nước ngoài ngồi lù lù cạnh Đê-ni-kin. Một tên ăn mặc đẹp đến nỗi không thể rời mắt khỏi hắn ta được. Hắn đội một chiếc mũ điểm vàng trông như một cái gấu. Hai bên vai và trên ngực hắn — lóng lánh những sợi dây vàng lấp lánh những ngôi sao.

Tên thứ hai, ngồi bên phải Đê-ni-kin, mặc áo nhà binh xanh lá cây có túi vuông khâu vào với dây đeo súng vắt qua vai từ phải sang trái và đội chiếc mũ nhà binh, không giống kiểu của quân Nga.

Trong ô-tô còn có ba tên nữa, mũ đen chụp trên đầu chúng như cái bô. Nếu như trong ô-tô không phải ba, mà chỉ có một đứa ngồi thôi, có thể nghĩ đó chính là chú Pê-chi-a đã len vào đây và đang diễn kịch.

Sau này tôi mới biết đó là bọn Pháp và Anh, còn lão I-út-dơ đội bô đen, chủ nhà máy. Lão tức điên lên vì công nhân đã tước mất của lão nhà máy và lão dọa sẽ lôi tất cả ra quảng trường để đánh đòn.

Xe ô-tô của tên Đê-ni-kin từ phố chính rẽ sang quảng trường «Chữa cháy», chỗ sẽ cử hành buổi «lễ cầu kinh tạ ơn Chúa». Tôi và Va-xca chạy tới đó.

Không thể lọt vào quảng trường được: bọn kỵ binh Cô-dắc grooms tuốt trần bao vây chặt chung quanh.

Thế thì chúng tôi đột nhập vào một cái sân, rồi theo ông dẫn nước leo lên mái ngôi nhà hai tầng trông sang quảng trường «Chữa cháy». Rồi chúng tôi nấp sau cái ống khói bằng gạch. Từ đây nhìn rất rõ tất cả.

Xe tên Đê-ni-kin đỗ cách đài kỷ niệm cũ của Nga hoàng không xa. Nơi đây người ta đã dựng một khán đài, tên Đê-ni-kin và bọn Pháp, Anh lên đó từ đầu này đến đầu kia của quảng trường.

Thật buồn cười khi được xem lính của Đê-ni-kin quỳ trên quảng trường cầu Chúa, chúng vừa làm dấu vừa cúi gập người, trán chạm tới đất để lễ. Cha cô I-ô-han rảy nước thánh lên người họ.

Sau lễ cầu kinh là mít tinh. Một tên béo ị, chân ngắn ngắn phát biểu.

Va-xca bồng nắm chặt vai tôi.

— Cậu nhìn xem kia, chính là thằng men-sê-vích An-ghe-nê-tơ-rô-vích, cậu nhớ chứ, hắn đã có mặt ở lễ kỷ niệm ngày Mồng Một tháng Năm ấy mà.

Đúng, chính là hắn ta. Chỉ khác là mùa đông hắn mặc áo lông có cổ trễ đến tận bụng, còn bây giờ lại mặc bộ com-lê đen.

— Tôi hân hạnh được thay mặt các cơ quan dân sự xin chào mừng các ngài, các vị khách quý hằng mong đợi của chúng tôi. Bị đầy đọa bởi loạn lạc không ngớt ở trong nước, chúng tôi khâm phục theo dõi những chiến công của các đội quân quang vinh của các ngài.

— Thằng thượng đẳng thiên sứ đáng nguyên rủa, nghe xem nó tán dương thế nào kia... — Va-xca bực tức nói.

— ...Bây giờ chúng tôi trông chờ sự ủng hộ của các ngài trong cuộc đấu tranh với kẻ địch điên rồ đã trắng trợn xâm phạm vào tự do, quyền lợi, danh dự và cái đẹp của cuộc sống. Chúng tôi nhiệt liệt chào đón và hoan nghênh các ngài, các vị khách và bạn đồng minh cao quý, — tên men-sê-vích kết luận, rồi hướng về phía bọn Pháp, Anh cúi đầu thấp chào chúng.

Bọn bạch vệ reo hò «hoan hô», lính Cô-dắc giơ giáo lên.

— Chà! — Va-xca giận dữ đâm vào đùi.

— Cậu sao thế?

— Chà có bom...

Tiếp theo thằng men-sê-vích tên người Pháp đội mũ màu vàng phát biểu. Hắn nói liên thoảng cái gì đó, bằng tiếng nước hắn — chả hiểu gì cả. Tiếp sau nó, tên sĩ quan đứng cạnh tên Đê-ni-kin bắt đầu đọc theo một tờ giấy. Tôi đoán hắn giải thích những điều tên Pháp đã nói.

— Các ngài có thể hy vọng vào sự giúp đỡ của nước Anh vĩ đại, nước Pháp tự do và nước Mỹ hùng mạnh. Chúng tôi đứng về phía các ngài, chúng tôi ủng hộ các ngài. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng chẳng bao lâu nữa lá cờ đỏ trên điện Crem-li sẽ bị giật xuống và sẽ được thay thế bằng lá cờ ba màu của nước Nga vĩ đại, thống nhất.

— Nhìn kia! Nhìn kia! — bồng Va-xca thốt lên mừng rỡ, chỉ sang bên này, trở sang bên kia. — Nhìn kia, Len-ca, đây

nhìn hướng này này — trên tháp canh ấy!

Lá cờ đỏ kiêu hãnh tung bay trên quảng trường Chứa Cháy.

Đó là trong giấc mơ hay có thực? Lá cờ đỏ đang phất tung bay như chào đón chúng tôi.

— Còn kia nữa kia! — Va-xca lại thốt lên rồi nhanh chóng tự cởi cái dây buộc quanh mình ra.

Thật hoa cả mắt lên: trên mái nhà vốn là trụ sở Xô-viết đại biểu công nông, trên mái trường, nơi chúng tôi đã học và thậm chí cả trên ông khói mái nhà của tướng Sa-tô-khin có những lá cờ đỏ xuất hiện.

Gió thổi căng những vuông vải màu đỏ thắm và chúng tung bay chiến thắng giữa bầu trời xanh trong. Tôi sững sốt và say mê nhìn ngắm những lá cờ nên không thấy Va-xca đã tự lấy ở đâu ra một vuông vải đỏ và buộc vào ông khói.

Một tiếng súng nổ vang khắp cả quảng trường. Tên Đê-ni-kin ngắt ngang bài nói chuyện, vội vã đội mũ, rồi cùng bọn Pháp, Anh của hắn chuồn khỏi khán đài. Bọn chúng lên ô-tô và cút mất.

Lính Cô-dắc tản ra các phố bên tìm người có tội. Bọn cảnh sát xô chạy giạt cò xuống, nhưng từ các nhà lại vang lên những tiếng súng. Một thằng cảnh sát bị vấp ngã sắp xuống, một thằng khác sợ hãi ngồi thụp sau cây keo.

— À, hà, hà, bọn chuột bạch! — Va-xca nấp sau ông máng mừng rỡ hét lên. — Đánh chúng đi, các anh chị du kích, cho chúng nếm món nước chấm «pê-ri-gun»! — Nói rồi Va-xca cho hai ngón tay vào miệng huýt ré lên.

Trên quảng trường bắt đầu đánh nhau thật sự. Bọn chúng bắn lên các mái nhà. Ở lại trên đó thật nguy hiểm, thế là chúng tôi chạy lạo xạo trên mái nhà lợp tôn, sau đó tụt xuống một cái sân.

Bọn kỵ binh bạch vệ phóng ngựa trên đường phố chính, bắn xả vào các cửa sổ, vào các cửa mở toang.

Tôi và Va-xca nấp trong tòa nhà gạch theo dõi và mãi tới gần tối, khi tất cả đã yên ắng, chúng tôi mới bước ra.

Tên Đê-ni-kin hoảng sợ đến nỗi cút ngay khỏi thành phố, thậm chí không nếm được cả món nước chấm «pê-ri-gun».

Từ hôm đó đánh nhau không lúc nào ngớt trong thành phố. Ngày cũng như đêm luôn nổ ra những vụ bắn nhau, lúc ở nhà máy, lúc ở ngoại ô thành phố.

Tư lệnh thành phố phôn Gráp lại cho đưa ra một lệnh mới: «Cầm bắt sống công nhân có vũ khí, phải bắn chết hoặc treo cổ và để nguyên ba ngày không hạ xuống».

Sau này Va-xca dặn tôi phải tuyệt đối giữ bí mật mới cho biết du kích chính là các đoàn viên Côm-xô-môn. Thế đấy, không thể nào đoán ra được! Thật ra, tôi cũng có nhận thấy có nhiều thanh niên hay đến nhà tôi chữa giày. Nhưng họ không chữa giày mà thường hay thì thầm gì đó với chú A-nhi-xim I-va-nô-vích và hay sai Va-xca lúc đi mò Pa-xtu-khốp-ca, lúc lại nhà máy.

Sau tôi lại biết thêm được một chi tiết ngạc nhiên hơn nữa: các đoàn viên Côm-xô-môn do chị Na-đi-a lãnh đạo. Đã lâu tôi không thấy chị và tôi cứ tưởng chị đã rút đi cùng với Hồng quân. Hóa ra Na-đi-a là nữ du kích đỏ, lại chỉ huy các đoàn viên Côm-xô-môn nữa.

Ít lâu sau, tôi được gặp chị Na-đi-a, nhưng giá không có buổi gặp gỡ đó, lại hóa hay hơn...

Một hôm đang đi ngoài phố, tôi bỗng thấy lính Cô-dắc áp tải những người bị bắt — ba chàng công nhân và một cô gái.

Ngựa bọn bạch vệ lạnh lùng khua vó, dưới lòng đường, những thanh kiếm tuốt trần lấp loáng ánh thép. Thằng Cô-dắc trẻ đi đầu có túm tóc ngang ngược trên đầu, hét mọi người đi đường:

— Ê, tản ra, dẹp đường đây!

Những người bị bắt bị trói dính với nhau bằng dây thép. Người con gái gầy gò, bị đánh đập, đi lại khó khăn, thỉnh thoảng lại bị vấp. Tôi thấy cô gái mở to mắt nhìn tôi, đúng là muốn nói điều gì đó. Tôi nhìn lại và suýt kêu lên. Đó là chị Na-đi-a.

Tôi chạy dọc lề đường bên cạnh, vượt đoàn kỵ binh, rồi cứ nhìn, nhìn mãi vào chị Na-đi-a. Chị cúi đầu xuống, cau

mày liếc nhìn bọn lính. Tôi hiểu: chị cần nói điều gì đó với tôi, nhưng không thể nói được. Sau tôi thấy chị lên để rơi xuống đường một mẩu giấy đã vò nhàu, rồi đưa mắt chỉ cho tôi.

Đợi cho bọn lính đi qua, tôi chạy ra đường, nhặt mẩu giấy lên, rồi lại chạy đuổi theo những người bị bắt. Từ xa tôi chỉ cho chị Na-đi-a thấy một góc mảnh giấy. Chị mỉm cười với tôi. Chị Na-đi-a đáng yêu của chúng tôi, bọn chúng đã dẫn chị đi mất...

Tôi chạy đến tận nhà tù, và khi cánh cửa nhà tù đã đóng sập lại, tôi mới giờ mảnh giấy ra. Mảnh giấy viết bằng mẩu bút chì gì đó, chữ không được rõ:

«Các đoàn viên Côm-xô-môn bị kết án tử hình xin gửi các đồng chí lời chào vĩnh biệt! Chúng tôi chết, nhưng chúng tôi chiến thắng. Chúng tôi tin tưởng vào thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Đoàn Côm-xô-môn thân yêu muôn năm!»

Tôi nắm chặt mảnh giấy trong tay. Làm gì đây? Tôi nghĩ ngay đến Va-xca và ba chân bốn cẳng chạy về. Ở nhà nghe tôi đọc xong, chú A-nhi-xim I-va-nô-vich buồn bã nói:

— Dòng máu trẻ lại đổ. Nhưng máu đó là để ươm những mầm non vĩ đại...

— Cậu đã nhặt mảnh giấy lên, cừ lắm, — Va-xca buồn rầu nói. — Bồ ơi, con mang thư đến đó...

— Đi đi con, mà cẩn thận nhé. Bọn chúng đã để ý theo dõi chúng ta từ lâu.

Va-xca giấu mảnh giấy rồi đi, còn đi đâu thì cậu không nói.

Đến đêm các du kích — đoàn viên Côm-xô-môn bí mật tụ họp tại nhà chúng tôi. Anh Va-nhi-a Chủ tịch đoàn báo tin chị Na-đi-a đã hy sinh.

Các đoàn viên Côm-xô-môn đứng cả dậy, nghiêm nghị hát; tôi thấy rợn cả người vì tất cả những cái đã xảy ra: căn nhà hầm chật hẹp, ngọn đèn tù mù, đêm tối dày đặc ngoài cửa sổ và các đoàn viên Côm-xô-môn đứng đầu trần trong nhà khề hát:

Và nếu sấm chớp có gầm lên dữ dội
Trên đầu cả bọn đao phủ, chó săn
Với chúng ta khác nào ánh mặt trời
Mọc lên rạng rỡ những tia chói lọi.

Va-xca cũng hát. Tôi nhìn cậu và không tin vào mắt mình nữa: Va-xca đã khóc. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy mắt cậu đầm lệ. Va-xca cau mày; có lẽ cậu không muốn cho tôi thấy cậu đã khóc. Nhưng tôi nén được dù rất thương tiếc chị Na-đi-a.

Và chúng tôi trả thù bọn bạch vệ bằng đủ mọi cách có thể được: chúng tôi ném đá vào một nồi cháo ở một bếp lưu động, ăn cắp cơ bắm ở súng của một thằng Cô-dắc, trát bẩn những khẩu hiệu của chúng trong thành phố...

Một hôm Va-xca đem về một loạt tin mừng:

Hồng quân đang tiến công, bọn bạch vệ đang cuộn gói chạy. Binh lính Pháp ở Ô-đét-xa đã nổi dậy, không chịu đánh nhau với công nhân Nga.

Ở những vùng mỏ lân cận chỗ chúng tôi du kích đồ bí mật tụ tập lại. Còn bọn bạch vệ nhồn nháo khắp thành phố.

— Đã đến giờ tận số của chúng mày rồi. — Va-xca hể hả thì thầm khi thấy những cỗ xe chở đại bác lăn âm âm trên đường, những đoàn xe nối đuôi nhau kéo dài dọc phố tới nhà ga và những con ngựa còm gò lưng kéo bếp lưu động.

Cuộc sống trở nên vui vẻ hơn. Chiều chiều cả bầu trời ửng đỏ. Va-xca quả quyết đây không phải là mặt trời, mà là ánh của hàng ngàn lá cờ đỏ do Hồng quân tiến công vào thành phố mang theo. Chẳng bao lâu nữa — tôi nghĩ — cờ đỏ sẽ tràn đầy đồng cỏ tươi đẹp của chúng tôi.

— Chúng mày sống trên đời này chẳng còn mấy nữa đâu. — Va-xca nói, khi tổng tiến bọn bạch vệ.

Chương mười hai

ĐÊM CUỐI CÙNG

Rồi mặt trời tự do, chân lý, tình yêu
Sẽ rạng chiều trong hoàng hôn đắm máu
Ta đã trả đủ một giá quá đắt —
Máu chúng ta — cho hạnh phúc toàn cầu.

1

Trong một ngày chính quyền trong thành phố thay đổi đến mây lần. Qua những lá cờ treo trên cửa hiệu của lão Mu-rát người ta nhận biết được thành phố đang thuộc về ai.

Sáng sáng, trước khi ra đường, chúng tôi nhìn qua cửa sổ, nếu lão Mu-rát treo cờ đỏ trên cửa hiệu thì trong thành phố là người của chúng ta. Khi đó mọi người ủa cả ra công. Nếu cờ màu đen thì là bọn phỉ Mắc-nô. Nếu thấy phơ phất mảnh vải vàng xanh thì đó nghĩa là tướng cướp Pét-li-u-ra đang chiếm giữ thành phố.

Nhưng đã được một tuần kể từ khi Hồng quân rút lui và trên cửa hiệu lão Mu-rát vẫn phấp phới lá cờ bạch vệ: mảnh giẻ rách ba màu trắng đỏ xanh đáng ghét. Tôi và Va-xca cứ tiếc là đã không bỏ theo Hồng quân. Vì ở đó, về phía mỏ Pa-xtu-khốp-ca, có người của mình, ở đó có bác Mi-chai, chính ủy, có chú Xi-rôt-ca và bồ của A-li-ô-sa Pu-pốc — chú Van Li.

Tên tướng Đê-ni-kin lo củng cố các trận địa, bọn trắng không định rút khỏi thành phố. Ngoài mặt trận có thêm những đơn vị mới. Bên cạnh « Sư đoàn man rợ » của Scu-rô, còn ba sư đoàn nữa, của Coóc-nhi-lốp, Đrô-dơ-đốp và Mác-côp. Chiến sự xảy ra không ngừng. Quân ta chưa thể chiếm thành phố, vì lực lượng của Đê-ni-kin còn rất mạnh.

Mỗi sáng bước ra khỏi nhà, trong lòng tôi lại hy vọng là

ta đã đánh đuổi được bọn bạch vệ rồi, nhưng lá cờ ba màu vẫn treo trên thêm gạch cửa hiệu lão Mu-rát như trước, làm người ta thấy buồn bực và nhắc nhở chúng tôi rằng mình vẫn đang bị bọn bạch vệ cầm tù.

Khi từ mỏ Pa-xtu-khốp-ca, nơi quân ta đóng, đại bác bắt đầu nã vào thành phố và đạn nổ trên các đường phố, tôi đã không còn sợ nữa, mà lại thấy vui mừng: vì chính quân ta đã bắn mà.

Bảy ngày kéo dài lê thê không khác bảy năm. Sang ngày thứ tám tôi liền gọi bọn trẻ lên trần gác xép bỏ hoang của mình. Chúng tôi có bốn đứa: Ấp-đun-ca, Ut-sa, I-li-u-kha và tôi. Một số đứa đã bị chết vì bệnh dịch, số khác vì đói. Còn A-li-ô-sa Pu-pốc bị sĩ quan bạch vệ giết vì đã hát bài về bị cầm:

Ôi Chúa, người diệc đặc,
Thề mà đòi lên trời.
Công nhân được bỏ thi
Một mẫu bánh ti ti.

Trên trần nhà trống trải, vắng vẻ, sau ông khói vẫn còn đồng rơm nhàu nát, chỗ bác Mi-chai đã ngủ.

Chúng tôi bỏ lại gần cửa tò vò. Kho đạn cạnh nhà máy rực cháy và nổ tung. Những cuộn khói trắng lớn tròn như những nụ hoa bay vọt lên trời. Ở tít trên đồng than xỉ hình chớp nụ hoa nở bung ra, và nhờ có ánh sáng ngọn lửa nên trông như những cánh hồng đỏ rơi lá tả xuống mặt đất. Sau đó một lát vọng lại một tiếng nổ âm.

— Này oánh này, — thằng I-li-u-kha lấy tay quệt mũi rồi cười.

Vừa lúc đó một quả đạn réo sát ngay trên mái nhà, rồi rơi xuống đâu đó cách chỗ chúng tôi không xa. Chúng tôi ngồi thụp xuống.

— Ô-hô! Bác Mi-chai gửi kẹo cho bọn bạch vệ, — Ut-sa nói.

Khi một trái đạn khác xé rít phía bên, thằng I-li-u-kha trợn mắt hét:

— Một phun-tơ giò cho bọn quân trắng ăn trưa này!

— Xoong xúp củ cải này! — Ấp-đun-ca gào lên lạc cả giọng, phụ họa quả thứ ba.

— Dưa chuột và cà tím cho bữa sáng!

— Dưa bỏ-ở-ở! — chúng tôi hết vang, dưa nọ cắt ngang dưa kia, nên những đôi guốc gỗ lên sàn.

Bỗng một tiếng gà khiếp sợ vọng tới chỗ chúng tôi. Thằng I-li-u-kha liếc nhìn qua cửa tò vò rồi bỗng nắm chặt lấy tay áo tôi:

— Bọn Cô-đắc Scu-rô!

Chúng tôi thận trọng len tới bên ô cửa sổ, và sợ bị lộ, chúng tôi ép sát người vào khe cửa. Hai thằng lính Scu-rô phóng ngựa trên phố, một chú gà tuyệt vọng đập cánh phành phạch chạy phía trước. Một tên ném cái gì đó vào con gà nhưng bị trượt, tên khác bắn súng lục: con gà lật ngược lại, giãy giụa đôi cẳng vàng, rồi chết hẳn. Tên thứ ba từ trên yên cúi xuống, lấy mũi kiếm xâu con gà bỏ vào túi.

— Chúng mình hát chứ? — thằng Ut-sa thì thảo, mắt ánh lên không chút sợ hãi.

— Hát đi!

Ut-sa cất tiếng đầu tiên:

Ôi, mưa rơi.

Đường trơn tuột!

Chúng tôi hòa theo:

Đê-ni-kin chuẩn mau thôi

Lê-nin đã tới gần rồi!

Một quả đạn nổ đầu đó ở cuối phố. Ngồi trên mái nhà rung lên lạo xạo. Chúng tôi bịt tai, tiếp tục hát:

Khẩu súng trường túc, túc, túc

Và Hồng quân đến đúng lúc,

Súng máy bắn tở-ra, ta-ta

Vào quân trắng la, ta, ta!

Chờ cho bọn lính Scu-rô khuất hẳn vào ngõ, chúng tôi mới thò đầu ra cửa sổ.

Từ đây nhìn rõ mọi mái nhà mọc đầy ngải cứu và tân lê. Ngoài phố vắng tanh. Các cửa sổ che đầy gối để tránh đạn. Mọi người lại ngồi hầm. Những ngày đầu người ta chỉ mang đệm rơm vào, sau chuyển cả giường, bàn, rồi chẳng bao lâu trên những bức tường mộc xanh đã có những chiếc đinh đóng lên để treo khăn mặt, xoong cháo và cả tranh nữa.

Hầm đã trở thành nhà ở.

Buồn chán. Người lớn đã đi Hồng quân cả rồi. Ở phố chúng tôi chỉ còn có năm người đàn ông: tôi, Va-xca, chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, Ut-sa và Áp-đun-ca. Tôi không coi thằng I-li-u-kha là đàn ông, nó hèn và suốt ngày không bỏ ra khỏi hầm. Bỏ thằng Ut-sa — một ông già người Hy Lạp — cũng không được tôi coi là đàn ông vì ông ta đi đánh giày cho bọn bạch vệ trong thành phố.

Người chủ chốt trong số đàn ông tất nhiên là chú A-nhi-xim I-va-nô-vích. Suốt ngày từ sáng đến tối chú cùng Va-xca đéo guốc, đêm đêm lại sửa giày cũ. Những đôi làm xong lại được Va-xca đem vào kho, phủ than lên. Sau này cậu mới giải thích cho tôi:

— Bác Mi-chai sắp tới, mà các chú Hồng quân lại không có giày, chúng ta sửa để phòng xa.

Tôi nhìn sang mái nhà Va-xca và chợt nhớ lại có một lần chú A-nhi-xim I-va-nô-vích suýt bị chúng giết cũng vì những đôi giày đó... Bọn thằng kéo đến nhà chúng tôi. Tất cả bọn chúng đều mặc áo lông đen. Thằng cầm đầu, bị gãy mất một răng cửa, như tôi được biết sau này, là tư lệnh trưởng thành phố Côn-ca phon Gráp. Chính nó hai năm về trước đã thiêu sống bố tôi trong lò than cốc và bắn chết mẹ tôi...

Bọn lính Đê-ni-kin đang say rượu. Khi bước vào nhà, thằng phon Gráp đập đầu phải cái xà ngang. Hắn nổi giận chĩa luôn súng lục vào chú A-nhi-xim I-va-nô-vích hỏi:

— Mà là thợ giày à?

— Tôi đóng giày, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích đáp.

— Có giày không?

— Giày nào?

— Sao, còn giả bộ ngu ngốc à? Ừng, giày có không?

— Con tôi có, còn tôi cần gì ừng? — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích trả lời.

Bọn lính bạch vệ đi lại ngoài sân. Cánh cửa hầm cọt kẹt. Chúng làm gì đó âm âm trong kho.

— Mặc áo vào, — thằng phon Gráp ra lệnh.

Thím Ma-tơ-rê-na nháy xỏ lại gần tên sĩ quan:

— Thừa ngài, vì sao ạ? Nhà tôi tàn tật mà.

— Đừng có rông lên. Thằng tàn tật của mày sẽ không làm sao cả.

Chú A-nhi-xim I-va-nô-vích tụt xuống giường, đội mũ và đã định leo lên cái xe của chú thì tên phôn Gráp ngăn lại:

— À ra mày không có cặp giò. Giá cứ nói thẳng ra xong...

Tên phôn Gráp đã định bỏ đi nhưng đúng lúc đó tên lính Đê-ni-kin râu xồm từ ngoài sân vào. Tay nó ôm cả một ôm ủng, giày đã chữa xong cùng các đê giày, nó báo cáo:

— Thưa ngài, chúng tôi đã tìm thấy trong kho.

Tên phôn Gráp nheo mắt, dừng lại trước mặt chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, tay hoa hoa cái roi:

— Được đây... — hấn nói. — Thế nghĩa là mày đã nói dối? — Nói rồi bất ngờ nó quất ngay roi vào mắt chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, quất nữa, lần nữa!

Va-xca lao vút tới lấy thân che đỡ.

— Không được động đến người tàn tật, — cậu cúi thấp đầu xuống nói.

— Còn mày cần gì, thằng lỏi con này? — rồi bất ngờ nó ghì lấy đầu Va-xca, bóp mũi cậu chảy cả máu cam.

Đây Va-xca, tên phôn Gráp quay lại chú A-nhi-xim I-va-nô-vích.

— Giày của ai đây?

— Không được động đến trẻ con! — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích tái mặt, hét. Tay chú run lên.

— Giày của ai? — tên phôn Gráp gầm lên, tay với súng lục.

— Của tôi.

— Để ai đi?

— Cho tôi, để đổi lấy bánh mì.

Tên phôn Gráp lại liếc nhìn cái xe của chú A-nhi-xim I-va-nô-vích, nhìn vào hai mẫu chân cụt của chú, rồi vung mạnh roi hăm dọa:

— Mai tao sẽ mang da tới cho mày, con búp bê cụt chân!.. Mày sẽ làm cho Quân tình nguyện. — Rồi tên phôn Gráp quay ngoắt đi làm vạt áo ngoài hất đổ cả chiếc ghế đầu.

Khi ra hấn lại vấp đầu vào cái xà ngang và phát khùng lên, hấn đá mạnh vào cửa làm nó long ra khỏi bản lề, bắn ra ngoài sân.

Tôi nhảy ra sân theo bọn Đê-ni-kin và thấy thằng Xen-ca hàng giò đang nấp vào một xó. Nó đang chờ bọn bạch vệ. Thế nghĩa là nó là thằng phản bội đã dẫn bọn Đê-ni-kin đến nhà chúng tôi.

Hôm sau chú A-nhi-xim I-va-nô-vích giả ốm nằm liệt để khỏi phải làm cho bọn bạch vệ, nhưng may quá tên phôn Gráp không đến nữa...

Trời đã về chiều mà chúng tôi vẫn còn đứng trên gác xép, thò đầu ra ngoài cửa sổ, ngắm nhìn thành phố đã trở lại yên tĩnh, nhìn sang mỏ Pa-xtu-khốp-ca, nơi quén ta sau một hồi nã súng có lẽ đang uống trà với bánh mì trắng.

— Đói quá, — thằng I-li-u-kha thở dài.

— Giá được một miếng vỏ bánh.

— Thế mà trong kho nhà tớ có bánh ngô giầu sau đồng củi nhè, — thằng Áp-đun-ca khoác lác.

— Mang lại đây, — thằng I-li-u-kha gạ gẫm. — Tiếc à?

— Cậu gớm thật! — Áp-đun-ca lắc đầu. — Đó là tớ mang mũ đi đổi về cho mẹ tớ đây. Mẹ tớ ốm.

Nhưng dù sao bụng đói và tình bạn vẫn là trên hết: Áp-đun-ca mang tới mẫu bánh ngô khô dính đầy mang nhện, vài miếng đường nhỏ và một ấm nước lạnh. Chúng tôi chia bánh và đường ra nhiều phần, rồi bắt đầu uống «trà», lần lượt tu vào vôi chiếc ấm trắng han gỉ.

— Chả mấy bữa nữa chúng ta sẽ được ăn bánh mì thật, — tôi nói.

— Sao cậu biết?

— Tớ biết chứ. Chẳng bao lâu nữa quân ta sẽ đánh tan bọn bạch vệ và khi đó sẽ có bánh mì.

I-li-u-kha, Áp-đun-ca và Ut-sa im lặng.

— Khó đây, — Áp-đun-ca gãi gáy về quan trọng. — Nước Đức sẽ bênh vực bọn trắng.

Thằng I-li-u-kha lắc đầu, định nói điều gì nhưng bị sặc và cứ ho mãi, mặt đỏ như quả anh đào. Nước mắt trào ra. Nó nói giọng khàn khàn:

— Không biết thì im đi. Bọn Đức không bênh đâu. Phổ và Phần Lan ủng hộ chúng, đúng bọn nó!

Tôi mỉm cười ranh mãnh vì biết rằng Phần Lan sẽ không

bệnh vực.

— Chúng mình cuộc xem Phần Lan có bệnh vực không nào, — tôi đề nghị.

— Nào. Chúng ta cuộc bao nhiêu?

— Hai triệu.

— Xi, hai triệu thì mua được cái gì? Một trăm triệu nào.

— Đồng ý.

Va-xca leo lên gác xép. Cậu cúi lom khom dưới mái nhà, đi lại chỗ chúng tôi.

— Các cậu làm gì ở đây thế?

Thằng I-li-u-kha tươi tỉnh hẳn lên, rồi nó nhìn tôi, hể hả:

— Giờ thì cậu phải trả tớ một trăm triệu đi, chúng mình sẽ hỏi Va-xca! Va-xca, Va-xca này, cậu bảo đi: Phần Lan có ủng hộ bọn bạch vệ không?

— Không phải Phần Lan, mà là Phần Lan, — Va-xca với lấy âm nước tu, — còn về chuyện ai ủng hộ thì rõ rồi: bọn tư sản Phần Lan sẽ ủng hộ, còn công nhân đứng về phía chúng ta.

— Thế còn ai thắng, mình hay bạch vệ?

— Chúng ta sẽ thắng, — Va-xca tin tưởng công bố. Quân của Bu-di-ôn-nuri đã tập hợp rồi.

— Quân Bu-di-ôn-nuri nào?

— Tất cả các chiến sĩ Hồng quân, muôn người như một, đã lên ngựa với kiếm. Và dừng cầm nữa nhé! Còn Bu-di-ôn-nuri là chỉ huy, từ dân nghèo mà ra, tự vùng kiếm xông lên tấn công.

— Va-xca, do đâu mà cậu biết được về Bu-di-ôn-nuri? — thằng I-li-u-kha hỏi.

— Chim ác là bay tới và kể cho tớ nghe, còn với cậu, tóc hung ạ, chim chỉ cúi chào thôi.

Áp-đun-ca thở dài;

— Mong sao đánh đuổi được bọn trắng đi sớm sớm nhì.

— Chúng ta nhất định sẽ đánh đuổi bọn chúng đi, — Ut-sa hưởng ứng. — Hắt chúng xuống biển Đen, cho chúng tắm với cá diếc.

— Và giá được cá diếc rán nhí, — thằng I-li-u-kha liếm môi.

— Cá diếc... Cứ biết chúng mình còn chưa nhìn thấy khoai tây, chưa đào đâu ra bánh mì đây, — Ut-sa bực tức.

— Các cậu còn nhớ chúng mình đã ăn trưa ở nhà ăn thời Chính quyền Xô-viết như thế nào không? — tôi hỏi.

— Cuộc sống lúc ấy thật đẹp, — Va-xca đồng ý. — Và cuộc sống còn tốt đẹp hơn nữa. Chỉ cần đánh tan bọn Đê-ni-kin để chiến tranh kết thúc.

— Va-xca, hãy nói xem, cuộc sống sẽ ra sao?

— Đúng đây, kể đi, — tôi đề nghị.

— Khi cuộc sống đó tới, đầu óc các cậu không thể hiểu nổi.

— Thì cậu hãy cứ kể đi nào...

Ngồi bó gối, người lắc lư, Va-xca trầm ngâm nhìn ra ô cửa tò vò, qua đó thấy rõ bầu trời xa xa trải ra trên cánh đồng cỏ thân yêu đang xao động và đầy công sự. Một nụ cười tươi sáng thoáng qua làm rạng rỡ khuôn mặt Va-xca.

— Khi đó sẽ không còn một tên nhà giàu nào trên trái đất. Dù có cố gắng mấy cũng không tìm ra được một tên tư sản nào trên toàn trái đất, ở khắp các quốc gia và đất nước, và cả ở phía bên kia biển cả đại dương... Và lúc đó mọi người sẽ không đánh nhau nữa. Ở thành phố sẽ xây dựng những tòa nhà cao. Trong nhà sáng rực ánh đèn, không phải đèn dầu, mà là những đèn như... đèn ngoài phố ấy. Rất nhiều, rất nhiều, có thể, cả một triệu, hoặc một trăm ngàn những ngọn đèn ấy sẽ chiếu sáng rực rỡ hơn cả ánh mặt trời! Trên đường phố sẽ mọc lên những cây mơ, cây anh đào và đủ loại hoa kim hương. Ngay cả trong nhà máy cũng có cây. Cứ đứng làm việc, vừa làm vừa nghe chim hát... Khi đó tất cả trẻ con sẽ học đọc, học viết và lớn lên, chính chúng nó sẽ trở thành... những vị chủ tịch! Đó! Một cuộc sống như thế sẽ tới! Người ta gọi đó là chủ nghĩa cộng sản...

— Sẽ như thế trên toàn trái đất à?

— Trên toàn trái đất, — Va-xca nói. — Lúc đó trên đời chỉ còn giai cấp công nhân và những người nông dân!

— Thế khi nào sẽ được như thế?

Ut-sa thấy bực với Áp-đun-ca và nói một cách nghiêm nghị:

— Cậu thì chỉ muốn ngay ngày mai thôi! Cậu không nghe Va-xca nói gì à? Đầu tiên phải đánh đuổi tên Đê-ni-kin đi đã chứ.

Va-xca đứng lên và nói:

— Thôi, đủ rồi... Len-ca, ta cùng đi, tớ phải nói với cậu điều này, — và Va-xca nháy mắt ra hiệu với bọn trẻ, — một điều bí mật...

2

Chúng tôi tụt khỏi gác xếp. Va-xca im lặng cho tới tận nhà, vào đến sân cậu ngăn tôi và bảo:

— Bác Mi-chai đang ở trong nhà chúng mình.

— Cậu thể đi!

— Tớ nói thật mà.

Tôi mở toang cửa ra và sững sờ trước điều mình vừa nhìn thấy. Sau góc bàn, là một sĩ quan bạch vệ đầu hói, ngồi quay lưng ra cửa. Cậu vai xanh uôn cong trên vai, chiếc áo khoác lính màu xám có thắt cái thắt lưng to và phồng lên phía sau lưng.

Tên sĩ quan bạch vệ quay lại, và tôi nhận ra bác Mi-chai. Bác gầy quá, và bộ ria đen nhánh như than đã không còn nữa.

Tôi định lại gần bác, nhưng... những cậu vai sĩ quan bạch vệ là nghĩa lý gì? Không lẽ bác lại là bạch vệ?

Bác Mi-chai dẫu môi ra đến buồn cười, một mắt bác mở tròn xoe, một mắt nhắm lại. Bác làm động tác nhại tôi.

— Bác Mi-chai, bây giờ bác là bạch vệ à?

— Đúng thế, thưa ngài. — Bác trả lời tôi và mọi người phì cười.

Chỉ lúc đó tôi mới hiểu rằng bác Mi-chai cố ý ăn mặc thế, để bọn Đê-ni-kin không thể biết bác là một du kích đỏ.

— Thế đó, nghĩa là, công việc như vậy đây, — bác Mi-chai tiếp tục câu chuyện đang nói dở. — Đầu máy bọc thép «O-ri-ôn» đã sửa xong lúc sáng. Ở đó còn ba cái nữa: «Vĩ nước Nga thiêng liêng», «Đền Ma-xơ-va» và «Đê-ni-kin» đã chuẩn bị sẵn sàng. Nếu bọn chúng tấn công từ hai phía — quân ta sẽ

bị nguy khốn. Tôi đã phái ba người đi nhưng không ai lọt qua được. Tôi đi thì không thể được rồi, bọn chúng sẽ nhận ra — công việc sẽ hỏng hết.

— Vâng... âng, tất nhiên rồi, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích trầm ngâm, kéo dài giọng. — Tình hình này chỉ có trẻ con mới giúp được.

Cả hai im lặng. Bác Mi-chai liếc nhìn chú A-nhi-xim và chú liền nói với tôi:

— Len-ca, cháu yêu, cháu xúc than từ kho ra cho chú. Xô đây, còn ở đây đã có xẻng rồi.

Thế là tôi hiểu: tôi không được tin. Nhưng không sao... Tôi đã có cách của tôi. Tôi cầm lấy cái xô và ra khỏi căn nhà. Nhưng trước khi tới kho, tôi còn lên đến bên cửa sổ và lắng nghe câu chuyện của những người lớn.

Bác Mi-chai hỏi Va-xca:

— Cháu không quên chứ?

— Không ạ.

— Thế thì cháu nhắc lại xem nào.

Va-xca đứng nghiêm, rồi bắt đầu nói nhanh:

«Gửi đồng chí Xi-rôt-ca, chỉ huy trung đoàn 4. Ngày mai vào lúc rạng đông, trung đoàn kỵ binh Scu-rô với ba đầu máy bọc thép, ba mươi súng máy sẽ tấn công. Hãy đánh luôn đừng chờ đợi. Hãy bắn tín hiệu pháo sáng đỏ. Du kích sẽ từ hậu phương đánh ra. Chính ủy Ác-xen-chi-ép truyền lệnh».

— Cừ lắm, — bác Mi-chai khen. — Bây giờ cháu đi chơi đi, sau bác sẽ lại hỏi nữa. Cần phải nhớ thật chắc.

Cậu ta cầm lấy mũ và ra sân. Chúng tôi cùng tới kho, cậu ta giúp tôi xúc than vào xô. Sau đó, chúng tôi cùng ngồi.

— Len-ca, cậu đừng giận bác Mi-chai... tớ học thuộc mệnh lệnh đó. Đêm nay tớ sẽ đến mở cần phải vượt qua mặt trận để truyền lệnh đó. Nếu cậu muốn, chúng mình sẽ cùng đi.

Tôi im, không biết trả lời ra sao.

— ...Và sau đó chúng mình sẽ không về nữa. Chúng mình sẽ được nhận vào Hồng quân, sẽ được phát súng, rồi lúc đó chúng mình sẽ bắt bọn bạch vệ đến tội. Chúng đã giết bỏ cậu và làm cha tớ tàn tật.

Tôi lại nhớ đến bố tôi. Vì sao chúng thiêu bỏ tôi? Vì sao

chúng giết mẹ tôi? Tôi phải trả thù. Rất cần. Còn sợ gì nữa chứ?

Tôi đứng dậy, trong lòng không còn thấy e ngại gì nữa.

— Đi nào?

— Ừ! Cậu đừng rẽ vào nhà nữa, mà đợi tớ ở vườn trước nhà thằng Vít-ca Đốc-tơ nhé. Cậu hiểu chưa?

— Rồi.

— Cậu sẽ không sợ chứ?

— Không.

— Này, mà coi chừng đây. Đèn đó phải dửng cảm: chúng có thể bắn cậu, nhưng cậu cứ phải đi. Đau mà không được khóc đây. Hiểu chưa nào?

— Rồi.

Chờ Va-xca quay về căn nhà hầm để từ biệt cha mẹ. Tôi đứng lại một chút rồi đi đến nhà kho. Tôi tới đó, đào kho của mình lên: lấy bỏ vào túi mười vỏ đạn, con dao díp và cái khuy có in hình ngôi sao.

Cửa sổ ở nhà sáng mờ mờ. Tôi lén tới, ghé mắt nhìn lần cuối cùng chú A-nhi-xim I-va-nô-vích và thím Ma-tơ-rê-na. Chú thím đã quan tâm chăm sóc cho tôi ăn ở, khi tôi bị mồ côi.

Bác Mi-chai lững qua đầu Va-xca cái bị ăn mày, và dặn dò:

— Nếu chúng bắt được thì cháu bảo: đến nhà cô ở mớ, nói là đi xin ăn ở thành phố nhé. Đầu tiên cháu hãy đi theo lối phía trên hầm đá. Sau đó cháu rẽ trái, đi đến trạm bơm nước, từ đó theo đường «Khe Xâu» mà đi. Cúi thấp người xuống mà đi cho bọn chúng khỏi thấy.

— Con cẩn thận nhé, Va-xca bé bỏng của mẹ, — thím Ma-tơ-rê-na lau nước mắt, thì thầm, — con đừng chạy nếu chúng gọi, và đừng gây gổ nhé.

— Cứ giả vờ như đần độn ấy, — chú A-nhi-xim I-va-nô-vích dặn. — Mà về nhanh lên con nhé, mẹ con sẽ đau khổ, con tự hiểu đây.

Va-xca im lặng cho những mẩu bánh khô vào bị.

Bác Mi-chai sửa lại áo va-rơ:

— Tạm biệt. Để liên lạc bây giờ chúng ta đã có cháu Len-ca.

Cửa đóng sập lại. Tôi nằm dán người xuống đất. Bác

Mi-chai đi qua, suýt giẫm vào tay tôi. Họ dừng lại cách chỗ tôi không xa, im lặng...

— Cháu đã thấy công việc như thế đây, Va-xca ạ, — tôi nghe thấy tiếng bác Mi-chai. — Có mặt mẹ cháu nên bác không muốn nói. Lệnh này... bác nói thế nào với cháu được nhỉ... có thể là phải đi vào chỗ chết, nhưng phải chuyển tới bằng được. Hai ngàn người dân sẽ hy sinh vì tay bọn bạch vệ. Thế đây, nếu không có lỗi đi thì cháu hãy cứ chạy thẳng. Dù thế nào thì cũng cứ chạy, có thể thôi. Chúng ta phải cứu lấy mọi người...

— Bác Mi-chai, bác đừng lo, cháu sẽ qua được.

— Bác thấy khổ tâm phải cử cháu đi, cháu đôi với bác như chính con trai bác vậy, — bác Mi-chai trầm ngâm nói tiếp. — Giờ cháu đã lớn và đã hiểu: chúng ta sống để đấu tranh.

— Cháu hiểu, bác Mi-chai ạ, — Va-xca xúc động trả lời. — Bác đừng lo, cháu sẽ đi qua được bằng đường nào mà cháu muốn!

— Thôi nào, tạm biệt...

Tiếng chân bác Mi-chai bước xa dần trên đường phố. Tiếng chân vang mãi trong đêm khuya tĩnh mịch, nhỏ dần đi.

— Va-xca, tớ ở đây, Va-xca, tớ đây!

— Đi tới chỗ đã báo ấy, rồi tớ sẽ huýt sáo.

Tôi nhóm dậy, đi ra đường.

Ngôi nhà trống trải của bố tôi bỏ hoang và rờn rợn hiện ra mờ mờ trong đêm tối. Không hiểu sao nhưng tôi thấy tiếc phải từ bỏ căn nhà.

Đến góc phố, tôi rẽ vào mảnh vườn con trước nhà Vít-ca Đốc-tơ, nằm xuống giữa những bụi tử đinh hương. Nền đất ẩm áp. Tôi áp má xuống đất, nghe nhịp đập trái tim...

Chẳng bao lâu đã nghe thấy tiếng chân và tiếng áo sột soạt. Va-xca và mẹ đi qua ngay gần chỗ tôi: thím theo tiễn cậu ta. Tôi nghe lờm bõm từng đoạn câu chuyện của họ.

— Con trai thân yêu, — thím Ma-tơ-rê-na thì thầm. — Con hãy giữ gìn cẩn thận nhé, và mau mau trở về. Kéo bố mẹ...

— Đừng buồn mẹ ạ, và đừng chờ con vô ích. Có thể con sẽ ở lại đây, với quân mình, còn bố mẹ hãy tự lo liệu khi thiếu con. Thế nào rồi con sẽ cùng Hồng quân trở về.

Tôi không còn nghe thấy gì hơn nữa và mất hút họ trong bóng đêm. Tôi nằm im không cử động. Sau đó thím Ma-tơ-rê-na quay về, lại đi qua chỗ tôi. Tôi thấy thím làm dấu và lầm rầm: «Vâng, sẽ là ý chí của Người và sự trị vì của Người trên toàn trái đất...»

Khi tiếng chân đã im hẳn, tôi nghe thấy tiếng huýt sáo phía xa xa. Tôi huýt đáp lại. Va-xca đi tới, ngồi xuống bên tôi. Chúng tôi nghe ngóng. Cánh đồng cỏ hoàn toàn yên ắng. Trong thành phố bỗng nghe thấy tiếng vó ngựa khua dồn như tiếng trống của đội tuần tiễu, rồi lại im lặng.

3

— Đi thôi, — Va-xca nói và đứng dậy. — Phải bí mật vượt qua. Nếu chúng bắt được — cậu bảo cậu là em út của tớ và chúng mình đến nhà cô ở mỏ. Còn nếu chúng không tin và bắt đầu đánh, thì mặc cho chúng đánh cậu cứ im. Bây giờ cậu phải như... cậu ta lần sờ trong đám cỏ rậm rạp rồi nhặt một hòn đá lên — như hòn đá này này, cậu thấy không? Đá nó không sợ và cậu cũng đừng sợ. Thế nào, cậu không sợ chứ?

— Không.

— Thế cậu hãy tự đi đến trạm bơm nước nhé.

Tôi đứng dậy và nhặt hòn đá lên.

— Cậu làm gì đây?

— À, tớ nhặt hòn đá.

— Để làm gì?

— Thế nếu gặp chó thì sao?

— Không có chó ở đây đâu, vút đi, — Va-xca thì thào, giọng không hài lòng.

Tôi vút hòn đá và lòng dũng cảm trong tôi giảm mất đi. Tôi ra khỏi vườn, sợ sệt nhìn quanh rồi đi xuống núi, tìm thót lại. Dọc hai bên sườn núi là những hồ đen sì, sâu hoắm và trong mỗi hồ tôi như thấy có một thằng lính Scu-rô khủng khiếp với chiếc răng gầy.

«Mình sợ gì cơ chứ? — tôi nghĩ thầm rồi lại tự trả lời: —

Ta chẳng sợ gì cả. Ở đây không có chó sói, mà nếu có gặp, ta sẽ...»

Có tiếng nói sau trạm bơm và tôi thấy ghê rợn một cách thực sự. Tôi quay lại phía sau và đụng phải Va-xca. Cậu đi sau tôi.

— Chúng mình hãy nói là đi đến nhà cô, làm như không biết gì cả nhé, — Va-xca khẽ nhắc tôi, rồi vui vẻ nói: — Bây giờ chúng mình sắp tới nhà. Cô Va-ri-a sẽ nướng bánh cho chúng mình. Ôi chà, chúng mình sẽ ăn no nhỉ, đúng không nào?

— À hà, — tôi hét to quá làm Va-xca phải huých vào sườn tôi.

— Khẽ chứ.

Bắt đầu mưa lâm thâm. Những tia chớp như những thanh kiếm lửa lóe lên trên bầu trời, tối đen.

Chúng tôi dò dẫm bước đi, sột soạt đôi chân không trong cỏ.

Bỗng trong bóng tối ngay cạnh chúng tôi một người nào đó động dậy, rồi một giọng đàn ông thô lỗ cất lên:

Chỉ-mô-phây, mày để thuốc lá cuộn đâu rồi?

Thuốc trong áo khoác ấy. — Một người nào đó đáp lại.

Im lặng một phút, chỉ có tiếng cỏ sột soạt: Có người nào đó đang đi lại chỗ chúng tôi. Rồi chúng tôi lại nghe thấy tiếng nói chuyện khẽ:

— Chỗ này có yên tĩnh không? — Một giọng khàn khàn hỏi.

— Không nghe thấy gì cả. — Một giọng khác thô lỗ đáp lại...

— Trung tá không đi kiểm tra à?

— Chưa thấy.

Yên ắng căng thẳng tưởng như tất cả những gì trên cánh đồng cỏ đều chú ý đến chúng tôi. Rồi bỗng như tiếng sét nổ, một giọng sợ hãi vang lên trong đêm tối:

— Đứng lại, ai đi đó?

Chúng tôi im lặng.

— Tao bắn đây, đứng dậy!

— Chúng tôi đây, — Va-xca khẽ nói.

Tôi nhìn thấy cái mũ Cô-dắc xù lông với quân hiệu trắng.

— Chúng mày là ai, đưa xem giấy! — tên lính gác hét lên dọa nạt, và ngay lúc đó phía bên có tiếng chân bước nhẹ, vội vàng.

— Cu-rôp, ai ở đó thế?

— Bọn tôi con, thưa ngài.

— Lỗi con nào, từ đâu tới?

Một sĩ quan khẽ bước lại gần. Trong bóng đêm tôi nhận ra thằng phôn Gráp.

— Chúng cháu đến nhà cô Va-ri-a ở mỏ, — Va-xca lấp bắp. — Cô ấy ốm. Chúng cháu đi xin của bố thí cho cô ấy.

— Cô Va-ri-a nào? — tên sĩ quan hét lên và ra lệnh cho tên lính gác. — Khám!

Tên lính giật lấy bị của Va-xca bắt đầu lục soát.

— Chúng mày đi đâu? — tên sĩ quan hỏi.

— Cháu nói rồi thôi, đến cô Va-ri-a ở mỏ ạ. Hai anh em chúng cháu mồ côi, — Va-xca giải thích, giọng rầu rĩ.

— Chúng mày không biết đây là trận địa bạch quân và không được qua à?

— Không ạ, — Va-xca đáp.

Tên lính ưỡn thẳng người, báo cáo:

— Trống bị có bánh khô, thưa ngài.

Tên sĩ quan bậm tách cái gì đó, và ánh sáng chói lóa mắt tôi.

— Đứng lại, đứng lại... — tên phôn Gráp vội nói, nhìn chăm chăm về phía Va-xca. — Ấy nào, nhìn lại đây! — tên sĩ quan đứng thẳng người lên. — Tê, tê, — hấn dài giọng. — Thế nghĩa là đến cô Va-ri-a hả?

Chính lúc ấy, có tiếng đinh thúc ngựa kêu leng keng và một người nào đó dừng lại cạnh chúng tôi.

— Có chuyện gì đây, ngài trung tá?

Phôn Gráp bậm đèn pin về phía tên vừa đến và chúng tôi lạnh toát người. Trước mặt chúng tôi là thằng Ghen-ca Sa-tô-khin.

Ghen-ca đi đến chỗ Va-xca và lấy tay nâng cằm cậu.

— Ngài trung tá! — Thằng ca-đê sợ hãi kêu lên. — Thằng này là quân đỏ.

Tên ca-đê chưa kịp nói hết, Va-xca đã húc đầu vào bụng nó, tên này trượt chân ngã xuống.

— Chuồn đi! — Va-xca hét tôi, rồi lao vào bóng đêm.

— Bắn! — tên sĩ quan hét lên. — Bắn!

Súng nổ âm âm. Tôi lạnh cả sống lưng. Tôi chạy theo Va-xca, nhảy qua một cái hồ, ngã xuống, rồi lại đứng dậy. Ngay lúc đó sau lưng lại vang lên tiếng súng nổ xé tai thứ hai, thứ ba. Đạn rít trên đầu, tôi vẫn cứ chạy, không còn nhìn ra mình chạy hướng nào và Va-xca ở đâu nữa. Không hiểu sao tôi vẫn còn nghe thấy tiếng băng đạn leng xeng trong túi.

Bỗng nghe có tiếng nước vỗ rì rầm. «Sông Can-mi-út», — tôi thoáng nghĩ trong đầu, rồi ngã lăn ngay xuống nước lạnh, có tiếng súng bắn âm âm đâu đó phía sau, có tiếng chân giẫm bình bịch. Nỗi sợ hãi đẩy tôi lên phía trước.

— Len-ca, cậu đâu rồi? — tôi nghe thấy giọng nói quen thuộc.

Tôi muốn trả lời mà không được. Một bàn tay vô hình trên bờ nắm áo tôi, kéo lại phía mình. Đó là Va-xca. Cậu nằm trong một cái hồ không sâu lắm.

— Cúi người xuống.

Tôi cúi thấp xuống.

Trời mưa. Tiếng súng máy tặc tặc phía trước. Đạn rít lên từ phía mỏ.

— Vai cháy bỏng lên, — Va-xca nhăn nhó đau đớn, giơ tay lên xé áo ra. Áo cậu ướt đầm nước mưa và có vết máu.

Va-xca nằm áp mặt xuống cỏ ướt một lát rồi khó nhọc đứng dậy.

— Nào, đi thôi, — cậu nói. — Phải chuyển mệnh lệnh đến.

Ta đi nhanh lên.

Bỗng phía sau vang lên hai tiếng súng liên. Va-xca cong gập người lại như thể người ta đã đặt thanh sắt nung vào lưng cậu. Cậu loạng choạng, đứng sững một chút, rồi đổ ập vào người tôi.

— Cậu sao thế, Va-xca, Va-xca? — tôi hỏi dồn dập và chui từ dưới người cậu ra.

Hơi thở cậu ta nóng và gấp.

Mưa như trút nước xuống. Tôi nằm cuộn tròn trên cỏ ướt.

Gió thổi từ phía làng Xê-mê-nôp-ca tới, và chiếc áo ướt, dính sát vào người như đã hóa băng. Tiếng đạn rít thưa dần.

Va-xca nắm lấy cổ, cô bò đi nhưng lại nhỏ đứt cả cổ, không đủ sức kéo nổi tâm thân đã trở nên nặng nề. Cuối cùng cậu khẽ nhấc đầu lên, quay khuôn mặt mắt nhắm nghiền lại tôi.

— Cậu nghĩ tớ không đứng dậy được phải không? — cậu ta bỗng hỏi, giọng hờn giận tức tôi.

Tôi sợ hết vía. Tôi không còn biết phải làm gì nữa và òa khóc. Nước mắt âm âm lăn trên má tôi.

— Cậu nghĩ tớ không đứng lên được, phải không? — cậu ta lại hỏi và đứng dậy tay quờ quạng tìm chỗ dựa.

— Va-xca, — tôi nắm lấy cánh tay nóng bỏng của cậu, — tớ sợ, Va-xca.

Va-xca dựa vào tôi bước đi, hai chân dạng ra.

— Ta đi nào, đừng sợ. Tớ chỉ đau ở lưng thôi. Đi đi, tớ sẽ vịn vào cậu. Giờ thì cậu đừng sợ gì hết. Phải chuyển lệnh tới, nếu không chúng sẽ giết mất quân ta.

Cậu gạt tay tôi ra, bước lên trước một bước, nhưng bị sẩy chân và ngã sấp mặt xuống, kéo cả tôi ngã theo.

— Sao thế? — tôi giạt vai cậu. — Há? — Nhưng rồi tôi không nói thêm được gì nữa. Một cục mẩn mẩn vướng ở cổ họng và làm tôi khó thở.

Va-xca nằm im. Hình như cậu đang nhớ lại điều gì đó nhưng không sao nhớ nổi. Bỗng cậu khẽ hỏi khiến tôi sớn gai ốc:

— Cậu nghĩ tớ sẽ chết à? — rồi lại hỏi, giọng khàn khàn, nặng nề. — Cậu nghĩ tớ sẽ chết, phải không?

Với sự cố gắng căng thẳng kinh khủng, cậu vịn một tay vào tôi, lại đứng dậy. Đi được hai bước cậu lại ngã.

Tôi cúi xuống. Va-xca không thở nữa. Tôi chưa bao giờ thấy người nào không thở cả.

Và lúc đó tôi mới hiểu rằng Va-xca đã chết, rằng tôi chỉ còn lại một mình ở trên khu gò, ở cánh đồng cỏ rộng lớn này, ở cả trên toàn thế giới...

Tôi thấy xót xa cho mình và nước mắt nóng hổi tuôn trào.

Tôi đứng phắt dậy, rồi vừa khóc vừa vấp ngã, chạy thẳng tới mộ Pa-xtu-khốp-ca.

Rồi mọi chuyện xảy ra như trong giấc mơ. Khi chạy tới gần các ngôi nhà, có ai đó đã đuổi theo tôi mà kêu: «Đừng

lại, tôi bắn!»

Sau đó người ta dẫn tôi đến người chỉ huy, chú Xi-rốt-ca. Chú mặc quần đỏ dất trong ủng, thanh kiếm lủng lẳng ở thắt lưng. Chú Xi-rốt-ca nhận ra tôi, âu yếm ôm tôi trong cánh tay độc nhất, rồi tôi kể mãi cho chú nghe đã đến đây như thế nào và điều gì đã xảy ra với tôi và bạn tôi trên bờ sông Can-mi-út.

Khi tôi đã nín, nhưng vẫn còn nức nở, chú hỏi:

— Cháu nhắc lại lệnh được không?

Tôi nhắc lại, những gì đã nhớ được.

Từ đầu đó bỗng xuất hiện chú lính thủy Séc-nô-vôn, chú Va-nhi-a và bồ Ấp-đun-ca — chú Khu-xê-in. Chú Xi-rốt-ca nói rằng cần ra lệnh báo động:

— Các cậu ơi, lên ngựa đi!

— Lên-ên ngựa-ư-a! — Khắp nơi vang lên tiếng hô.

Phương Đông bình minh đã nhuộm đỏ nửa bầu trời. Hàng ngàn kỵ binh tốt kiếm, phi như vũ bão về phía thành phố.

Tôi vẫn còn chưa hoàn hồn. Chú thợ mỏ Pê-chi-a dẫn tôi về nhà, cho tôi uống trà, rồi đưa cho tôi một cái quần rộng thùng thình, cái áo va-rơ và cái mũ kỵ binh xám đầu nhọn để thay bộ quần áo rách ướt.

— Bây giờ cháu đã là kỵ binh Hồng quân thật sự rồi. Cháu sẽ cùng làm việc với chú, chú sẽ đào tạo cháu thành người bắn súng máy.

Đến trưa tôi thấy rất nhiều quan tài mới đặt ở ngoài sân mở rộng rãi. Tôi nhìn vào mặt những người đã chết và bỗng thấy người mình đang tìm. Va-xca chỉ nằm vừa nửa chiếc quan tài gỗ thô chưa bào và trông như còn sống. Vầng trán cao vẫn cau lại như mọi khi. Làn gió âm của cánh đồng cỏ khẽ thổi bay mái tóc trắng lò xo của Va-xca.

Nước mắt tự nhiên cứ trào ra, trào ra trên má tôi. Tôi nhìn khuôn mặt tái nhợt nhưng cau có và thân thuộc biết bao, nhìn đôi môi mím lại buống bính và bỗng lại nghĩ: ngay bây giờ cậu ta sẽ mở mắt ra và sẽ hỏi: «Cậu nghĩ tớ sẽ chết phải không?»

Tôi quay đi và chạy mất để khỏi phải nhìn thấy người ta sẽ chôn cất cậu ra sao...

Va-xca, người bạn kiên nghị và dịu hiền của tôi đã hy sinh như thế đó, và đêm cuối cùng của cuộc đời cậu ta cũng là đêm cuối cùng của thời thơ ấu của tôi.

Cánh đồng cỏ... cánh đồng cỏ...

Cánh đồng cỏ mọc đầy ngải cứu của vùng mỏ huyền bí và giản dị, xa xôi và gần gũi đến thế.

Đã nhiều năm tôi không nhìn lại nó, nhưng ngay bây giờ, chỉ vừa nhắm mắt lại thôi là mùi hoa bán nguyệt và bách lý hương, là những bông hoa anh túc đỏ với tiếng hót của những chú chim sơn ca vô hình lại trỗi dậy rục rờ trước mắt tôi.

Thời thơ ấu. Cánh đồng cỏ oi bức vùng Đô-nết — quê hương của những cây ngải cứu đắng ngắt.

Thời thơ ấu. Ngọn khói hồng hồng của những lò lửa, những căn nhà hầm quanh co, dòng sông Can-mi-út bé nhỏ và cánh đồng cỏ, cánh đồng cỏ mênh mông không giới hạn...

Ma-xco-va, 1937, 1950 — 1953

MỤC LỤC

Phần một. *TRONG XIỀNG XÍCH*

Chương một. Vua	7
Chương hai. Chúa	37
Chương ba. Hoa anh túc đỏ	72
Chương bốn. Phút chót của nền quân chủ	107
Chương năm. Tháng Tư	128
Chương sáu. Trận đánh trên bờ sông Can-mi-út	162

Phần hai. *BẢO TẬP*

Chương bảy. Tháng Mười	187
Chương tám. Những lá cờ trên thành phố	210
Chương chín. Bọn Đức và bọn Ghéc-ma-ni	232
Chương mười. Tỉnh yên	254
Chương mười một. Bọn Đê-ni-kin	272
Chương mười hai. Đêm cuối cùng	300

BẠN ĐỌC THÂN MẾN!

Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn bạn nêu lên những đề nghị và nhận xét mà bạn thấy cần thiết về cuốn sách này.

Chúng tôi hy vọng rằng các tác phẩm văn học Nga và văn học Xô-viết được xuất bản bằng tiếng mẹ đẻ của bạn sẽ giúp bạn hiểu biết sâu hơn nền văn hóa và lối sống của nhân dân chúng tôi.

Địa chỉ chúng tôi:

СССР, 119859, Москва,

Зубовский бульвар, 17,

Издательство „Радуга“.

thuongmaitruongxua.vn

uonqmaitruongxua.